NĂM THỨ MƯỜI MỘT • # 122 • JUNE 1999

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

PHẠM QUỲNH
NHÀ BÁO
NGUYỄN NGỌC BÍCH

THẦY TÔI — **PHẠM THỊ HOÀN**

RỪNG — **NGUYỄN HÒA TRƯỚC**

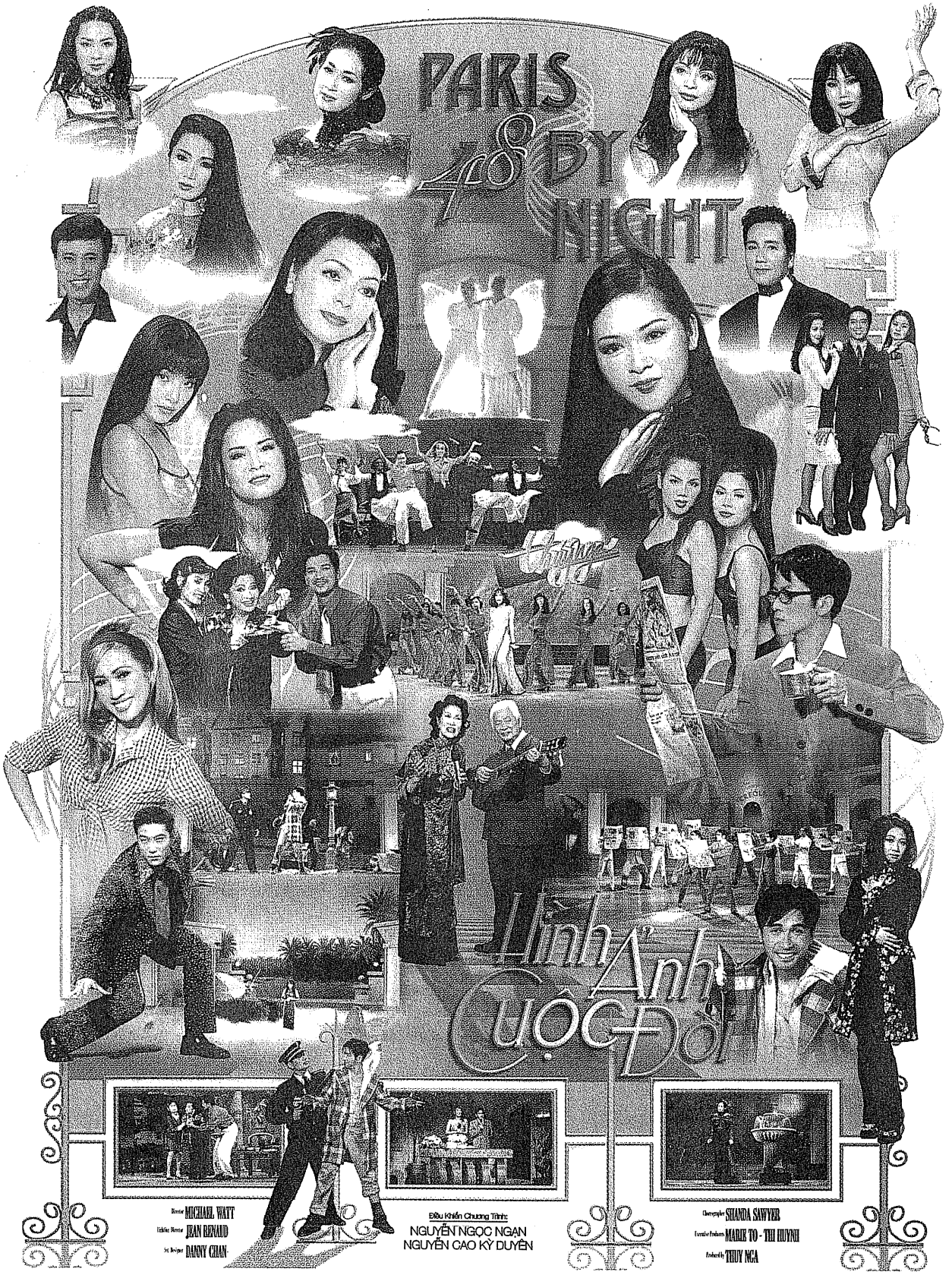

THÚY NGA - 9295 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683 -
USA / P.O. Box 2174 Westminster, CA 92683 - USA - Tel. (714) 891-5665 -
Fax (714) 891-9673 / Internet: www.thuynga.net / E-mail: thuynga@thuynga.net

© Copyright 1999 THUY NGA. All rights reserved. *Designed by Minh Tri. Printed by Westminster Press.*

SIÊU LINH DƯỢC NHÀU

Doctor's Hawaiian Noni

Bác sĩ PHẠM HOÀNG TRUNG

15432 Brookhurst Street, Westminster, CA 92683 - USA

Điện thoại miễn phí: 1-800-328-6482

KHOA HỌC mới đây đã khám phá ra sự hiệu năng của trái **NONI**, mà người Việt Nam ta gọi là trái **NHÀU**, nhưng từ ngàn xưa ông bà tổ tiên ta đã biết dùng trái **NHÀU** để chữa được nhiều bệnh nhưng không biết nguyên do nào trái **NHÀU** lại chữa được nhiều bệnh như vậy.

Cũng như ở Việt Nam, các thổ dân tại các hải đảo ở Thái Bình Dương như Fuji, Solomon, Samoa, Tahiti hay Hawaii mỗi khi bệnh hoạn, bất cứ bị bệnh gì đều lấy trái **NONI** để chữa trị. Mãi gần đây một bác sĩ Mỹ là bác sĩ Ralph Heinickle, rồi các bác sĩ Nhật ở Honolulu thấy thổ dân Hawaii vẫn dùng **NONI** để chữa bệnh, mới đem trái **NONI** vào phòng thử nghiệm, phân chất mới thấy trong trái **NONI** có chất Xeronine rất cần thiết cho cơ thể con người. Hợp chất Xeronine này có khả năng tái tạo chức năng hoạt động của các tế bào suy yếu hoặc suy thoái và tăng cường khả năng miễn nhiễm của cơ thể.

Nhờ vào hai khả năng được chứng minh bằng **KHOA HỌC** kể trên mà trái **NONI (NHÀU)** có thể ngăn ngừa và giúp cho cơ thể chống lại các bệnh như:

* **PHONG THẤP ĐAU NHỨC**
* **ĐAU KHỚP XƯƠNG**
* **ĐAU XƯƠNG SỐNG CỔ, LƯNG, VAI**
* **ĐAU BẮP THỊT VÀ GÂN**
* **NHỨC ĐẦU**
* **ĐAU BAO TỬ**
* **ĐAU KINH NGUYỆT**
* **CAO MÁU**
* **TIỂU ĐƯỜNG**
* **SUYỄN**
* **MẤT NGỦ**
* **MỆT MỎI KINH NIÊN**
* **ĂN KHÔNG NGON**

Mới mấy năm gần đây, trái **NHÀU** đã được biến chế thành viên rất dễ uống. Rất nhiều bệnh nhân được lành bệnh nhờ uống **thuốc viên NHÀU Doctor's Hawaiian NONI** của phòng mạch bác sĩ **PHẠM HOÀNG TRUNG.**

CHÚNG TÔI CÓ 5 LOẠI THUỐC NHÀU NONI:

1. **Doctor's Hawaiian Noni** (giá $40): Thuốc viên 100% nguyên chất trái **NONI (NHÀU)** dùng để ngăn ngừa và chống lại các bệnh tật.

2. **Doctor's Noni Juice** 12 ounce hoặc 32 ounce: Nước trái Nhàu loại thượng hạng nguyên chất 100% không pha chế.

3. **Doctor's Hawaiian Noni & Ginkgo** (loại viên, giá $45): Dược thảo NONI làm mạnh lại các tế bào suy yếu ở các cơ quan để tạo ra sức lực hoặc **sinh khí** (energy); còn dược thảo Ginkgo (bạch quả) có khả năng làm gia tăng sự vận chuyển của máu huyết vào các cơ quan để đem nhiều chất dinh dưỡng và dưỡng khí (oxygen) vào các cơ quan, tức là làm bổ máu hay **bổ huyết**. Theo y khoa đông phương thì **khí huyết** bị bế tắc sẽ sinh ra bệnh. Do đó, sự phối hợp giữa hai dược thảo NONI và GINKGO sẽ bổ túc hỗ tương cho nhau để làm gia tăng hoặc đả thông **khí huyết** cho các cơ quan của cơ thể, rồi từ đó có thể ngăn ngừa và giúp cho cơ thể chống lại được rất nhiều bệnh tật và làm chậm lại sự già yếu.

4. **Doctor's Hawaiian Noni Once a Day** (giá $25): Loại viên này dùng cho người lớn gồm có bột trái **NONI (NHÀU)** và các loại vitamins, khoáng chất cần thiết cho cơ thể. Loại này rất hiệu nghiệm cho những người bị chứng mệt mỏi hay dễ bị cảm cúm. Tăng cường sức khỏe cho những người làm việc nhiều, như làm overtime hay làm những công việc gì phải ngồi hoặc đứng lâu suốt ngày.

5. **Doctor's Hawaiian Noni For Kids** (giá $10): Loại viên này dùng cho trẻ em, có thể nhai như kẹo, giúp trẻ em ăn ngon, khỏe mạnh, chóng lớn. Loại này rất hiệu nghiệm cho con nít biếng ăn hoặc bệnh tật ốm yếu.

THUỐC SIÊU SINH LỰC DOCTOR'S SUPER MANPOWER ENERGIZER (GIÁ $35) (Loại viên)

Gồm trên một chục loại dược thảo thiên nhiên và các loại vitamins, đặc biệt không những chỉ giúp cho quý ông có một khả năng và hoạt động sinh lý dồi dào, tăng cường cho quý ông có một năng lực thật mạnh mẽ, bền bỉ và sung sức về mặt sinh lý, mà còn làm cho quý ông không bị mệt mỏi, không bị nhức mình, đau lưng sau khi giao hợp.

Bác sĩ PHẠM HOÀNG TRUNG

Mọi thắc mắc liên lạc phòng mạch bác sĩ:
PHẠM HOÀNG TRUNG
Đ.T. MIỄN PHÍ: 1-800-328-6482
Ngoài nước Mỹ và Canada gọi số
714-775-2026

Muốn mua thuốc, chi phiếu xin gửi về:
A1 TOP WORLD PRODUCTS
15432 Brookhurst Street
Westminster, CA 92683 - USA

E-Mail: A1TWP@jps.net * http://www.jps.net/a1noni

Chúng tôi có nhận Mastercard, Visacard. Trên $100 miễn tiền cước phí, dưới $100 xin trả $5.00 tiền cước phí. Ngoài Hoa Kỳ như Canada (xin trả $6.00 tiền cước phí), Australia, Europe, Asia gởi bằng Money Order (xin trả $10.00 tiền cước phí).

The above statements have not been evaluated by the Food and Drug Administration.
This product is not intended to diagnose, treat, cure or prevent any disease.

QUÀ TẶNG ĐẦY Ý NGHĨA

Một món quà tặng bạn bè, người thân mà suốt năm vẫn nhận được đều đều, suốt đời vẫn thưởng thức được, đó là **một năm báo THẾ KỶ 21.**

Nhân dịp đầu xuân, quý vị độc giả có thể tặng bất cứ ai một năm báo *Thế Kỷ 21* với giá đặc biệt, nếu người được tặng chưa phải độc giả dài hạn của TK 21.

PHIẾU TẶNG BÁO

Họ tên người tặng: .....

Họ tên người nhận: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....
Một năm báo *Thế Kỷ 21* (12 số) bắt đầu từ số .....
Giá đặc biệt: Bớt 10% so với giá bình thường.
Xin tham khảo nơi Phiếu Dài Hạn (Subscription Form) dưới đây.

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HÓA • LỊCH SỬ

PHIẾU DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / *Full name:*..... *ĐT. / Phone:*.....
Địa chỉ / *Address:*.....
Tôi đặt mua **Thế Kỷ 21** / *I would like The Ky 21 delivered to me:*
□ 06 số / *issues* □ 12 số / *issues* □ 24 số / *issues* Bắt đầu từ số / *Starting from issue #*.....

Gửi Bulk Rate	□ 1 năm / 1 year US$50.00	□ 2 năm / 2 years US$90.00
Gửi First Class:	□ 1 năm / 1 year US$64.00	□ 2 năm / 2 years US$120.00
Gửi ngoài nước Mỹ (Air Mail) CANADA	□ 1 năm / 1 year US$68.00	□ 2 năm / 2 years US$130.00
ÂU CHÂU / *EUROPE*	□ 1 năm / 1 year US$90.00	□ 2 năm / 2 years US$170.00
Á, ÚC CHÂU / *ASIA & AUSTRALIA*	□ 1 năm / 1 year US$106.00	□ 2 năm / 2 years US$196.00

GHI CHÚ / *NOTES:*

(1) Giá biểu này có hiệu lực từ ngày 15 tháng Giêng 1998. / *Effective from January 15, 1998.*
(2) Ngân phiếu, hoặc lệnh phiếu, xin trả bằng Mỹ Kim, đề tên "THẾ KỶ 21." / *Checks, or money orders, in US funds, pay to "THE KY 21."*
(3) Giá biểu *bulk rate* chỉ dùng trong nước Mỹ mà thôi. Phải mất từ một tới ba tuần báo mới tới nơi. / *Bulk rate is good for US addresses only. It takes from one to three weeks to reach destination.*
(4) Nếu thay đổi địa chỉ, xin thông báo trước, và gửi kèm nhãn gửi báo. / *Please let us know in advance when you change address. Attach your label.*
(5) Số báo đầu tiên và số báo cuối cùng in trên nhãn gửi báo. / *The first and the last subscribed issues are printed on the label.*

11022 ACACIA PKWY #A, GARDEN GROVE CA 92840 USA ■ TEL. (714) 638-9510 FAX (714) 638-1944

Công Ty Điện Toán Chuyên Về Những Dịch Vụ Internet

KICON

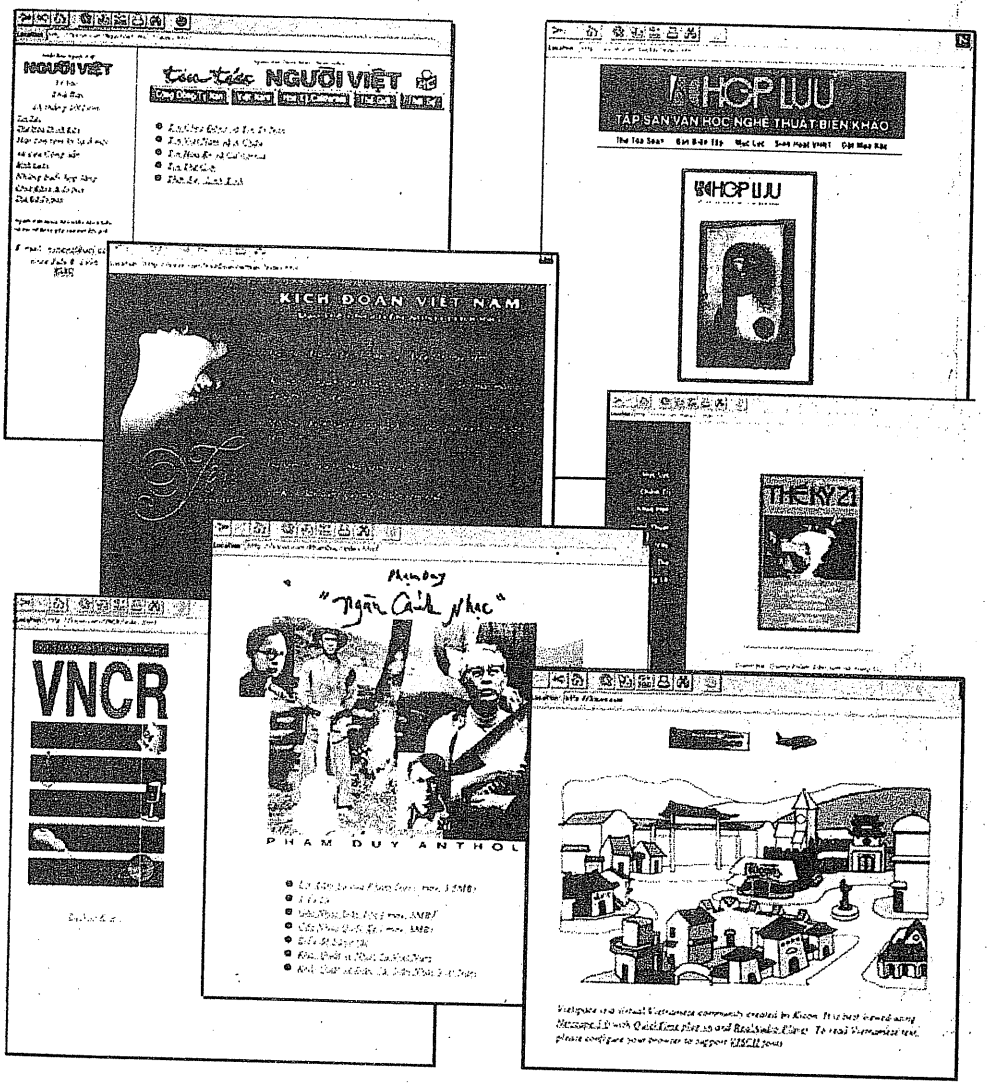

Kicon đảm nhận các dịch vụ đưa các cơ sở thương mại, hội đoàn, báo chí trên toàn thế giới lên mạng lưới Internet với những kỹ thuật điện toán mới nhất, một cách mỹ thuật và hiệu quả nhất.

12866 Main St., Suite 101, Garden Grove, CA 92840, Tel 714-590-3080, Fax 714-590-3084

http://kicon.com

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA

NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

(714) 531-2773

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Bảy:
10 AM - 7 PM
Chủ Nhật: nghỉ

* CHUYÊN MÔN CHỮA RĂNG TRẺ EM TỪ 2 TUỔI TRỞ LÊN.
* HƯỚNG DẪN ĐÁNH RĂNG ĐÚNG CÁCH ĐỂ CHỮA BỆNH CHẢY MÁU NƯỚU RĂNG VÀ HÔI MIỆNG.

** Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.*

** Phòng Nha Khoa luôn luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.*

NHA KHOA TỔNG QUÁT
** TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG*
** LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI*
*** NHA KHOA THẨM MỸ**
*** NHA KHOA NHI ĐỒNG**

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92843
(Giữa Westminster & Hazard, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải)

MỪNG SINH NHẬT VNCR

Tròn bốn năm góp tiếng nói với cộng đồng người Việt
tại Nam California
VNCR rất mong gặp quý vị

7:00 PM - 1:00 AM
Friday, June 11, 1999
tại Khiêu vũ trường MAJESTIC
18582 Beach Blvd # 121, Huntington Beach CA 92648

Vui tươi, nhộn nhịp với **THE MAJESTIC BAND** và
PHI KHANH - TUẤN NGỌC - THÁI THẢO
- CÔNG THÀNH & LYN - DIỄM LIÊN - NGUYÊN KHANG
- HẰNG NGA - HOÀNG TRỌNG THỤY...

Giá vé **$25.00**
Mọi chi tiết xin gọi cô Phan Mỹ Sương,
điện thoại **(714) 534-9430**

Bìa: *Chân dung Dạ Châu*, sơn dầu của **Đinh Cường**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường**
Hí họa: **Babui**
Ảnh: **Anh Thành, Lý Kiến Trúc**, tư liệu của gia đình học giả Phạm Quỳnh

MỤC LỤC

Số 122 . Tháng Sáu 1999

CHÍNH TRỊ

12 Những vận động thành lập đảng Dân Chủ Trung Quốc - **Ngô Nhân Dụng**
63 Suy tư trước thềm năm 2000 - **Nguyễn Minh Cần**
97 Chủ trương xóa bỏ thành tích Việt Nam Cộng Hòa của Hà Nội - **Trần Anh Tuấn**

TƯỞNG NIỆM PHẠM QUỲNH

17 Ngày Phạm Quỳnh - tường thuật của **Cam Vũ**
21 Tiểu sử Phạm Quỳnh
22 Đố kỵ cái trừu tượng - **Võ Phiến**
27 Phạm Quỳnh, nhà báo - **Nguyễn Ngọc Bích**
33 Tư tưởng chính trị của Phạm Quỳnh - **Nguyễn Phúc Bửu Tập**
41 Trường Viễn Đông Bác Cổ có ảnh hưởng đến Phạm Quỳnh như thế nào? - **Tạ Chí Đại Trường**
45 Thầy tôi - **Phạm Thị Hoàn**
49 Những ý kiến khác nhau về Phạm Quỳnh - **Thụy Giao**
54 Hoa Đường Tùy Bút - **Phạm Quỳnh**

CHỮ NGHĨA

77 Sự biến đổi khái niệm "Quân tử - Tiểu nhân"... - **Phạm Ngọc Khôi**
83 Người Việt tên Mỹ: vấn đề cần suy nghĩ - **Nguyễn Đức Mai**

VĂN

70Người vẽ núi - **Khuyết Danh Thị Ngh**
80Trang nhật ký - **Hà Kỳ Lam**
88 Bạn bè (tiếp theo) - **Lê Minh Hà**
90 Rừng - **Nguyễn Hòa Trước**
99 Yêu người tình phụ - **Nguyễn Tấn Hưng**
106 Căn phòng của Patricia - **Tôn Nữ Thu Nga**

THƠ

8. Tiễn bạn - **Trần Mộng Tú. 56.** Tháng Tư rẽ vào Kosovo - **Trần Mộng Tú. 73.** Chùa xưa và mẹ - **Đào Phú Cường. 82.** Máu chảy về tim - **Hồ Thành Đức. 85.** Trường giang - **Hoàng Xuân Sơn. 87.** Kỷ niệm - **Bùi Duy Thuyết. 93.** Mưa - **Trần Yên Hòa. 102.** Mùa xuân ở California - **Hoàng Phố. 109.** Lâu lắm rồi nhớ lại thơ Cao Tần - **Võ Đình Tuyết**

MỤC THƯỜNG LỆ

7 Thư trong tháng: Quà tặng của người ra đi - **Đỗ Quý Toàn**
9 Bạn đọc viết
11 Tòa soạn và bạn đọc - **Phạm Phú Minh**
11 Hộp thư trị sự - **Phan Mỹ Sương**
58 Sổ tay
111 Vòng chân trời VHNT - **Phạm Phú Minh, Anh Thành**
114 Sách báo trong tháng - **Phạm Xuân Đài**

CÁO PHÓ

Chúng tôi vô cùng đau đớn báo tin
cùng thân hữu xa gần

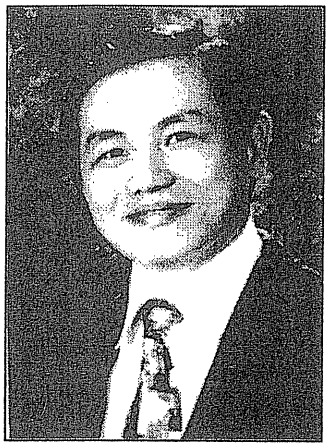

Nhà báo LÊ ĐÌNH ĐIỂU
Pháp danh: TỈNH GIÁC

đã từ trần
tại thành phố Bellflower, Nam California.
lúc 21 giờ 59 phút
ngày 24 tháng Năm, năm 1999
(tức ngày mồng 10 tháng Tư năm Kỷ Mão)

Hưởng thọ 61 tuổi.

Linh cữu được quàn tại
Peek Family Colonial Funeral Home,
7801 Bolsa Avenue, Westminster CA 92683,
điện thoại (714) 893-3525. Chapel số 1.

Lễ phát tang: 3 giờ chiều ngày Thứ Tư 26 tháng Năm, năm 1999
Nghi lễ an táng sẽ cử hành lúc 9 giờ sáng
ngày thứ Bảy 29 tháng Năm, năm 1999
Di quan và hỏa táng: 11 giờ sáng
ngày Thứ Bảy, 29 tháng Năm, năm 1999
Ngày giờ viếng: Thứ Tư 26/5/99, từ 4 giờ chiều đến 8 giờ tối.
Thứ Năm 27/5 và Thứ Sáu 28/5: từ 10 giờ sáng đến 8 giờ tối.
Một buổi lễ truy điệu sẽ được tổ chức vào lúc 8 giờ 30 tối ngày Thứ Sáu 28 tháng Năm, năm 1999 tại Phòng Sinh hoạt nhật báo Người Việt, 14891 Moran Street, Westminster CA 92683.

Mọi liên lạc xin gọi số điện thoại:
Tư gia (562) 925-7660; VNCR (714) 534-9432.

Kính báo

- **Tạp chí THẾ KỶ 21**
- **Công ty và Nhật báo NGƯỜI VIỆT**
- **Đài phát thanh VNCR**
- **Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA)**

Thể theo ý muốn của người quá cố, tất cả phúng điếu
xin tặng cho Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA).

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21

Tạp chí ra hàng tháng.
Cty Người Việt sáng lập (1989).
Hội VAALA bảo trợ.

11022 Acacia Pkwy #A
Garden Grove CA 92840 USA
Tel: (714) 638-9510
Fax: (714) 638-1944
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ , Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Phước Quan, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Tống Hoằng, Trần Văn Ngô

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-)
Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Bài gửi cho Thế Kỷ 21 xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Văn phòng trưởng & Phát hành:
Vũ Duy Tự
Quảng cáo:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp:
Lê Tất Luyện: 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương 01 39 84 00 84
Tr. T. Diệu Tâm: 01 45 70 72 35
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiểu Nhân*
(514) 445-0529
Western Australia: *Bình Anson*
(61- 8) 9448-0637

ISSN 1056-4640

QUÀ TẶNG CỦA NGƯỜI RA ĐI

ĐỖ QUÝ TOÀN

Trong truyện ngắn "Stories from Behind the Stove," của Isaac Bashevis Singer, một nhân vật giống như một nhà tiên tri trong truyền thống Do Thái giáo nói: "Nhiều người chết rồi mà không biết mình đã chết. Cũng như nhiều người còn sống không biết là họ đang sống."

Tôi nhớ đến nhân vật "Người Do Thái từ Babylon" của Singer trong những ngày bạn tôi, Lê Đình Điểu đang chuẩn bị từ giã cõi đời. Anh sống những ngày cuối cùng trong tỉnh thức, bình thản ra đi, anh biết mình sắp đi, đi mãi mãi. Lê Đình Điểu để lại một quà tặng, là lối sống bình thản và tấm lòng nhân hậu.

Hơn một năm trước, anh đã tới bệnh viện thử nghiệm để xem chứng đau của anh có phải là do bệnh ung thư hay không. Một buổi sáng đến thăm anh ở Bệnh viện Kaiser từ sớm, chúng tôi ngồi nói chuyện, những câu chuyện bình thường như mọi lần khác. Chuyện anh em ở tòa báo *Người Việt,* mà anh đã góp công xây dựng hơn mười năm, những việc ở Đài VNCR, mấy tin thời sự mới xảy ra, chuyện Việt Nam, tin tức bạn bè, v.v... Khi chúng tôi ra về, anh cho biết sáng hôm đó anh sắp nhận được kết quả thử nghiệm. Đối với nhiều người, chờ kết quả đó cũng giống như chờ một bản án, quyết định mình sống hay chết. Nhưng suốt buổi sáng hôm đó, không thấy Lê Đình Điểu lộ ra một nét lo âu xao xuyến. Anh bình thản sống trong giờ phút hiện tại của cuộc đời đang sống.

Cháu Nhất Lang đã vào gặp bố sau khi chúng tôi đã ra về. Lúc đó gần đến buổi trưa, anh Điểu dặn cháu tới Đài VNCR nhắn lại các cô các chú một số việc nên làm. Như mọi ngày, dù nằm bệnh viện anh vẫn theo dõi và góp ý kiến vào các chương trình phát thanh. Nhất Lang kể lại, sau khi dặn dò công việc cho con nghe rồi, anh Điểu mới báo tin đã nhận được kết quả thử nghiệm: "Positive con ạ."

Bệnh viện đã thử giải phẫu. Nhưng các y sĩ không cắt chỗ bị ung thư vì nơi đó cũng là một động mạch chính, quá phức tạp. Thêm một tin buồn. Sự chết đã đến gần hơn nữa. Điểu kể lại chuyện khúc ruột bị ung thư cho bạn bè nghe trong lá thư gửi chung: "Phải để anh ấy ở nguyên chỗ cũ."

Bạn bè nhận được lá thư anh báo tin trọng bệnh. Nói bạn bè, chắc phải đến cả ngàn người. Điểu đã viết một lá thư giã từ. Một lá thư để giúp mọi người bớt lo âu, bớt phiền muộn. Anh nói: "Nghĩ cho cùng, năm nay tôi đã 60 tuổi rồi, vừa tròn một hoa giáp, cũng đủ cho một đời người. Nếu phải ra đi thì cứ thản nhiên lên đường thôi... nếu sống thêm ít lâu, cứ coi như được ... bonus càng vui." Trong lá thư anh nhắc đến hai chữ "Tri chỉ." Tri chỉ nhi hậu hữu định, hữu định nhi hậu năng tĩnh, năng tĩnh nhi hậu năng an, là lời Đức Khổng Tử (Biết ngừng thì mới định ở một chỗ, định thì mới tĩnh lặng, tĩnh lặng thì mới yên.)

Đó là lối sống của Lê Đình Điểu, người bạn mà chúng tôi và anh Đỗ Ngọc Yến đã quen từ năm 1957 ở Sài Gòn. Chúng tôi gặp nhau trong căn nhà nhỏ, cửa hàng tạp hóa đầu ngõ hẻm Cầu Kho của Bác Ba, người mẹ tần tảo của nhà văn Nguyễn Thụy Long. Nguyễn Thụy Long đang sống ở Sài Gòn, Bác Ba gần 90 tuổi đang ở Mỹ. Lê Đình Điểu đã từ giã chúng ta.

Trong những ngày tháng cuối cùng sống ở cõi đời này, Lê

Đình Điểu vẫn quan tâm đến các người ở lại. Anh sống biết mình đang sống, và trước khi qua đời, biết mình đang chết, anh vẫn lo giúp cho những người chung quanh giữ được tấm lòng bằng an. Tháng trước, anh đã gọi điện thoại cho thầy Thông Triệt, một người bạn cũ trước khi thầy xuất gia, khi thầy và chúng tôi cùng các thanh niên khác lo làm công tác xã hội giúp đồng bào, hơn 30 năm trước.

Nghe anh mời đến nhà, Thầy Thông Triệt hỏi: "Có sợ chết không?" Thầy kể, anh trả lời "Không." "Nếu vậy thì tôi đến." Khi gặp nhau, lại hỏi: "Có sợ chết không?" Anh vẫn trả lời "Không." Thầy nói cho anh nghe về việc chuẩn bị cái tâm bình an trong giờ phút cận tử. Tập sống tỉnh thức trong từng giây phút của đời mình. Thầy Thông Triệt đã tặng anh pháp danh là Tỉnh Giác.

Suốt cuộc đời, Lê Đình Điểu vẫn theo lý tưởng giúp ích, và ngay cả khi qua đời, anh vẫn để lại một món quà: mang lại bình an trong lòng người còn sống. Lá thư anh gửi cho bè bạn một năm trước đây là một quà tặng như vậy. Những lời anh dặn dò mẹ, vợ và các con cũng là một món quà như vậy. Mấy tháng trước khi qua đời anh còn nói với mẹ "Mẹ con mình sẽ về làng Thanh Lãm." Nghe tin sẽ có cháu nội, anh đặt tên cho cháu là Thanh Lãm, nếu là cháu trai. Anh ước mong có ngày nắm tro than còn lại của thân thể anh sẽ trở về làng Thanh Lãm, huyện Thanh Oai, trả về cho đất mẹ Việt Nam.

Đọc bài Lê Đình Điểu viết về thân phụ anh, chúng ta biết anh mồ côi mẹ từ năm lên sáu, và cuộc sống thời thơ ấu rất vất vả, cho đến khi anh có một kế mẫu, người mà anh kính yêu như mẹ ruột. Một người có đời sống vất vả lúc tuổi thơ thường lớn lên với mắt nhìn thế giới nhiều đắng cay và ngờ vực. Lê Đình Điểu đã thoát được nghiệp chướng đó. Anh vẫn giữ được tấm lòng bình thản, lạc quan, và đôi mắt bao dung nhìn cuộc đời.

Sống 60 năm trên đời, để lại trong lòng mọi người hình ảnh một con người bình an, nhân hậu, 60 năm đó đã là sống đầy đủ. Người biết sống thì mỗi phút giây sống cũng là đầy đủ. Anh Lê Đình Điểu ra đi, hình ảnh cuộc đời anh là món quà anh còn để lại mà bạn bè sẽ còn lưu giữ mãi, chị Dung và các con anh sẽ còn lưu giữ mãi. Cảm ơn, Lê Đình Điểu.

Anh đã viết mấy câu thơ để kết thúc lá thư gửi bạn bè năm ngoái:

Chia tay mong để lại
Nụ cười bạn mình thôi

và viết lời chào: "Hẹn gặp nhé. Thân yêu."

Bây giờ chào từ giã nhau, tôi cũng muốn nói: "Hẹn gặp lại nhé, Điểu. Thân yêu."●

TRẦN MỘNG TÚ

TIỄN BẠN

Gửi Dung và gia đình

Năm ngoái đón anh về đây
Tháng Chín không gian đầy nắng
Dung ra ngoài vườn hái hoa
Mang vào một ôm cúc trắng
Bàn tay Dung đẫm hương thơm
Nụ cười buồn trong đôi mắt

Năm ngoái đón anh về đây
Chiếc xe thoảng mùi thuốc bắc
Chúng mình đặt bao hy vọng
Sắc trong nắm lá phơi khô
Hy vọng có bao nhiêu ngụm
Mình chia nhau mãi không đều
Có ngụm mặn như nước mắt
Dung dành lấy uống một mình

Năm ngoái đón anh về đây
Bữa ăn buổi chiều thanh đạm
Tôi chan cho anh muỗng canh
Mà lòng rưng rưng muốn khóc

Bây giờ là cuối tháng Năm
Hoa cúc trong vườn chưa nở
Không còn đón được anh về
Tôi đứng chơ vơ cùng nắng

Sáng nay lái xe đi qua
Con đường đón anh năm ngoái
Trong xe chiếc ghế bỏ không
Ngậm ngùi với tay tìm bạn.

Thêm một cái nhìn khác về Thế Kỷ 21 số 120

Đúng ra một lá thư ngắn của độc giả đăng trên mục "Bạn đọc viết" của TK 21 không thể quá gây chú ý, chẳng thể là động cơ thúc đẩy để viết bài phản bác. Nhưng khi đọc lá thư ký tên ông Phạm Trọng Chánh ở Paris (TK 21 số 121) tôi lại nảy ra cái ý tưởng ngộ nghĩnh, thú vị, là sao nó lại giống "hiện tượng Trần Trường" như thế! Và một sự trùng hợp buồn cười là chính nội dung lá thơ này lại nói về... vụ Trần Trường. Thành ra, nếu ví von một cách dí rỏm thì lá thư của tác giả PTC giống như một vụ..." mini" Trần Trường trên báo *Thế Kỷ 21.*

Thực vậy. Chẳng khác gì Trần Trường, lá thư này cũng có ẩn ý khá cay độc, khi miệt thị sự xuống đường phẫn uất của hàng chục ngàn người, cho rằng sự việc này chỉ đáng được "báo chợ" loan tin, và chê *TK 21* đã "kém trí thức" khi dành hình bìa và nhiều trang để tường thuật vụ này! Tác giả lá thư quên rằng Cộng đồng khi xuống đường, họ không căm giận cá nhân tên điên Trần Trường, mà họ căm giận cái chế độ gian manh khi nó tiếp tục bám đuôi họ đến tận cái xứ sở tị nạn xa xôi này. Tác giả PTC quên rằng cuộc xuống đường có tầm mức quan trọng khiến tất cả các Đài truyền hình và báo lớn của Mỹ và Âu châu đều phải loan tin nhiều lần, chứ không phải chỉ có "báo chợ" Việt Nam!

Vietnamiens outrés

Un portrait d'Hô Chi Minh enflamme la communauté vietnamienne du «Petit Saigon» près de Los Angeles

«Lundi soir, c'était beaucoup plus qu'une manifestation contre le panthéon communiste de Tran, estime le lieutenant Bill Lewis, de la police de Westminster. C'était l'expression de leur attitude envers le gouvernement communiste du Vietnam, où il n'y a pas de liberté et où les droits de l'homme sont violés.» — (afp-LeMatin)

Tôi không có ý chỉ trích riêng ông PTC, mà chỉ muốn góp ý với lập luận của một số người, khi nhận định về phản ứng mãnh liệt của Cộng đồng trong vụ T.T. ở Nam Cali. Số người này cho rằng: "Việc gì mà phải rần rộ cờ quạt cả ngàn người kéo nhau đi biểu tình, chỉ để phản đối hành động của một thằng điên?" Cũng vẫn từ những người này, ta thấy thường đưa ra những luận điệu cho rằng hiện nay chỉ còn vấn đề tranh đấu giữa những người "dân chủ" và bọn độc tài đang cầm quyền ở VN. Họ muốn gạt bỏ chuyện Quốc Cộng, cho đó là chuyện quá khứ. Hồ Duẩn hay Diệm Thiệu gì thì cũng "same same"! Họ đứng ngoài (hay đứng trên?) lá cờ vàng và cờ máu, vì theo họ thì cờ nào cũng vậy thôi!

Không biết cần phải nhắc đi nhắc lại đến lần N thứ mấy để các vị này hiểu được rằng cuộc tranh chấp này đã có từ 1945 giữa một bên là Hồ và đồng bọn, bên kia là những người không chấp nhận Mác-Lê, không chấp nhận độc tài. Nó kéo dài từ 1945, nó biến thành cuộc chiến Bắc Nam sau 1954, nó tiếp tục sau 1975, khi CS chiếm được cả nước. Muốn gọi nó là tranh chấp Quốc-Cộng, là Độc tài - Dân chủ, hay gì gì đi nữa, thì bản chất của nó vẫn là cuộc tranh chấp từ 1945 đó. Nó còn đang tiếp diễn đến nay chưa dứt. Và hai lá cờ chỉ giản dị là hai biểu tượng của sự đối kháng này. Lá cờ vàng không tượng trưng cho cá nhân nào cả. Nó chỉ là biểu hiệu từ nửa thế kỷ nay của sự đối kháng, đối kháng với Đảng Hồ và cờ máu, đối kháng với gian manh độc tài .

Tôi xin trích sau đây mẩu báo ở bên Âu châu để bạn đọc TK 21 thấy nhận thức sâu sắc của người ngoại quốc về vụ Trần Trường. Họ biết đây là sự căm phẫn đối với cả một chế độ lưu manh, chứ không phải với một cá nhân. Họ là người ngoài cuộc, nhưng am hiểu thấu đáo hơn nhiều vị trí thức khoa bảng VN sống trong cuộc, mang danh tị nạn CS, nhưng lại ấu trĩ và mau quên, hay làm bộ ngây thơ vì mục đích gì khác?

Nguyễn Gia Tiến *(Switzerland)*

"Ngày Phạm Quỳnh" nhìn từ phía gia đình

Là người con của gia đình, sau khi dự Ngày Phạm Quỳnh về lại Maryland, tôi còn cảm thấy bàng hoàng, xúc động trước những sự việc xảy ra, với những gì các anh chị bên ấy đã làm... Ngày 8 tháng Năm 1999 là một ngày khó

quên, ngày mà chúng tôi, những hậu duệ của cố học giả Phạm Quỳnh mong mỏi, chờ đợi từ hơn một nửa thế kỷ! Với "Ngày Phạm Quỳnh" cha tôi đã sống lại trước lịch sử! Nỗi oan khiên của Người được giải tỏa, lòng yêu nước cũng như công lao của Người đóng góp cho nền văn học nước nhà bước công luận phán xét và thừa nhận.

Các Quý anh chị đã tổ chức ngày nói trên quá chu đáo và trang trọng, tôi thiết tưởng không ai có thể làm hay hơn, tốt đẹp hơn. Thành thật tâm sự cùng quý anh chị rằng tôi đã sống và đau khổ, tôi muốn vùng vẫy rửa mối hận cho dòng họ nhưng không thể làm gì được khi đụng độ với dòng đời tàn nhẫn, đầy đố kỵ... Gia đình chúng tôi lâu nay im lặng, không biện minh, nhưng chúng tôi tin tưởng ở công luận và lịch sử. Quý anh chị là công luận, đang góp sức soi sáng lại lịch sử, đánh đổ cái thành kiến quái ác cho rằng Phạm Quỳnh là một nhân vật đi với Pháp, không hề đoái tưởng đến nền độc lập của nước nhà...

Chẳng nói nhiều, các anh chị cũng thừa hiểu chúng tôi cảm kích, tri ơn công việc của các anh chị sâu xa đến chừng nào.

Xin gửi đến anh chị lá thư của con gái út tôi viết cho tôi sau khi đi dự ngày tưởng niệm của ông nội cháu. Cháu Phạm Thị Mai Trang qua Mỹ năm 1975 lúc mới ba tuổi, ở Việt Nam chưa một ngày đến trường. Nay viết thư bằng tiếng Việt đầy lỗi chính tả, xin các bác lượng thứ.

Phạm Tuân *(Silver Spring, MD)*

Để độc giả thấy được tấm lòng của thế hệ thứ ba trong gia đình đối với cố học giả Phạm Quỳnh, chúng tôi xin phép đăng lại bản chụp bức thư của cô Phạm Thị Mai Trang sau đây.

Ngày 14 tháng 5 năm 1999

Bố và Mẹ thương nhiều lắm,

Con muốn cám ơn Bố Mẹ để cho con đi Cali để đi Ngày Phạm Quỳnh. Cái thời giang Bố rất là vui vẻ và rất cảm động cho con. Con muốn tìm hiểu thêm về Ông Nội và tất cả gia đình của mình (bà Nội, bà ngoại, etc...) và cái sự kỷ của nước Việt Nam.

I cannot stop thinking about ô. Phạm Quỳnh, ông Nội; I cannot stop thinking about all that he has done for our people, our culture, our country. I cannot stop thinking about how gentle, generous, and kind-hearted he was. I cannot stop feeling the pain of knowing how he was assassinated and how his children, especially you(Bố), have suffered. I only wish I could have met such a wonderful, such a GREAT person, Ông Nội.

My heart breaks every time I think about all the wrong that has been done onto him. All he wanted was Vietnam to be a free country, an educated (educated) country.

I'm So Proud to be his grand daughter. I hope I can make him and you two (and Bà Nội, Bà Ngoại + all our family) proud of me. I will only strive to be the Best I can be.

I Love you.

Ố khác với Ở

Bài viết *Những Bí Danh Của Nguyễn Sinh Cung* đã được quý vị cho đăng trong *Thế Kỷ 21* số 121 (tháng Năm 1999).

Điều đáng tiếc là có một chi tiết in sai: bút hiệu Nguyễn Ố Pháp (Người họ Nguyễn ghét Pháp) trong bản thảo của chúng tôi đã bị sửa thành Nguyễn Ở Pháp (Người họ Nguyễn ở Pháp).

Nguyễn Ố Pháp là một biệt hiệu, một bí danh có thật, chúng ta không ai có quyền sửa đổi. Xin quý vị lưu ý cho. Thành thật đa tạ.

Trần Anh Tuấn *(Alameda, CA)*

Bổ túc bài "Bút Ký Xuân Kỷ Mão 1999" của Trần Độ

Bài "Bút Ký Xuân Kỷ Mão 1999" của Trần Độ đăng ở TK 21 số 121 còn thiếu một đoạn ngắn ở cuối bài, nay xin bạn đọc vui lòng bổ túc, tiếp theo câu chót của bài đã đăng:

Chấp nhận như thế thì khi định chính sách mới mau quyết đoán dứt khoát và quyết đoán dứt khoát thì thu phục được lòng tin lớn hơn.

Tôi viết bài bút ký xuân này để trút nỗi niềm tâm sự, để tỏ lộ những ý tưởng, kết quả của sự suy tư và những ý tưởng thu lượm được của bạn bè và của sách vở, biến thành của mình. Tôi cho là văn chương không phải chỉ hạn chế trong sự bắt chước hiện thực và phản ánh, mô tả hiện thực. Mỗi nhà văn là một nhà tư tưởng. Tôi đã từng ngạc nhiên và khâm phục những tư tưởng của các nhà văn trong nước và thế giới. Tôi cho rằng văn chương là tiếng nói, nói lên những ý tưởng và cảm xúc của người viết đối với hiện thực. Vì vậy tôi viết những dòng này để chào mừng mùa xuân và cũng để làm công việc của một hội viên Hội nhà văn và để báo đáp nhân dân và tổ quốc. Tôi thân ái tặng cho các bạn bè.

Trần Độ

Viết xong ngày tiễn ông Táo lên trời 23 tháng chạp Mậu Dần

8.2.1999

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của các tác giả sau:

Cung Diễm, Trần Mộng Tú, Đỗ Quế Chi, Thảo Chi, Trần Vấn Lệ, Phạm Ngọc Khôi, Tôn Thất Thiện, Vũ Ký, Thái Quốc Mưu, Võ Doãn Nhẫn, Đào Phú Cường, Đỗ Thị Kênh G, Nguyễn Xuân, Cam Ly, Babui, Nguyễn Đình Sáng, Thái Hùng, Nguyễn Hòa Trước, Trần Hồng Châu.

H.H. *(Tucson, AZ)*: Tác giả bài G.L.G.N. nhờ gửi lời cám ơn rất nhiều về những ưu ái đã dành cho bài viết. Khi nào có dịp về Little Saigon xin mời ghé lại Tòa soạn chơi. Thân.

Phạm Cao Củng *(Lauderdale, Florida)*: Vì một lý do riêng "khó nói" hiện nay chúng tôi chưa chuyển bức thư của ông cho tác giả NVB được. Tuy nhiên chúng tôi vẫn xin phép được giữ bức thư ấy để hễ có dịp thuận tiện thì sẽ chuyển cho ông ấy. Xin cám ơn ông đã theo dõi rất kỹ bài vở của Thế Kỷ 21. Kính.

Thảo Chi *(San Jose)*: Ký giả Vương Hữu Bột đã nhận được thư của bà, cám ơn sự lưu ý của bà. Mong sự cộng tác của bà với TK 21 luôn được dồi dào như lâu nay. Kính chúc bà vui mạnh.

Hộp thư tri sự

Độc giả gia hạn và độc giả mới

Nguyễn Ngọc Hoàng (Athen, GREECE), Nguyễn Thị Thảo An (Kennesaw GA), Thuy To (Indianapolis IN), Nguyễn Văn Quỳnh (Clearwater FL), Trần Quý Trung (San Diego CA), Vũ Thị Mỹ (St Leonard, CANADA), Dao Uong (Costa Mesa CA), LIB: Reservoir (AUSTRALIA), LIB: Chapman (Garden Grove CA), LIB: Westminster (Wesminster CA), Mai Bá Thành (Tranby NORWAY), Ngô Thanh Tùng (Arlington VA), Nguyễn Lập Đông (New Orleans LA), Nguyen Thi Lai (Perth AUSTRALIA), Phan Huong Quy (Bruxelles BELGIUM), Nguyễn Văn Trung (Annandale VA), Kim Vy Phung (Longueul CANADA), Quach Chieu Thanh (AUSTRALIA), Phạm Thị Hoàn (Yerres, FRANCE), Nguyễn Cường (Le Taillan Medoc, FRANCE), Nguyễn Văn Khoa (Phoenix AZ), Nguyễn Ngọc Bảo (San Francisco CA), Văn Ta (Santa Barbara CA), Lê Minh Giang (Ontario CA), Huỳnh Tấn Đôn (Long Beach CA), Thompson Nguyen (N. Hollywood CA), Bùi Đức Thuật (Minneapolis MN), Mai Văn Nhẫn (Caledonia MI), Tha Van Nguyen (San Diego CA), Trịnh Hảo Tâm (Fontana CA), Trần Văn Quảng (Westminster CA), Vũ Văn Định (Westminster CA), Quang Nhut Doan (Houston TX), Radio Free Asia (Washington DC), Đoàn Văn Đệ (Sacramento CA).

Độc giả thay đổi địa chỉ

Hoàng Châu (Houston TX), Vu Gia An (Herndon VA), Phạm Tử Thiên (Arlington TX), Bùi Đức Thuật (Minneapolis MN), Nguyễn Văn Cường (NORWAY), Nghiêm Thị Tuyết Nhung (Midlothian VA).●

NHỮNG VẬN ĐỘNG THÀNH LẬP ĐẢNG DÂN CHỦ TRUNG QUỐC

NGÔ NHÂN DỤNG

Năm 1998, một nhóm người Trung Quốc đã thành lập một đảng chính trị, xin đăng ký với tên Đảng Dân Chủ. Mặc dầu họ biết trước sẽ bị cấm, họ vẫn sẵn sàng ở tù vì lý tưởng Dân Chủ. Nhưng trên hết, họ đặt đảng Cộng Sản Trung Quốc trước một thách thức. Khi chính phủ Bắc Kinh đã ký vào những Công ước Quốc tế về các quyền tự do của công dân, người dân Trung Hoa tự coi họ được hưởng các quyền đó, đặc biệt là quyền ngôn luận, quyền tụ họp và lập hội.

Tháng Năm năm 1999, khoảng 50 người thuộc đảng Dân Chủ ở Hàng Châu đã nộp đơn xin phép chính quyền tổ chức biểu tình kỷ niệm 10 năm vụ thảm sát ở Thiên An môn. Tất nhiên họ biết trước là bị từ chối. Nhưng những người này cũng nhân danh các quyền tự do ghi trong hiến pháp Trung Quốc, tự coi họ phải được hưởng các quyền đó. Gần một thế kỷ sau Tôn Dật Tiên, những hạt giống của phong trào dân chủ lại được gieo trên đất Trung Hoa, với Internet, điện thoại cầm tay, và các đài phát thanh quốc tế. Cả mạng lưới đảng Dân chủ này, đa số giới trung lưu mới bắt đầu kết hợp từ hơn một năm nay thôi.

Các ông Vương Hữu Tài ở Hàng Châu, Ngô Nghi Long ở An Huy, ông Vương Bình Chương ở New York, ông Từ Văn Lập ở Bắc Kinh, ông Vương Bảo Chương ở Paris, ông Vương Văn Giang ở Mãn Châu. Trước năm 1989 hầu hết những người đó không quen biết nhau, nhưng chỉ trong mấy tháng họ đã liên lạc, hỗ trợ nhau và dẫn tới việc thành lập Đảng Dân Chủ Trung Quốc tại Hàng Châu. Sau khi đơn xin lập đảng bị bác bỏ được đài RFI loan báo, các địa phương cũng tự động lập ra chi bộ đảng tại An Sơn, Trường Sa, Bắc Kinh, Thượng Hải, Vũ Hán, v.v.. Đảng Dân Chủ mới Trung Hoa thu hút lớp người trẻ 30-40 tuổi, giới chuyên gia, có học thức.

Các kỹ thuật thông tin hiện đại như hệ thống máy nhắn tin (paging), máy fax, computer được sử dụng giúp cho phong trào dân chủ tiến nhanh và xa hơn.

Những chi tiết sau đây do đoàn phóng viên của *Wall Street Journal* đã thu thập ở Trung Quốc chúng tôi tóm lược lại. Các tên người được phiên âm sang chữ Hán Việt, có tên phải phỏng đoán.

Ngô Nghi Long, ở An Huy, bắt đầu với 10 người

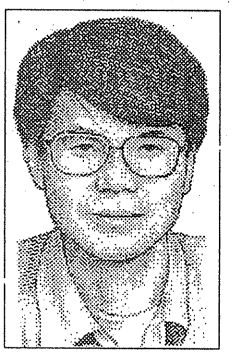

Ngô Nghi Long

Năm Ngô Nghi Long 22 tuổi, anh theo học môn Thẩm Mỹ học ở Đại học An Huy thì nghe tin về cuộc tàn sát ở Thiên An Môn, ngày 4-6 năm 1989. Long đang là một đoàn viên Đoàn Thanh Niên Cộng Sản.

Sinh trong một gia đình nông dân nghèo ở tỉnh An Huy, thủa nhỏ bị bệnh tê liệt khiến bây giờ Long vẫn đi chân khập khiễng. Dù có tật, Long vẫn ra đồng làm việc với cha mẹ và ban đêm đi học. Nhờ học giỏi Long được học bổng, vào Đại học An Huy, trong thời gian đó anh cũng viết các truyện ngắn.

Sau vụ tàn sát ở Quảng trường Thiên An Môn, Long nói: "Đảng Cộng Sản chỉ lo tự bảo vệ lấy họ mà thôi, chứ không lo quyền lợi của người dân."

Tháng Chín năm 1996, Long đã 29 tuổi, anh mời một nhóm bạn sinh viên đến dự một buổi họp mạn đàm về văn học. Khoảng 10 người

gặp nhau trong khuôn viên Đại học An Huy, trao đổi ý kiến về các tác phẩm mới xuất bản, từ tiểu thuyết đến các sách về kinh tế, chính trị. Trong nhóm này, các tư tưởng mới được đem ra bàn bạc, kể cả các sách của Friedrich von Hayek, một nhà kinh tế, chính trị học với tư tưởng bài xích chủ nghĩa Mác Lê Nin từ nền tảng. F. von Haeyk thấy rằng chính sách kinh tế tập trung chỉ huy sẽ dẫn đến chế độ chính trị độc tài, sau cùng nhà nước phải nô lệ hóa người dân để bảo vệ chế độ.

Đảng Cộng Sản Trung Quốc đã in cuốn *Con đường dẫn tới Nô lệ* của von Hayek để làm tài liệu cho các đảng viên cao cấp, Ban Văn hóa tư tưởng viết các lời chú thích nhằm chỉ trích lý luận của tác giả để bảo vệ tư tưởng Mác-Lênin.

Từ các cuộc thảo luận đó, Ngô Nghi Long nói, "Chúng tôi bắt đầu bàn đến một hệ thống đa đảng. Chúng tôi cũng bàn coi vai trò của đảng Cộng Sản trong lịch sử Trung Hoa là tích cực hay tiêu cực."

Vương Hữu Tài nghỉ việc để vận động chính trị

Trong thời gian đó, ông Vương Hữu Tài, 31 tuổi, đã nghĩ là nhất định Trung Hoa phải có một hệ thống đa đảng.

Năm 1989, ông Tài đang học Vật lý ở Đại học Bắc Kinh, anh cũng tổ chức sinh viên Bắc Đại tới tham dự việc phản đối các quan chức tham nhũng và mức lạm phát quá cao. Sau cuộc tàn sát ngày 4-6-89, Vương Hữu Tài bị án hai năm tù.

Ra khỏi tù, Tài vào làm cho một công ty sản xuất khí cụ truyền thông với lương bổng rất cao, nhờ kinh tế đã thị trường hóa. Ông kết hôn với cô Hồ Giang Hạ, một người viết nhu liệu điện toán. Trong apartment của họ ở Hàng Châu có đủ tiện nghi hiện đại như tủ lạnh, máy giặt, bộ stereo bốn loa, tivi màn ảnh lớn, và các ngăn kệ tủ đầy sách mới.

Vương Hữu Tài vẫn không bỏ được thói quen bàn luận về chính trị với các bạn cùng sở. Bà vợ ông kể lại: "Anh ấy bảo mọi người là nếu ảnh bị bắt thì nhờ họ trông nom tôi. Ai cũng nghĩ là ảnh nói đùa chơi."

Nhưng Vương Hữu Tài quyết định nghỉ việc để dùng hết thời giờ vào việc vận động chính trị. Vương Hữu Tài đã in tấm danh thiếp mới, dưới tên ông, thay vì ghi chức vụ hoặc bằng cấp, ông viết hàng chữ: "Người Tự do." Trong lúc đó, nhóm đọc sách của Ngô Nghi Long vẫn đang thảo luận về các tư trào chính trị mới.

Một người trong nhóm đọc sách của ông Ngô Nghi Long đã nghe chuyện Vương Hữu Tài nghỉ việc để hoạt động, và dàn xếp cho hai bên gặp nhau. Vào mùa xuân năm 1998, Vương Hữu Tài tiếp Ngô Nghi Long gặp nhau lần đầu tiên, hai người nói chuyện từ sáu giờ chiều cho đến sáu giờ sáng ngày hôm sau.

Ông Long nhớ lại: "Chúng tôi đồng ý với nhau là muốn có được sự chuyển hóa và tạo ra ảnh hưởng thì phải thành lập một thực thể chính trị."

Hai người cũng đồng ý phải thông báo cho các người hoạt động đối lập khác về ý định lập đảng của họ.

Và một người ở cách nửa vòng trái đất, tại New York đã nghe thấy.

Vương Bình Chương cũng tạm ngưng làm thầy thuốc

Bác sĩ Vương Bình Chương thuộc lớp thanh niên đầu tiên do Đặng Tiểu Bình gửi đi du học, tốt nghiệp y khoa ở Canada. Năm 1982 ông họp báo ở New York tuyên bố ông sẽ nghỉ làm nghề thầy thuốc, dành thời giờ để vận động dân chủ cho nước Trung Hoa. Các bạn bè cùng lứa tuổi với ông đã bị tù đày vì tranh đấu cho dân chủ, trong khi ông được du học và sống thoải mái ở nước ngoài, giờ ông cũng muốn đóng góp cho tổ quốc.

Nhưng B.S. Vương Bình Chương, 50 tuổi, bị nhiều người Trung Hoa ở lục địa nghi ngờ. Vì ông được nhiều người, kể cả chính phủ Đài Loan giúp đỡ tài chánh. Văn phòng của ông nằm trên một phòng mạch nha sĩ ở Elmhurst, thị xã Queens, New York, ông không phải trả tiền thuê. Trong Văn phòng có đầy máy computers và máy fax do thập phương gửi tặng.

Đầu năm 1998, B.S. Vương Bình Chương quyết định về nước, dùng thẻ thông hành (hộ chiếu) giả của một công dân Mỹ. Nhiều người hoan nghênh B.S. Vương Bình Chương, cũng nhiều người nghi ngờ. Nhưng một người ở Bắc Kinh đã chấp nhận sự giúp đỡ tài chánh của ông Vương Bình Chương, đó là Từ Văn Lập. Mấy người tại Hàng Châu cũng được B.S. Chương hỗ trợ.

Sau cùng thì công an ở tỉnh An Huy đã bắt B.S. Chương, giam ông mấy ngày rồi trục xuất. Trong khi B.S. Chương còn bị giam ở An Huy thì các đồng chí của ông ở New York công bố

thành lập "Đảng Dân Chủ và Công Lý."

Khi trở về đến Mỹ, B.S. Chương bị bắt nhưng không bị truy tố về tội dùng hộ chiếu Mỹ giả. Khi nghe tin các ông Vương Hữu Tài, Ngô Nghi Long ở Hàng Châu đang tính thành lập một chính đảng, ông Chương kể lại: "Chúng tôi đã gửi các người liên lạc trở về nước. Rất nhiều người, đi dưới nhiều hình thức: thương gia, du lịch, sinh viên."

Thành lập Đảng Dân Chủ Trung Quốc

Ngày 10 tháng Sáu, 1998, nhóm Đọc sách của Ngô Nghi Long họp mặt lần chót. Ba ngày sau, Long cùng với Vương Hữu Tài và bốn người bạn khác ngồi họp với nhau ở sân cỏ trường Đại học An Huy.

Quyết định thành lập Đảng Dân Chủ đưa ra đúng vào lúc Tổng thống Mỹ Bill Clinton sắp qua thăm Trung Quốc. Họ tính toán rằng hàng ngàn nhà báo quốc tế sang theo dõi chuyến đi của ông Clinton, và nếu họ bị bắt thì sẽ có tiếng vang khắp thế giới.

Thế là, mấy tiếng đồng hồ trước khi máy bay chở ông bà Clinton đáp xuống Tây An, cố đô đời Tần, Đường ở tỉnh Thiểm Tây, các nhà đối lập ở phía Đông Trung Quốc bước vào tòa nhà của Sở Dân Vụ Hàng Châu đưa trình giấy tờ cá nhân của họ, xin nạp điều lệ của Đảng Dân Chủ.

Đúng như họ đã tiên liệu, Phòng phụ trách các Tổ chức Xã hội của thành phố Hàng Châu, tỉnh Triết Giang từ chối không nhận đơn xin lập đảng của họ.

RFI phát thanh từ Paris

Khi các ông Vương Hữu Tài, Ngô Nghi Long bước vào tòa nhà Sở Dân Vụ rồi đi ra bị từ chối không cho lập đảng, ở Thiểm Tây, thì ở Paris, bên Pháp, một nhân viên đài Radio France International (RFI) vẫn đang theo dõi công cuộc vận động dân chủ ở Trung Hoa. Đường dây điện thoại đã loan tin nhanh chóng từ Hàng châu qua Hồng Kông, đến Paris. Ông Ngô Bảo Chương quyết định sẽ loan tin.

Ông Ngô, tên Pháp là Michel, 62 tuổi, tóc bạc phơ, là một chủ biên của đài RFI, chương trình Hoa ngữ. Ông đóng vai trò liên lạc, nhận và phổ biến tin tức về các người vận động, tranh đấu cho dân chủ ở Trung Hoa. Giới vận động dân chủ ở Trung Quốc đã dựa vào tin tức của đài RFI để biết các chuyện xảy ra ngay trong nước họ. Nhờ các bản tin của RFI họ thu thập được tên, địa chỉ và điện thoại của các người đối lập ở khắp nước Trung Hoa.

Ông Vương Bảo Chương có thông tin từ trong nước nhờ ông Lục Tư Thành, một phái viên ở Hồng Kông.

Lục Tư Thành, có tên gọi là Frank, đã thiết lập được một mạng lưới thông tin dùng máy nhắn điện thoại (pager). Nhờ hệ thống này, các người hoạt động dân chủ ở trong lục địa có thể chỉ dùng các máy điện thoại địa phương để liên lạc qua pager với Frank.

Ông Ngô Bảo Chương trước năm 1989 là một phái viên của Tân Hoa Xã, ở Paris. Ông Chương nghe tin đảng Dân Chủ đã bị từ chối, và ông cảm thấy chính việc từ chối này sẽ khiến cho uy tín đảng mạnh hơn. Thế là ông loan báo tin đó trên đài RFI.

Lập chi bộ Đảng Dân Chủ ở An Sơn

Bản tin đảng đối lập đầu tiên ở Trung Quốc truyền đi, Luật sư Vương Văn Giang, 46 tuổi, ở thành phố An Sơn nổi tiếng về sản xuất thép vùng Mãn Châu, đã lắng nghe.

Ông Vương lập tức liên lạc với các người tranh đấu khác ở khắp nước Trung Hoa, qua hệ thống liên lạc nhờ ông Lục Tư Thành ở Hồng Kông cho. Mỗi tháng, tiền điện thoại tốn mất một phần ba lợi tức.

Sau đó, ông Vương quyết định ra khỏi đảng Cộng Sản, gửi trả lại tấm thẻ đảng viên của ông, và đăng ký lập một chi bộ đảng Dân Chủ ở An Sơn. Thư đăng ký này ông gửi qua Bưu Điện, thay vì mang đến tận văn phòng nhà nước.

Tất nhiên, chính quyền ở An Sơn cũng bác bỏ đơn xin lập chi bộ Đảng Dân Chủ của ông Vương. Nhưng tin này cũng được thông báo cho ông Lục Tư Thành ở Hồng Kông, và đài RFI lại loan tin ngay cho cả nước Trung Hoa biết.

Ông Vương kể lại: "Sau đó, tôi nhận được hàng trăm lá thư, điện thoại của tôi reo suốt ngày, bao nhiêu người muốn gia nhập đảng... Có người là luật sư, là nông dân, công nhân nhà máy, giáo sư, và cả các viên chức chính phủ."

Ở Hàng châu, ông Ngô Nghi Long, thấy tình hình đã chín muồi.

Lập chi bộ Thượng Hải, Trường Sa...

Mang theo bản cương lĩnh của Đảng Dân Chủ, ông Ngô Nghi Long lên đường. Ông mua vé xe lửa hạng rẻ tiền — hạng ghế cứng — nhiều khi ngủ ngay ở nhà ga và trên tàu lửa.

Một trạm quan trọng là Thượng Hải. Tối 31 tháng Tám, Long đến gõ cửa nhà Chu Tiên Hà, một người từng chống đối chính phủ nhưng đã ngưng hoạt động từ nhiều năm qua. Ông Chu Tiên Hà kể lại, "Tôi đồng ý ngay lập tức, và hỏi Long tại sao không liên lạc với tôi sớm hơn."

Tại Trường Sa, thuộc tỉnh Hà Nam, Long gặp Vương Tế Chân, 53 tuổi, một người cũng cư ngụ ở An Sơn. Ông Chân đã chống chính phủ từ hồi còn trẻ, bị tù rồi được tha từ 20 năm nay. Hai người chia đôi công việc, Long sẽ mang một số bản cương lĩnh đi về phía Bắc, còn Vương Tế Chân đi về vùng núi non ở phía Nam. Vương Tế Chân kể lại, "Đi đến đâu tôi cũng thấy nhiều người đã nghe nói đến việc lập một đảng mới, và họ muốn hỏi thêm chi tiết." Ông đã phân phát tài liệu cho họ.

Ở Elmhurst, bên Mỹ, một số người đã tham gia trong Đảng Dân Chủ và Công Lý đứng ra công khai lập chi bộ của Đảng Dân Chủ. Họ chuyển tiền vào trong nước để giúp các người tranh đấu mua máy computer và máy fax.

Ông Chương nói: "Chúng tôi rút kinh nghiệm bài học năm 1989." Phong trào lúc đó bột phát và hỗn loạn quá, bây giờ phải có tổ chức và có thông tin. Khi một người bị bắt thì tin tức được loan báo cho cả thế giới biết.

Chính quyền Bắc Kinh đàn áp

Tám giờ tối ngày 10 tháng Bảy năm 1998, bà Hồ, vợ ông Vương Hữu Tài đang ở trong bếp nấu ăn cho các bạn thuộc Đảng Dân Chủ. Bà kể lại: "Tôi nghe thấy tiếng gõ cửa, và tưởng rằng có bạn mới tới. Mở cửa, té ra là một công an. Tôi nhận ra liền." Viên công an đến với lệnh bắt Vương Hữu Tài.

Công an bắt từng người một rời căn hộ, rồi bắt đầu lục soát cả nhà, ngay cả trong tủ lạnh và trong máy giặt. Tất cả các tờ giấy đều bị tịch thu. Tin ông Vương Hữu Tài bị bắt được loan truyền rất nhanh, lúc ông Clinton cũng mới từ giã Trung Quốc về Mỹ.

Từ đó, dư luận khắp thế giới biết đến ông Vương Hữu Tài, khắp nơi lên tiếng phản đối chính phủ Bắc Kinh. Sáu tuần sau, ông Tài được tha. Nhưng đến ngày 2 tháng Mười Một ông lại bị bắt lần nữa, và cuối tháng thì bị truy tố ra tòa về hoạt động chính trị bất hợp pháp và nhận tiền từ ngoại quốc gửi về.

Nhưng các người tranh đấu không sợ hãi. Một tuần sau ở Bắc Kinh ông Từ Văn Lập tuyên bố thành lập chi bộ Đảng Dân Chủ ở thủ đô. Ông Tần Vĩnh Mẫn ở Vũ Hán cũng vậy. Và cả hai đều bị bắt, bị truy tố cùng một tội như ông Tài. Các đảng viên Đảng Dân Chủ tiếp tục hoạt động. Họ in các bản tin và thông báo các chi tiết về từng người bị bắt giam. Tháng Mười Hai, khi ông Vương Hữu Tài bị đem xử ở Hàng Châu, mấy trăm người kéo đến tòa án.

Ông Từ Văn Lập trước khi bị bắt

Ông Vương Văn Giang, vị luật sư ở An San, đã tình nguyện biện hộ cho Vương Hữu Tài. Nhưng công an đã tịch thu vé xe lửa không cho ông đi, ông đành gửi tới Hàng Châu bản văn bào chữa của ông.

Sau cùng Vương Hữu Tài bị kết án 11 năm tù. Tần Vĩnh Mẫn 12 năm, Từ Văn Lập 13 năm. ông Ngô Nghi Long không bị bắt nhưng bị đuổi ra khỏi Đại học Hàng Châu, không được hoàn tất bằng Cao học về Thẩm Mỹ học mà chỉ cần mấy tuần nữa là xong. Ngày 27 tháng Tư vừa rồi ông bị công an bắt, giam trong một trại tập trung dành cho các người thất nghiệp đang lang thang khắp nước tàu kiếm việc, họ đều không có hộ khẩu.

Khi mọi người hết sợ

Trong phiên tòa xử ông Vương Hữu Tài, bà Hồ Giang Hạ vợ ông vẫn cười, nghĩ chỉ là chuyện nhỏ. Bây giờ, trong căn hộ ở Hàng Châu bà Hồ hiểu ngồi khóc trong im lặng, tay lật mở các trang hồ sơ vụ án của chồng. Và từ nay bà cũng sẽ hoạt động chính trị.

Bà Hồ nói: "Nhiều người trẻ tuổi không quan tâm đến chính trị vì họ sợ. Có thể không biết là họ sợ. Nhưng khi nào hết sợ, tất cả mọi

người sẽ quan tâm đến chính trị."

Nhiều người Trung Hoa đã hết sợ. Năm mươi người đã đứng ra xin tưởng niệm các nạn nhân ở Thiên An môn và đòi đảng Cộng Sản Trung Hoa rút lại lời phê phán những người biểu tình năm 1989 là "phản cách mạng."

Ở Trung Hoa, nhiều người dân đã đứng tên kiện chính phủ. Một phụ nữ ở Phúc Kiến bị công an bắt vì nghi đã sinh hai con, vi phạm luật kiểm soát sinh sản. Bà ta đã kiện và đầu năm nay tòa án tuyên bố công an có lỗi vì quả thật bà chỉ sinh một đứa con. Nhưng điều đặc biệt là quan tòa đã phán quyết công an phạm lỗi bắt người giam cầm trái phép, dựa trên những quyền công dân ghi trong Công ước quốc tế về Quyền Dân sự và Quyền Chính trị.

Ông Mã Lập Thành, đồng tác giả với Linh Chí Quân, và hình bìa cuốn sách Hô Hãm (Tiếng thét) của hai người.

Trong khi đó, ở Bắc Kinh, những thanh niên trí thức vẫn được đọc các cuốn sách của Mã Lập Thành và Linh Chí Quân chỉ trích chính sách kinh tế của đảng Cộng Sản, và được phép xuất bản. Mã Lập Thành, 53 tuổi đã nổi tiếng với cuốn sách trước đây mang tựa đề "Giao kiếm." Cuốn sách này bị một tờ báo của đảng phê bình là "âm mưu lật đổ chính quyền Cộng Sản và thay thế Chủ nghĩa Xã hội bằng Chủ nghĩa Tư bản." Cuốn *Giao kiếm* bán chạy, đã in một triệu cuốn, và một triệu cuốn in lậu, mà hai tác giả không bị bắt. Cuốn sách mới của hai người tựa đề là "Hô hãm (Tiếng thét): năm thanh âm trong Trung Quốc hiện nay." Cuốn Hô Hãm nói thẳng rằng chủ trương lấy kinh tế quốc doanh làm chủ yếu là sai, đi ngược với chủ trương đổi mới. Ý kiến này cũng giống như của tướng Trần Độ, ông Phan Đình Diệu hay Nguyễn Thanh Giang ở Việt Nam, nhưng các bài của họ đều bị cấm phổ biến. Giới lãnh đạo Cộng Sản Trung Quốc có thể đồng ý với Mã Lập Thành vì ông chỉ bàn chuyện kinh tế.

Chính quyền Bắc Kinh có vẻ chịu cho những cuốn sách chỉ trích chủ nghĩa Mác Lênin về kinh tế, nhưng giới hạn trong phạm vi sách vở mà thôi. Ông Mã Lập Thành vẫn làm cho nhật báo Nhân Dân và báo Thanh niên của đảng Cộng Sản. Ông cũng được coi là có ô dù lớn, nhờ sự bảo trợ của Vạn Lý, cựu chủ tịch Quốc hội Trung Quốc.

Nhưng có dấu hiệu cho thấy chính phủ Trung Hoa đang thực sự cởi mở hơn đối với các tư tưởng tiến bộ, trong khi đang tháo gỡ hệ thống kinh tế quốc doanh, mặc dù họ vẫn kiểm soát kỹ về chính trị. Bắc Kinh đang giải tán dần dần các doanh nghiệp nhà nước do quân đội làm chủ. Khi muốn chống tham nhũng trong vụ xây đập Tam Hạp, hàng tỷ đô la phải gọi thầu, rồi phải cấp nhà, cấp đất cho hàng triệu người bị di cư, Bắc Kinh đã mướn một công ty ngoại quốc qua kiểm tra kỹ thuật các công trình, chứ không chỉ theo lối "Phê bình và Tự phê bình" như lối Mao Trạch Đông ngày xưa.

(Theo bài tường thuật của Matt Forney và Marcus W. Branchli, báo Wall Street Journal và Susan Lawrence, báo Far Eastern Economic Review)

NGÀY PHẠM QUỲNH

Tường thuật của
CAM VŨ

Phạm Quỳnh

Ngày Phạm Quỳnh được chuẩn bị từ nhiều tháng trước. Thụy Giao của báo Xây Dựng tại San Jose như con thoi đi đi về về Quận Cam để bàn thảo cụ thể với hai Tòa soạn báo Người Việt và Thế Kỷ 21, đồng thời liên lạc không ngừng với Paris, Virginia, Maryland, Washington DC, Houston... Các tiếp xúc với gia đình cố học giả Phạm Quỳnh và văn hữu liên hệ, rồi bàn bạc với anh em nội bộ đã giúp thành hình dần dần quan niệm tổ chức Ngày Phạm Quỳnh: sẽ gồm hai phần, tưởng niệm và hội thảo, thời gian định là vào ngày thứ bảy 8 tháng Năm 1999 tại Phòng Sinh Hoạt nhật báo Người Việt, Westminster, quận Cam.

Đến ngày 5 tháng Năm thì những thành viên của gia đình cố học giả Phạm Quỳnh đã về đầy đủ tại Quận Cam: bà Phạm Thị Hảo, con gái thứ năm đến từ Maryland, bà Phạm Thị Hoàn, con gái thứ tám từ Paris, ông Phạm Tuân (con trai út) và bốn người con từ Virginia. Bà Hoàn đã mang sang khá nhiều hình ảnh và tài liệu về Phạm Quỳnh, đủ để làm một cuộc triển lãm. Ngày 7/5, trong khi ban tổ chức đang lo trần thiết phòng triển lãm và liên lạc để sắp xếp lần chót với các diễn giả đã nhận lời thuyết trình trong buổi hội thảo, gia đình cố học giả Phạm Quỳnh đã có cuộc gặp gỡ với giới truyền thông tại quận Cam tại phòng thu hình của công ty Internet Kicon, và buổi gặp gỡ này sẽ được Kicon đưa lên mạng lưới Internet toàn cầu. Ông Phạm Phú Minh, Chủ nhiệm tạp chí Thế Kỷ 21 là "host" của chương trình, xuất hiện trước ống kính cùng các bà Phạm Thị Hảo, Phạm Thị Hoàn và ông Phạm Tuân, cho biết trong buổi này các người con của Phạm Quỳnh chỉ đề cập đến những gì liên quan đến gia đình học giả, còn các vấn đề khác như chính trị, văn học, báo chí v.v... thì dành cho buổi hội thảo ngày 8/5. Có mặt trong phòng thu hình buổi này ngoài các phóng viên báo chí và đài phát thanh còn có một số cháu nội cháu ngoại của học giả Phạm Quỳnh cùng một số thân hữu của gia đình.

Các câu hỏi của giới truyền thông xoáy mạnh vào ký ức của gia đình trong thời điểm cố học giả Phạm Quỳnh bị Việt Minh bắt đi, và sau đó thủ tiêu, vào năm 1945 đã gợi mối xúc cảm thương tâm của những người con, nhiều câu trả lời đã nghẹn ngào cùng với tiếng khóc cố nén lại. Ngoài những kỷ niệm êm đềm trong gia đình và ấn tượng kinh hoàng đau khổ khi tai họa ập đến do bà Hoàn và ông Tuân gợi lại, bà Phạm Thị Hảo đã kể chuyến đi tìm hài cốt của cha vào năm 1956 tại Quảng Trị mà chính bà là người thực hiện. Sau khi dọ hỏi chắc chắn địa điểm hạ sát các ông Ngô

Chương trình phỏng vấn gia đình học giả Phạm Quỳnh tại Công ty Internet Kicon. Từ trái: Ông Phạm Tuân (con út, học giả Phạm Quỳnh), Bà Phạm Thị Hoàn (con gái thứ tám), ông Phạm Phú Minh (người dẫn chương trình), bà Phạm Thị Hảo (con gái thứ năm), bà Tôn Nữ An (cháu ngoại)

Đình Khôi, Ngô Đình Huân và Phạm Quỳnh tại khu rừng Hắc Thú ở Quảng Trị, chính quyền Ngô Đình Diệm đã tổ chức cuộc khai quật, bà Hảo nhân dịp này đã thắp tùng để nhận hài cốt thân phụ cùng chôn chung một hố với các ông Khôi và Huân. Hài cốt của thân phụ bà được nhận ra dễ dàng nhờ cặp mắt kính vẫn còn đeo khi bị hạ sát.

"Ngày Phạm Quỳnh" chính thức bắt đầu vào lúc 10 giờ sáng ngày 8 tháng Năm 1999, khi phòng Sinh hoạt nhật báo Người Việt mở cửa cho công chúng vào xem cuộc triển lãm về hình ảnh và tài liệu liên quan đến học giả Phạm Quỳnh. Chiếm một góc của phòng Sinh hoạt, những gì được trưng bày không nhiều nhưng là những tài liệu vô cùng quý hiếm mà ngày nay không mấy khi chúng ta có duyên được thấy. Trên tường người ta thấy hình ảnh của trường Thông Ngôn (Collège des Interprètes, mà Phạm Quỳnh đã theo học) chụp vào đầu thế kỷ này với các học sinh hoàn toàn ăn mặc áo dài khăn đóng; hình quý vị sáng lập (mà Phạm Quỳnh là một) và hội viên của Hội Trí Tri tại Hà Nội; hình Phạm Quỳnh chụp chung với nhà văn Phạm Duy Tốn (thân phụ nhạc sĩ Phạm Duy); hình Phạm Quỳnh chụp tại Sài Gòn năm 1918 với Diệp Văn Kỳ, Trần Năng Thận, Lê Đức, và rất nhiều hình ảnh khác về các sinh hoạt triều đình thời Phạm Quỳnh làm Thượng thư tại Huế, như những phiên họp nội các với vua Bảo Đại chủ tọa, lễ tế Nam Giao... Về các thủ bút của cố học giả, người ta được thấy các dấu vết xa nhất và gần nhất: những trang nhật ký ghi chép trong thời gian ở Pháp năm 1922; ví dụ: Jeudi 13 Juillet 1922 - Ăn cơm An Nam với Phan Văn Trường và Nguyễn Ái Quốc ở nhà Trường; hoặc: Dimanche 16 Juillet 1922 - Ở nhà. Trường, Ái Quốc và Chuyền đến chơi. Những trang viết cuối cùng của Phạm Quỳnh cũng được trưng bày như Hoa Đường Tùy Bút, viết sau ngày rút lui ra khỏi quan trường năm 1945, hay các trang dịch thơ Đỗ Phủ với thủ bút Hán tự rất đẹp. Các ấn bản liên quan đến Phạm Quỳnh cũng khá phong phú: người ta được xem gần trọn bộ Thượng Chi Văn Tập, một số các tờ báo Nam Phong được đóng tập và một số sách tiếng Pháp của Phạm Quỳnh; đây chỉ là một phần nhỏ những sách vở mà gia đình đang lưu giữ. Người ta cũng đọc trên tường những trích dẫn nói lên lòng thiết tha với văn hóa dân tộc của học giả họ Phạm, như

* Tiếng An Nam ta có quả nghèo không? Anh em ta phải phá cho ra cái nghi án thiên cổ đó.

* Dân Việt Nam chúng tôi không thể ví như một tờ giấy trắng được; dân chúng tôi là một cuốn sách cổ đầy những chữ viết bằng một thứ mực không phai, đã mấy mươi thế kỷ nay không có thuốc gì có thể xóa hẳn được thứ chữ ấy đi, không ai có quyền tự do muốn viết gì vào đấy thì viết được! Quyển sách cổ ấy có thể đóng theo kiểu mới cho hợp thời trang, nhưng không thể đem in một thứ chữ ngoài lên trên các dòng chữ cũ được.

(Trích diễn văn đọc trước Hàn Lâm Viện Pháp năm 1922).

Có thể nói khó có một nhân vật chính trị hay văn học nào của Việt Nam cận đại mà tài

liệu cá nhân còn được phong phú như Phạm Quỳnh. Và ban tổ chức lần này cũng may mắn được sự hợp tác rất tích cực của gia đình, ngoài ra còn một số thân hữu như ông Nguyễn Cúc ở Dallas, nhà báo Như Phong Lê Văn Tiến ở Washington DC gửi bổ túc một số hình ảnh, sách báo và tài liệu nên buổi triển lãm càng thêm dồi dào phong phú.

Chương trình tiếp tân bắt đầu từ 12 giờ trưa với phần giới thiệu gia đình cố học giả

Bà Phạm Thị Hảo đang nói lời đáp từ sau khi nhận tấm plaque kỷ niệm của trường UCI do bà Ann Frank trao tặng.

Phạm Quỳnh gồm các người con và cháu nội, cháu ngoại. Bà Phạm Thị Hảo khi bắt tay chào mừng người quen cũ là nhạc sĩ Phạm Duy đã cho biết: người làm chứng trong Giấy Khai Sinh của bà làm năm 1920 tại Hà Nội là ông Phạm Duy Tốn, thân phụ của nhạc sĩ Phạm Duy. Bà Ann Frank, Giám đốc Kho Lưu Trữ Đông Nam Á của viện đại học UCI đã làm một cử chỉ bất ngờ và xúc động: bà đã nhân danh nhà trường, nhân dịp Ngày Phạm Quỳnh tặng một tấm plaque kỷ niệm đến gia đình cố học giả Phạm Quỳnh, người mà từ lâu bà đã "quen biết" qua những tác phẩm lưu trữ tại văn khố của bà. Bà Hảo đại diện gia đình đã nói lên sự cảm động của mình trước cử chỉ đầy tình nghĩa của những người làm văn hóa tại trường UCI. Bữa ăn trưa nhẹ toàn những món chay sau đó là thời gian thích hợp để mọi người trò chuyện cùng nhau. Một số đáng kể khách tham dự hôm đó là thân hữu của gia đình học giả Phạm Quỳnh, người ta nhận thấy Thượng Tọa Thích Mãn Giác, bác sĩ Trần Ngọc Ninh, cựu Đại sứ VNCH tại Nhật Bản Vĩnh Thọ, những gia đình gốc Huế và gốc Hà Nội cũ..., những người mang đầy kỷ ức và tình cảm của những ngày xa xưa, gặp nhau bùi ngùi, tưởng nhớ...

Mọi người quay lại phòng họp lúc 1giờ 30 để bắt đầu chương trình hội thảo. Nhà văn Võ Phiến mở màn với bài nói "Sự đối kỵ cái trừu tượng" trình bày về một tính chất của ngôn ngữ Việt Nam là rất giàu chữ để nói về cái cụ thể mà thiếu chữ để chỉ sự trừu tượng, để từ đó cho thấy cái công cố gắng của Phạm Quỳnh để "đoàn luyện quốc văn," "bồi bổ quốc văn," bồi bổ cho nhiều tiếng trừu tượng, biến nó thành một phương tiện tốt cho loại văn luận thuyết mà Việt Nam vẫn thiếu.

Trong bài thuyết trình "Phạm Quỳnh, nhà báo" của mình, Giáo sư Nguyễn Ngọc Bích không đồng ý điều người ta thường nói Phạm Quỳnh là một nhà văn, dù ông đủ tư cách để thành một nhà văn có hạng. Theo thuyết trình viên, Phạm Quỳnh "đã cưỡng lại cái khuynh hướng viết truyện," để chỉ làm một nhà báo, một nhà báo có lập trường, có chương trình và có viễn kiến. Chủ nhiệm kiêm chủ bút tờ Nam Phong đã kiên trì với công việc xây dựng một nền tản văn Việt Nam, chủ trương (và tranh đấu nữa) để tiếng mẹ đẻ được giảng dạy trong trường, để từ đó xây dựng nền quốc học. Dĩ nhiên trong đời mình Phạm Quỳnh đã làm nhiều việc khác, nhưng chỉ riêng việc làm báo, ông đã chứng tỏ người có công lớn đối với văn hóa Việt nam.

Giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch, tức nhà thơ Trần Hồng Châu, đã nhớ lại các tiếp xúc đầu tiên của mình với văn chương Phạm Quỳnh, và những ấn tượng về tiếng Việt và văn học Việt Nam mà các bài viết này đã gây nơi ông. Theo ông Phạm Quỳnh là người có đường hướng và nguyên tắc rõ ràng về việc xây dựng một nền quốc học, và đã bắt tay làm công việc cần thiết ưu tiên là làm giàu cho tiếng Việt. Tiếng nói phải có khả năng mới xây nổi nền quốc học, có quốc học mới xây đắp hồn dân tộc, dân tộc có

hồn thì mới trường tồn. Ngày nay khi đọc lại những gì Phạm Quỳnh viết, ông thấy đó là một tâm hồn lớn, có viễn kiến, có lòng yêu nước, và cái nhìn của ông về văn hóa cách đây bảy tám chục năm đến bây giờ vẫn còn giá trị đối với vận mệnh của nước Việt Nam.

Tuy sẽ nói về tư tưởng chính trị của Phạm Quỳnh, giáo sư Nguyễn Phúc Bửu Tập mở đầu bằng các ký ức rất đáng yêu về làng An Cựu của ông, từ khi có quan thượng thư họ Phạm tới cư ngụ ở biệt thự Hoa Đường. Riêng về chính trị, tư tưởng của Phạm Quỳnh là quân chủ lập hiến, bênh vực sự tồn tại của nhà Nguyễn và triều đình Huế như một thực tế để tranh đấu với người Pháp về chủ quyền Việt Nam dựa trên căn bản hiệp ước Patenôtre. Các biến chuyển trong và sau Thế chiến thứ hai quá dồn dập và lớn lao làm cho tư tưởng quân chủ lập hiến không còn thích hợp, nhưng nếu xét tư tưởng ấy trong thập niên mười và hai mươi, khi trình độ dân trí Việt Nam nói chung còn thấp, thì theo diễn giả, Phạm Quỳnh có lý, vì bỏ triều đình đi thì cái thay thế cũng chỉ sẽ na ná như vậy. Giáo sư Bửu Tập nhìn nơi Phạm Quỳnh không chỉ là một nhà học giả, mà còn là một chí sĩ, một chiến sĩ theo cách của ông.

Đề tài bài thuyết trình của nhà nghiên cứu sử Tạ Chí Đại Trường là "Trường Viễn Đông Bác Cổ có ảnh hưởng đến Phạm Quỳnh như thế nào?" Một người tốt nghiệp trường Bảo hộ và ra đời vào làm việc ngay với trường Pháp Quốc Viễn Đông Bác Cổ thay vì trở thành thầy thông thầy ký ở phủ Khâm sứ hay Toàn quyền, theo diễn giả việc ấy có ảnh hưởng rất có ý nghĩa đối với Phạm Quỳnh. Trường Bác cổ là môi trường nghiên cứu khoa học, có lẽ điều đó đã hướng Phạm Quỳnh đi sâu vào những lãnh vực như triết học, văn học, mĩ học và văn chương kim cổ. Có lẽ đây là một cái nhìn khá lý thú để lý giải về sự nghiệp của một người: môi trường làm việc lúc đầu đời sẽ ảnh hưởng như thế nào đối với sự nghiệp của người đó.

Sau phần thuyết trình của năm diễn giả chính như đã nêu trên, vì thì giờ đã hết nên ban tổ chức đã không thể đọc những bài tham luận của các văn hữu Như Phong Lê Văn Tiến gửi về từ Washington DC, Nguyên Hương Nguyễn Cúc từ Dallas, Trần Thanh Hiệp từ Paris, như đã dự định. Người tham luận duy nhất là ông Vĩnh Thọ, cựu đại sứ VNCH tại Nhật Bản, người trong thời thơ ấu có nhiều cơ hội gần gũi Phạm Quỳnh và được coi như là nghĩa tử của học giả họ Phạm. Ngoài một số kỷ niệm, ông cũng có các nhận định tích cực về mặt chính trị đối với Phạm Quỳnh. Một số người khác còn muốn lên đóng góp ý kiến, nhưng vì buổi hội thảo kéo dài đã quá lâu, ban tổ chức đành phải tuyên bố chấm dứt.

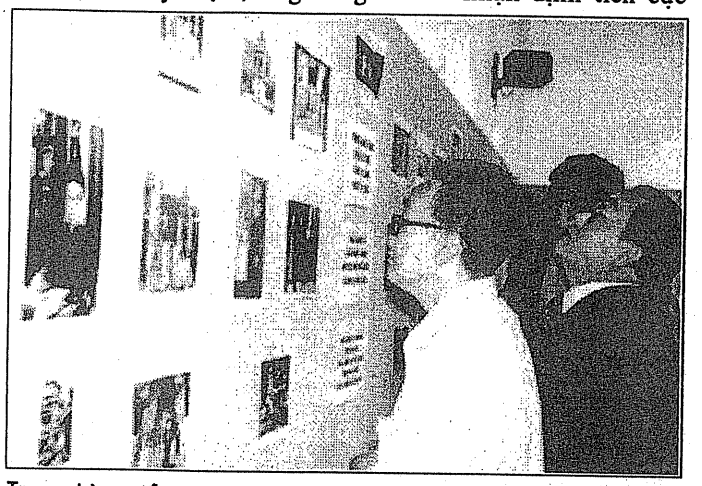
Trong phòng triển lãm

Hai nét chính trong Ngày Phạm Quỳnh là tưởng niệm và hội thảo. Phần tưởng niệm gồm xem triển lãm những hình ảnh, tài liệu liên quan đến người đã khuất, đồng thời gặp gỡ ,trao đổi, tâm sự, mọi việc nghiêng về tình cảm. Phần hội thảo nặng tính chất trí tuệ, tìm hiểu, đánh giá lại những giá trị của Phạm Quỳnh qua những trước tác và những việc ông đã làm. Về văn hóa, ông là người có công lớn và có cái nhìn xa về những gì cần phải làm cho tương lai của dân tộc. Về chính trị, ông đã đi đến một kết thúc bi thảm. Việc ông bị chính quyền Việt Minh năm 1945 kết án Việt gian và sát hại không đủ để thẩm định cuộc đời chính trị của ông, vì Việt Minh hành động theo mục tiêu của Đệ tam quốc tế Cộng sản chứ không theo lương tri của dân tộc, và ông không phải là người duy nhất bị Việt Minh giết hại vào thời gian đó. Ngày Phạm Quỳnh tổ chức lần này chỉ là một đóng góp nhỏ bé mà một số người làm truyền thông phối hợp với gia đình của học giả cố gắng thực hiện, nhằm đặt để lại những giá trị mà những oan khuất của lịch sử có thể làm cho lớp sau hiểu lệch lạc đi. Sự thật và trí tuệ phải thắng sự bưng bít và ngu dốt lãng quên.●

TIỂU SỬ PHẠM QUỲNH

Phạm Quỳnh sinh ngày 17 tháng Hai năm 1892 tại Hà Nội. Ông thuộc về một gia đình nho học, gốc làng Lương Ngọc, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Ông có hiệu là Thượng Chi.

Mồ côi mẹ lúc chín tháng, mồ côi cha lúc chín tuổi, ông được bà nội nuôi nấng cho ăn học tại Hà Nội. Sau khi đỗ thủ khoa trường Bảo Hộ vào năm 1908 lúc 16 tuổi, ông vào làm việc tại trường Viễn Đông Bác Cổ cho đến năm 1917, là năm báo Nam Phong ra đời với Phạm Quỳnh là Chủ Nhiệm kiêm Chủ Bút, và gắn bó với tờ báo này đến năm 1932.

Phạm Quỳnh

Png cũng đã phụ trách lớp dạy về Ngôn ngữ và Văn chương Hán-Việt tại trường Cao đẳng Hà Nội từ 1924 đến 1932. Công cán du thuyết tại Pháp nhân dịp đấu xảo thuộc địa năm 1922; nhân viên Hội đồng Tư vấn Bắc Kỳ năm 1926; sáng lập và Tổng thư ký Hội Khai Trí Tiến Đức tại Hà Nội; Hội trưởng Hội Trí Tri Bắc Kỳ từ năm 1925 đến 1928; Phó Hội trưởng Hội Địa dư Hà Nội năm 1931; Tổng thư ký Ủy ban Cứu trợ Xã hội Bắc Kỳ năm 1931-1932.

Được Hoàng đế Bảo Đại bổ nhiệm Thượng Thư kiêm Ngự tiền Văn phòng ngày 11 tháng 11 năm 1932. Bổ nhiệm Thượng Thư bộ Quốc Gia Giáo Dục ngày 2 tháng 5 năm 1933. Tháp tùng Hoàng đế Bảo Đại và Hoàng hậu An Nam công du nước Pháp (từ tháng 5 đến tháng 8 năm 1939). Được phong làm Thái tử Thiếu bảo và bổ nhiệm Lại bộ Thượng Thư ngày 12 tháng 5 năm 1942.

Năm 1945, sau khi Nhật đảo chính Pháp vào ngày 9 tháng Ba, Phạm Quỳnh, lúc bấy giờ là Thượng Thư bộ Lại (xem như Thủ Tướng), đã nhân danh chính phủ Hoàng Gia, ký bản Tuyên Bố Độc Lập cho Việt Nam. Sau việc này, ông từ nhiệm.

Sau khi Việt Minh lên nắm chính quyền tại Huế, họ đã đến nhà bắt ông đi vào ngày 23 tháng Tám 1945. VÀ ông không bao giờ trở về nữa.

Vào năm 1956, gia đình đã tìm được hài cốt của ông tại khu rừng Hắc Thú, tỉnh Quảng Trị, và mang về an táng tại chùa Vạn Phước, Huế, vào ngày 9 tháng Hai 1956.

Đã biên soạn các tác phẩm:

* Bằng Pháp văn:

- *Quelques conférences à Paris*, 1923
- *L'idéal du Sage dans la philosophie confucéenne*, 1928
- *Le paysan tonkinois à travers le parler populaire*, 1929
- *La póesie annamite*, 1931
- Essais et Nouveaux essais franco-annamites, 1938
- Redressement francais et Restauration annamite
- Maurras et Confucius
- Un pòete humaniste: Phan Mạnh Danh

* Một số lớn các bài viết bằng tiếng Việt được tập họp trong Nam Phong Tùng Thư. Năm 1943 ông xuất bản bộ *Thượng Chi Văn Tập* gồm năm cuốn; vào năm 1962 bộ Giáo Dục tại Sài Gòn đã in lại đầy đủ bộ này.●

ĐỐ KỴ CÁI TRỪU TƯỢNG

(Thuyết trình tại buổi hội thảo trong Ngày Phạm Quỳnh)

VÕ PHIẾN

Đi tới cuối thế kỷ, phản ứng tự nhiên là ngoái đầu nhìn loáng một cái vào đầu thế kỷ. Đối với ai kia, có thể là bất giác nhìn chơi. Đối với chúng ta — đám viết lách — cái nhìn ấy có ý nghĩa khác hơn một chút. Bởi vì thời kỳ văn học hiện đại của Việt Nam, thời kỳ có mình trong đó, chính bắt đầu từ thế kỷ XX này.

Đem cái khả năng của một cá nhân lỗi lạc, Trương Vĩnh Ký gây được mầm manh nha của nền văn học mới, rồi ông nằm xuống vào cuối thế kỷ trước (năm 1898). Tiếp theo ông là những hoạt động qui mô rầm rộ của hai ông Nguyễn Văn Vĩnh và Phạm Quỳnh, mỗi vị qui tụ một nhóm văn nhân học giả cừ khôi. Trong vòng hăm lăm năm — một phần tư thế kỷ — họ làm xong nhiệm vụ của thế hệ tiền phong trong giai đoạn giao thời. Thời ấy là thời Nho học suy tàn Tây học mới nẩy. Mỗi nhóm *Đông Dương* và *Nam Phong* gồm đủ hai thành phần tân cựu học. Kẻ tinh thông Hán học gấp rút tổng kết nhằm bàn giao cái vốn liếng tinh thần của tiền nhân để lại cho lớp sau đang thiếu Hán ngữ; người giỏi Pháp văn tới tấp dịch thuật, giới thiệu văn chương tư tưởng Âu Tây bấy giờ hãy còn xa lạ đối với quốc dân. Công việc ấy gọi là "Truyền bá Đông Tây học thuật." Việc truyền bá cần một công cụ: vậy phải trau luyện Việt ngữ cho thành một phương tiện xứng tầm.

Xem lại Việt ngữ, thấy lắm điều rắc rối. Thuở Trương Vĩnh Ký là thuở phổ biến *chữ* quốc ngữ, tức thứ chữ dùng làm mẫu tự la tinh mà phiên âm tiếng Việt; sang thời Nguyễn Văn Vĩnh và Phạm Quỳnh mới tiến lên trau dồi cái *"văn* quốc ngữ" (theo cách nói của ông Phạm).

Việt ngữ có dùng được vào văn học không? Thuở ấy lắm kẻ phân vân. Có ý kiến cho rằng: Việt ngữ kém lắm, so với văn Tàu văn Tây thì "trẻ lên ba khôn sao bằng người đầu bạc." Cánh hăm hở sốt ruột nhất đề nghị nên gác tiếng Việt ra ngoài, trong phạm vi học thuật hãy lấy phăng cái tiếng Pháp ra xài ngay cho tiện. Nguyễn Văn Vĩnh, trong bài tựa bản dịch truyện *Gil Blas de Santillane* kể rằng thoạt đầu, thuở ông bắt tay vào việc, trong nước ta chưa mấy ai tin nổi có thể dùng tiếng Việt để dịch tiểu thuyết Tây. Vậy mà ông xắn tay xông vào, rốt cuộc làm nên sự nghiệp đồ sộ; Vũ Ngọc Phan cho rằng ông là quán quân dịch thuật Pháp văn một thời.

Nhưng chính Nguyễn Văn Vĩnh, chính ông quán quân ấy, con người mê say cực đoan từng xác quyết học quốc ngữ "là một sự bất đắc bất nhiên, là việc sống chết của nước Nam ta," chính người ấy cũng phải cho rằng tiếng Việt có chỗ yếu lớn, khiến lắm lúc không thể đem nó ra xài được. Phải chờ trau luyện nó đã. Trong khi chờ đợi, ông Nguyễn dùng tạm tiếng Tây! Một bài báo của ông đăng trên tờ *L'Annam Nouveau* hồi 1935, nguyên cái nhan đề đã nêu rõ lý do: *"Le francais, langue de discussion."* Ông kể rằng một đồng nghiệp, đến phỏng vấn về vấn đề trau luyện Việt ngữ, đã trách ông không chịu trao đổi ý kiến bằng Việt ngữ mà lại chọn nói tiếng Pháp. Theo ông, trong khi tranh luận, tiếng Việt thiếu tính cách trong sáng và chính xác. Trước đó năm năm, trong cuộc bút chiến với Phạm Quỳnh về vấn đề chế độ lập hiến hay trực trị hai ông cũng đều dùng tiếng Pháp (riêng Phạm Quỳnh có đăng trên *Nam Phong* bản Việt ngữ.)

Như thế, ông Nguyễn ông Phạm thuở ấy

cùng gặp nhau ở một nhận định về nhược điểm của Việt ngữ: không phải thứ tiếng để cãi cọ. Nhưng cái ấy chưa hay ho bằng chuyện cả hai vị lại cùng gặp nhau nữa, ở nhận định về ưu điểm của Việt ngữ: Hai vị nhất trí về thành công rực rỡ của *Truyện Kiều*, tin tưởng ở *Truyện Kiều*, ca ngợi *Truyện Kiều*. Nguyễn Văn Vĩnh đem *Truyện Kiều* dịch ra Pháp văn, Phạm Quỳnh tung hô *Truyện Kiều* quá lời đến nỗi Ngô Đức Kế nổi dóa.

Một cái tiếng thoạt không mấy ai ngờ có thể dịch nổi truyện Tây, vậy mà đem ra dịch thì dịch phăng phăng nào thơ nào truyện nào kịch, thứ nào thứ nấy thiên hạ khen hay nức nở, kết quả sáng chói, đem viết truyện thì từng viết nên truyện hay đến nỗi "thử hỏi cổ kim Đông Tây đã có một áng văn chương nào cảm người được sâu xa và được rộng rãi như thế chưa?", đến nỗi thành ra "là một kỳ công có một trong cõi văn thế giới" (lời ông Phạm). Thế rồi cũng một cái tiếng ấy mà đem ra cãi cọ với nhau tí chút lại không được, lại kẹt cứng. Thế có mâu thuẫn không? có quái lạ không?

Chỗ ấy Nguyễn Văn Vĩnh đã trải qua, nhưng không thấy thắc mắc gì. Phạm Quỳnh, ông có nghĩ ngợi về điều này. Theo ông, văn có hai thứ văn: văn nghệ thuật và văn luận thuyết. Về văn nghệ thuật thì Việt Nam đã đạt tới chỗ tuyệt vời; nhưng "về lối văn thuyết lý thì hầu như không từng thấy bao giờ."

Quả là trong các phẩm bằng chữ nôm được để lại, không hề có thứ ấy. Nguyễn Văn Vĩnh dùng chữ "tranh luận," ý có hẹp. Cái yếu của ta không nhất thiết chỉ ở chuyện tranh luận; mà là cái yếu chung chung về biện luận, thuyết lý, biện giải, thuyết minh, lý luận... Không cần chờ tranh cãi nhau mới bày ra cái yếu; cứ diễn đạt cái suy tưởng là thấy yếu ngay.

Tại sao ta yếu món ấy? Phạm Quỳnh cũng có lời giải đáp: Vì tiếng ta giàu về phần "hình nhi hạ," mà nghèo về phần "hình nhi thượng." Nói thế nghe có lạ tai. Ông Phạm giải thích:

Nhà văn Võ Phiến

Muốn dùng chữ triết học mà nói thì tiếng Nam ta có tính cách cụ thể (concret) hơn là trừu tượng (abstrait). Tiếng cụ thể diễn tả những cái do giác quan cảm nhận, tả trạng thái của sự vật "thì hay vô cùng tưởng không tiếng nước nào bằng." Vậy, tiếng ta vừa quán quân (về văn nghệ thuật), vừa bất lực (về văn luận thuyết) là do ở chỗ quá thiên về cái cụ thể.

Tính cụ thể thắng tính trừu tượng trong Việt ngữ, ông Phạm phát biểu thẳng, không viện dẫn một tác giả nào, một bậc tiền bối nào. Ông là người đầu tiên nhận ra chỗ ấy chăng? Nếu đầu tiên thì chỉ là đầu trong số các văn nhân ta thôi, chứ người nước ngoài đã từng có kẻ thấy từ trước. Chẳng hạn giáo sĩ F.X. Marette. Trong một tập *Biên niên truyền giáo (Annales de la propagation de la foi)* in ở Paris năm 1833, ông này đã cho rằng "Việt ngữ phong phú về tiếng để diễn tả những cái thông thường và có thể cảm nhận được, nhưng nghèo về loại tiếng dùng vào các kỹ thuật cơ khí và các ngành mỹ thuật; Việt ngữ tuyệt đối không có tiếng để diễn đạt các ý tưởng trừu tượng." (1)

Kể ra người ngoài có sáng hơn ta cũng không nên lấy làm lạ. Ta quen thuộc tiếng ta từ bé, ta không để ý; còn như kẻ đến từ xa, từ một truyền thống văn hóa khác hẳn, kẻ quen vận dụng tiếng nói vào vô vàn vấn đề trừu tượng, lại đang rao giảng tôn giáo, hàng ngày chuyên nói những chuyện tâm linh mờ mịt, chợt đụng đầu vào thứ tiếng "tuyệt đối" không có một từ trừu tượng nào, kẻ nọ phải sững sờ chứ. (*Tuyệt đối*? ông giáo sĩ nọ có quá đáng không? Dù sao, con người có xác có hồn. Chữ *xác* là tiếng thuần Việt, chỉ thị một khối cụ thể; đến chữ *hồn* ông giáo sĩ gặp khốn khổ ngay. *Hồn* là tiếng Tàu. Ta không có tiếng gọi tên cái hồn, ta không mảy may để ý đến, không lúc nào thấy cần phải nói đến cái món trừu tượng ấy. Sao mà dân tộc ta đố kỵ trừu

tượng đến thế!)

Kẻ sũng sờ đã nêu ra sự lạ trước Phạm Quỳnh trăm năm; nhưng chỉ có thế rồi thôi. Phạm Quỳnh không thôi. Từ cái trừu tượng, ông liên hệ sang khả năng biện luận của dân tộc. Thấy ta kém biện luận, ông bắt tay vào việc chữa cái nhược điểm của tiếng Việt. Ông hô hào "đoàn luyện quốc văn," "bồi bổ quốc văn." Bồi bổ vào cho nó thật nhiều tiếng trừu tượng, biến nó thành một phương tiện tốt, đắc lực, thích hợp hơn cho loại văn luận thuyết.

Trong vòng mười năm đầu của *Nam Phong*, ông Phạm tính ra đã "phát hành kể có hàng ngàn tiếng mới" (2), ông đã dùng chúng vào các việc biên tập, dịch thuật, việc truyền bá Đông Tây học thuật.

Phạm Quỳnh bắt được mối liên quan giữa loại văn biện luận và từ ngữ trừu tượng, nhưng khi bàn về vấn đề quốc học không thấy ông đề cập đến mối liên quan này.

Ta chưa từng có quốc học, Phạm Quỳnh và Phan Khôi hồi đó (1931) đều bảo thế. Ông Phan tìm hiểu kỹ càng thành tích trước tác của tiền nhân, cố xem có gì đáng gọi là quốc học chăng, ông kết thúc: "Tìm mãi không ra cho tới ngày nay tôi mới trịnh trọng và quả quyết mà nói rằng không có." Ông Phạm tán đồng: "Nước Nam ta mấy mươi thế kỷ theo học nước Tàu chỉ mới là người học trò khá, chưa hề thấy dám thoát cửa thầy mà lập nên môn hộ riêng, không những thế lại cũng không lọt ra ngoài vòng giáo khoa mà bước lên tới cõi học thuật nữa. Như vậy thì làm sao có học thuật được?"

Quốc học, hai vị đều hiểu là "gồm những phong trào về tư tưởng về học thuật trong một nước." Vậy văn học thì ta có, quốc học thì không; nghệ thuật thì có, học thuật thì không.

Tại sao vậy? Phan Khôi, ta không thấy ông thắc mắc về điều này. Phạm Quỳnh vẫn kỹ càng, chu tất. Ông giải thích: đó là vì hoàn cảnh. Có hoàn cảnh địa lý, có hoàn cảnh lịch sử, có hoàn cảnh chính trị, thảy đều bất lợi cho sự phát triển của học thuật, tư tưởng, ở ta.

Tôi thầm chờ đợi thêm một lý do không được ông đưa ra: lý do bẩm chất. Chẳng hạn: Trời sinh ra dân ta vốn không thoải mái đối với những gì là tư tưởng, là lý luận, những gì trừu trượng. Bẩm chất ấy đã bộc hiện ra ở cái tiếng ta nói, làm gì nó lại chẳng bộc hiện ở những điều ta viết? Ông Phạm đã nhận ra rằng ta không giỏi biện luận vì tiếng ta nghèo trừu tượng, sao ông không nhận luôn rằng ta thiếu học thuật cũng có phần vì lẽ ấy? Có gì khiến ông ngại ngùng chăng?

Nói "trời sinh," chẳng qua là buột miệng nói cách dễ dãi, nói theo cái ngôn ngữ thông dụng hàng ngày. Bẩm chất với hoàn cảnh xét ra cũng không trái nhau, còn có thể có liên hệ. Muôn loài sinh ra có giống giỏi bay, có giống chuyên lội, có loài mọc sừng, có loài dài cổ, có giống thở bằng phổi, có giống thở bằng mang v.v...: xét hiện tại thì là trời sinh ra thế, là bẩm sinh cả. Nhưng truy ngược tới tận nguồn thì có thể là do hoàn cảnh, dám lắm. Thuở ban sơ đâu có bao nhiêu loài. Từ một số ít, sinh vật phát triển ra nhiều. Tùy hoàn cảnh sinh sống khác nhau mà trong quá trình tiến hóa mỗi loài biến ra một vẻ, rồi truyền tử lưu tôn muôn vạn kiếp, hóa ra đặc tính bẩm sinh. Nói gần thì *lươn ngắn chạch dài, thờn bơn méo miệng với trai lệch mồm* là bẩm sinh; nhưng nói xa thì có thể qui cho những hoàn cảnh khác nhau. Xu hướng đố kỵ cái trừu tượng ở ta có lẽ không bỗng dưng mà có. Xem gần nó như tuồng một xu hướng bẩm sinh; nhưng nghĩ xa, không chừng nó đã phát sinh do một "hoàn cảnh" nào đó, trong thời đại hồng hoang. Thời nào? bao xa? Ai mà biết! Rồi đây hoàn cảnh đổi khác, xu hướng tinh thần nọ sẽ mất đi chăng? bao giờ mất? Ai mà biết được!

Họa chăng người ta chỉ đoán rằng hoàn cảnh phát sinh phải xa lắm, từ trước khi ta có tiếng nói. Bởi vì khó thể tưởng tượng nổi xưa kia ta vốn sử dụng thứ ngôn ngữ có nhiều từ trừu tượng; rồi dần dà loại từ ấy rụng dần, biến mất dần, rốt cuộc "tuyệt đối" không còn tiếng nào nữa. Ông Phạm nói đến hoàn cảnh, ông không có ý nói xa đến thế. Ông chỉ muốn chỉ thị cái hoàn cảnh ta sống gần khối dân Tàu lớn, đông và mạnh, cái hoàn cảnh khiến ta phải lo việc tự tồn đến nỗi quên việc suy tư. Hoàn cảnh ông nói đó là gần đây, mới vài ngàn năm, e không đến nỗi xóa tiếng của ta. Trái lại, sự tiếp xúc với người Tàu chính đã làm giàu thêm tiếng ta, nhất là tiếng trừu tượng. Trong bộ *Việt Nam tự điển* của hội Khai Trí Tiến Đức có 13,276 chữ, trong đó 3,443 vốn gốc tiếng Tàu; chắc chúng nó đã bắt đầu chạy vào tiếng Việt từ thuở Bắc thuộc ấy.

Ta du nhập tiếng trừu tượng tích cực như vậy hết nghìn năm này đến nghìn năm khác, mà mãi vẫn chưa từng dựng nên quốc học, mà thành tích học thuật chưa có gì cả, khiến cho đầu thế kỷ này kẻ sĩ có ý thức phải ráo riết "truyền bá Đông Tây học thuật."

Cùng lúc ấy, thế hệ Phạm Quỳnh - Nguyễn Văn Vĩnh lại khẩn trương bồi bổ, và các thế hệ tiếp cũng lại tiếp tục bồi bổ quốc văn, du nhập thêm nghìn nọ nghìn kia tiếng trừu tượng mới nữa. Thế bây giờ - cuối thế kỷ - chúng ta đang đến đâu, về mặt học thuật? Chúng ta đã có chủ thuyết triết học riêng, có chủ thuyết kinh tế mới mẻ, đã mở ra những trường phái chính trị đặc biệt sáng giá chăng? Các bậc trí thức, học giả, của chúng ta đang hối hả "truyền bá học thuật Việt ra khắp Đông Tây" gấp gấp chăng?

Chuyện ấy chưa hề xảy ra. Chỉ thấy hoạt động ráo riết ở ta vẫn là truyền bá Đông Tây tư tưởng. Vẫn là truyền vào, chưa phải truyền ra. Cuối thế kỷ cái truyền vào cũng ráo riết không kém hồi đầu thế kỷ.

Chừng ấy cứu chữa chưa đạt kết quả; có lẽ lúc này chúng ta nên góp thêm một vài suy ngẫm.

Chẳng hạn về mối liên hệ giữa tiếng trừu tượng với khả năng biện luận suy tưởng. Đó là loại liên hệ thế nào? Bảo rằng vì thiếu tiếng trừu tượng mà kém về biện luận, hay bảo rằng vì ít suy luận nên không cần đến, không đặt ra tiếng trừu tượng, do đó loại tiếng này hóa nghèo. Như thế là cho rằng hai bên có liên hệ nhân quả: cái này sinh ra cái kia, hoặc ngược lại. Liên hệ như cha với con. Sửa cái nhân thì cái quả sẽ đổi khác.

Mặt khác, lại có thể hiểu: thiếu tiếng trừu tượng và kém về suy luận là hai hiện tượng cùng biểu lộ một xu hướng tinh thần. Tiếng nói là phương tiện diễn đạt ý tình; phương tiện tốt thì diễn đạt tốt. Nhưng mặt khác tiếng nói tự nó cũng là biểu hiện của một xu hướng tinh thần của dân tộc, cũng là phản ảnh của một sở trường bẩm sinh tiềm ẩn, tự bản thân nó cũng ẩn ngụ những ý tình thầm kín của dân tộc, không sao? Là phương tiện, nó không phải thứ phương tiện như cây cuốc, lưỡi cày, như cái búa, lưỡi dao v.v... Hai sự kiện cùng phát sinh từ một xu hướng gốc, chứ không phải sự kiện này sinh ra sự kiện kia. Giữa đôi bên không phải là thứ liên hệ cha với con, mà là thứ liên hệ anh em song sinh. Cả hai cùng cội rễ, phát sinh từ một hoàn cảnh xa xôi. Hai sự kiện là hai chứng minh bổ túc cho nhau.

Hiểu theo cách này thì việc du nhập, tăng bổ từ trừu tượng vào Việt ngữ sẽ không có hiệu lực phát triển tức thì khả năng suy tưởng, xây dựng nhanh chóng nền quốc học. Tăng bổ từ mới là cung cấp thêm phương tiện, trong khi cái thiếu không phải chỉ là phương tiện. Dù sao, có thêm vốn từ trừu tượng cũng làm chúng ta quen thêm, gần thêm các hoạt động nghiên cứu, suy tưởng. "Hoàn cảnh" sinh hoạt học thuật ấy, dần dần cải biến khuynh hướng "bẩm sinh" đố kỵ trừu tượng của ta. Và một ngày kia, ta sẽ vùng lên. Biết đâu?

Nói thế là nói điều quá xa xôi. Có phải Phạm Quỳnh đã ngại ngùng, và ngại ngùng chính vì chỗ xa xôi ấy? Giữa lúc thế hệ tiền phong đang tưng bừng, hồ hởi, sao nỡ gieo điều ngờ vực, nêu trở lực khó khắc phục?

Thực ra, không cứ là thế hệ tiền phong, thế hệ nào cũng ghét trở lực. Quốc học đã muộn mất bốn nghìn năm văn hiến, đến lúc này mà không dựng gấp sao được? Lên đỉnh cao trí tuệ phải vọt lên cấp kỳ. Chần chờ, sốt ruột lắm.

Một chút so sánh với người thiên hạ càng làm cho ta sốt ruột thêm. Ở Pháp cũng từng có thời lệ thuộc vào tiếng la-tinh (như ta xưa kia lệ thuộc vào chữ Tàu), rồi cũng từng nổi lên chủ trương thoát ly khỏi tiếng la-tinh mà xây dựng nền văn chương học thuật Pháp, vào thế kỷ XV. Không đầy một trăm năm, đã có những thành công cả về hai thứ văn nghệ thuật và văn luận thuyết. Bên này có Du Bellay, Ronsard, thì bên kia cũng có những Calvin (1509 - 1564), Montaigne (1532 - 1592). Chẳng bao lâu xuất hiện Descartes (1596 - 1650), Pascal (1623 ố 1662).

Điều ấy có liên quan chăng đến bản chất của ngôn ngữ Pháp? Nói về cái phương tiện diễn đạt tư tưởng của tiếng Pháp, Montaigne — một vị trong thế hệ tiền phong — bảo: "Tôi thấy ngôn ngữ của chúng ta đã đủ phong phú" (suffisamment abondant). Có phải bản chất ngôn ngữ ấy là một thuận lợi cho sự phát triển học thuật của Pháp? Còn ở ta... thật là sốt ruột.

Dù sao, nên tìm một lý lẽ để hạ hỏa, trong khi chờ đợi một nền quốc học rực rỡ.

Bấy lâu ta kém sút, không kém sút cả. Chỉ kém một bên thôi. Thiếu kém bên ấy, quốc gia vẫn bền vững, dân tộc vẫn tồn tại và phát triển, vẫn sống mạnh sống hùng, thắng sự xâm lăng của nhiều nước lớn và mạnh, thắng và nuốt tươi đôi ba nước nhỏ hay yếu, dân tộc vẫn hưởng một nếp sống có lễ nghĩa, có thuần phong mỹ tục, có nét văn hóa riêng v. v... Ước mong, đòi hỏi phải hơn thế: vâng, thì cứ ước cứ đòi. Nhưng cũng nên biết rằng khắp thế giới xưa nay, cái số các dân tộc xây dựng được

những hệ thống triết lý nguy nga có bao nhiêu đâu. Từ những trung tâm lớn như Trung Hoa, Ấn Độ, Hy Lạp... ánh sáng tư tưởng tỏa dần ra, rồi nhân loại được hưởng cả, lo gì. Vả lại, các công trình tư tưởng lớn lao rồi về sau không hề ngăn cản nổi sự suy sụp thảm hại ở một số quốc gia thuộc những khu vực văn minh lừng lẫy một thời. Vậy quốc học, có lẽ ta cũng không nên kỳ vọng quá đáng vào nó.

Người có hai phía: phía cảm thụ, phía suy tư; văn có hai thứ: thứ nghệ thuật, thứ luận thuyết. Ta xuất sắc về một phía thứ nhất. Không chừng đó lại là phía hay ho đa. Có được các giác quan mẫn nhuệ, có cảm xúc tinh vi, ta tha hồ hưởng thụ, sống một đời phong phú, đậm đà. Phía thứ nhất mà kém, không thể trông cậy vào ai được; ta không thể mượn chiếc lưỡi tinh tế của kẻ khác để thưởng thức chén trà ngon, tô phở ngon, ta không thể nghe nhạc hay bằng đôi tai sành sõi của kẻ khác, không thể xem tranh ngoạn cảnh bằng mắt kẻ khác, yêu đương rào rạt bằng con tim kẻ khác. Một dân tộc có thiên khiếu về cái cụ thể, một dân tộc sở hữu những giác quan tinh nhạy không phải là được Trời cưng sao?

Còn suy tưởng cao xa? Hãy giả vờ nêu thử một câu hỏi liều lĩnh: món ấy có thật là cần kíp không? Cao xa như lời Chúa, lời Phật, như bao nhiêu lời các đức Khổng tử, Mạnh tử , Aristote, Socrate v.v... trước sau đều lần lượt tìm đến tai ta. Người Tàu người Tây nghe được mấy lời, ta cũng được phép nghe đủ mấy lời. Không một triết gia nào, không thánh hiền nào giấu giếm lời hay ý đẹp cả. Trái lại, mọi sản phẩm cao siêu nhất, quí báu nhất đều mong được truyền bá rộng rãi. Chỉ lo ta không cố gắng tiếp nhận, đừng ngại người không quảng bá. Rồi phát minh điện tử, bí mật vũ trụ, thiên hạ khám phá ra đến đâu, ta tha hồ biết theo đến đấy.

Thành quả của trí tuệ, ta hưởng chung với người; cảm nhận các giác quan thì của ai nấy hưởng kỹ.

Vậy lớp tiền phong đầu thế kỷ chủ trương truyền bá Đông Tây học thuật là chí phải. Rồi khi nhận thấy lớp tiền phong cuối thế kỷ vẫn mải miết tiếp tục truyền bá Tây phương học thuật cũng không đến nỗi phải lo lắng hoảng hốt.●

Tháng 4.1999

1. *La langue annamite abonde en expressions pour les choses usuelles et sensibles, mais elle est pauvre pour ce qui regarde les procédés des arts mécaniques et les beaux arts; ell est absolument dépourvue d'expressions pour les idées abstraites.*

2. Nam Phong, *số 119, kỷ niệm đệ thập chu niên.*

PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn

Nhà báo LÊ ĐÌNH ĐIỂU

Pháp danh TỈNH GIÁC

đã từ trần

tại thành phố Bellflower, Nam California

lúc 21 giờ 59 phút ngày 24 tháng 5 năm 1999

tức là ngày 10 tháng 4 năm Kỷ Mão.

Hưởng thọ 61 tuổi.

Sự ra đi của nhà báo Lê Đình Điểu

là một mất mát lớn lao cho nền truyền thông

Việt Nam tại hải ngoại.

Chúng tôi xin thành thật chia buồn cùng

chị Điểu, đài phát thanh VNCR, Công ty

và Nhật báo Người Việt, tạp chí Thế Kỷ 21,

Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA),

cùng toàn thể tang quyến.

Nguyện cầu Hương hồn anh Điểu

sớm tiêu diêu miền lạc cảnh.

- Ông Bà Vũ Văn Dũng - Phương Anh
Chủ nhiệm Oklahoma Việt Báo
- Bác sĩ và Bà Phạm Nguyên Lương -
Bích Ty (Oklahoma)

PHẠM QUỲNH, NHÀ BÁO

NGUYỄN NGỌC BÍCH

Đọc trong buổi Hội thảo trong Ngày Phạm Quỳnh, Westminster, California, 8.V.1999

Người ta bảo Phạm Quỳnh (1892-1945) là một nhà văn, tôi thiết nghĩ ông chủ-yếu là một nhà báo. Không phải ông không có văn-tài, ông viết và nói lưu loát tiếng Việt và tiếng Pháp, ông là một người đọc rộng biết nhiều, kiến thức của ông về văn-học Đông-Tây kim cổ có lẽ không thua mấy ai vào cùng thời với ông, ông còn bỏ công ra dịch không ít tác-phẩm vừa văn xuôi, vừa tiểu-thuyết lẫn kịch nghệ của Pháp sang tiếng Việt, và chắc chắn nếu ông muốn ông đã có thể trở thành một nhà văn dễ dàng nhưng điều này ông đã không làm. Đó là một chọn lựa ý-thức nơi ông, ông đã chọn không làm văn để dồn toàn-thời vào làm báo. Vậy thì hai phạm-trù đó khác nhau, giống nhau ở chỗ nào?

Giáo sư Nguyễn Ngọc Bích

Nhà báo khác nhà văn

Vũ Ngọc Phan trong *Nhà văn hiện đại* đã không phân biệt nhà văn với nhà báo nên ông gộp chung cả hai loại người này làm thành một loại, nhà văn. Do vậy nên những người mà ông sắp vào Quyển 1 của bộ sách nổi tiếng đó, "Các nhà văn đi tiên phong," chủ yếu là các nhà báo, từ Trương Vĩnh Ký của Gia Định Báo đến các tác giả trong nhóm "Đông Dương Tạp Chí" và nhóm "Nam Phong Tạp Chí." Thực ra, ở một đoạn đầu sách ông có phân biệt nhà văn nhà báo như sau: "Nhà văn theo nghĩa tôi dùng đây là những người viết văn xuôi hay văn vần, có tính cách vĩnh viễn, đăng trong các báo chí hay trong những sách đã xuất bản, mà điều cốt yếu là những văn phẩm của họ đã được người đồng thời chú ý. Về điều này, *nhà viết báo khác nhà văn ở chỗ chỉ viết rặt những bài về thời sự, có tính chất riêng hẳn về chính trị, tôn giáo, kinh tế hay xã hội, nói tóm lại, về tất cả những vấn đề không có tính cách văn chương, và chỉ có ý nghĩa, giá trị trong một thời gian rất ngắn.*" (NNB nhấn mạnh)

Như vậy, dưới con mắt họ Vũ nhà báo không sang bằng nhà văn ở chỗ một đằng chỉ nhắm vào cái vụn vặt ("thời sự"), nhất thời còn nhà văn thì nhắm vào cái "vĩnh viễn." Tôi cho định nghĩa như vậy vừa không đầy đủ vừa có tính cách miệt thị đối với người làm báo. Thực ra, làm văn hay làm báo đều có những điểm tương đồng và những điểm dị biệt:

Tương đồng ở chỗ nhà văn hay nhà báo thì cũng phải dựa vào ngôn ngữ là chính yếu để chuyên chở điều mình muốn nói. Tương đồng ở chỗ cả hai loại người đều dùng cùng một phương tiện — báo chí hay sách vở — để đem cái điều mình muốn nói đến với người đọc (hoặc là phương tiện nghe nhìn sau này để

đem cái thông-điệp của mình đến cho khán thính chúng). Tương đồng ở chỗ nhà văn hay nhà báo chỉ đáng chú ý khi có người đồng cảm với mình, chứ nói mà không ai nghe, viết mà không ai buồn đọc thì là nhà gì đi nữa cũng không đáng kể. Tóm lại, ảnh-hưởng của nhà văn hay nhà báo là cũng đều dựa vào kích thước "đông hay không" của số người đọc hay nghe mình.

Dị biệt ở chỗ làm báo thì có hạn, có kỳ, và người làm báo phải nhạy cảm trước thời sự. Thời sự có thể là chuyện phù phiếm song thời sự cũng có thể là chuyện nghiêm trọng, ảnh hưởng đến cả vận mệnh của một quốc gia hay một dân tộc, thậm chí đến cả chuyện chiến tranh hay hòa bình của thế giới. Vậy không thể nói cứ thời sự là không quan trọng, không có những vang vọng kéo dài nhiều năm hay có khi hàng thế kỷ (như Cách mạng công nghệ ở thế kỷ XVIII hay Cách mạng Pháp, Cách mạng Mỹ).

Ngược lại, người làm văn thì thường ít để ý đến thời sự và nhắm vào một cái gì văn chương hơn, gọt dũa hơn (vì có nhiều thì giờ hơn), dùng chữ khó khăn hơn (nghĩa là một từ vựng phong phú hơn), đi tìm những hình ảnh bóng bẩy ví von, những câu văn đôi khi rườm rà diêm dúa hơn, và cũng ý thức hơn về vấn đề nhạc tính.

Nếu ta chấp nhận mấy điều phân biệt như tôi đưa ra trên đây thì ta sẽ thấy ngay, Phạm Quỳnh chủ yếu là một nhà báo. Ta hãy nghe chính Vũ Ngọc Phan nói về Phạm Quỳnh để thấy rằng quan điểm của tôi về ông không sai:

"Một điều mà người đọc nhận thấy trước nhất trong những bài biên tập và trước thuật của ông là ông không cẩu thả: phần nhiều các bài của ông đều vững vàng, chắc chắn làm cho người đọc có lòng tin cậy. Điều thứ hai là ở nhà văn này, người ta nhận thấy một khuynh hướng rõ ràng về học thuyết hay về những thứ mà phần tư tưởng là phần cốt yếu. *Ít khi người ta thấy dưới ngòi bút ông những bài phù phiếm có giọng tài hoa, bay bướm và chỉ có một tính cách đặc văn chương.*" (NNB nhấn mạnh)

Đoạn khác, họ Vũ còn viết: "Trong khi Nguyễn Văn Vĩnh đi tìm những cái nhẹ nhàng hoa mỹ trong văn chương Pháp để diễn ra quốc văn một cách phóng túng thì Phạm Quỳnh đã có cái khuynh hướng biên dịch" trong một "giọng văn đúng mực, già giặn... mà ông có từ hồi thanh niên, về sau người ta vẫn thấy trong tất cả các bài luận thuyết của ông. Ngay hồi mới bước chân vào văn giới, ông cũng đã thận trọng câu văn trong các bài dịch thuật: dù diễn ra quốc văn có dài giòng mặc lòng, điều cốt yếu là phải cho sát nghĩa, cho đúng với ý nguyên văn." Rõ ràng là Phạm Quỳnh đã không tìm cách làm văn mà ngược lại, chỉ nhắm sự chính xác — một đặc tính căn bản bất khả khuyết của người làm báo. Nói cách khác, Phạm Quỳnh từ khi còn là thanh niên đã hy sinh cái văn hoa bay bướm trong lời văn để đánh đổi lấy sự khả tín ("credibility"), cái mà Vũ Ngọc Phan gọi là "làm cho người đọc có lòng tin cậy." Sự đánh đổi này là một sự đánh đổi có ý thức, khẳng định Phạm Quỳnh ở vào hàng ngũ nhà báo và là một tro những nhà báo lớn nhất của chúng ta.

Còn nhiều điều khác mà ta có thể nói được về Phạm Quỳnh mà chứng tỏ ông là một nhà báo trên hết dù như ông có đủ tư-cách để thành một nhà văn có hạng:

Là người chủ chốt chịu trách nhiệm cho báo *Nam Phong* trong 15 năm trời (1917-1932) cho đến khi ông vào nhậm chức Thượng thư bộ Học ở Huế, ông đã gây được một phong trào báo chí sôi nổi với nhiều tên tuổi đi vào văn-học-sử hiện đại của Việt Nam (theo Vũ Ngọc Phan, những người đáng kể ngoài Phạm Quỳnh ở trong nhóm gồm có Nguyễn Bá Học, Phạm Duy Tốn, Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Trọng Thuật, Đông Hồ, Tương Phố; theo Phạm Thị Ngoạn viết trong *Tìm hiểu Tạp-chí Nam-phong*, 1917-1934 thì ngoài những người vừa liệt kê, tối thiểu ta còn phải kể thêm những cây viết như Nguyễn Bá Trác, Nguyễn Đôn Phục, Nguyễn Mạnh Bổng và Nguyễn Tiến Lãng). Hơn bất cứ cơ quan ngôn luận nào có mặt cùng thời, Nam Phong Tạp Chí đã là một gạch nối dài (17 năm) giữa *Đông Dương Tạp Chí* của Nguyễn Văn Vĩnh (chỉ sống được có ba năm, 1913-1916) và mấy tờ *Phong Hoá, Ngày Nay* (1932-1940) của nhóm Tự Lực Văn Đoàn.

Khi hết làm báo và vào Huế làm quan to, ông đã được ký-giả René Lays của tờ Impartial xin đến phỏng vấn. Ông đã trả lời những lời chúc tụng của ký-giả Pháp như sau: "Tôi cám ơn ông đã có bụng yêu mừng như vậy. Tôi lấy làm cảm động, vì là lời mừng của một bạn đồng nghiệp cũ, vì tôi đây cũng đã từng viết trong các báo. Ngày nay, vì địa vị, vì chức vụ không thể viết được nữa, nhưng *nghề làm báo thực là một nghề hứng thú làm ai đã làm qua, vẫn giữ như vết in trong tâm não không bao giờ*

phai được." ("Chánh trị ở Huế," N.P. số 189, tháng 8 năm 1933.- NNB nhấn mạnh) Như vậy, theo như chính nhận thức của Phạm Quỳnh, ông tự coi mình là một nhà báo trong thâm tâm của ông.

So ông với con rể của ông thì dù như Nguyễn Tiến Lãng là một nhà báo nổi tiếng, ông lại cũng còn là một tiểu thuyết gia trong tiếng Pháp với những tác phẩm như *Les chemins de la révolte.* Ngược lại, Phạm Quỳnh đã cưỡng lại cái khuynh-hướng viết truyện, viết tiểu thuyết đến gần như những ngày cuối cùng của đời ông. Phải sau khi ông mất đi vì bị Cộng sản Việt Minh giết ở Quảng Trị, gia đình mới tìm được ra một tập di cảo với một hai truyện ngụ ngôn ở trong đó.

Một nhà báo có lập trường, chương trình và viễn kiến

Định xong cái tính-cách cốt-yếu của ngòi bút Phạm Quỳnh rồi, chúng ta có thể chuyển sang bàn đến những đặc-điểm của ông *như một nhà báo.*

Vào làng báo sau Nguyễn Văn Vĩnh (1882-1936) với tờ *Đông Dương Tạp Chí,* ông không phủ nhận tính cách tiên phong của ông Vĩnh trong việc hô hào dùng chữ quốc ngữ trên mặt báo và trong sinh hoạt văn hóa của nước nhà. Ngày nay, chúng ta dùng chữ quốc ngữ như một sự đương nhiên nên ít ai hiểu được là địa vị của loại chữ này có hồi rất bấp bênh, không đảm bảo. Là một thứ chữ do *người nước ngoài* (các giáo-sĩ Tây-phương) đẻ ra và trong một thời-gian lâu (gần 300 năm) là của riêng của một tôn-giáo mà không ít người Việt cách đây 100 năm còn coi là "ngoại lai," là "tà thuyết," chữ quốc-ngữ không phải một sớm một chiều đã được nhận ngay là chữ viết của dân-tộc, của quốc gia. Milton E. Osborne trong cuốn *The French Presence in Cochinchina & Cambodia* còn kể lại là ở Nam-kỳ, khi người Pháp mới cho Trương Vĩnh Ký dạy loại mặt chữ la-tinh này không ai chịu học cả. Cuối cùng, chính-quyền Pháp phải ra lệnh cho các làng đem nộp người để đi học loại chữ này, song hễ cứ xổng ra là các em trèo tường, trốn mất đất về quê.

Cũng dễ hiểu vì lúc bấy giờ, chữ nước ta là chữ Nho — chữ của triều-đình, chữ của học vấn, chữ dẫn đến hoạn-lộ, ra đời làm quan, lui về thì cũng làm thầy đồ dạy học — còn chữ của dân-tộc thì là chữ Nôm, mà chữ Nôm thì

Sài Gòn tháng 9, 1918, từ trái: Phạm Quỳnh, Diệp Văn Kỳ, Trần Năng Thân, Lê Đức

lại gần với ý-niệm "Nôm na là cha mách qué." (Tuy vậy vẫn nên nhớ là đến những năm 20 của thế-kỷ này, các giấy khai sinh hay đôi khi văn-tự ở miền Bắc miền Trung vẫn còn viết chữ Nôm bên cạnh chữ quốc-ngữ.) Chữ quốc ngữ — dạng phiên âm của chữ Nôm — tuy có dễ viết, dễ học song tuyệt-nhiên không có sách đọc mà rồi biết chữ quốc-ngữ, lúc bấy giờ, thì cùng lắm là chỉ đi làm cho Tây — nghĩa là cho ngoại-bang, cho "giặc." Phải gần 50 năm sau khi có *Gia Định Báo*, rồi có *Truyện Kiều, Lục Vân Tiên* phiên âm sang quốc-ngữ, có *Chuyện giải buồn* của Huình Tịnh Của viết bằng quốc-ngữ, rồi *Đại Nam quấc âm tự vị* cũng của ông v.v., người ta mới dần dần xem chữ quốc-ngữ là không còn tính-cách ngoại-lai nữa. Chữ quốc-ngữ chỉ được chấp nhận một cách rộng rãi sau khi các cụ (vâng!) ở Đông Kinh Nghĩa Thục quyết định kêu gọi "người dân An-nam" cắt búi tó củ hành và học chữ quốc-ngữ, vào khoảng 1907-08, để tỏ mình là người "văn-minh tiến-bộ." Tóm lại, từ một

công cụ của ngoại bang, chữ quốc-ngữ dưới ảnh hưởng của Đông Kinh Nghĩa Thục đã được biến thành một vũ-khí bảo-vệ cho nền độc-lập văn-hoá của dân-tộc, chống lại sự Hán-hoá ở một bên và sự Tây-hoá (hay Pháp-hoá) ở một bên.

Người Pháp hiểu rất rõ điều này nên họ đóng cửa ngay Đông Kinh Nghĩa Thục sau một năm. Nhưng ngọn lửa đã nhóm, không có Đông Kinh Nghĩa Thục thì những sản phẩm từ đó đi ra đã là những người đi tiên phong trong phong trào ủng-hộ, đề cao và cổ võ chữ "dân tộc," chữ quốc ngữ. Điều này đã được Nguyễn Văn Vĩnh nắm bắt một cách rõ ràng khi ông biến tờ *Đông Dương Tạp Chí*, cũng của Pháp bỏ tiền ra lập nên, thành một ngọn cờ đầu chuyên chở tri-thức Việt-nam bằng chữ quốc-ngữ. Chính ông đã nêu ra một ý-niệm mà sau này trở thành danh-ngôn: "Hậu vận nước Nam hay dở thế nào là ở chữ quốc ngữ." (Đề tựa bản dịch *Tam Quốc Chí* của Phan Kế Bính)

Phạm Quỳnh tự đặt mình trong cuộc vận động văn hóa lớn này của dân tộc song ông cũng biết là nếu quốc ngữ chỉ là một thứ chữ "nôm na mách qué" thì nó sẽ không bao giờ thành một loại ngôn ngữ, văn tự có văn hóa ("langue de culture") để đứng ngang hàng được với tiếng Tầu hay tiếng Pháp.

Cương-lĩnh 1: Xây dựng một nền tản văn Việt Nam

Phạm Quỳnh yêu thơ và tin tưởng ở thơ, ở văn vần Việt Nam. Điều này có thể thấy rõ không những ở trong việc ông đề cao *Truyện Kiều* (1924) mà còn hiện rõ trong cả những trang nồng nàn, âu yếm ông dành cho ca-dao Việt-nam, như trong cuốn *Le paysan tonkinois à travers le parler populaire* (1929) hay cho thơ Việt-nam trong cuốn *La poésie annamite* (1931). Ông chủ-trương đi từ cái mạnh của ta, cái sở-trường của ta để từ đó phát triển ra cái mới-cũng của ta. Chính vì thế mà có thể nói là câu danh-ngôn người ta nhớ nhất của ông lại cũng chính là do ông khẳng định lập trường này của ông: "*Truyện Kiều* còn, tiếng ta còn; tiếng ta còn, nước ta còn." Dù như Cộng-sản đã tỏ ra xấc láo khi tìm cách dè bỉu, chê bai câu nói này của ông, họ cũng vẫn không thể lay chuyển được sự vững chãi trong lập-luận của ông, và dù như câu nói có vẻ huyền-bí — nhiều người không nhất thiết nhìn ra sự liên-hệ giữa ngôn ngữ của một dân-tộc với sự tồn vong của dân-tộc đó — song lịch sử nhân loại đã bao lần khẳng định đi, khẳng định lại sự thật này. Lịch sử Đức, lịch sử Nga, lịch sử các nước Đông Âu và đương nhiên cả lịch-sử Việt Nam nói lên điều gì nếu không phải là sự phục-hưng của một nền văn-học dân-tộc gần như bao giờ cũng dẫn đến một sự quật cường của dân-tộc đó: vì hãnh diện — như Phạm Quỳnh đã từng hãnh diện — về thơ Việt Nam, về *Truyện Kiều* nên ông ta, và chúng ta luôn thể, có quyền ngửng đầu!

Nhưng thơ hay không có nghĩa là tản-văn của ta hay, thậm chí là không cả chắc là ta đã có tản-văn. Chính Tản Đà đã viết năm 1932 trong *An-nam Tạp-chí*: "Có thể nói rằng trước khi có chữ quốc-ngữ, Việt-văn không có văn xuôi. Các tác-giả đời xưa chỉ biết làm thơ, làm văn vần. Từ khi có chữ quốc-ngữ, văn xuôi Việt Nam được thịnh-vượng nhiều."

Thì đây, trong bài "Báo Nam Phong được mười tuổi" (1927), dưới chữ ký của toàn ban biên tập nhưng ta có thể chắc là bài báo phản-ánh khá sát quan-niệm của vị chủ-nhiệm kiêm chủ-bút của tờ báo là Phạm Quỳnh, ta thấy có những dòng này:

"Về việc đoàn luyện quốc-văn, chúng tôi nghiệm ra văn vần của nước ta, nhờ các tiền-nhân tập-luyện đã đến bậc tinh-xảo lắm. Thi-ca mà như Truyện Kiều thì sánh với thế-giới tưởng cũng không kém. Duy tản-văn xưa nay hầu như chưa có. Mà tản-văn mới là văn nghị-luận, văn thuyết-lý. Vậy việc cần-cấp là phải gây ra một lối tản-văn thích-dụng cho sự truyền-bá tư-tưởng ngày nay."

Để tạo được ra loại tản-văn đó, Phạm Quỳnh đã đề ra:

1. Tạo thêm nhiều từ-ngữ để diễn-tả những quan-niệm cùng sự-vật mới.

2. Làm từ-điển (như *Từ-điển Việt Nam* của Khai Trí Tiến Đức) để định hình những từ-ngữ mình có trong tiếng nói của ta.

3. "Hợp-nhất tiếng nói văn-nhân với tiếng nói bình-dân... một công việc... đòi hỏi rất nhiều khôn khéo."

4. "Tiếng nói của văn-hoá" đòi hỏi, ngoài những từ-ngữ văn-chương, "những danh-từ kỹ-thuật và triết-lý, để dịch-thuật hay diễn-tả những ý-kiến hay quan-niệm mới."

Tóm lại, đây là cả một chương-trình mà ta nghe vẫn còn thấy mới nguyên, còn áp-dụng được ngay trong ngành báo chí hải-ngoại. Đấy mới là viễn-kiến, đáng để ta nâng Phạm Quỳnh lên hàng một nhà văn-hoá cỡ lớn, có

tư-tưởng, có tầm vóc. Ta hãy nghe những đức-tính mà ông đòi hỏi ở tản-văn Việt-nam: "[Ta cần cố gắng] minh bạch, khúc triết, hợp lý, thanh nhã, lý trí và mỉa mai. Nó [tức tản văn Việt Nam] cương quyết tách khỏi những gì còn bị phương thức theo quan niệm Trung Hoa chi-phối: song-hành, biền-ngẫu, dài lời, ham chuộng hư-từ, cô-đọng theo kiểu châm-ngôn hay trang-trọng một cách tầm-thường. Nền tản-văn mới đó sẽ gạt bỏ những hàm-súc hay sáo-ngữ để không còn tánh-cách tổng-hợp như trước, đồng-thời nó cũng trở nên phân-tách hơn, khi diễn-tả thật tinh-vi về người và về cảnh, những tâm-trạng éo le, những ngoại-cảnh phức-tạp."

Hai nhà báo Phạm Quỳnh (ngồi) và Phạm Duy Tốn

Cương-lĩnh 2: Giảng dạy tiếng mẹ đẻ

Ngày nay, ở Việt-nam, trên toàn-quốc ta giảng dạy bằng tiếng Việt ở mọi cấp. Điều đáng lo không phải là con em không biết tiếng Việt mà là chúng sẽ dốt ngoại-ngữ. Vì vậy nên ta sẽ không hiểu bao nhiêu về cái nạn vong thân mà Phạm Quỳnh và ê-kíp Nam Phong lo ngại do việc tiếng Việt không được dạy ở một mức độ phổ-quát và cao siêu như ta mong muốn. Ta phải đặt ta vào thời bấy giờ, tức trong thập niên 1910-20, thì mới hiểu nổi những lo ngại của ông và những cộng-sự-viên của ông trong tờ Nam Phong.

Lúc bấy giờ, người Việt đứng trước hai nền văn-hoá lớn của nhân-loại: Ở một bên là văn-hoá Trung-quốc mà ta đã chung đụng trong hơn 2000 năm và là một trong những nền văn-hoá lớn nhất trên trái đất còn một bên thì là văn-hoá và tiếng Pháp, thời bấy giờ cũng thịnh-hành như tiếng Anh ngày nay vậy. Cả hai nền văn-hoá đều có truyền-thống giảng dạy rất tiến-bộ và khoa-học, sách vở thừa mứa chứa chan, người được huấn-luyện và phương-pháp dạy cũng đã có sẵn trong khi việc giảng dạy bằng tiếng Việt thì mới manh nha, sách vở không có hay quá ít, phương-pháp dạy không có, người được huấn-luyện cũng gần như không. Nên không lạ là có hai khuynh-hướng: một là theo chương-trình Pháp luôn, khỏi phải đi qua tiếng Việt làm gì; hai là cứ giữ lối cũ, để cho các cụ đồ dạy Tứ Thư Ngũ Kinh, ít nhất cũng được cái không mất rễ so với quá-khứ.

Ở trong tình-cảnh đó mà vẫn chủ-trương dạy chữ quốc-ngữ thì phải xem hoằyc là người đó "điếc không sợ súng" hoặc là người ấy viễn mơ. Ấy vậy mà Phạm Quỳnh và ê-kíp của ông đã vẫn trước sau như một, giữ lập-trường phải dạy tiếng Việt, lúc đầu còn chỉ chủ-trương dạy ở ba năm đầu ấu-học, xong dần dà mỗi ngày một yêu-sách cho lên cao hơn để cuối cùng vào năm 1927 ông đã có thể viết như thế này:

"Ở Nam-kỳ, kỳ hội-đồng quản-hạt [...] các ông hội-đồng An-nam ta xin nhà nước cho dạy cả bậc tiểu-học bằng chữ 'quốc-ngữ,' chữ Pháp coi làm bằng tiếng phụ mà thôi [...]. Việc này là việc bản-chí chủ-trương đã sáu năm nay, hết sức cổ-động, hết sức yêu-cầu mà chưa được hoàn-toàn kết-quả. Hồi đầu, các nhà trí-thức ở Nam-kỳ lại có ý phản-đối; có ông trách ông Phạm Quỳnh chủ-trương lấy 'quốc-ngữ' làm cơ-quan cho bậc tiểu-học là ngăn trở sự học của con trẻ trong nước! [...] Ngày nay thời chính các ông tai mắt trong hàng trí-thức ở Nam-kỳ cũng công-nhiên yêu-cầu cho chữ 'quốc-ngữ' như thế, thì đủ biết các ông đã hiểu rõ rồi. Nhưng một cái ý-tưởng hay, rất giản-dị, tưởng ai cũng phải công-nhận, thế mà phải đến năm năm hô-hào, cổ-động, thiên-hạ mới hiểu rõ, tưởng cũng lâu vậy. Nay trong Nam ngoài Bắc đã đồng-ý nhau cả rồi, chúng ta phải hiệp-lực mà yêu-cầu cho kỳ được. Cái cứu-cánh mục-đích của chúng ta là làm thế nào cho tiếng An-nam chiếm được một địa-vị xứng-đáng ở các trường nước, *từ tiểu-học cho đến đại-học thì mới là mãn nguyện vậy.*" (NNB nhấn mạnh)

Rõ ràng là có tình-trạng "được đằng chân, lân đằng đầu" nhưng không sao, có lẽ ta ở đó lúc bấy giờ thì cũng chỉ vỗ tay vào mà thôi. Nhưng đòi là một chuyện, có khả-năng làm chuyện mình đòi hay không lại là chuyện khác. Vì thế nên Phạm Quỳnh cũng hiểu rõ là muốn dạy thì phải có sách giáo-khoa, phải có cô có thầy, tức là những người được huấn-luyện sẵn phương-pháp giáo-khoa, thậm chí phải có cả tiền để giúp các em nhà nghèo mà hiếu học có cơ-hội được học và đi học đều đặn v.v. Những vấn-đề này, cả ông lẫn Nam Phong đều đặt ra và bàn luận khá rốt ráo, và có lẽ cũng vì đây là quan-tâm hàng đầu của ông mà ông đã chịu bỏ nghề làm báo là nghề ông yêu để ra nhận làm thượng-thư bộ Học với tham-vọng có thể làm được nhiều hơn và một cách thiết-thực hơn những điều ông và ê-kíp Nam Phong của ông hằng chủ-trương.

Nghĩ lại chuyện này, ta đôi khi tự hỏi ta đã làm được bao nhiêu trong việc thúc đẩy giáo-dục song ngữ cho con em Việt-nam ở đất người? Ta đã nghĩ chín chắn về chuyện này chưa? Ta đã đạt đến một sự đồng-thuận, một sự thống nhất ý-chí nào chưa? Và nếu sau 24 năm ở nước người ta vẫn chưa có đồng-thuận thì thử hỏi bao giờ ta mới có sách vở, có cô thầy huấn-luyện đàng-hoàng để lo cho các con em chúng ta?

Cương-lĩnh 3: Xây dựng nền quốc-học

Ở đây nữa, ta thấy Phạm Quỳnh và ê-kíp Nam Phong đi trước thời-đại. Trong khi ở gần cuối thế-kỷ, với tất cả những tài-nguyên nhân-sự lẫn tài-chánh ta có trong tay vậy mà ở hải-ngoại vẫn còn có người hoài nghi khả-năng dựng nên một ngành Việt-học đứng đắn, thì trong gần 3/4 thế-kỷ trước đây Nguyễn Trọng Thuật trong Nam Phong đã vẽ được ra một cái sườn Việt-học mà ngày nay ta cũng có thể ít nhiều đồng ý, gồm:

1) Quốc-sự
2) Quốc-văn và quốc-ngữ
3) Các anh-hùng hào-kiệt quốc-gia
4) Địa-dư quốc-gia
5) Các phong-tục và tập-quán (tổ-chức hành-chánh và xã-hội) do tiền-nhân để lại, mà chúng ta có bổn-phận cải-tiến, tuy nhiên vẫn duy-trì tinh-thần cũ.
6) Các phương-ngôn, ngạn-ngữ, dân-ca
7) Những sự-nghiệp văn-chương, đặc-biệt là của các nhà đại-văn-hào như Lê Quí Đôn (1726-1784), theo phong-độ riêng của ông, đã là một nhà bác-học của nước ta.

Đành rằng một chương-trình Việt-học như thế này còn sơ sài và chính ê-kíp Nam Phong chưa làm được bao nhiêu để thực-hiện tham-vọng này ngoại-trừ chủ-yếu là những bản dịch các tác-phẩm cũ của ta qua các ngòi bút như của Đông-châu Nguyễn Hữu Tiến (1875-1941), Nguyễn Bá Trác (1881-1945), Sở-cuồng Lê Dư v.v. Song một cương-lĩnh như thế là một chương-trình dài hơi, cần do nhiều người làm qua nhiều thế-hệ, một việc mà sau này cả Nam lẫn Bắc đều đã làm, nhất là trong lãnh-vực đi xa hơn cả dịch-thuật, tức nghiên-cứu, phân-tích, tổng-hợp v.v. Có thế mới gọi được chính-danh là Việt-học, một điều mà ra ngoài này, với tất cả phương-tiện của chúng ta ngày nay, ta vẫn chưa thể nói được là đã đặt để xong những căn-bản nền móng vững chãi.

*

Như vậy, rõ ràng là Phạm Quỳnh đã làm đúng việc của một nhà báo bằng cách nuôi dưỡng một ê-kíp "đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu" nhằm đẩy mạnh một vài chương-trình văn-hoá mà vì tầm quan-trọng và cái khuôn khổ của nó có thể gọi được là những cương-lĩnh văn-hoá, như tôi đã mạo muội gọi như thế trên đây.

Vẫn biết, có hơn một con người Phạm Quỳnh thuần-tuý là thế này hay thế khác. Ngoài Phạm Quỳnh nhà báo còn có Phạm Quỳnh, nhà làm chính-trị, Phạm Quỳnh như là cha trong một gia-đình, Phạm Quỳnh như một người thân Pháp hay ít nhất cũng chủ-trương hợp-tác với Pháp và do đó có tội dưới mắt một số người. Những vai trò Phạm Quỳnh đó cũng đều là những vai trò quan-trọng và tuỳ theo góc độ nhìn, ta có thể có những phán xét thuận hay nghịch với công việc làm của ông. Cũng như ngay trong nghề làm báo, ông cũng còn có nhiều chủ-trương hơn là ba cương-lĩnh mà chúng ta đã có dịp xét qua ở trên.

Tuy-nhiên, thời giờ có hạn, khả-năng tôi cũng có hạn, và trọng-trách tôi được giao hôm nay cũng có hạn-nói về Phạm Quỳnh như một nhà báo-nên tôi xin được phép ngưng ở đây. Chỉ dám mong là tôi đã làm sáng tỏ được một cách nhìn vào Phạm Quỳnh, một nhà văn-hoá lớn của chúng ta, ít nhất cũng qua một tư-cách, tư-cách nhà báo.●

Westminster, CA Ngày 7-V-1999

TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ CỦA PHẠM QUỲNH

NGUYỄN PHÚC BỬU TẬP

(Thuyết trình trong buổi Hội thảo Ngày Phạm Quỳnh)

Nguyễn Phúc Bửu Tập

(...) Từ tuổi mười đến mười lăm, tôi sống trong làng An Cựu nằm trên bờ sông Lợi Nông, ở ngoại ô thành phố Huế. Làng An Cựu sống về nông nghiệp, sản xuất một thứ gạo tốt (gạo de An Cựu), làm gạo "tiến," tức là gạo vua ăn; dân làng hiền hòa, được uốn nắn từ lâu trong tinh thần khiêm cung đối với các cụ thượng thư, các cụ tổng đốc..., nhưng cũng sẵn sàng có câu châm biếm, đá giò lái, khi có cơ hội. Đầu thập niên bốn mươi, dân trong làng xao xuyến vì có tin ông Phạm Quỳnh, thượng thư Bộ Học mua biệt thự của ông Đốc Châu (một ông kỹ sư người Nam Kỳ lấy vợ Huế) tọa lạc trên bờ sông Lợi Nông, khoảng cuối làng, một tòa lầu đẹp, kiến trúc kiểu Tây trong một cảnh vườn rộng và xinh xắn. Lúc đầu dân trong làng chờ đợi sẽ phải cung phụng nhiều sưu dịch cho Hoa đường, là tên ông Phạm Quỳnh đặt cho biệt thự mới. Nhất là từ khi ông Phạm Quỳnh giữ chức Thượng Thư Bộ Lại (khoảng năm 1942, ngang hàng với chức vụ Thủ Tướng bây giờ), người anh lớn trong gia đình Cụ bộ Châu nói với chúng tôi: "Rồi tụi bây coi, cả tụi bây cũng sẽ được đi làm đường cho xe các quan đến điếu đóm Cụ Phạm." Nhưng rồi sáu tháng, một hai năm sau, không thấy ai gọi sưu, không thấy ai gọi dịch. Không một người dân nào trong làng phải đóng nửa ngày công cho Hoa đường. Trái lại, nhờ ông Phạm Quỳnh can thiệp với Tây nhà đèn mà có điện về trong xóm. Nhờ ông Phạm Quỳnh mà con đường về xóm được Sở Lục lộ trang bị sửa sang đỡ lầy lội trong mùa mưa.

Riêng cá nhân nhỏ bé của tôi cũng có một kỷ niệm đẹp về Cụ Phạm. Cụ Phạm Bà có một người cháu gọi bằng cô vào học lớp Nhất trường tiểu học An Cựu với tôi. Tôi nhỏ thó, được ngồi bàn đầu. Anh Xương mới vào lớp, cũng được sắp vào bàn đầu. Một hôm anh Xương mời tôi vào Hoa đường chơi. Tôi đóng chiếc áo dài đen, đon đả vào Hoa đường. "Ê, mi đi mô rứa," người lính lệ gác cổng hỏi. Tôi trả lời vào thăm anh Xương. "Không Xương không thịt chi hết, các cậu đang ngủ." Tôi lẳng lặng ra về. Hôm sau Xương hỏi tôi: "Suốt hôm qua tôi chờ cậu, sao không đến?" Tôi trả lời bị lính nhà quan đuổi.

Chủ nhật sau, tôi tiếp tục đi câu cá ven sông. Lúc đi qua Hoa đường, hai anh lính lệ hôm trước rượt theo, ngọt ngào bảo cậu vào chơi với cậu Xương, và Cụ Thượng muốn gặp Cậu. Ngại ngùng tôi theo hai anh lính lệ. Xương đem tôi giới thiệu với Cụ Phạm. Thong

dong, hiền từ, tế nhị không nhắc tới chuyện cũ, Cụ Phạm thăm hỏi gia đình tôi, và dẫn vào thư viện cho xem sách. Sách, đâu cũng sách và sách. Trên bàn viết của Cụ, một cuốn sách lớn, khổ dài hơn nửa thước, giấy dày, màu đặc biệt. Cụ giảng cho biết thế nào là loại sách quý, trang đầu có lời tặng của tác giả cho Cụ Phạm, tác giả ký tên Charles Maurras, cái tên tự nhiên tôi còn nhớ tới bây giờ.

Cụ Phạm gợi cho tôi hình ảnh một hiền nhân quân tử ở trong sách hiện ra ngoài đời. Nỗi oan khiên của Cụ ám ảnh tôi, mỗi lần tôi nghĩ tới làng cũ, làng An Cựu, cho tới ngày hôm nay.

Tư tưởng chính trị của Phạm Quỳnh: một nền "quân chủ lập hiến"

Địa vị siêu đẳng của Cụ Phạm Quỳnh trong nền văn học nước ta không thể ai chối cãi. Lập trường chính trị của Cụ còn là một *nghi án*, ngày nào những người đã ra lệnh *ám sát* Cụ, vùi nông trong mương rãnh, chưa phải trả lời trước quốc dân hành vi xuẩn động của họ, chưa bị lịch sử phán xét. Vậy, cách duy nhất bàn về chính trị gia Phạm Quỳnh là nói và dẫn chứng cụ thể, dùng dữ kiện, tránh giải thích theo cảm tính.

Đầu thập niên Ba mươi, tình hình chính trị nước ta được sử gia Phan Khoang mô tả như thế này (*Việt Nam Pháp thuộc sử*, Khai Trí, 1961, trang 467, và tiếp theo):

"Sau cuộc thất bại của phong trào Cần Vương, hạng người có ý thức biết rằng muốn mưu đồ việc chống Pháp, người Việt Nam cần phải có những khí giới khác, những sức mạnh khác nữa, chứ không phải chỉ nhờ gươm đáo và một tấm lòng son mà thành công được...

"Sau cuộc thất bại của vua Duy Tân, của đội Cấn, tiếp đến cuộc thắng trận của Pháp trong Âu-chiến, nước Pháp mạnh thêm uy thế, các nhà cách mạng trong nước tạm ngưng hoạt động, và những lời kêu gọi của các nhà cách mạng ở nước ngoài cũng ít người hưởng ứng. Bấy giờ một số người trí thức quay ra dùng đường lối ôn hòa để tranh đấu, công khai lập chính đảng, gây phong trào để đòi hỏi những cải cách.

"Ở Nam kỳ, năm 1923, các ông Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Phan Long lập đảng Lập Hiến đòi chính phủ thuộc địa thực hiện tự do, dân chủ, và cởi mở về chính trị, kinh tế cho người Việt.

"Ở Bắc kỳ, năm 1930, nhà học giả Phạm Quỳnh viết một loạt bài báo đòi hỏi chánh quyền Pháp cải cách chế độ ở Trung, Bắc kỳ: giao thực quyền lại cho triều đình Huế, dùng một lớp người mới ra làm việc, chính quyền Việt Nam có một viện Dân biểu trợ lực, chính phủ bảo hộ chỉ giữ nhiệm vụ cố vấn và kiểm soát."

Một loạt bài báo sử gia Phan Khoang vừa nói ở trên, hiện nay Bà Phạm Hoàn (con gái Cụ Phạm, ở Paris, phụ trách sưu tập tài liệu của thân phụ) và người viết bài này thâu góp được năm tài liệu:

1. *Le Problème d'un régime constitutionnel en Annam* đăng trong France-Indochine, có bổn dịch ra tiếng Việt Nam "Vấn đề Lập hiến cho nước Nam," Nam Phong số 157, tháng Sáu 1930.

2. *Ce que sera l'Annam dans cinquante ans* tiếng Pháp đăng trong France-Indochine và trong sách "Essais Franco-annamites." Bài báo trả lời một bổn dự phóng của báo "Dépêche Coloniale de Paris." Bổn dịch ra tiếng Việt "Nước Nam trong 50 năm nữa thế nào," đăng trong Nam Phong số 154, tháng Chín 1930.

3. *Chế độ Lập hiến và Chế độ Đại nghị* đăng trong Nam Phong số 154, tháng Chín 1930. Bài này do Thượng Chi (một bút hiệu của Cụ Phạm) dịch ra từ một bài của Cụ viết bằng tiếng Pháp ("Régime constitutionnel et Régime parlementaire") không rõ đã đăng ở đâu.

4. *"Câu chuyện Lập hiến"* dưới hình thức "Thư cho bạn," soạn thảo năm 1928, đăng vào Nam Phong số 173, tháng Sáu 1932. Trong bài này, Phạm Quỳnh có nói đến một cuốn sách "tôi (Cụ Phạm) sưu tập mấy bài trọng yếu bằng Pháp văn và quốc văn in ra có mấy trăm bản, hiện nay đã hết cả rồi." Tác giả bài này chưa được đọc cuốn sách này.

5. *"Lược ký về Vấn đề Lập hiến,"* Nam Phong số 173, tháng Sáu 1932, tiếp theo "Câu chuyện Lập hiến." Đây là một bổn dịch tài liệu tiếng Pháp gởi cho các nhà chính trị và các Đảng chính trị Pháp.

Như vậy, tư tưởng chính trị của Phạm Quỳnh, xuất khởi từ 1922 (dự cuộc Đấu xảo Paris với tư cách phụ trách thuyết trình về Văn hóa Việt Nam), được tương tác với các ý kiến chính trị của những người ái quốc đương thời như Phan Châu Trinh, Phan Văn Trường, Nguyễn Ái Quốc... Tư tưởng lập hiến bừng khởi đầu thập niên 30 khi người Pháp đem các nhà ái quốc Nguyễn Thái Học và đồng chí ra

chém tại pháp trường. Tư tưởng chuyển qua hành động năm 1932, Phạm Quỳnh chọn con đường ôn hòa để cứu nước, hy vọng cải tổ được quan trường và phù trợ được ấu quân.

Trong Nam Phong số 173 (đã dẫn) ông viết: "Tôi đã nghĩ đi nghĩ lại, cân nhắc kỹ càng, nhất quyết chủ trương cái thuyết Lập hiến mà không có chính sách, đường lối. Để trấn an người Pháp, Cụ Phạm không bàn tới thể chế của Nam kỳ, "hướng lai đã có một chế độ riêng," nhưng Cụ Phạm vẫn chêm thêm một câu là "chắc hẳn là cũng cần phải cải cách nhiều" (Tài liệu 1, trang 531). Tại Trung kỳ và Bắc kỳ đáng lẽ là một quốc gia do triều đình

Các vị Thượng Thư tại Huế năm 1932. Từ trái: Hồ Đắc Khải, Phạm Quỳnh, Thái Văn Toản, Ngô Đình Diệm, Bùi Bằng Đoàn.

bài xích cái thuyết Trực trị và Kiêm tính của Pháp." Tư tưởng lập hiến này là một quá trình suy nghiệm và tương tác, từ năm 1928 lúc viết "Câu chuyện Lập hiến," cho đến năm 1932 bỏ nghề làm văn đi vào chính trường, mong áp dụng và thực hiện được những điều tiên sinh đã nát óc suy tư trong bốn năm ròng.

Đọc kỹ các tài liệu vừa kể ở trên của Cụ Phạm trình bày chính sách lập hiến hòng lấy lại nền tự trị cho quốc gia lúc bấy giờ và tiến tới nền độc lập về sau, ta thấy được chương trình cứu nước của Cụ gồm ba điểm lớn, đi sát với ba mục tiêu thời gian.

Điểm thứ nhất vào đầu thập niên Ba mươi, Cụ Phạm phân tích chế độ chính trị hiện hữu của người Pháp mà Cụ gọi là rất "mập mờ," "nói một đường làm một nẻo," hoàn toàn Huế trực tiếp trị vì, nhưng từ năm 1897 đã bị Toàn quyền Paul Doumer chia ra làm hai đơn vị cách biệt. Cụ Phạm công kích chính sách cai trị của Pháp, đáng lẽ theo Hiệp ước Patenôtre 1884, phải là một *chính sách bảo hộ* trên cơ sở *hợp tác* giữa hai quốc gia Pháp và Việt Nam, thì người Pháp đã áp dụng *chính sách trực trị*, đi dần tới việc *đồng hóa* nước Việt Nam thành một thuộc địa hải ngoại của Pháp. Cụ Phạm công kích chính sách trực trị, phần lớn do người Pháp ở địa phương chủ trương, hiếp đáp triều đình An-Nam suy yếu và quan lại quá hèn nhát. Cụ Phạm chứng minh là chính sách trực trị chỉ có thể áp dụng được cho các bộ lạc, các dân tộc mới, không văn hóa, như ở Phi Châu, ở các hải đảo Thái Bình Dương. Trái lại,Việt Nam đã có một nền văn hóa lâu

đời, chính sách bảo hộ của Pháp nếu áp dụng khôn ngoan và giúp cho nước Nam hiện đại hóa theo mẫu mực Tây phương, chứ không thể nào biến Trung, Bắc kỳ thành đất Pháp.

Điểm hai của các bài báo viết bằng tiếng Pháp, do chính tiên sinh dịch qua tiếng Việt đăng trong Nam Phong, trong hai năm 1930-32, trước khi dứt khoát bỏ nghề viết báo đi làm chính trị, Phạm Quỳnh trình bày minh bạch ý kiến "quân chủ lập hiến" của Cụ. Trong Nam Phong số 151, năm 1930, tiên sinh viết: "Tôi cùng một bọn mấy anh em đồng bào nghiên cứu các vấn đề chính trị trong nước để lâm thời trình bày ý kiến (quân chủ lập hiến - Lời của tác giả bài này) cho các nhà trách nhiệm cầm quyền." Nửa đời bỏ một sự nghiệp đang thành công là tạp chí Nam Phong, Cụ Phạm không dao to búa lớn, không dùng những danh từ như cách mệnh, như đảo chính, mà chỉ đề nghị nhẹ nhàng một "Cải cách trong phạm vi quốc triều," tránh việc nói đến lật đổ nền bảo hộ của Pháp, nghĩa là chương trình của Cụ không có cuộc cách mệnh, "không làm điên đảo các chế độ hiện tại, chỉ tổ chức lại cho tiện hơn, cho mới mẻ hơn, cho rộng rãi hơn, đặt ra *cơ quan chủ động* (hành pháp - Lời tác giả) cùng *kiểm soát* (lập pháp) để cho hành động được thập phần thỏa hợp, và nhất là đem lại cho chế độ đó một cái *tinh thần mới*" (Phạm Quỳnh, Nam Phong 151, tài liệu đã dẫn).

Tổ chức mới và tinh thần mới dựa trên căn bản nào và thực hiện ra sao? Cụ Phạm minh bạch:

- Nhất quyết từ bỏ chế độ chuyên chế của Vua và triều đình quan lại;
- Trung kỳ và Bắc kỳ chia đôi từ 1887 (Paul Doumer) sẽ sát nhập lại thành một quốc gia có kỷ cương, tiến tới thống nhất với Nam kỳ về sau;
- Áp dụng triệt để Hiệp ước Patenôtre, lập lại quyền nội trị của Việt Nam. Ban hành một bổn *hiến pháp*, tổ chức và ấn định quyền hạn của Vua, của nội các, của chính quyền địa phương (tỉnh, thành phố...). Cơ quan lập pháp sẽ tạm thời dùng các Hội đồng dân biểu Bắc kỳ, Trung kỳ, biến dần thành các tổ chức dân cử thật sự làm chỗ lập các luật án, và nơi kiểm soát hành pháp.

Đi sâu hơn xuống hạ tầng cơ sở, Cụ Phạm đề nghị giữ tính cách tự trị của xã thôn; lập lại và tăng cường quyền lực của Hội đồng hàng phủ, hàng huyện, hàng tỉnh.

Tuy cải cách nhẹ nhàng như vậy, nhưng lâm thời tìm cán bộ ở đâu ra để cải cách? Phạm Quỳnh viết, lạc quan "Hiện nay người có tài đếm được trên đầu ngón tay, nhưng chắc chắn suốt Trung, Bắc kỳ thế nào cũng có đủ số người nhỏ đảm đương chính trị... và rồi người tài sẽ xuất hiện ra. Kẻ đến sau sẽ có nhiều tư cách hơn người trước vì học được nhiều kinh nghiệm!"

Phạm Quỳnh tiên tri được những nỗi khó khăn chồng chất như núi về mặt đối ngoại (hiểu theo nghĩa đối với người Pháp), về mặt chỉnh đốn tổ chức nội bộ, về mặt cán bộ thực thi chính sách cải cách... Nhưng điều khó khăn lớn nhất Cụ Phạm tiên cảm là gây nên được một *cơ sở tinh thần* để nuôi dưỡng và phát triển chương trình cải cách hướng về cuộc cách mệnh canh tân về sau. Và Phạm Quỳnh thấy rõ đường lối duy nhất để vượt qua được nỗi khó khăn này là giáo dục quốc dân.

Điều thứ ba phân tích được trong tư tưởng chính trị và chương trình thực hiện thể chế quân chủ lập hiến của Phạm Quỳnh là vấn đề nâng cao dân trí. Tiên sinh chủ trương muốn canh tân quốc gia, vấn đề quan trọng hàng đầu là giáo dục quốc dân. Nếu giáo dục không hoàn bị, các chương trình khác trong lãnh vực chính trị, xã hội, kinh tế cho có cố gắng bao nhiêu cũng sẽ thất bại.

Vào đầu thập niên 30, lúc chưa tham gia chính quyền trong nhiều bài báo tiếng Pháp và tiếng Việt, Cụ Phạm chủ trương Bộ Giáo Dục phải dồn nỗ lực vào giáo dục sơ đẳng, tức là giáo dục bình dân, phổ thông cho cả nước. Phép giáo dục này (danh từ của Phạm Quỳnh) lấy gì làm mục đích? Chỉ có hai mục tiêu gọn ghẽ là đạo đức và quốc gia.

Phạm Quỳnh viết: "Nay phép giáo dục phổ thông đó phải lấy gì làm mục đích? Phải lấy đạo đức, lấy quốc gia làm mục đích. Phải dạy dỗ người Việt Nam thế nào cho thành kẻ công dân có tư cách, biết quyền lợi, biết nghĩa vụ của mình, biết kính trọng pháp luật và giữ gìn trật tự, biết yêu mến quê hương tổ quốc mình hơn hết thảy, và dốc lòng gắng sức giúp cho nước được cường thịnh. Phép giáo dục này phải lấy lòng ái quốc ái chúng làm căn bản, phải căn cứ ở những kỷ cương phép tắc cũ, đời ấy sang đời khác đã làm cho gia đình xã hội nước Nam được vững vàng bền chặt."

Nước nghèo, kém mở mang mà lại muốn phổ thông giáo dục vào đại chúng, Phạm Quỳnh chủ trương "không nên câu nệ chương

trình quá, mà dạy những điều sau này không cần đến, chỉ nên dạy những điều trực tiếp ích lợi ngay cho cái cảnh ngộ hay cái thân phận hiện tại bây giờ, và cốt nhất là dạy cho có tư cách làm người lương thiện, làm dân sáng suốt có thể giúp cho nhà cho nước sau này."

Để cấp thời thực thi chính sách quốc gia giáo dục, Phạm Quỳnh đề nghị "những phương pháp giảng dạy, truyền bá, cổ động bằng sách vở, bằng tranh vẽ, bằng truyền đơn những công cuộc hỗ trợ tiếp phụ cho các trường học công, những hội khuyến học, cuộc diễn thuyết, nhà thư viện cho bình dân... Nay nên tạm bỏ những phương pháp của khoa sư phạm cũ mà châm chước theo những cách tuyên truyền, cách quảng cáo (của thời bây giờ)."

Nơi đây, Phạm Quỳnh hoàn toàn đồng ý với Charles Maurras, một nhà đại học giả, văn sĩ và lý thuyết gia chính trị, có ảnh hưởng cực lớn ở Tây phương vào đầu thế kỷ Hai mươi. Ông chủ trương chủ nghĩa quốc gia toàn diện và toàn nhất, bài bác đời sống sa đọa của xã hội Pháp (La Belle Époque) trong các thập niên đầu thế kỷ dẫn tới cuộc thảm bại 1940. Ông chủ trương trở lại chế độ quân chủ (*Enquête sur la Monarchie,* 1900), và khuyến khích một nền giáo dục cổ điển Hy Lạp-La Mã trong sách *L'Avenir de l'Intelligence,* 1905. Phạm Quỳnh chịu ảnh hưởng sâu đậm của Charles Maurras mà Cụ xem như là một bực tôn sư, trong sách Phạm Quỳnh: Charles Maurras et Confucius. Maurras ủng hộ cuộc cách mệnh quốc gia của Thống chế Pétain, bị đem ra tòa án Giải phóng xử tử hình, chuyển thành chung thân khổ sai tháng Giêng năm 1945, bốn tháng trước khi Cụ Phạm bị thảm sát.

Khi đã bắt đầu tham gia chính quyền, Phạm Quỳnh trình bày quan niệm giáo dục trong hai tài liệu:

a) *"Lược ký về những vấn đề Lập hiến"* (tài liệu 5 đã dẫn).

b) Sách viết bằng Pháp ngữ: *Le Vietnam - Problèmes Culturels et Politiques, Essais 1922-1932* ("Tiểu luận về các vấn đề Văn hóa và Chính trị," 1922-1932, Hanoi (?) 1937).

Trong các tài liệu này, Phạm Quỳnh khai triển tài năng của ông, phát biểu ý kiến rất rành rọt và mạnh dạn. Ông đồng ý với Sylvain Lévy, nhà khảo cứu lừng danh về văn minh Á châu, cho rằng "tương lai của một quốc gia tùy thuộc hoàn toàn vào tổ chức học đường." Phạm Quỳnh đặt câu hỏi: "Trong năm mươi năm vừa qua (từ lúc người Pháp đô hộ Việt Nam) giáo dục Pháp đã làm gì được cho An-nam nếu không phải là đào tạo một số thầy thông, thầy ký?" Và ông hỏi: "Người thanh niên An-nam bây giờ bập bẹ nói chút tiếng Pháp có thật đã văn minh, đã hấp thụ được nhiều văn hóa hơn các Cụ nho ngày xưa chăng?" Phạm Quỳnh đề nghị "sửa đổi toàn diện hệ thống giáo dục tại học đường nước Nam để cho nền giáo dục này trở thành một hệ thống đồng nhất, chuyển thể cho phù hợp với nhu cầu vật chất và tinh thần của người nước Nam."

Và ông công bố cải tổ giáo dục nước Nam theo hệ thống giáo dục nước Nhật, chứ không phải theo Pháp. Vì sao phải theo Nhật? Ông căn cứ trên bốn *Nhật bổn: Sử ký và Văn minh học* ("Le Japan: Historie & Civilization"), bộ sách gồm tám tập của một học giả Pháp De la Mazelière viết) chứng minh là người Nhật nhờ tổ chức học đường từ ngày canh tân đã đại thắng hai cuộc chiến tranh, với Trung Hoa (1894) lấy được đất Đài Loan; và với Nga 1905, buộc thế giới phải nể nang người châu Á. Phạm Quỳnh đề cao đạo Dụ về Canh tân giáo dục của Minh Trị Thiên hoàng (1890 Education Rescrit), nâng cao tinh thần quốc gia của người Nhật, đặt nền móng cho công cuộc hiện đại hóa và kỹ nghệ hóa nước Nhật lúc bấy giờ.

Phạm Quỳnh phác họa một chương trình giáo dục học đường rất cụ thể từ tiểu học đến đại học, qua giáo dục bình dân và giáo dục nghề nghiệp theo tổ chức học đường của Nhật Bổn, linh động thay đổi ít nhiều cho phù hợp với hoàn cảnh hiện tại của nước Nam. Các chi tiết dữ kiện ta có thể tìm hiểu rành rọt trong tài liệu 5 đã dẫn ở trên. Một cuộc điều nghiên đối chiếu (comparative study) giữa những điều Cụ Phạm muốn thực hiện và hoàn cảnh khi ông làm thượng thư Bộ Học, bị sa lầy trong thế bị động của quan trường và sức kềm kẹp của chính quyền người Pháp sẽ là một đề tài rất bổ ích cho sử gia bây giờ. Một đề tài khác là việc so sánh tư tưởng lập hiến áp dụng vào giáo dục quốc dân của Phạm Quỳnh với cương lĩnh của Đông Kinh Nghĩa Thục chắc cũng sẽ soi sáng được nhiều uẩn khúc lịch sử.

Một điều nhận xét khó chối cãi do kinh nghiệm sống của thế hệ những người bây giờ đã thất thập niên, đã chứng kiến bao nhiêu thay đổi học trình (chương trình bảo hộ,

chương trình chính quốc, chương trình Hoàng Xuân Hãn, chương trình Việt Minh, rồi trở lại chương trình quốc gia...), là những thay đổi vừa nói cũng chỉ là "bổn cũ soạn lại," "bình mới rượu cũ," không ai dám có sáng kiến như Phạm Quỳnh, chủ trương bỏ giáo dục Pháp sang giáo dục Nhật-bổn, "một nền giáo dục đã hòa hợp được tinh túy của Tây phương trong truyền thống vững chãi của Á-đông." Phạm Quỳnh đúng là người đã có tư tưởng cách mệnh trong giáo dục.

Nhưng có lẽ ta nên để những điều suy đoán về lý thuyết giáo dục cho những vị chuyên môn giáo dục, và trở lại sự nghiệp lập hiến của Phạm Quỳnh. Ở trên có nói những khó khăn đối ngoại (đối với người Pháp), và đối nội với quan trường. Người Pháp đang ở địa vị đắc thắng chủ nhân ông, xem dân bị trị như rơm rác; họ Phạm trong tay không một thỏi sắt, dựa vào đâu mà dám bảo ông Tây — như tên cáo già Pierre Pasquier, toàn quyền Đông Pháp — đi chơi chỗ khác, trả nước ta lại cho dân ta?

Khí giới của Phạm Quỳnh là ngòi bút sắt của ông. Phạm quân lý luận rất mềm dẻo và khôn khéo. Bề ngoài ông rất sòng phẳng, thành thực chấp nhận chính sách bảo hộ của Pháp. Ông đề nghị đảm bảo quyền lợi của Pháp bằng uy quyền của viên Toàn quyền liên bang (Lào, Mên, Nam Kỳ, và Việt Nam). Ở Huế giữ một khâm sứ, có đại diện ở Hà Nội (không phải là Thống sứ nữa), và triều đình Việt Nam đặt một Phái bộ thường trực ở Paris liên lạc thẳng với Chánh phủ Pháp. Nếu có tranh chấp, chính phủ lập hiến Việt Nam thảo luận với Toàn quyền Pháp; khi tranh chấp không giải quyết, Phái bộ Việt Nam sẽ thương lượng với Bộ Thuộc địa ở Paris. Quan niệm đúng đắn như vậy chính sách bảo hộ đặt trên tinh thần hợp tác giữa hai quốc gia, đúng theo các điều khoản của hiệp ước Patenôtre.

Phạm Quỳnh rỉ vào tai người Pháp, vừa mơn trớn vừa đe dọa: Pháp nên thành thực giúp lập hiến, vì lập hiến không làm mất chủ quyền của Pháp. "Lạm quyền" bây giờ (tức là chèn ép triều đình Huế) chỉ có thể là "tạm bợ nhất thời" mà thôi, không thể giữ mãi mãi được với cao trào đòi độc lập tự do đang lên. "Phàm chế ngự một dân tộc, muốn được lâu bền, nên chịu bỏ những quyền lợi nhỏ và giữ lấy cái đại quyền." Đại quyền ở đây, theo Phạm Quỳnh là việc tranh giành ảnh hưởng giữa các khối đế quốc Anh, Pháp, Nhật (đang lên)... Đại quyền là quyền lợi kinh tế, phát triển có lợi cho đế quốc mà cũng có lợi cho dân bị trị. Tiếc cho người Pháp không biết nhìn xa thấy rộng như ông, cái tính biển lận và lòng tham không đáy của người Pháp đã dẫn họ đến thảm bại tủi nhục tại Điện Biên Phủ và gây ra thảm cảnh cho dân bị trị Đông Pháp cho đến bây giờ.

Trong mối liên hệ giữa người Pháp và Phạm Quỳnh, có một điều thắc mắc nên nói ra: đó là đa số quần chúng nghĩ là Phạm Quỳnh thân Pháp, chưa kể một số người đi xa hơn cho là ông làm tay sai cho Pháp. Dư luận này dễ hiểu. Đọc Nam Phong và đọc văn phẩm tiếng Pháp của ông, ngôn từ của Cụ Phạm, những lời khen tụng nước Pháp và văn chương Pháp của ông lắm khi làm cho ta bực mình. Nhưng chúng ta phải nghĩ là Cụ Phạm là một nhà nho ôn hòa khiêm cung, nhiều lúc quá mềm mỏng, sống dưới một chế độ quá ư kềm kẹp. Ngay tại kinh đô Huế, linh mục Cadière người Pháp, làm một tờ báo Pháp *Bulletin des Amis du Vieux Huế* cũng phải chịu sự kiểm soát của viên chánh Mật thám Trung kỳ Sogny, thì tờ Nam Phong ở Bắc kỳ làm sao tránh được con mắt cú vọ của trùm Mật thám Marty kiểm soát mỗi chữ mỗi giòng.

Thế nhưng đọc kỹ và đọc giữa hai giòng, mỗi khi có cơ hội, Phạm Quỳnh đã chửi Pháp rất cay, rất ra lẽ. Ta thử dẫn chứng một vài thí dụ. Phạm quân công kích Pháp, bất tuân hiệp ước Patenôtre, gọi cách cai trị Pháp là "thủ đoạn cưỡng bách" (France Indochine, ngày 31-5-30). Phạm quân công kích ngay ông Tổng trưởng Bộ Thuộc địa: ông Tổng trưởng tuyên

* Thành phố là gì? Đó là một nơi hàng triệu người cảm thấy cô đơn cùng một lúc.

Hery Thoreau

* Chính trị gia không dính dáng gì đến lòng ái quốc, cũng như vị tu sĩ không liên quan gì đến niềm tin tôn giáo.

John Haynes Holmes

* Cao điểm của sự dối trá là sự thành thật.

Carl Sandburg

* Kẻ khờ chú trọng đến giá cả của một vật. Người khôn chú trọng đến giá trị của vật.

Oscar Wilde

bố chính kiến là tôn trọng chính sách bảo hộ, "nhưng đó chỉ là lời văn chương biện thuyết mà thôi, chưa thấy làm được việc gì cho ra lẽ." Phạm quân công kích chính sách nói chung của Pháp, dám viết: "(đó là một chính sách) do dự, bất nhất, di dịch biến đổi luôn... Chánh phủ không biết cái mục đích nên đạt tới là thế nào, và kế hoạch thi hành là thế nào." Công kích chính sách giáo dục của nước Pháp: "một cách giáo dục hú họa, không có chương trình, không có mục đích nhất định..." (Nam Phong, số 151, đã dẫn).

Trừ những nhà cách mệnh Việt Nam chửi Pháp và phanh ngực ra cho chúng bắn, không một ai ôn hòa đã dám chửi Pháp như Cụ Phạm đã làm. Vả chăng, người ta theo ngoại bang vi danh vọng và quyền lợi. Như nhà văn lão thành Nguyễn Công Hoan đã viết về Phạm Quỳnh, ông làm báo Nam Phong quyền lợi bội phần hơn ra làm quan, và một người như Cụ Phạm muốn đạt danh vọng thiếu gì bước đi mà phải cúi luồn người Pháp.

Một điều thắc mắc khác là thái độ của Phạm quân đối với triều đình Huế và quan trường Bắc kỳ. Phạm quân viết trong Nam Phong năm 1930: "dù thay đổi bằng cách gì mặc lòng cũng còn không tệ bằng cái triều đình hủ bại đó và cái quan trường bất lương đó... Thiên hạ đã công kích dữ lắm hai cái chế độ đã làm thất nhân tâm nhiều lắm rồi... (và hô hào) nên bỏ hẳn đi cho xong."

Thế nhưng Cụ Phạm đặt câu hỏi, trong bài "Vấn đề Lập hiến": "Bỏ triều đình đi, bỏ quan trường đi thì dễ lắm, sớm trưa có thể làm được ngay, nhưng bỏ đi rồi lấy cái gì mà thay vào, tất rồi lại gây ra một cái quan trường mới, hay chưa thấy đâu, mà có lẽ sẽ còn tệ hại hơn quan trường cũ vậy." Đúng là lời tiên tri của một người làm chính trị có ý thức chính trị bẩm sinh trực giác. Hai mươi lăm năm sau cách mệnh Vô sản thành công ở Nam-tư, một giai cấp mới hiện ra bóc lột nhân dân còn tàn khốc hơn chế độ cũ (Milovan Djilas, *The New Class*, 1957). Năm mươi năm sau, ngay tại trong quê hương ta, thay thế cho "chế độ tham nhũng Thiệu-Kỳ," là một chính thể tham nhũng mười lần khủng khiếp hơn!

Tuy nhìn nhận những điều xấu xa của quan lại cũ, Phạm quân là người độc nhất đứng ra bênh vực chế độ đó. Ông phân tích những lý do gây ra ác cảm với quan trường: chính trị (người làm quan ngày đó cúi trên luồn dưới, "siểm mị người trên, bác tước người dưới"; xã hội (quan trường là giai cấp phú quý, người bình dân thường ghen ghét); và tâm lý (quan trường tượng trưng cho giai cấp thượng lưu, phái tân tiến so sánh không được bằng đâm ra ganh ghét. Và Cụ Phạm bào chữa: Trong quan trường cũng có người tốt kẻ xấu. Cái xấu là do chế độ chính trị của người Pháp không phân minh gây ra. Người tài năng không thi thố được sở trường, kẻ dở lại lấn lướt nhiều. Theo ông, chữa bệnh phải tìm căn bệnh: người không hư, nhưng hư vì chế độ không minh. Và ông kết luận: "Vả lại quan lại là ai? Há không phải là người An-nam dư? Há không phải là một phần trong phái thượng lưu An-nam dư? Nếu lời bình phẩm mà nghiêm khắc quá, cho quan lại hầu hết như một hạng người bất lương cả, thời không khỏi khiến cho người ngoài dễ khái luận mà nói rằng: Nếu bọn thượng lưu của họ còn như thế, thì cả dân họ còn ra gì nữa! Lời phán đoán đó e có phương hại đến cả tiền đồ chính trị của nước ta vậy."

*

Tôi nghĩ rằng Ban Tổ Chức Ngày Phạm Quỳnh đã tế nhị, kín đáo gọi buổi lễ hôm nay là Ngày Tưởng Niệm Học Giả Phạm Quỳnh. Danh từ học giả, từ điển Đào Duy Anh và Hoàng Phê đồng giải thích là người nghiên cứu, có học vấn sâu rộng. Cụ Phạm có đầy đủ tiêu chuẩn cho ta gọi là học giả.

Cụ Phạm lại còn là người có chí khí cao xuất hơn phường lưu tục, là một người trí thức quyết tâm đấu tranh vì chính nghĩa. Từ điển Đào Duy Anh và Hoàng Phê định nghĩa con người như vậy là chí sĩ. Nước ta có những bậc chí sĩ như Cụ Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh. Cụ Phạm Quỳnh thật xứng đáng được sắp ngang hàng với các bậc tiền bối đó. Vậy hôm nay chúng ta có mặt nơi đây để tưởng niệm *Chí Sĩ Phạm Quỳnh* mới đúng.

Cụ Phạm Quỳnh đã đấu tranh cho đất nước, lại bị những kẻ quá khích hạ sát không toàn thây, vùi nông trong mương rãnh, và đến khi tìm ra được xác, vẫn còn bị đối xử bất công. Một người đã chiến đấu và đã hy sinh đời sống của mình cho một lý tưởng, người đó ta gọi là chiến sĩ, *Chiến sĩ Ái quốc Phạm Quỳnh.*

Phụ lục:

Với những ai còn nghi ngại tinh thần ái quốc của Cụ Phạm Quỳnh, xin đọc kỹ tài liệu sau đây của viên Khâm sứ Trung kỳ Haelewyn gởi cho Toàn quyền Đông Pháp, Đô đốc Jean

Decoux và Tổng tư lệnh Lục quân, Đại tướng Mordant, ba tháng trước khi quân Nhật tước khí giới quân Pháp ở Đông dương: *Rapport du 8 Janvier 1945 destiné à l'Amiral Decoux au Déligué Général Mordant, par le Résident Supérieur Haelewyn* (Bản Phúc trình (tối mật) đề ngày 8 tháng Giêng, 1945 của Khâm sứ Trung kỳ Haelewyn gởi cho Toàn quyền Đông Pháp Jean Decoux và Tư lệnh Đại tướng Mordant). Tài liệu để tại Văn phòng Pháp Quốc Hải Ngoại, Paris.

Thêm một lần nữa, Thượng Thư Nội Vụ (Phạm Quỳnh) lại cực lực phiền trách chúng ta về việc trưng dụng lúa gạo để cung cấp cho Nhật... Phạm Quỳnh lập lại điệp khúc yêu cầu chúng ta hoàn trả Bắc Kỳ về cho Hoàng triều như Pháp quốc đã hứa... Tôi đã lưu ý Hoàng Đế Bảo Đại về thái độ bướng bỉnh vượt quá thẩm quyền ông ta đòi nới rộng quyền hạn của viện Cơ Mật... Hiện tôi đang chờ đợi một phản ứng khác bùng nổ từ ông ta nếu như chúng ta không chịu nhận sự bổ nhiệm một Khâm Sai Hoàng triều trên cõi Bắc Kỳ... Chủ quyền Bảo hộ của chúng ta lại một lần nữa bị xúc phạm... Phạm Quỳnh đòi hỏi chúng ta trong một thời hạn ngắn nhất, cụ thể nhất, phải hợp thức hóa việc phục hồi chủ quyền của Vương triều trên lãnh thổ Bắc Kỳ và Nam Kỳ... Phạm Quỳnh còn hăm he sẽ thúc đẩy các phong trào chống đối nổi dậy nếu như chúng ta không đặt vấn đề thương thảo với Hoàng Đế Bảo Đại trong những tháng trước mặt về một quy chế Mới nhằm cải biến chế độ Bảo Hộ sang Quốc Gia Liên Hiệp như thể chế Commonwealth mà trong đó những địa vị quan trọng phải nằm trong tay người bản xứ... Những yêu sách của Phạm Quỳnh cứ là thiết lập một nền tự trị toàn diện cho Bắc Kỳ và Trung Kỳ đồng thời chấm dứt chế độ thuộc địa Nam Kỳ tiến tới việc hình thành một Quốc gia Việt Nam... Tôi xin lưu ý quý ngài về sự kiện này, bề ngoài Phạm Quỳnh tuy nhã nhặn, hòa hoãn nhưng ông ta là một phần tử bất khả phân trong chủ trương giành độc lập cho Việt Nam và chúng ta đừng mong gì làm vơi đi lòng ái quốc chí thành, bất di dịch nơi ông ta dù qua việc chúng ta đã dành cho ông một chức vị tối danh dự đã có... Cho đến hiện thời, ông ta là một đối thủ thận trọng, chừng mực nhưng kiên quyết trước vấn đề bảo hộ của Pháp quốc, do đó Phạm Quỳnh sẽ có thể trở thành kẻ đối địch bất khả quy của chúng ta nếu như một khi ông ta bị lôi cuốn bởi lời hứa hẹn của Nhật-bản cho một chủ thuyết Đại Đông Á... Tôi xin chờ chỉ thị của quý Ngài..."

PHÂN ƯU

Chi Hội VAALA FLORIDA
Vô Cùng Thương Tiếc
Chủ Tịch Sáng Lập

Nhà báo LÊ ĐÌNH ĐIỂU

Pháp danh TỈNH GIÁC

vừa tạ thế ngày 24 tháng Năm 1999
tại Bellflower, California

Hưởng thọ 61 tuổi

Toàn thể thành viên Chi Hội VAALA Florida thành thật chia buồn cùng tang quyến. Nguyện cầu hương hồn Anh được tiêu diêu Miền Cực Lạc.

Ái Khanh, Thụy Lữ, Vũ Đức Thanh, Trần Minh Hiền, Ánh Dương, Cà Nông 20, Đỗ Xuân Hùng, Huỳnh Văn Phú, Lê Nguyễn, Mai Khanh, Phố Đào Nguyên, Thanh Sơn, Thế Lộc, Thương Anh, Trần Văn Lệ, Vinh Hồ

TRƯỜNG VIỄN ĐÔNG BÁC CỔ CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHẠM QUỲNH NHƯ THẾ NÀO?

TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG

Phạm Quỳnh nổi tiếng về hai mặt: chính trị và văn hoá. Cuộc đời làm chính trị với hai chức Thượng thư đã đem lại kết quả thê thảm cho ông trong biến cố Tháng Tám 1945. Đó là cái giá phải trả cho những con người hành động, nhất là khi họ nổi bật trên đám đông không phải chỉ về mặt chính trị. Nhưng sự nghiệp văn hoá của ông có kết quả lâu bền và rộng rãi hơn. Đông Hồ Lâm Tấn Phác đã thấy tạp chí Nam Phong được cả "người không đồng chí cũng một lòng tôn trọng." Người Cộng sản nắm quyền đất nước, theo thói quen tự cho chỉ mình là đúng, đã tìm cách triệt hạ ông, nhưng trong một lúc buông lỏng cũng lại để lọt những lời Nguyễn Công Hoan biện minh cho Phạm Quỳnh. Tất nhiên không cần kể chương trình giáo dục của VNCH có dành phần cho Nam Phong và Phạm Quỳnh, phát sinh sách vở đầy dẫy phục vụ học đường. Tuy nhiên trong khi tìm hiểu sự nghiệp Phạm Quỳnh, người ta thường chỉ đặt trọng tâm vào việc phân tích những điều đạt thành, trong tình hình tiến triển của đất nước mà ít chú ý đến các nguyên nhân tác thành qua thời gian. Các luận văn về Phạm Quỳnh thường trình bày sự nghiệp của ông theo lối dàn trải trên bình diện rộng mà không cho thấy những tiến triển trong tư tưởng của ông, nói cách khác, các nghiên cứu đã mang tính chất tĩnh hơn là động ố mà cho dù không thấy có cũng nên nói ra. Cho nên nếu lưu tâm đến một lịch sử về sự nghiệp Phạm Quỳnh thì thiết tưởng không thể bỏ qua lúc khởi đầu của ông.

Nhà nghiên cứu Tạ Chí Đại Trường

Trường ốc thật ra cũng là khởi đầu đáng kể trong sự nghiệp của một con người. Chính vì thế mà người ta thường chen nhau vào các trường danh tiếng. Tuy nhiên trường Bảo hộ mà Phạm Quỳnh tốt nghiệp thủ khoa (1908), có là danh tiếng với người đương thời, vẫn không phải là nơi đào tạo người có ước vọng cao xa. Mười hai năm sau (1920), khi lớp sinh viên đầu tiên của trường Đại học Đông Dương tốt nghiệp, Phạm Quỳnh vẫn phải ra công đả phá lối suy nghĩ "học làm mướn", "học kiếm tiền" của các cô cậu tân khoa. Vậy thì ở đây phải kể lúc khởi đầu của Phạm Quỳnh là vào lúc ra đời: Trường Pháp Quốc Viễn Đông Bác

Cổ.

Trong tình trạng riêng biệt của mình, chúng tôi không thể nào nắm được những dữ kiện dù đơn giản nhất về cái Viện nghiên cứu danh tiếng này, ví dụ năm thành lập chẳng hạn. Nói chi đến vấn đề tổ chức, hoạt động nghiên cứu kinh qua những giai đoạn nào, nhất là ở đây, về tình hình sinh hoạt của các nhân viên hành chính cấp dưới để hiểu rõ môi trường Phạm Quỳnh dù muốn hay không vẫn phải ép mình vào, từ đó được mài dũa để có tiếp nhận phản ứng ra sao. Thật là táo bạo, nhưng ở đây chúng tôi chỉ muốn đề xuất một hướng tìm tòi chứ không có tham vọng giải quyết nó.

Vả lại cũng chẳng phải mình chúng tôi có ý tưởng này. Trong lúc suy nghĩ chúng tôi đã gặp kẻ đồng điệu là ông Đoàn Văn Cầu khi ông giới thiệu Hành trình nhật kí của Phạm Quỳnh (1997): "Kiến văn quảng bác của tiên sinh được hun đúc phần lớn ở Trường Pháp Quốc Viễn Đông Bác Cổ..." Có thể coi đó là kết quả của trực giác, chợt nổi lên rồi lại chìm lấp vì đường hướng phục vụ và tính chất thời đại đã dẫn Phạm Quỳnh đi theo lối khác nơi ông phục vụ trong chín năm trời. Người giới thiệu đã nêu lên một ý thoảng qua rồi chuyển sang chú ý đến những thành tựu to lớn khác của Phạm Quỳnh như bất cứ ai cũng phải công nhận.

Chín năm (1908 ố 1917) vẫn không là lâu so với 15 năm làm chủ bút Nam Phong (1917 ố 1932), 13 năm làm quan (1932 ố 1945), nhưng vị trí khởi đầu thật là quan trọng. Chúng ta không rõ ngạch trật của ông ở VĐBC, nhưng người ta đã dùng một từ thông dụng lúc bấy giờ để chỉ vai trò của ông: thông ngôn. Và khi đi Paris, thấy mấy trường Đại học, ông cũng nhận mình "ở trường thông ngôn ra, học được mấy ông hương sư ở Tây sang." Nghĩa là ông cũng chỉ là một công chức cấp thấp trong ngạch hành chính thuộc địa lúc bấy giờ. Tuy nhiên, hãy tưởng tượng Phạm Quỳnh sau khi vác đơn xin việc được cử vào làm ở một toà Sứ tỉnh, hay cao hơn, làm ở Phủ Thống sứ Bắc Kì, Phủ Toàn quyền Đông Dương, tính chất hoàn toàn thư lại của những nơi ấy sẽ đào tạo ông nên con người ra thế nào? Không ở trong ngạch Tây để chờ thâm niên mà nóng ruột nhảy sang ngạch Ta để làm ông Tham, ông Huyện... thì với tham vọng của ông, chức Thượng thư hẳn đạt tới cũng không khó. Nhưng ông đã làm nhân viên hành chính của Trường VĐBC, một nơi có những hoạt động khác lạ với công sở hành chính. Sự lựa chọn này là do nguyên nhân nào thúc đẩy?

Năm 1922 nhân chuyến được cử đi tham dự cuộc "Đấu xảo" Marseilles, kể chuyện lên Paris gặp ông M. (Maitre?), cựu Giám đốc Trường VĐBC, Phạm Quỳnh nhắc chuyện ông ta lúc làm chủ khảo kì thi tốt nghiệp 1908 đã cho điểm vớt bài thi chữ Hán để ông khỏi bị đánh rớt (mà lại đậu thủ khoa!), và xác nhận rằng chính ông M. đã đưa ông vào làm việc ở VĐBC. Ở đó có những người chỉ suốt ngày lo đi đào bới đất đai hay có ngồi trong phòng cũng mân mê tượng này, hòn đá nọ... so sánh, vặn hỏi chứ không phải "sáng vác ô đi, tối vác về." Dù có người là công chức hành chính thực sư, hoỳ cũng để thì giờ đi dò hỏi phong tục tập quán của dân quê, nhân tiện đi kinh lí cũng ghé mắt nhìn xem đình này miễu nọ chứ không phải chỉ đánh tổ tôm tài bàn hay tệ hơn, đòi hối lộ. Với cung cách làm việc đó, trong không khí trang trọng khác với lề lối sống bình thường gật gù ngâm thơ bình văn nhàn tản của Đông Phương đó, những tay thư lại trong Trường hẳn phải "học" được một chút gì. Trừ những người của lớp sau như Trần Văn Giáp, Nguyễn Văn Huyên... đi hẳn vào khoa học nhân văn, xã hội nên không lạ với lề lối làm việc nghiên cứu, chúng ta thấy có những công chức thực sự của Trường đã bằng vào thực tế của sở làm mà bước qua ngành nghiên cứu. Phạm Quỳnh mà ở lâu năm trong VĐBC thì cũng sẽ trở thành một ông Nguyễn Văn Tố khác. Ông này mang tính chất cựu học được cải biên bởi Trường VĐBC rất rõ rệt trong sự nghiệp của mình.

Ông Nguyễn Thiệu Lâu trong một hồi kí về Nguyễn Văn Tố, tuy có ý ca tụng nhưng cũng lộ cho ta thấy một nhược điểm "nhà nho" của viên trưởng ngành hành chính này: Ông Lâu, Cao học Địa lí Sorbonne, viết bài nghiên cứu đem nạp bị ông Tố đè ra bôi quẹt sửa văn pháp, ngữ nghĩa! Ông Giám đốc Coedes cũng bị như vậy. Tất nhiên thời Tứ thư Ngũ kinh đã qua, nhưng óc tầm chương trích cú của ông Tố lại có dịp núp sau lối truy tầm tài liệu của khoa học mới thông qua những ngày ông làm việc ở VĐBC. Điều đó thấy rõ trong những bài nghiên cứu của ông trên tạp chí Tri tân cùng với những bài tranh chấp, bắt bẻ người khác. Nhóm Phong hoá Ngày nay tinh ý nhận ra tính chất rượu cũ bình mới ấy nên đã độc ác chế riễu là "ông tờ a tờ b" (từ cách đánh số trang của các sách xưa).

Phạm Quỳnh đã không ở suốt đời trong VĐBC. Nhưng "một chút" chín năm sao không có ảnh hưởng đến con người cầu học cầu tiến ấy? Thi tốt nghiệp, ông không biết chữ Hán đến nỗi bài làm bị cho điểm vớt, thế mà "sau ngày vào làm việc ... ở Bác cổ (ông đã) gia công học chữ Hán trong mấy năm", cuối cùng 5 năm sau đã được nhận lãnh dịch sách tiếng Pháp sang chữ Hán (cùng Nguyễn Bá Trác). Ông M. nói trên, khi gặp lại đã ngỏ ý tiếc rằng Phạm Quỳnh không ở lại trường để chuyện trị về cổ học Trung Hoa và Việt Nam vì xét rằng Phạm Quỳnh "cũng có tư cách riêng về đường khảo cứu." Rồi lại cũng chính Phạm Quỳnh thú nhận "nhiều khi tỏ ý tiếc"...Điều biện minh cho sự lựa chọn của mình chứng tỏ Phạm Quỳnh vẫn phải chịu sự ràng buộc của thời đại, lúc mà tinh thần khảo cứu vốn vẫn không phải là thứ quen thuộc với người Việt, sự nghiệp khảo cứu vẫn chưa được coi trọng để phải dấn thân cả đời vào đó. Phạm Quỳnh vẫn là một người An Nam của thời đại, cho nên một năm sau khi vào Trường, được cử làm phụ giáo Ecole des langues orientales ở Paris đã từ chối "vì mới cưới vợ." Chút lưu luyến với VĐBC đã khiến cho ông đi thăm các Viện bảo tàng Guimet, Louvre, dân tộc học...và nảy sinh nhiều ý tưởng chỉ có thể thấy ở một người từng quen với sinh hoạt nơi khảo cứu: "Chuyến này về, có thì giờ phải nên khảo về hoạ học Trung Quốc, Nhật Bản mới được..." Ông không thực hiện được ý nguyện bất chợt đó nhưng những kiến thức khoa học nhân văn thu thập được và tinh thần khảo cứu vẫn lộ ra trong sự nghiệp của ông.

Tạp chí Nam Phong nổi tiếng với người dân thường đương thời qua tấm bích chương "Rồng Nam phun bạc đánh đổ Đức tặc" trong Thế chiến I và đó cũng là bằng chứng để người Cộng sản thuyết phục quần chúng về hành vi "theo Tây" của Phạm Quỳnh và để biện minh cho việc họ giết ông. (Chớ tưởng rằng chỉ người dân "ít học" mới bị mắc lừa: Trong không khí "ái quốc"nồng nhiệt như thế cùng với khả năng chiến thắng của người Cộng sản dâng cao, không ít những nhà trí thức đã hùa theo đả phá ông.) Người Pháp cũng sử dụng hình ảnh Con rồng Annam để phục vụ cho ý đồ chính trị của họ khi ca tụng những nhân vật bản xứ có công tích nổi bật, ví dụ với trường hợp Đỗ Hữu Vị chẳng hạn. Con rồng là từ chuyện Lạc Long Quân ố Âu Cơ trong truyện tích khởi đầu lập quốc của dân Việt. Và từ đó đi đến những chuyện về 18 đời Hùng Vương không xa, nhất là khi Nam Phong cổ động một tinh thần ái quốc không cắt đứt với truyền thống (hiểu theo nghĩa hình thành của một giai đoạn) qua những luận thuyết của ông chủ bút, qua những thu nhặt văn thơ, truyện tích trong quá khư,Ô củng cố niềm tin bình dị đã trở thành căn bản đến lúc bấy giờ ố và cho đến lúc này. Thế mà thật ngạc nhiên khi đến gần cuối đời của Nam Phong (1931), ta còn đọc được câu này trong bài "Bàn về cái tinh thần lập quốc":... [T]ự đời Trưng Vương, Triệu Ẩu, nước còn là bộ lạc, có lẽ cái tinh thần ấy [tinh thần lập quốc] còn phảng phất mà chưa chung đúc lại thành quốc hồn." (Chúng tôi nhấn mạnh.) Ngược lại chín năm về trước, khi thăm điện Pantheon (Paris), ông đã đặt vấn đề "nửa huyền" (bí) trong hành trạng Hai Bà Trưng như lịch sử và truyền thuyết cũ vẫn kể. Thoát ra ngoài không khí chung của tinh thần truyền thống qua tin tưởng của dân chúng, dựng nên bởi các trí thức bản xứ như thế, hẳn là dấu vết của quan niệm lịch sử mới từ Trường VĐBC đã ăn sâu vào tâm trí ông cựu nhân viên hành chính của Trường thành một khẳng định không phai mờ qua mười mấy năm rời bỏ nó.

Tuy nhiên tinh thần Trung Hoa cũ, kiến thức chung chung đào tạo ở trường Bảo hộ đã khiến Phạm Quỳnh hướng về những vấn đề tổng quát: bàn văn học, triết học, mĩ học, văn chương kim cổ. Với chí nguyện "an thường thủ phận mà làm một nhà khảo cứu có lẽ không bằng khua môi múa mép mà làm một nhà ngôn luận", ông đã rời Trường VĐBC, ta không thể đòi hỏi khác được. Nhưng sao ta không chịu thấy hiển nhiên là khi bàn về quốc học, nghiên cứu tục ngữ ca dao, Truyện Kiều, Phạm Quỳnh đã đứng ở vị trí trung gian giữa căn bản được đào tạo, hoàn cảnh trí thức bản xứ đương thời và sự thúc đẩy của lối làm việc từ nơi khởi đầu vào đời? Sự lựa chọn đề tài, căn bản lí luận đã cho thấy ảnh hưởng của sự lôi kéo mới nơi ông.

Bàn về quốc học (1931) ông đã không chịu theo những người khác khăng khăng để tinh thần ái quốc nồng nhiệt lấn át sự kiện hiển nhiên. Chừng mực hơn Phan Khôi nhưng cũng cứng rắn không kém, ông quả quyết dân Việt từ xưa chưa có quốc học, hiểu theo nghĩa có những tư tưởng mang tính hệ thống làm nên riêng biệt là người Việt. Cũng không phải quá

khích đến nỗi nhận rằng những tư tưởng đó phải là độc đáo, sáng tạo riêng biệt, từ trên trời rơi xuống, ông nhìn nhận mối tương quan văn hoá giữa các dân tộc là điều không tránh khỏi, nhưng theo ông, sự tiếp nhận không thể là lối bắt chước suông: Vương học của Nhật Bản không phải chỉ là bài tụng kinh sách Vương Dương Minh. Bài "Quốc học với quốc văn" (1931) có thể coi là một bài nghiên cứu về tương quan văn hoá giữa Việt Nam và Trung Hoa mà Việt là phía tiếp nhận. Ông nói đến các nguyên nhân khách quan (vị trí địa lí của hai nước, so sánh sự khác biệt với Nhật Bản), nguyên nhân nội tại ở tinh thần người Việt đã dẫn đến kết quả tiêu cực như thế nào... Chắc Phạm Quỳnh chưa lưu ý đến các tìm tòi của những nhà dân tộc học dẫn đến các lí thuyết về giao lưu văn hoá, nhưng bài viết dựa trên các sự kiện cụ thể, mang một tinh thần phân tích đáng kính phục.

Chúng ta còn lưu ý đến một chức phận khác của Phạm Quỳnh: Phó hội trưởng Hội Địa dư Hà Nội (1931). Chúng tôi lại cũng không đủ phương tiện để tìm hiểu về cái hội này, nhưng danh xưng (ngày nay gọi là địa lí) bao hàm một phần lãnh vực hoạt động mà Phạm Quỳnh có thể góp phần, không phải chỉ là với hư danh chức tước: phần địa lí nhân văn. Ông hiểu rõ điều đó như khi trình bày phần dẫn nhập trong bài nói chuyện ngày 19-12-1929 ở hội này với tựa đề "Le paysan tonkinois à travers le parler populaire". Một phần của tựa đề "Người dân quê Bắc Kì..." chứng tỏ ông biết giới hạn vấn đề khảo sát trong một khu vực nhất định, nơi một tầng lớp người nhất định. Nhưng tầng lớp này là thành phần tuyệt đại đa số của dân Việt nên cũng là tiêu biểu cho tính cách Việt gần như chưa phải thay đổi vì thâm nhiễm văn hoá, lối sống Tây Phương qua sự chuyển tiếp ép buộc của người Pháp. Ông lượm lặt những câu ca dao, tục ngữ để làm chứng dẫn về cuộc sống thường nhật ảnh hưởng đến tâm tình của một người dân quê trung châu sông Hồng được ông gọi điển hình là Nguyễn, họ thông thường nhất của dân Việt. Chứng dẫn được trải dài từ lúc Nguyễn còn là cậu bé 7, 8 tuổi theo thầy đồ học Tam tự kinh, lớn một chút chăn trâu thổi sáo trong đồng, đến lúc thành chức việc làng ngồi ở chốn đình trung. Rồi không phải chỉ qua ca dao tục ngữ, nhân tiện ông cũng mở rộng kể về sinh hoạt đình, hội làng, cả đến một vài chi tiết lạ, theo ông, là những tục lệ còn rơi rớt từ "thời trung cổ" tới nay, ví dụ như hội làng La, vào đêm cuối nam nữ, trai gái tụ tập trong đình rồi đèn đuốc tắt hết một lúc lâu mới mở lại. Một tục lệ như thế thật không có gì trái lẽ hơn với đạo đức thanh giáo mà xã hội Việt Nam chịu ảnh hưởng từ lâu ố và có lẽ cũng là trái với đạo đức thông thường của con người hiện tại. Thế mà con người vẫn được nhận xét là trầm mặc, kín đáo, không tránh khỏi lời chê cao ngạo, con người nho như một bậc quân tử, tây như một gentleman, con người đó sao lại chú ý ố không những chú ý mà còn ghi chép, phát biểu về một thói tục "bậy bạ" chốn nhà quê, điều hơi khác thường ấy là bởi đâu?

Cái "bậy" là của phạm trù đạo đức, cái "lạ" là của phạm trù khoa học, Phạm Quỳnh biết phân biệt rõ ràng, điều ấy chắc chúng ta phải tìm nguyên nhân từ những năm tháng phục vụ ở Trường Pháp Quốc Viễn Đông Bác Cổ vậy.●

NHỮNG ĐÓA HOA THIỀN

TIÊU VŨ ĐỒNG

Bản dịch DƯƠNG ĐÌNH HỶ

Sưu tầm những công án về Thiền cùng những lời chú giải.

AN TIÊM

THẦY TÔI

PHẠM THỊ HOÀN*

Kính dâng vong linh Thầy và Me
nhân 100 năm sinh nhật Thầy và Me

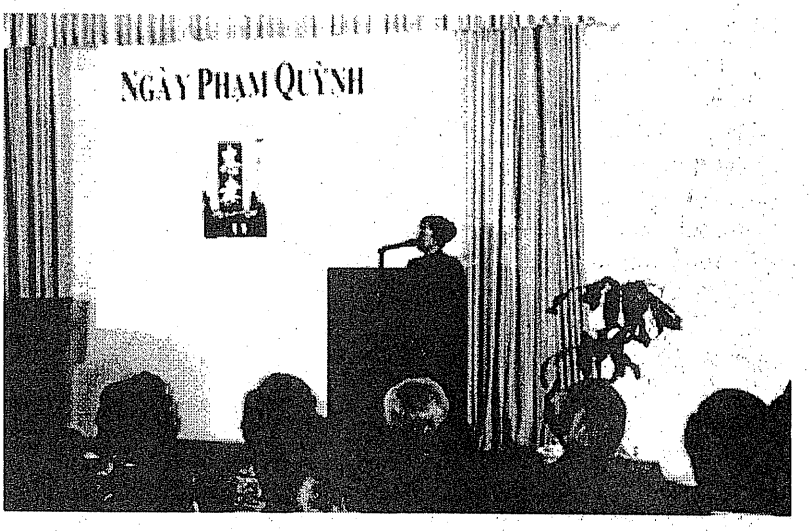

Tác giả bài Thầy Tôi, bà Phạm Thị Hoàn phát biểu tại buổi hội thảo trong Ngày Phạm Quỳnh.

Từ ngày lọt lòng đến năm lên bốn, tôi đã sống những ngày tháng êm lặng trong một khung cảnh gia đình yên hàn vô sự, bên Thầy Me và các anh các chị. Yên hàn vô sự đến mức quãng đời đó không ghi lại trong tâm khảm tôi một chút kỷ niệm nào!

Năm tôi lên năm, một sự kiện quan trọng đã thay đổi giòng đời của cả gia đình. Thầy tôi vào Huế làm việc, và toàn thể gia đình đều rời Hà Nội đi theo.

Từ đó, cái "băng" ký ức trong tôi đã lần lượt ghi dấu những chặng đường nặng vết kỷ niệm, từ thời thơ ấu đến ngày nay.

Kỷ niệm đầu tiên là ngày nhập học, trường Đồng Khánh, sau một tháng đến Huế. Ngày đó, theo trí nhớ của tôi, chắc chắn không phải là ngày khai trường, vì các trò trong lớp tôi, tức là lớp năm, toàn là một đám "ma cũ" cả. Họ gọi nhau "tụi bây ơi, trò mới tụi bây ạ," rồi xúm quanh tôi, kẻ thì yên lặng "chiêm ngưỡng," kẻ thì gợi chuyện líu la lúi lo giọng Huế, tôi không hiểu kịp: "Ra chơi u mọi với tụi tui không?" "Có biết chơi tàu bay không? hay là chơi thẻ?" Từng đó trò chơi các bạn mới đề nghị, tôi đều lắc đầu, vì không hiểu gì cả! Tôi nghe bàn tán "Ngó bộ ngờ ngơ dữ!"

Trống đánh tan buổi học sáng, ai nấy đều sắp hàng lấy nón ra về. Thấy tôi vẫn "ngờ ngơ," một vài cô bé thương hại đến hỏi: "Rứa ba mạ trò có tới đón trò không?" Tôi chả hiểu gì và vẫn "ngờ ngơ," nước mắt chảy ròng, tìm chả thấy bóng dáng hai chị đâu để chạy theo hầu thoát cảnh hỏi cung này. Một cô bé tiến lại gần, giọng dịu dàng: "Rứa trò có hiểu 'ba mạ' là chi không?" Tôi lắc đầu thì cô ta thở dài, tự nói "hèn chi!" và quay lại tôi giải thích:

"Ba mạ là cha mẹ mình. Rứa trò kêu ba mạ trò là chi?"

"Là thầy me."

Thế là cả bọn rũ ra cười, và tôi lại được nghe giải thích: "Thầy là thầy giáo dạy học

mình, đâu có sanh ra mình mà mình kêu thế cha mình được..." Vừa lúc đó hai chị tôi ở lớp nhất và lớp nhì ra đón tôi cùng về. Thấy tôi không được vui, hai chị yên chí là lần đầu tiên đi học trường, hẳn là nhớ nhà, nhưng đâu có hiểu được nông nỗi khổ tâm của tôi.

Trong đầu tôi cứ lẩn vẩn câu hỏi: "Tại sao tôi lại gọi cha tôi bằng Thầy?" Bạn nói: "Thầy dạy mình chứ không sanh ra mình," thật chí lý. Thêm đó, tôi nhận thấy gọi "cha mẹ" bằng "ba mạ" nghe dễ thương hơn, thấy có sự thân mật gần gũi hơn, thấy "tân tiến" hơn chữ "Thầy," nghe nghiêm khắc xa vời quá!

Về đến nhà, tội chạy tìm ngay bác tài Mai để kể nỗi thắc mắc của mình. Bác là người vẫn đưa đón Thầy tôi đi làm, và là người bạn độc nhất của tôi những ngày mới bước chân đến nhà Hậu Bổ ở Huế. Bác Mai ôm tôi vào lòng, vừa vuốt tóc vừa nói "Đừng có lo, có phải ai cũng gọi "cha" là "ba" mô. "Ba" là bắt chước Tây đó; tui đây, tui kêu cha bằng "chú," vợ tui kêu cha bằng "dượng." Từ ngày đó tôi yên tâm vì gọi cha bằng chú hay bằng dượng thì cũng "tức cười" như gọi cha bằng Thầy vậy.

Nhưng lớn lên, tôi càng nghiệm thấy không từ nào có thể đẹp và ý nghĩa bằng chữ "Thầy" khi áp dụng cho cha tôi. Chữ "Thầy" là hình ảnh sống động của cha tôi với các tĩnh từ: chững chạc, mực thước, ôn hòa, ân cần, đôn hậu; và từ ngày khôn lớn, tôi đã suy tôn cha tôi qua chữ "Thầy" đáng kính và đáng mến đó.

Thầy tôi thờ chủ nghĩa Trung Dung nên giáo huấn con cái trong một khuôn khổ không nghiêm khắc như các Cụ thời đó. Chứng cớ là tôi đã ra ngoài khuôn khổ xưa mà xưng với Thầy Me tôi là "em" chứ không xưng "con." Còn nhớ trưa mùa hè năm ấy, khi "người ta" đến "đón" Thầy tôi đi, tôi còn chạy theo Người, nói với: "Thầy ơi, em lên gác lấy magnésie bismurée cho Thầy nhé," và được thấy Thầy quay lại dịu dàng nói: "Thầy không cần, chiều Thầy sẽ về." Ngày nay, ngồi viết lại giòng này, nước mắt tôi chan hòa thương cho mình lúc gia biến còn có phản ứng che chở cho cha, và thương cho cha đã ngây thơ tin chiều sẽ trở về!

Thầy tôi dạy dỗ các con không theo lề lối xưa: "yêu cho roi cho vọt, ghét cho ngọt cho bùi." Vì chúng tôi không bao giờ bị "ăn roi" và cái "ngọt" cái "bùi" cũng thầm kín, chứ không lộ liễu như tôi đây, mỗi tối con trai tôi lên chúc mẹ ngủ ngon vẫn được nghe mẹ nựng: "mẹ yêu em lắm, me qúy em lắm, em có biết không?" Tôi nhận thấy Thầy tôi rất công bằng, 13 người con, không hề thiên vị thương con nào hơn. Vào Huế, tôi có thêm ba em, hai gái một trai. Tôi nhận thấy chiều nào đi làm về, Thầy cũng xuống nhà ngang thăm em bé, đặt em bé xuống giường, lấy hai tay vuốt từ đùi xuống chân, hoặc nắm hai cánh tay trở ngược lên vai, vừa vuốt vừa nựng "vươn vai chóng nhớn, vươn vai chóng nhớn." Tôi được chứng kiến Thầy "tỏ tình" với các em nên cũng yên chí là các anh chị và tôi cũng đã đều được chăm sóc như vậy.

Thầy tôi khuất núi, tôi mới tìm đọc đến sự nghiệp văn chương của Người. Thật là muộn màng đáng tiếc! Nhưng từ lâu tôi vẫn tự hỏi: sao trong lúc sinh thời, Thầy tôi không bao giờ nói về mình với các con? Người ưu tư gì? Người khát vọng gì? Người tranh đấu gì? Tư tưởng của Người được người đương thời ủng hộ hay chống đối?... Thầy tôi chỉ chăm lo cho các con học hành tấn tới, dìu dắt các con trong một gia phong nền nếp. Thậm chí đến tạp chí Nam Phong hay các bài diễn văn của Thầy, tôi cũng không được nghe Thầy nhắc đến bao giờ!

Viết đến đây, một kỷ niệm "cười ra nước mắt" đã sống lại trong ký ức tôi: Năm đó, tôi học đệ tam; trong giờ Pháp văn, bà Sogny giảng một đoạn trong quyển Tuyển Tập của Pujarniscle: bài *La Poésie Annamite*. Bà gọi tôi đọc nửa đoạn đầu, rồi bảo tôi cho ý chính đoạn đó cùng phê bình văn. Tôi còn nhớ câu đầu: *"Nous voguions lentement sur la Rivière des Parfums..."* và kế tiếp là tả cảnh tả tình hay quá, lời văn nhẹ nhàng, lại có chút lẳng lơ lãng mạn khi tả giọng cô lái đò đưa câu hò mái đẩy, tiếng lanh lảnh vang trong tịch mịch. Tôi thao thao bất tuyệt nói cảm tưởng, và hết lời khen tác giả. Bà Sogny chắc phải lấy làm lạ. Sau khi dứt lời, bà hỏi ngay: "Chắc hẳn trò biết tác giả bài này chứ?" Không chút ngần ngại, tôi thản nhiên trả lời: "Thưa không." Bà trợn tròn xoe đôi mắt dưới cặp kính dày "Thật à, trò không biết thật à?" Sau lưng tôi, các bạn khúc khích cười và nhắc: "Của ông Cụ mi đó." Tôi chột dạ, lật qua trang sau thì quả nhiên chữ Phạm Quỳnh nổi bật ở cuối trang sách! Nào tôi có hay đâu, có bao giờ Thầy tôi bảo tôi đọc tác phẩm của Người đâu.

Ngày nay, ngược giòng thời gian, thấy thương cha vô cùng. Lúc nào cũng cô đơn, vượt cạn một mình, không tâm sự cùng ai. Âu đó cũng là thái độ của người tự trọng, biết lãnh trọn trách nhiệm; những nỗi ưu tư lo

lắng, một mình mình biết, một mình mình hay, gánh vác mọi việc không hề muốn cho vợ con phải bận tâm. Tội thương! Cả đến lúc vô cùng đớn đau phải lìa đời, cũng một mình chịu đựng, mười ba người con mà không có được một mảnh khăn xô khóc cha! Con sông Bồ, ngọn núi Hắc Thú là mảnh đất Việt cuối cùng đã tiễn đưa cha tôi qua bên kia thế giới, một đêm thu lạnh năm Ất Dậu, dưới không độ tình người!...

Từ trái: Ông và bà Phạm Tuân, bà Phạm Thị Hoàn và ba người con của ông bà Phạm Tuân, có mặt tại Quận Cam nhân ngày Phạm Quỳnh.

Thương cha đứt ruột!

Tôi không bao giờ thấy Thầy tôi ta thán giận hờn, hoặc bộc lộ sự vui mừng quá mức. Tôi biết Thầy tôi vui mừng những lúc Người rung đùi ngâm thơ trước ấm trà độc ẩm, hoặc đem Nhị Độ Mai, Kim Vân Kiều ra đọc cho Me tôi nghe. Hay vui hơn nữa, thì gợi ý Me tôi hợp mạt chược. Còn những lúc buồn lo hay bất mãn chuyện gì, tôi đoán là những lúc Thầy tôi nói bác tài Mai đưa xe lên chùa Vạn Phước. Trên đó, Sư Cụ luôn luôn để sẵn ngoài hành lang chánh điện một ghế xích đu. Thầy thường nghỉ đó, tìm di dưỡng tinh thần trong giọng trầm nhẹ của lời kinh hòa tiếng mõ đều đều của khóa kinh chiều. Và như thế đến tối mịt mới về.

Tôi được diễm phúc có nhiều kỷ niệm với Thầy tôi. Các chị đi ở riêng sớm, mấy em sau còn nhỏ lúc Thầy tôi bị họa, sát tôi trên dưới là hai trai, nên chỉ có tôi là con gái "đúng tuổi" để sai vặt: tôi chuyên cắt móng tay cho Thầy, và mỗi lần như vậy Thầy lại nói đùa: "Thầy là một nhà Nho để móng tay ngắn." Riêng câu đó cũng đủ để chứng tỏ Thầy tôi luôn luôn dung hòa cái xưa và cái nay. Trong xã hội xưa, quan niệm về thứ bậc bốn giới Sĩ Nông Công Thương thật bất di bất dịch: Thầy tôi đã không câu nệ trật tự xưa mà chấp nhận anh cả tôi vào Nam mở tiệm cơm. Hồi đó cũng lắm kẻ dị nghị: "Sao ông Cụ lại để ông con cả lấy nghề của chú ba tàu?"

Tôi có nhiệm vụ vặn đĩa hát cho Thầy nghe khi Người nghỉ trưa. Tôi không biết lúc đó có thấy hay hay không, chỉ nhớ như in là buồn ngủ quá mà không dám ngủ, vì đĩa hát cổ, máy hát cổ, luôn luôn phải thay kim, thay đĩa, lên dây cót... Nhưng những điệu Nam Ai, Nam Bằng, Tứ Đại Cảnh, hò mái nhì mái đẩy và những bản ca trù, hát nói, chèo cổ, Kiều lẩy, Tần cung oán... đã in trong tiềm thức tôi, khiến lớn lên tôi càng mê những giai điệu cổ điển đó, nhất là trong thời gian sống xa quê hương...

Công việc thứ ba của tôi là rọc sách, cứ hai ngày rọc một quyển dày! Thầy tôi quả là con "mọt" sách. Cả một thư viện gồm sách Việt, Pháp và Hán văn có giá trị, đã được đem ra bán cân ngoài chợ, sau khi chúng tôi phải rời căn nhà yêu thương ở An Cựu, ra Hà Nội.

Thầy tôi không hề tâm sự với ai. Đó là điều chúng tôi nhận thấy trong những năm sống bên Người. Nhưng tôi đã lầm.

Năm 1942, anh họ tôi, Phạm Trọng Nhân có dịp đến thăm Thầy ở Huế. Chuyện trò giữa chú cháu có bề súc tích hơn giữa cha con, và qua câu chuyện cái mũ ni anh Nhân tôi kể lại, Thầy tôi đã để lộ tâm trạng thầm kín khi chỉ cái mũ ni bằng len đang đội và nói với anh tôi: "Thời buổi này, đội cái mũ ni che tai vừa ấm vừa yên." Đó là tâm sự rồi!...

Cách đây non 40 năm, chúng tôi có được đọc một bức thư Thầy viết cho một người bạn Pháp vào cuối năm 1933, tức là một năm sau khi rời tòa báo Nam Phong vào Huế. Đại khái Thầy nói: "Tôi đã chọn con đường của tôi. Tôi là một người ở buổi giao thời, giao thời giữa Đông và Tây, giữa qúa khứ và tương lai, giữa một trạng thái chính trị do sự chiếm đóng gây

nên, và do đó đã sai lầm tận gốc, và một trật tự mới trong tương lai sẽ kính trọng phẩm giá con người hơn, nhưng sự kiện này không thể tạo lập ra được trong chốc lát. Vì thế, tôi cố gắng dung hòa những mâu thuẫn đó để giúp sức vào một sự tiến hóa khôn khéo đưa đến một tổng hợp trọn vẹn; lẽ tất nhiên tôi bị va chạm vào sự hiểu lầm của người đời, vì thế cuộc mạo hiểm phiêu lưu của tôi, đôi khi không khỏi có một tính cách thảm thương!" Đó là tâm sự rồi!... Đọc qua bức thư, tôi hiểu Thầy tôi hơn, thương Thầy tôi hơn, kính phục Thầy tôi bội phần: tiên đoán được tính cách bi thảm của cuộc dấn thân, mà vẫn dấn thân!...

Trong một cuộc phỏng vấn Thầy vào tháng Sáu năm 1945 do nhà báo Nguyễn Vạn An ghi dưới nhan đề: "Tôi Đã Gặp Phạm Quỳnh ở Biệt Thự Hoa Đường." Thầy tôi tiết lộ: "Trong một thời gian ra làm quan, tôi tự nhận thấy thâu thái học hỏi thêm được 'nhân tình thế thái' rất nhiều. Ngày nay trở lại nghiệp cũ, có lẽ ngòi bút tôi sẽ được dồi dào phong phú hơn xưa..." "Suốt một đời tôi đã phụng sự cho văn học, thì ngày nay, không vì lẽ gì tôi lại không muốn trở lại cái đời cầm bút đã bị một thời gian bỏ dở..." "Trong nền văn hóa chúng ta đang vun quén tạo lập, phải làm nẩy nở được mầm tư tưởng quốc gia. Chúng ta đã chẳng làm việc để tìm cho được một Tổ Quốc mà phụng sự là gì?" Đó là tâm sự rồi!

Nhưng nỗi niềm tâm sự thầm kín nhất, Thầy tôi đã giải bày trên non 50 trang giấy vở học trò, gom dưới nhan đề: "Kiến Văn Cảm Tưởng: Hoa Đường Tùy Bút." Quyển vở này, ngẫu nhiên gia đình tìm thấy trên bàn viết của Thầy. Mở ở trang chót, có cái bút Waterman còn chặn ngang trang giấy viết dở bài cuối, tựa: Cô Kiều Với Tôi. "Cô Kiều Với Tôi" là niềm tâm sự mới thoát trên giấy trắng mực đen, nhưng, than ôi, ngàn kiếp mãi mãi còn dang dở...

Năm mươi trang giấy học trò đã được nghe Thầy tôi thủ thỉ niềm tâm sự của con tim chán chường với "nhân tình thế thái," với "Con Người Hiểm Độc," hay "Anh Chàng Khoác Lác." Trong những ngày hè nóng nực của Ất Dậu năm đó mà đọc Keyserling, thuật Keyserling, theo Thầy tôi nói, thì quyết không phải là một tiêu khiển. Thầy tôi đã đọc, đã thuật "tư tưởng Keyserling" và ghi cảm tưởng là "để kỷ niệm mấy ngày nóng nực lạ thường, giữa lúc thần trí bâng khuâng, lan man nghĩ ngợi những đường kia nỗi nọ xa gần..." Thần trí bâng khuâng lan man nghĩ ngợi những đường kia nỗi nọ đã dẫn Người đến với "Lão Hoa Đường," quyết chí ẩn dật để giữ lấy tiết tháo thanh cao," và lan man đến tìn an ủi nơi cụ Tiên Điền Nguyễn Du, cảm thấy như đây là người cùng hội cùng thuyền! Còn tâm sự gì nữa qua Cô Kiều? Thầy tôi khi trẻ giữ để bụng, lúc về chiều lại muốn thoát ra cho nhẹ, thì oan nghiệt của số phận đã bắt thác phải mang theo!

Vào đầu năm nay 1992, tại Pháp có những sinh hoạt tưởng niệm 100 năm sinh nhật của một kỹ nghệ gia này, 200 năm sinh nhật của một nhạc sĩ khác, 150 ngày giỗ của danh nhân Hưng Gia Lợi nọ. Thật là "Người xưa vẫn sống trong lòng người nay!"

Riêng tôi, giờ phút này, tôi cũng đang tưởng niệm 100 năm ngày sinh của hai "vĩ nhân," hai "vĩ nhân" của riêng tôi, đó là Thầy và Me tôi (vì hai thân đồng tuổi). Me tôi là một hiền thê, hiền mẫu, sống ẩn dật, yên hàn vui thú bên chồng con. Tôi không sao đo lường được nỗi đau đớn của Me tôi những ngày sống đơn chiếc bên các em còn nhỏ dại. Tám năm sau ngày Thầy vĩnh viễn ra đi, Me tôi qua đời. Chúng tôi đã được làm tròn bổn phận làm con, an ủi, chăm nom, hầu hạ Người cho đến lúc nhắm mắt.

Còn Thầy tôi?

Thầy tôi đã phải ra đi...

Trước mắt tôi!

Bất lực, tôi cúi đầu chịu oan khiên của định mệnh!

Một trăm năm sinh nhật Thầy, tôi tưởng niệm với tấm lòng chân thành và đơn giản: niềm tưởng niệm được thể hiện trong lời nguyện Đọc và Tìm Hiểu sự nghiệp văn chương của Thầy, ngõ hầu cùng các anh chị em tôi chọn in lại một số bài đã đánh dấu một thời điểm về văn học và lịch sử của quốc gia dân tộc, với ước mong khiêm cung lưu truyền một vài tư tưởng của Người Xưa đến với thế hệ hậu sinh.

Và cũng để đánh dấu 100 năm sinh nhật Thầy, tôi mạo muội ghi chép vài kỷ niệm nho nhỏ gắn liền Thầy với tôi. Liều đấy! vì đây là lần đầu tiên trong đời, tôi dám cầm bút "viết thư" tâm sự với các "bạn" chưa được quen biết. Nhưng, chỉ cần nghĩ là "bạn" cũng đã cảm thấy sự khoan dung và thông cảm rồi.●

(*) Tác giả là con gái thứ tám của học giả Phạm Quỳnh, viết bài này năm 1992 nhân lễ tưởng niệm 100 năm ngày sinh của song thân.

NHỮNG Ý KIẾN KHÁC NHAU VỀ PHẠM QUỲNH

THỤY GIAO

Phạm Quỳnh và tờ Nam Phong đã là đề tài cho nhiều cuộc tranh luận sôi nổi trong giới trí thức Việt Nam từ thời Pháp thuộc kéo dài đến tận ngày nay. Một cái nhìn, dù là sơ lược, về những ý kiến bênh và chống Phạm Quỳnh của những người đi trước thiết nghĩ sẽ giúp chúng ta nghiên cứu và thẩm định lại sự nghiệp Phạm Quỳnh một cách khách quan hơn.

Phe ủng hộ Phạm Quỳnh

Công khai bênh vực Phạm Quỳnh vào những năm trước 45 có bốn nhà biên khảo và phê bình văn học: Thiếu Sơn, Đào Đăng Vĩ, Dương Quảng Hàm, và Vũ Ngọc Phan.

Xuất bản cuốn "Phê Bình và Cảo Luận" năm 1933 tại Hà Nội, Thiếu Sơn đề cao vai trò của Nam Phong và Phạm Quỳnh trong việc truyền bá văn hóa Đông Tây qua các công trình biên khảo và dịch thuật:

"Nên chi những công trình về văn học, triết học của Âu Châu và nhất là của nước Pháp, ông diễn dịch ra quốc văn rất nhiều, mà dịch thật đúng, thật hay, vừa biết tôn trọng cái nguyên ý của tác giả lại vừa dựa theo cái giọng điệu của quốc văn.

"Bởi muốn mưu cái công cuộc mới mẻ đó, mà cái tiếng nói bản quốc còn nghèo nàn túng thiếu quá, nên ông lại phải lo tài bồi cho quốc văn, mượn những danh từ triết học khoa học của tiếng Tây tiếng Nhật cho nhập tịch vào quốc ngữ để có thể diễn thuật được những cái mà tiếng Nôm ta không đủ để gọi ra... cái công phu trước tác của ông, ích cho quốc dân không phải là nhỏ mà ảnh hưởng đối với dân chúng cũng thiệt là sâu."

Còn Vũ Ngọc Phan viết bộ "Nhà Văn Hiện Đại" năm 1941, phân các bài báo của Phạm Quỳnh ra làm bốn thể loại: 1. Những bài có tính cách chính trị, xã hội, lịch sử. 2. Những bài có tính cách văn học. 3. Những bài có tính cách triết học. 4. Sách bằng chữ Pháp.

Vũ Ngọc Phan viết: *"Cái công Phạm Quỳnh khai thác lúc đầu cho nền quốc văn có ngày nay, thật là một công không nhỏ. Văn ông, ai cũng phải nhận là hùng hồn, là dồi dào, thường thường lại có cái giọng thiết tha kêu gọi, nhưng vẫn có nhiều người kêu ông dùng nhiều chữ nho quá làm cho câu văn nặng nề cả những khi diễn những tư tưởng nhẹ nhàng. Trong mười sáu năm chủ trương tạp chí Nam Phong, ông đã xây đắp cho nền móng quốc văn được vững vàng bằng những bài bình luận và khảo cứu rất công phu, mà từ Bắc chí Nam, người thức giả đều phải lưu tâm đến. Nhiều người thanh niên trí thức đã có thể căn cứ vào những bài trong Nam Phong tạp chí để bồi bổ cho cái học còn khuyết điểm của mình. Thậm chí có người đã lấy Nam Phong làm sách học mà cũng thâu thái được tạm đủ tư tưởng học thuật Đông Tây. Muốn hiểu những vấn đề về đạo giáo, muốn biết văn học sử cũng học thuật tư tưởng nước Tàu, nước Nhật, nước Pháp, muốn đọc thi ca Việt Nam từ đời Lý Trần đến nay, muốn biết thêm lịch sử nước Nam, tiểu sử các đấng danh nhân nước nhà, muốn am hiểu các vấn đề chính trị xã hội Âu Tây và cả những học thuyết của mấy nhà hiền triết cổ La Hy chỉ đọc kỹ Nam Phong là có thể hiểu biết được.*

"Một người chỉ biết đọc quốc ngữ mà có khiếu thông minh có thể dùng tạp chí Nam Phong để mở mang học thức của mình. Nam Phong tạp chí ra đời sau Đông Dương tạp chí bốn năm, nhưng sống lâu hơn và ở vào một thời thích hợp hơn nên ảnh hưởng về đường văn chương đối với quốc dân Việt Nam đã to tát hơn nhiều. Nam Phong tạp chí được rực rỡ như thế vì cũng được người chủ trương là một nhà văn học vấn đã uyên bác, lại có biệt tài, có lịch duyệt. Thật thế, Phạm Quỳnh là một nhà văn có thể bàn luận

một cách vững vàng và sáng suốt bất cứ về vấn đề gì từ thơ văn cho đến triết lý, đạo giáo cho đến chính trị xã hội, không một vấn đề nào mà ông không tham khảo tường tận trước khi đem bàn trên mặt giấy.

"Trong lịch sử văn học hiện đại, người ta sẽ không thể nào quên được tạp chí Nam Phong, vì nếu ai đọc toàn bộ tạp chí này cũng phải nhận là rất đầy đủ, có thể giúp cho người học gia một phần to tát trong việc soạn một bộ bách khoa toàn thư bằng quốc văn."

Dương Quảng Hàm trong cuốn Việt Nam Văn Học Sử Yếu xuất bản năm 1941 đã nhận định về ảnh hưởng của Nam Phong như sau:

1. Về văn tự:

- Nam Phong làm giầu thêm tiếng nước nhà với nhiều danh từ triết học, khoa học mượn của chữ nho
- Luyện cho chữ quốc ngữ có thể diễn dịch được các lý thuyết, các ý tưởng về triết học, khoa học mới.

2. Về học vấn:

- Phổ thông những điều yếu lược của học thuật Âu Tây
- Diễn đạt nhiều điều đại cương trong các học thuyết cũ của Á Đông (Nho học, Phật học, v.v.) và bảo tồn những điều cốt yếu trong văn hóa cũ của ta.

Về văn nghiệp của Phạm Quỳnh, Dương Quảng Hàm chia ra như sau:

1. Loại dịch thuật: dịch các đoản văn hoặc các tác phẩm Âu Tây, phần nhiều thiên về triết học: Phương pháp luận của Descartes, về luân lý có: sách Cách Ngôn (Manuel) của Epetète, Đời Đạo Lý (La Vie Sage) của Paul Carton, tuồng Lôi Xích (Le Cid) của Corneille, tuồng Hòa Lạc (Horace) của Corneille.

2. Loại trứ tác: ngoài các bài luận thuyết, còn có các ký sự như Mười Ngày Ở Huế, Một Tháng Tại Nam Kỳ, Pháp Du Hành Trình Nhật Ký.

3. Loại khảo cứu: Khảo về chính trị nước Pháp, Văn Minh Luận, Khảo về Luân Lý Học Thuyết của Thái Tây, Thế Giới Tiến Bộ Sử, Lịch Sử và Học Thuyết của Rousseau, của Montesquieu, của Voltaire, hoặc Phật Giáo Lược Khảo, Người Quân Tử trong triết học Đạo Khổng, Tục Ngữ Ca Dao, Văn Chương Trong Lối Hát Á Đào.

Vua Bảo Đại và nội các. Phạm Quỳnh là người thứ năm từ phải sang.

Giai đoạn sau 1954, nhiều nhà nghiên cứu ở miền Nam vẫn tiếp tục nghiên cứu và thẩm định Phạm Quỳnh. Phạm Thế Ngũ trong tập III của "Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên" đã viết:

"Phạm Quỳnh đã tìm được đất đứng cho mọi người. Các nhà cựu học bơ vơ có một việc làm, lấy cái sứ mạng bàn giao Hán học làm một chủ nghĩa. Bọn nho quan hợp tác đem cái tôn chỉ giáo hóa quốc dân để lấp xóa trong lương tâm những mặc cảm tội lỗi. Nhiều cụ lớn đã có chỗ để lớn tiếng "trước thủ lập ngôn." Đối với dư luận chung còn tắm gội cổ phong, thì những chữ quốc hồn quốc túy làm thỏa mãn tự ái. Về phía người Pháp thì cái tôn chỉ lúc đầu "làm văn hóa không làm chính trị" đã làm cho yên lòng. Không kể cái văn hóa dung hòa Âu Á ấy dẫn đến cái chủ nghĩa Pháp Việt đề huề cũng như cái tôn chỉ bảo tồn cho phép duy trì những ràng buộc phong kiến, tất cả đều có thể lợi dụng cho

công cuộc thống trị."

..."Nên nói thêm là đối với Phạm Quỳnh việc phiên dịch và truyền bá tư tưởng Âu Tây ấy là trong mục đích rộng rãi hơn mà ông từng ấp ủ ngay từ ngày viết trên Đông Dương, ấy là xây dựng cho nước nhà trong buổi Âu Á giao thoa, một nền học thuật mới để thay thế cho Hán học suy tàn. Điều đó có nói rõ trong "Nhời Nói Đầu" số Nam Phong ra mắt. Sau nữa cũng cần thêm vào một mục đích thầm kín khác mà mới đầu người chủ trương Nam Phong không dám nói lên, nhưng dần dà ông đã hướng tới, ấy là đã gây lấy trong quốc dân một chủ nghĩa quốc gia ôn hòa, dựa trên cơ sở văn hóa. Tất nhiên làm ba công việc trên là với sự công nhận, sự thỏa hiệp hoặc sự trục lợi của người Pháp nữa là điều ta có dịp xét sau. Song cũng hiển nhiên đó là ba mục tiêu Phạm Quỳnh và Nam Phong đã đặt ra và để công thực hiện."

..."Như ngày nay chúng ta đã nghĩ, tờ Nam Phong vốn là của người Pháp lập ra để trước hết là tuyên truyền cho Pháp. Phạm Quỳnh đứng ra làm chủ bút tất phải tuân theo đường lối của Pháp. Ông không thể dùng cây bút làm chính trị được ở một thời mà làm chính trị theo cái nghĩa tốt đẹp chỉ là tranh đấu để chống lại người Pháp."

Phạm Thế Ngũ kết luận: cái chủ nghĩa quốc gia của Phạm Quỳnh về đường chính trị đành rằng không đưa tới đâu, nhưng về văn học không phải không nuôi được một tinh thần dân tộc và một nơi trú ẩn cho nhiều tâm trí băn khoăn thời ấy.

Linh mục Thanh Lãng coi Nam Phong là của Phạm Quỳnh, và Phạm Quỳnh có công rất lớn về văn học. Lớn đến độ nếu không có Nam Phong, nền văn học của Việt Nam vào thời kỳ ấy sẽ rơi vào một lỗ hổng to lớn, sẽ nghèo nàn và rỗng tuếch. Dựa vào ý kiến của Vũ Ngọc Phan để đề cao Phạm Quỳnh cùng Nam Phong tạp chí, LM Thanh Lãng ca tụng Nam Phong là một bộ bách khoa, kết hợp được tất cả tư tưởng mọi ngành từ khoa học đến văn chương và là tờ văn học có ảnh hưởng lớn nhất từ trước đến nay. Ông Thanh Lãng còn tôn xưng Nam Phong là một văn đàn tụ tập được tất cả những nhà văn hóa thời danh của thế kỷ, mà kiện tướng là Phạm Quỳnh.

Phe chống Phạm Quỳnh

Phạm Quỳnh là một nhân vật đứng hàng đầu trong số một nhóm nhỏ những người Việt đã từng gây ra những cuộc bút chiến sôi nổi.

Do đó, nếu hầu hết các nhà biên khảo và phê bình văn học như Thiếu Sơn, Vũ Ngọc Phan, Dương Quảng Hàm, Phạm Thế Ngũ, Thanh Lãng, v.v. đề cao Phạm Quỳnh cùng tờ Nam Phong, và cho rằng Phạm Quỳnh đã có công lớn trong công cuộc xây dựng văn quốc ngữ và truyền bá các tư tưởng Pháp, thì cũng không thiếu những người khác coi Phạm Quỳnh là một kẻ có tội với dân tộc, vì hợp tác với thực dân.

Những người chống đối Phạm Quỳnh chia làm hai nhóm. 1. Nhóm những người lớn tuổi theo nho học, cương quyết không chấp nhận tất cả những gì do Pháp chủ xướng, do đó không chấp nhận Nam Phong. 2. Những thanh niên cấp tiến không chấp nhận Phạm Quỳnh nên chống Nam Phong rất tích cực ngay trên mặt báo Nam Phong hay trên các báo khác. Giới trẻ này gồm: nhóm Đông Tây của Hoàng Tích Chu, nhóm Ngọ Báo với Vũ Đình Chi, nhóm Phụ Nữ Tân Văn ở Sài Gòn, và nhất là nhóm Tự Lực Văn Đoàn, qua tờ Phong Hóa Ngày nay, đã dặt tên cho Nam Phong là "bà lão phố hàng Da." Ngoài ra còn có thêm Hội Truyền Bá Chữ Quốc Ngữ, hậu thân của Đông Kinh Nghĩa Thục, và tiền thân của tổ chức Bình Dân Học Vụ.

Trong số những người lớn tuổi không chấp nhận Phạm Quỳnh, ngoài các cụ Ngô Đức Kế, Huỳnh Thúc Kháng, v.v. còn có cả cụ Phan Tây Hồ. Trong một bức thư gửi cho người học trò tên Đông, cụ Phan Chu Trinh đã nói về Phạm Quỳnh và Nam Phong như sau:

"Còn về cái thơ sau của anh, tôi xem đi xem lại thì biết rằng: lúc anh ở bên ta, họ đã làm lầm lạc cái trí khôn của anh đi xa quá rồi, anh bị cái bệnh chung của người thiếu niên tôi vừa nói trên, và lại bị cảm nhiễm những bệnh mới người ta truyền bá trong Nam Phong, bảy tám năm nay."

..."Ấy tôi cắt nghĩa cho anh hiểu đấy thôi, còn các anh như Phạm Quỳnh thì tôi thấy một hai bài trong nhật trình, không những là giả dối vẽ vời mà lại nói lắm điều hại cho thanh niên nhiều lắm."

Tờ Phụ Nữ Tân Văn ở Sài Gòn trong số báo 273 xuất bản năm 1935 đã có bài đả kích Phạm Quỳnh và tờ Nam Phong:

"Nam Phong đã ảnh hưởng sâu xa đến một số người viết báo và văn sĩ, thứ nhứt là những người sơ học chỉ đọc quốc văn mà biết văn học triết học.

"Vì thiếu phổ biến học thức, vì không am hiểu Pháp văn thành ra nhiều văn sĩ phải học trong

Nam Phong các môn học thức phổ thông và nhơn đó mà bị cảm nhiều cái tinh thần nô lệ của nó.

"Cho đến đỗi nhiều nhà chủ trương rằng nên đánh đổ ý kiến chính trị của ông Phạm Quỳnh mà yêu các bài văn chương của ông!

"Đó là sự lầm lạc to tát: tất cả ý kiến văn học triết học xã hội, chính trị của ông Phạm Quỳnh làm thành một cái thống hệ, mà cái thống hệ đó chỉ là cái chủ nghĩa khuất phục của một người muốn nhờ cây bút đưa đến chỗ giầu sang..."

Còn nhóm Tự Lực Văn Đoàn thì liên tiếp công kích Nam Phong, Phạm Quỳnh, hầu như không một số nào không có bài phê bình chế riễu châm biếm dưới hình thức thơ văn, ca dao, nghị luận, tranh khôi hài của Khái Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Tú Mỡ... Sau này tại Miền Nam cũng có người viết bài công kích Phạm Quỳnh và tờ Nam Phong như Nguyễn Huy Khánh với cuốn Khảo Luận Tiểu Thuyết Trung Hoa, Nguyễn Văn Trung cuốn Chủ Đích Nam Phong.

Ông Nguyễn Văn Trung, căn cứ vào các tài liệu hành chánh mà ông thu thập được với bút ký của Toàn Quyền A. Sarraut, Marty, Bộ Trưởng Thuộc Địa Pháp, Bộ Trưởng Ngoại Giao Pháp để khẳng định rằng tờ Nam Phong có hai mục đích:

1. Công cụ tuyên truyền của Pháp bằng báo chí trên lãnh vực văn hóa do Toàn Quyền A. Sarraut thành lập và chủ trương.

2. Thực dân Pháp nhắm hai chủ đích chính trị khi thành lập báo Nam Phong:

a. Chủ đích gần, trực tiếp, cấp thời: chống lại ảnh hưởng của Đức vào Việt Nam qua sách báo Trung Hoa.

b. Chủ đích dài hạn của Nam Phong, theo thực dân Pháp, là nhằm đào tạo lại tầng lớp sĩ phu vẫn còn là lớp người có nhiều ảnh hưởng về tinh thần trong một thời gian lâu dài, để những người này chấp nhận chế độ bảo hộ của Pháp.

Từ hai chủ đích trên, ông Trung rút ra hệ luận: *"Nam Phong là một tạp chí tuyên truyền chính trị chủ yếu nhắm thực hiện một chủ đích chính trị, không phải một tạp chí văn hóa. Việc giới thiệu văn hóa Tây Phương tỷ như việc giới thiệu tư tưởng Descartes, Montesquieu, văn thơ Victor Hugo, Paul Bourget, v.v. không phải để thực hiện một công trình biên khảo văn hóa, văn học, nhằm phục vụ cái hay, cái đẹp, và sự thực, nhưng để thực hiện một chủ đích chính trị: Làm cho giới sĩ phu khâm phục văn hóa Pháp để chấp nhận ảnh hưởng vĩnh viễn của nước Pháp ở Việt Nam, chấp nhận chế độ thuộc địa. Như vậy phải trả Nam Phong cho bộ Tuyên Truyền Pháp ở hải ngoại, chứ không thể giữ và coi Nam Phong thuộc văn học sử Việt Nam."*

*

Mong rằng một số dẫn chứng trên về thái độ bênh hay chống Phạm Quỳnh và Nam Phong sẽ không tiếp tục tạo ra phe bênh phe chống dựa trên thành kiến hay cảm tính, mà chỉ là các gợi ý để chúng ta nghiên cứu kỹ lưỡng hơn nữa sự nghiệp trứ tác của Phạm Quỳnh. Lịch sử ngày càng lùi xa đủ để chúng ta đánh giá sự việc dựa trên sự tìm hiểu khách quan mà không bị ảnh hưởng của các xu hướng nhất thời của những thập niên qua, từ đó các giá trị được đặt để lại một cách công bằng.

Chứng minh cho những khẳng định trên, GS Trung đưa ra bằng cớ:

Bằng chứng thứ nhất là bài viết sau đây đây trên tờ Nam Phong (số 3 mục Thời Đàm) về vụ khởi nghĩa tại Thái Nguyên năm 1917:\f3

"Trong thời kỳ cuối tháng trước, đầu tháng này, ở Bắc Kỳ có xảy ra một việc mưu loạn tại tỉnh Thái Nguyên. Xét đầu đuôi việc ấy thì chẳng qua cũng là một sự xuẩn động của mấy đứa cường đồ, khu một vùng nhỏ trên thượng du, không có quan hệ đến việc trị an trong bản xứ. Nhờ quân nhà nước kịp lên tiễu trừ ngay, đảng đã chạy tan tác cả còn dư đảng chỉ nay mai thế nào cũng tầm nã được hết. Hiện quan Toàn Quyền đã ký nghị định đặt tòa đề hình để đề những tên tòng phạm lên kết án. Mong rằng tòa đề hình sẽ dùng kỷ luật nghiêm khắc mà trừng trị những kẻ ngu xuẩn, cường đạo lập đảng quấy rầy sự yên ổn trong nước".\f2

Cũng như trong bài diễn thuyết của Phạm Quỳnh tại trường Thuộc Địa Paris với nội dụng như sau:

"Sự thống trị về chính trị và văn hóa của nước Tầu tại Việt Nam đã mang lại kết qủa là sự ngu dốt khép kín của đại đa số dân chúng.

"Nay, nước Pháp đã đến can thiệp kịp thời thiết lập một nền bảo hộ mà người An Nam phải chấp nhận như một sự kiện không thể cưỡng lại được theo những quy luật không thể tránh được của lịch sử, nhưng một đàng khác, nó cũng mang lại một luồng gió mới.

"Lúc đầu giới sĩ phu có chống lại bảo hộ, nhưng giới thượng lưu trí thức mới ngày nay bắt đầu tín nhiệm ở chính phủ Pháp và hoàn toàn

không dính líu gì đến những biến cố do bọn sĩ phu trốn lánh ở Tầu, Nhật gây ra. Rồi quan toàn quyền Albert Sarraut sang chủ trương một chính sách tự do, hòa hiệp. Chính vì thế trong thế chiến thứ I, nhiều dân tộc khác đã nổi dậy đòi độc lập thì chúng tôi vẫn tin ở nước Pháp và toàn thể xứ Đông Dương vẫn sống trong cảnh thanh bình hoàn toàn không một rắc rối nào ở biên giới, không một âm mưu nổi loạn nào xảy ra, những sĩ phu ẩn lánh ở nước ngoài chúng tôi thật tuyệt vọng không tìm thấy một đáp ứng nào trong xứ về những luận điệu tuyên truyền của họ. Họ đã trách chúng tôi một cách cay đắng về sự thụ động, im lặng của chúng tôi như kết qủa của một sa đọa xấu xa về tinh thần! Chúng tôi nghĩ không đáng lời trách móc đó. Sở dĩ chúng tôi đã ngoan ngoãn đến thế là vì chúng tôi đã hiểu và chúng tôi đã để nhiều thì giờ, ba mươi năm, cuộc đời của cả một thế hệ để hiểu điều đó nên người ta không thể trách chúng tôi. Chúng tôi đã hiểu rằng số phận chúng tôi ràng buộc với nước Pháp và trong khi số phận nước Pháp đang bị nguy trên chiến trường Âu Châu, quyền lợi của chính chúng tôi không cho phép chúng tôi lạm dụng tình cảnh đó, trái lại, chúng tôi có bổn phận phải giúp đỡ nước Pháp và đó là điều chúng tôi đã làm. Chúng tôi đã mua tất cả những quốc trái về chiến tranh và những bản thống kê chính thức còn đó để minh chứng đến mức độ nào gần 1.000.000 người dân chúng tôi đã vượt biển để đến đây như lính thợ và nhiều người đã đổ máu vì nước Pháp. [...]

"Chủ nghĩa quốc gia An Nam ngoan ngoãn và biết điều hoàn toàn dung hòa được với một chính sách bảo hộ Pháp quảng đại và rộng rãi...

"Việc âm mưu nổi loạn làm cách mạng, chém giết bạo động để dành lại độc lập. Mẫu người quốc gia ấy gợi lên hình ảnh người phát xít Ý, người quốc xã Đức, người thanh niên Thổ, đồ đệ của Kemal, hay người thanh niên Tunisie theo đảng Destour, và gần chúng ta hơn, những kẻ theo các đảng Việt Nam Quốc Dân Đảng mà kỷ niệm đẫm máu về thảm kịch ở Yên Bái vẫn còn đó. (...)

"Không chủ trương độc lập hay ly khai, vì nhìn nhận sự bảo hộ là cần thiết không những cho sự tiến bộ mà cần để chống lại những nguy hiểm xâm lăng tàn bạo hơn, đằng khác: sự bảo hộ của nước Pháp được thi hành theo một truyền thống lý tưởng hào hiệp dựa trên tình liên đới nhân loại, nghĩa vụ của nước lớn đối với nước nhỏ phải dẫn dắt khai hóa nước nhỏ."

Sau đó, GS Nguyễn Văn Trung cũng minh chứng rằng thực dân Pháp sau khi dẹp phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục, một phong trào Duy Tân của các cụ đồ nho Việt Nam, họ đã áp dụng toàn thể chương trình duy tân của phong trào này, nhưng trao cho những người thân pháp thực hiện dưới quyền kiểm soát của họ. Từ các chứng cớ này, GS Trung khẳng định: Nam Phong chính là Đông Kinh Nghĩa Thục của Pháp.

Cuối cùng GS Trung đưa ra kết luận:

1. Tờ Nam Phong có để lại một hậu qủa có lợi cho chữ quốc ngữ, quốc văn, nhưng hậu qủa này chỉ là thứ yếu, phụ thuộc, ngoài ý muốn của người sáng lập và điều khiển Nam Phong.

2. Phạm Quỳnh có công trong những hậu qủa đó, nhưng một cách công bằng thì chính thực dân Pháp mới có công. Vì họ là cha đẻ ra tờ báo, nuôi dưỡng nó, và đồng thời thúc đẩy việc cải tiến chữ quốc ngữ, văn dịch, mặc dù hậu qủa có lợi cho Việt Nam ngoài ý muốn của họ.

3. Nếu Pháp không giải tán và đàn áp phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục thì chắc chắn chữ quốc ngữ và quốc văn đã được phát triển mạnh liệt và phong phú hơn nhiều, vì sức phát triển của cả một phong trào trong đó có cả Phạm Quỳnh và Nguyễn Văn Vĩnh, chắc chắn quốc ngữ và quốc văn phải được cải tiến gấp nhiều lần hơn. Từ dữ kiện này, GS Trung rút ra kết luận: Nam Phong có tội hơn là có công vì đã ngăn cản, hạn chế sự phát triển chữ quốc ngữ và quốc âm trong suốt 17 năm trời.

*

Chúng ta sẽ gặp gỡ để cùng nghe thuyết trình và thảo luận với nhau về gía trị của Phạm Quỳnh trong ngày 8-5-1999 sắp tới đây tại trụ sở của báo Người Việt dưới miền Nam Cali, do đó bài viết này chỉ có mục đích cung cấp dữ kiện đến qúy độc gỉa chứ chưa đưa ra kết luận.

Việc định lại gía trị của Phạm Quỳnh sẽ được đưa ra sau phần thảo luận với các diễn giả và sự đóng góp ý kiến của toàn thể qúy tham dự viên. Rất có thể chúng ta sẽ lại nối bước theo người xưa, mỗi người mỗi ý kiến và vẫn không đồng ý với nhau để có một kết luận cho việc định lại gía trị Phạm Quỳnh. Trong trường hợp này, cả 4 tờ báo trong ban tổ chức là các tờ Ngày Nay, Người Việt, Thế Kỷ 21, và Xây Dựng sẽ sẵn sàng mở rộng để đón tiếp ý kiến của qúy độc giả.●

HOA ĐƯỜNG TÙY BÚT

PHẠM QUỲNH

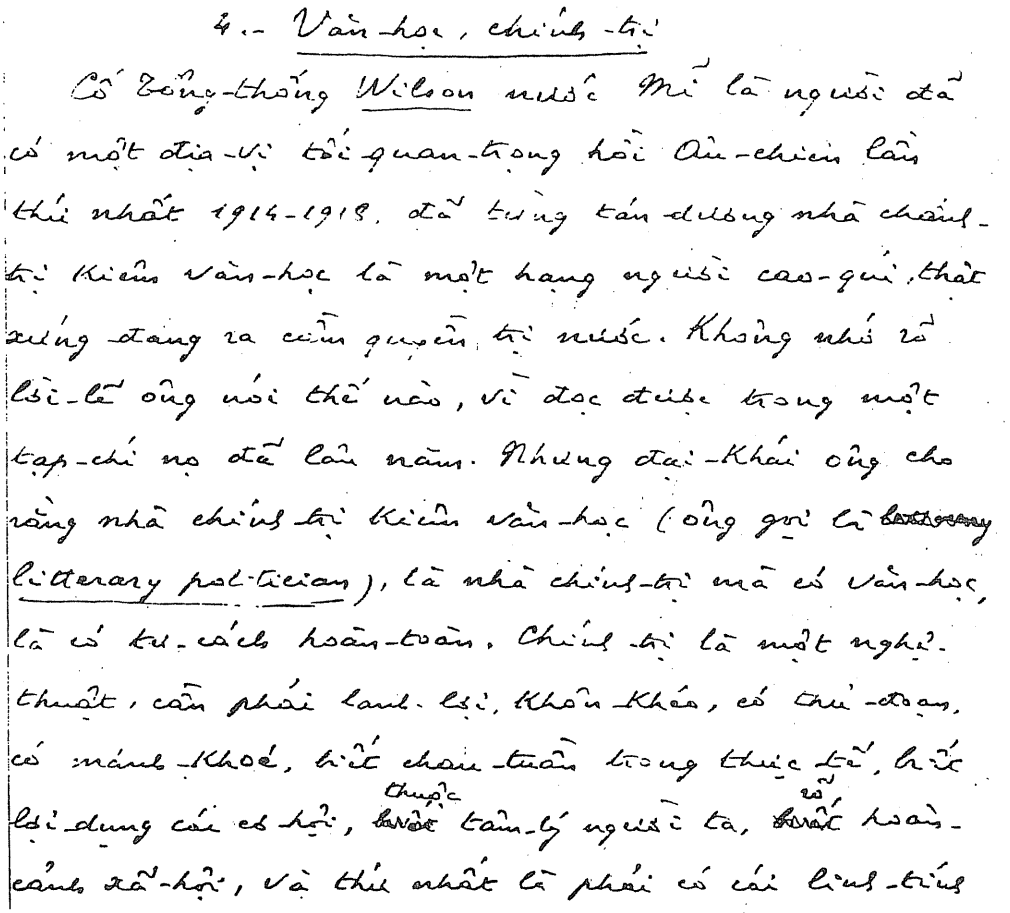

4.- Văn-học, chính-trị

Cố Tổng-thống Wilson nước Mĩ là người đã có một địa-vị tối quan-trọng hồi Âu-chiến lần thứ nhất 1914-1918, đã từng tán-dương nhà chính-trị kiêm văn-học là một hạng người cao-quí, thật xứng đáng ra cầm quyền trị nước. Không nhớ rõ lời-lẽ ông nói thế nào, vì đọc đã lâu trong một tạp-chí nọ đã lâu năm. Nhưng đại-khái ông cho rằng nhà chính-trị kiêm văn-học (ông gọi là ~~literary~~ litterary pol-ticien), là nhà chính-trị mà có văn-học, là có tư-cách hoàn-toàn. Chính-trị là một nghệ-thuật, cần phải lanh-lợi, khôn-khéo, có thủ-đoạn, có mánh-khoé, biết chan-chuẩn trong thực-tế, biết lợi-dụng cái cơ-hội, thuộc tâm-lý người ta, rõ hoàn-cảnh xã-hội, và thứ nhất là phải có cái lí-tưởng

Thủ bút Phạm Quỳnh

LTS - Người ta thường biết đến Phạm Quỳnh như một học giả, và ông cũng nổi tiếng về những bài du ký đầu tiên trong văn chương chữ quốc ngữ. Nhưng ông cũng để lại một tập tùy bút rất đặc sắc, mà tập bản thảo dở dang gia đình tìm thấy trên bàn viết của ông sau ngày ông bị bắt. Ngoài bìa cuốn bản thảo ghi: **Kiến văn, Cảm tưởng,** *bên dưới là:* I. Hoa Đường Tùy Bút. *Chúng tôi được gia đình cho phép trích đăng một số đoạn sau đây.*

1- Thế thái nhân tình

Thói đời nóng lạnh, lòng người thắm phai; ai cũng nói thế, ai cũng biết thế, nhưng có từng trải mới thật biết thói đời điên đảo, lòng người xấu xa là dường nào. Nhất là đã để mình trong trường danh lợi, mới biết rõ những trạng thái ô uế ở đời. Kẻ xu nịnh mình buổi sáng là người phản bội mình buổi chiều, kẻ tâng bốc mình hôm qua là người thoái mạ

mình hôm nay. Mà kẻ hàm ơn nhiều nhất lại là người qui oán hơn cả. Không kể phần nhiều thời lựa gió theo chiều, thấy không có lợi đến gần nữa, liền linh lỉnh lảng xa ngay, dù trước kia tỏ ra vồn vã thân mật vô cùng. Trong đám đó, tìm cho được một kẻ trung hậu, kiếm cho được một người thủy chung, thật là hiếm có thay.

Vẫn biết thế, vẫn biết rằng trừ nhà đạo đức mới đem bụng thật thà cầu cho thói đời trở về trung hậu, lòng người trở lại thủy chung, chứ phàm ai đã lặn lội với đời cũng từng nếm trải mùi đời mặn lạt như thế cả. Nhưng dù không có lạc quan gì về thế sự, thấy người đời trở mặt như bàn tay, xây lưng như chớp loáng, cũng phải sửng sốt mà tự hỏi: Ồ! Thói đời đen bạc đến thế dư?...

2- Muốn sống...

Tên đại bợm giết người lấy của, chĩa súng sáu vào người ta, nói: "Muốn sống thì đưa tiền đây!"; một trăm người đến chín-mươi-chín người đành mất tiền cho khỏi chết. "Sinh-mệnh" với "hà-bao", dẫu người ta không ai là không thiết tha cái hà bao đựng tiền, nhưng ai ai cũng còn trọng cái sinh mệnh ở đời hơn. Ai cũng sẵn lòng hy sinh hà bao để chuộc lấy sinh mệnh.

Nhưng chuyện giết người lấy của, là chuyện xa xôi ít có. Cứ nghe ngay cửa miệng người ta hằng ngày đe dọa nhau thường nói: "Muốn sống thì..." muốn sống thì bắt sao mà chẳng chịu? Muốn sống thì tất sẵn sàng thừa nhận bất cứ điều kiện gì, dù nặng nề đến đâu mặc lòng. Đe dọa như thế là quyết có hiệu nghiệm, vì ai là người không muốn sống? Vẫn biết rằng có kẻ anh hùng liệt nữ, có người siêu việt khác thường, thà chết còn hơn chịu nhục, thà chết còn hơn bội nghĩa. Nhưng đây là nói đại đa số người ta, không phải nói một số ít những bậc phi thường. Đối với đại đa số người ta thì không ai là không muốn sống, dù phải thế nào cho được sống cũng không từ.

Vì lòng "muốn sống", ham sống, tham sống, quả là cái thị dục căn bản, thiết tha, thâm trầm, mãnh liệt của loài người, không những loài người, của hết thảy chúng sinh trong thế giới.

Đừng có lý luận mà hỏi sống để làm gì, sống có ích chi. Nó chỉ là cái sức bản năng vô địch xô đẩy các giống sinh vật tranh đua nhau mà sống, ăn lẫn nhau mà sống, sống rồi lại truyền thực cái sống ra, sinh sôi nẩy nở đến vô cùng, hằng hà sa số, tương diệt tương sinh, đến đầy rẫy cả không gian, đông chật cả mặt đất, dẫu có thể có tiêu diệt biến hóa, mà toàn thể vẫn bồng bột phồn thịnh; lấy thân một con người có ý thức đứng giữa cái bể sống mênh mông bát ngát, không bến không bờ đó, có cảm giác như bị cái sóng chao tự thiên vạn cổ đưa lại, lúc nhúc những giống sinh vật, nó tràn, nó ngập, nó lôi, nó cuốn mình đi, thấy mình bé mọn cũng như trăm nghìn vạn mớ những giống đó mà cũng bị chìm đắm trong cái luồng sóng sinh hoạt vô cùng vô tận vậy.

Ai đã có cái cảm giác rùng mình ghê sợ đó, sống mà hãi hùng cái sống, sống mà mệt nhọc vì sống, là người đã sẵn sàng tâm trí để nếm thử mùi thiền vậy. Vì chỉ có đạo Phật cho sống là khổ, mới giải thoát được cho ta khỏi sống, tức là khỏi khổ.

Chỉ có đạo Phật mới giải, mới giã được cái độc thâm trầm vĩnh viễn của quần sinh, là cái độc "muốn sống," ham sống, tham sống.

Người ta dù mê sống đến thế nào cũng có lúc hốt nhiên tự tỉnh, mà trong giây phút có cái cảm giác sống là nặng nề, là cực nhọc, là đau đớn cho thân thể, là phiền não cho tinh thần, mà giá có ai dọa hỏi: "muốn sống thì...", thì cũng thản nhiên trả lời rằng: Không;

Đã không biết sống là vui,
Tấm thân nào biết thiệt thòi là thương

Người ta đã đến không "muốn sống" nữa, thì là thách cả mọi sự dọa nạt của đời. Đời còn làm gì được con người đó nữa?

Chỉ có đạo Phật mới có cái hiệu quả mầu nhiệm đó...

3- Chỉ buộc chân voi

Tục ngữ có câu: *Chỉ buộc chân voi.* Sợi chỉ mà buộc được chân voi, một cái hãm rất mong manh mà cầm được một cái sức rất to mạnh. Phàm dùng những phương pháp, những kế hoạch thuộc về đạo lý, thuộc về tinh thần mà ngăn ngừa cầm giữ những thị dục thuộc bản năng của cá nhân, hay là những lực lượng vô ý thức của quần chúng, toàn là dùng sợi chỉ mà buộc chân con voi cả. Vì thói quen, vì giáo dục, con voi kính cẩn sợ hãi, không dám đụng chạm đến, thời sợi chỉ vẫn thiêng liêng, vẫn đủ sức cầm giữ con voi không đâm quàng đạp bậy. Nhưng nếu thốt nhiên vì duyên cớ gì, không còn lòng kính cẩn sợ hãi đó nữa, thời ôi thôi! sợi chỉ chỉ là sợi tơ mành, thấm tháp chi mà cầm giữ được chi! Con voi bấy giờ sẽ tự do chạy xà vào trong cửa hàng đồ sứ, theo như lời

ngạn ngữ tây, rồi đâm quàng đạp bậy vài cái, bao nhiêu bát kiểu đồ mẫu loảng xoảng tan nát cả.

Nền nếp của gia đình, trật tự trong xã hội, kỷ luật của cá nhân, phần nhiều cũng chỉ căn cứ ở mấy sợ chỉ vô hình do đạo đức tôn giáo đời đời dùng để ngăn cái thị dục vô nhân của người ta, ngăn sự xuẩn động vô ý của quần chúng. Nếu những sợi chỉ ấy mà trùng mà đứt, thời có nguy hiểm đến văn minh của loài người. Vì cả cái lâu đài văn minh của nhân loại cũng ví như hàng đồ sứ nọ, chớ để cho con voi quần chúng ùa vào mà phá bậy.

Đời này là đời mị chúng, nhất thiết cái gì cũng kêu gào đến quần chúng, không biết rằng quần chúng là một sức mạnh cần phải điều khiển, chứ không để cho phóng túng được. Quần chúng phải buộc bằng những sợi chỉ vô hình của đạo đức, luân lý, phong tục, tập quán, sợi chỉ mong manh, nhưng cũng là sợi chỉ thiêng liêng, nhờ đó mà loài người mới thành xã hội có kỷ cương, nếu không thời chỉ là những đám đông ô hợp, hỗn hào loạn tạp.

Cho nên những sợi chỉ vô hình đó, chúng ta phải biết giữ gìn mà tôn trọng. Mỗi khi đụng chạm đến, phải hết sức cẩn thận, vì đã đứt rồi không sao nối lại được nữa.

Thứ nhất là kẻ có trách trị dân trị nước, lại càng phải thận trọng lắm, và phải nhớ rằng: một dân không biết *kính* nữa là một dân *bất trị* vậy.

TRẦN MỘNG TÚ

THÁNG TƯ RẼ VÀO KOSOVO

Tháng Tư hoa đào Thôi Hộ
Nở bung ở Seattle
Tháng Tư em Kosovo
Vỡ òa giọt lệ Sài Gòn

Tháng Tư dòng sông chảy máu
Tạc đạn nổ trong sân trường
Có những em thơ cháy xém
Hoa thản nhiên nở trong vườn

Tháng Tư có trăm tấn bom
Dội vào một thành phố nhỏ
Em đứng sau hàng kẽm gai
Nhặt một đóa hoa vừa nở

Tháng Tư người cha Việt Nam
Đi tìm mãi trong đống rác
Một mảnh áo hoa của con
Giữa những hoang tàn đổ nát

Tháng Tư Sài Gòn bật khóc
Nước mắt chảy vào cơn mưa
Trôi ra biển hồ lai láng
Rẽ vào tận Kosovo

4/99

4- Văn học, chính trị

Cố Tổng thống Wilson nước Mỹ là người đã có một địa vị tối quan trọng hồi Âu chiến lần thứ nhất 1914 - 1918, đã từng tán dương nhà chánh trị kiêm văn học là một hạng người cao quý, thật xứng đáng ra cầm quyền trị nước. Không nhớ rõ lời lẽ ông nói thế nào, vì đọc được trong một tạp chí nọ đã lâu năm. Nhưng đại khái ông cho rằng nhà chính trị kiêm văn học (ông gọi là *literay politician*), là nhà chính trị mà có văn học, là có tư cách hoàn toàn. Chính trị là một nghệ thuật, cần phải lanh lợi, khôn khéo, có thủ đoạn, có mánh khóe, biết châu tuần trong thực tế, biết lợi dụng các cơ hội, thuộc tâm lý người ta, rõ hoàn cảnh xã hội, và thứ nhất là phải có cái linh tính biết dò đoán việc xảy ra mà chuẩn bị để đối phó. Ngạn tây thường nói: "Trị nước là liệu trước." Phải có cái tài dự đoán luôn luôn mới có thể chi phối được thực tế hoặc lợi dụng được thời cơ, mà không bị thời thế cùng thực tế tràn ngập lôi cuốn đi mất. Như vậy thời nhà chánh trị là

sống luôn trong thực tế, hằng ngày phải đối phó với những việc xảy ra, dụng mưu mà ngăn ngừa hay lợi dụng. Như vậy thời chính trị rút lại chẳng qua là một thuật quyền mưu, một trường mánh khóe, người cao thượng nhiều khi bất tiết dúng tay vào. Nhưng chính trị há phải là một phương thuật kinh nghiệm mà thôi? Chính trị cũng có nghĩa lý, phải có nghĩa lý, vì phải có chủ nghĩa, phải có tôn chỉ. Nếu nhà chính trị chỉ hằng ngày châu tuần trong thực tế, mưu tính việc xảy ra, thời làm sao mà bồi dưỡng được phần nghĩa lý đó, làm sao mà kiên định được tôn chỉ, làm sao mà triển minh được chủ nghĩa? Giúp cho cái công bồi dưỡng nghĩa lý đó, không gì bằng văn học. Nhà văn học thông kim bác cổ, đạt lý năng văn, hằng ngày tập luyện cái "trí tinh nhuệ," khác với cái "trí khúc chiết" của nhà khoa học, rất là có thể đem nghĩa lý cống hiến cho chính trị, khiến cho bồi bổ được chỗ khuyết hám. Vì chính trị với văn học không phải là khoa học; chính trị với văn học là nghệ thuật; chính trị là nghệ thuật về thực tế, văn học là nghệ thuật về nghĩa lý, thực tế không thể rời nghĩa lý được, cũng như thực hành phải có suy lý vậy. Nói tóm lại thời văn học giúp cho nhà chánh trị suy nghĩ về công việc mình, mà suy nghĩ bằng trí tinh nhuệ, theo phép nghệ thuật, không phải bằng trí khúc chiết, theo phép khoa học vậy. Cho nên nhà chính trị mà có kiêm văn học là đủ tư cách hoàn toàn. Phàm nhà chính trị xứng đáng phải có mầu mè văn học mới được.

Không dám chắc rằng Wilson lý luận đúng như thế, nhưng ý nghĩa đại khái như vậy.

Thuyết của Wilson không phải là không có lý, và cũng không phải chỉ có lý thuộc về chính trị mà thôi. Văn học là cái học tô điểm cho người ta, khiến cho con người ta có văn vẻ tốt đẹp, sắc sảo mặn mà thêm ra. Như vậy thời không những nhà chính trị có văn học là hay, mà nhà khoa học, nhà nghệ thuật, nhà chuyên môn nào có văn học cũng là tốt cả, vì con người văn vẻ tốt đẹp, sắc sảo mặn mà làm nghề chi mà không xuất sắc, làm nghề gì mà không tăng giá trị cho nghề mình. Duy có lẽ đối với nhà chính trị, văn học có cần hơn: nhà chính trị muốn chi phối thực tế, lợi dụng thời cơ, chế ngự quần chúng, điều khiển trị loạn, cần phải thông kim bác cổ, đạt lý năng văn hơn người thường. Nghiệm ngay một điều như sau: trong thế giới ngày nay, không có một nhà chánh trị trứ danh nào là không có tài hùng biện.

Vậy thời nhà chính trị kiêm văn học, không biết đã có tư cách hoàn toàn chưa, nhưng nếu quả có tài năng, thời tài năng ấy nhờ văn học chắc được cường hóa thâm hóa thêm lên.

Như vậy thời ý kiến của Wilson cũng là đúng với sự thực, hợp với lẽ phải vậy.

Nay phản thuyết lại mà nói nhà văn học kiêm chính trị: nhà văn học mà làm chính trị thì thế nào? Vấn đề thay đổi hẳn. Nếu nhà văn học vốn sẵn có tài chính trị, chỉ vì chưa có dịp mà chưa làm chính trị, thì cái "ca" cũng giống như trên không khác gì. Nếu nhà văn học bản sắc là văn học mà ngẫu nhĩ làm chánh trị, thời lại khác hẳn. Đó là một sự thí nghiệm mà thành công hay thất bại không thể quyết đoán được.

Nhưng cứ bình tĩnh mà xét, nhà văn học thuần túy, không nên tham dự chính trị: hoa lan phải mọc trong u cốc, không thể đem trưng bày nơi đầu đường góc chợ được.

Vả lại hai phạm vi văn học và chính trị, tuy có thể đắp đổi cho nhau, nhưng thực là cách biệt nhau hẳn. Có thể đắp đổi cho nhau là nhà chính trị mà có văn học thời được sắc sảo thêm ra, như trên đã nói, và nhà văn học mà làm chính trị thời cũng có lẽ được giầu thêm sự kinh nghiệm ra, tăng thêm được tài liệu cho sự nghiệp văn chương của mình. Nhưng mà vốn là hai phạm vi cách biệt nhau, vì khuynh hướng về hai mục đích khác nhau.

Âu dương Tu 歐陽修 là một văn hào đời Tống, lại giữ chức "tham tri chính sự" ở triều, sau bất tương hợp với thủ tướng Vương An Thạch mà về hưu. Tống sử chép rằng hồi làm quan, các học giả trong nước trọng tiếng văn hào, thường xin ra mắt. Ông vui vẻ tiếp chuyện; nhưng không hề nói đến chuyện văn chương bao giờ, chỉ bàn về việc quan mà thôi. Ông nói: "Văn chương chỉ dùng để *nhuận thân*, chính sự mới có thể *trạch vật*." (文章止於潤身.政事可以澤物.)

"Nhuận thân," đó là mục đích của văn học; "trạch vật," đó là mục đích của chính trị, hai đàng vốn khác nhau.

Âu dương Tu chính là cái "ca" nhà văn học kiêm chính trị. Tuy thời đại ấy, chính trị với văn học không cách biệt nhau lắm như bây giờ, và tuy tự ông trong lời nói trên kia, cũng có ý trọng "trạch vật" hơn "nhuận thân," nhưng xem ra ông làm chính trị cũng không lợi gì, thì hà tất đã vội coi thường cái thuật "nhuận thân" là cái sở trường.●

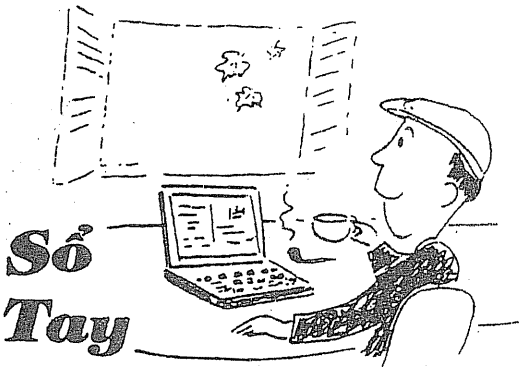

SÚNG LẠI THUA NGƯỜI MỘT LẦN

Ở nước Mỹ, quý vị có thể ghé một tiệm K-Mart mua đôi vớ hay cái khăn trải bàn, rồi nhân tiện ghé qua quầy bán vũ khí mua thêm một khẩu súng.

Sau khi hai học sinh trung học bắn chết 13 người ở Colorado ai cũng phải xúc động và muốn ngăn chặn bớt tình trạng mua bán súng quá dễ dàng ở Mỹ. Quả nhiên, đa số dân Mỹ đang tỏ ý muốn kiểm soát việc bắn súng kỹ hơn. Trừ một số Nghị sĩ Quốc hội. Tháng trước Thượng viện có bữa bỏ phiếu 51/47 bác bỏ đề luật bắt các người mua súng trong các cuộc triển lãm cũng phải bị kiểm tra lý lịch.

Nhưng sau cuộc bỏ phiếu, sợ dân chúng sẽ chống đảng Cộng hòa trong cuộc bầu cử năm 2000, ngay tối hôm bỏ phiếu xong, các Nghị sĩ Cộng hòa đã họp với đại diện của Hội NRA để sửa sai! Và hai ngày sau đó Thượng viện đã biểu quyết luật bắt người mua súng trong các cuộc triển lãm bị kiểm tra lý lịch, cũng như người đến lấy súng thế chấp ở tiệm cầm đồ. Khẩu súng máy 9 ly mà hai học sinh ở trường Columbine, Colorado dùng để giết người đã được mua trong một cuộc triển lãm.

Nhưng kiểm tra lý lịch người mua súng cũng không đủ để ngăn bớt nạn giết người vô tội bằng súng. Nước Mỹ cần thi hành các đạo luật một cách gắt gao hơn. Đạo luật Brady đã ra đời được 5 năm, đến nay mới chỉ có 10 vụ truy tố! Vì cơ quan phụ trách không đủ người thi hành luật! Nước Mỹ kiểm soát kỹ hơn cả việc chế tạo, buôn bán vũ khí.

Có khoảng 1200 nhà chế tạo súng trên toàn quốc. Chỉ cần đóng hơn 150 Mỹ kim là được giấy phép sản xuất, sau khi cơ quan kiểm soát rượu, Thuốc lá, và Súng (ATF) thanh tra cơ xưởng một lần. Sau đó, trừ khi quý vị làm súng máy tự động, không có ai kiểm soát nữa. Mỗi năm đóng 10 đô la thuế môn bài, và 10% thuế sản xuất là đủ.

Buôn sỉ súng còn dễ hơn. Bất cứ ai, trừ can phạm hình sự, đều có thể buôn. Thuế mỗi năm chỉ có 10 đô, từ 1994 tăng lên 66 đô la. hầu hết, 90% người xin mở cửa tiệm đều được phép. Năm 1975 có 150 ngàn nhà buôn súng, năm nay đã tăng gần gấp đôi. Trong số đó chỉ có hơn 20 ngàn là có cửa tiệm đàng hoàng, một nửa là các cửa tiệm cầm đồ. Các hãng chế súng nổi tiếng như Wesson, Remington chỉ bán cho các nhà buôn đàng hoàng và lớn, còn các nhà chế súng nhỏ thì ai mua cũng bán. Việc kiểm tra coi người buôn súng có giấy tờ ra sao là việc của cơ quan ATF và cảnh sát.

Mà ATF là một cơ quan không đủ nhân viên. Thời Tổng thống Reagan ông đã định bỏ luôn cơ quan này - ông là một hội viên hội NRA. Sau ông Reagan bỏ ý đó, vì hội NRA sợ rằng bỏ cơ quan này đi thì việc kiểm soát súng sẽ phải trao cho FBI, còn ngặt nghèo hơn. Nhân viên ATF muốn thanh tra các cửa hàng súng thì phải báo trước, và trừ khi có lệnh của tòa án, mỗi năm chỉ được thanh tra một lần. Mỗi năm ở Mỹ có hơn 200 ngàn khẩu súng bị mất cắp. Một nửa số gia đình ở Mỹ có súng, trung bình mỗi người chơi súng làm chủ bốn khẩu súng rưỡi! Mỗi năm có 6 triệu khẩu súng được chế tạo, cùng với súng nhập cảng góp thêm vào con số 220 triệu khẩu đang có. Số súng sẽ mỗi ngày một nhiều vì súng sống dai hơn người!

Hội súng NRA là một thế lực rất mạnh. Hồ sơ công khai ở Quốc hội cho biết năm ngoái hội này đã chi 4,3 triệu Mỹ kim vận động, trong khi đó các nhóm vận động kiểm soát súng gắt gao hơn chi 180 ngàn Mỹ kim. Trong cuộc bầu cử năm ngoái, hội NRA cúng 1,6 triệu cho các ứng cử viên, 83% số tiền đó cho đảng Cộng hòa, trong khi các hội chống súng chỉ có 148 ngàn, tất cả cho đảng Dân chủ.

NGƯỜI PHẢI LÀM CHỦ SÚNG

Sau cùng, Thượng viện Mỹ đã thông qua luật mới. Trong số các người đổi ý kiến vào phút chót có một Nghị sĩ đại diện tiểu bang Georgia, là nơi lại xảy ra một vụ chú học sinh 15 tuổi mang hai khẩu súng tới trường bắn các bạn học, đúng một tháng sau vụ ở trường học tại Colorado.

Nhưng luật lệ nào cũng không đủ để thay đổi tình trạng bạo động làn tràn ở nước Mỹ, ngay tại các trường học. Cứ hai năm thì số người chết vì súng ở Mỹ cao hơn số chết trận trong thời chiến tranh Việt Nam - gần 80 ngàn so với gần 60 ngàn.

Chúng ta đã thấy rõ không khí bạo lực trong văn hóa xứ này. Em học sinh 15 tuổi ở

Georgia đã bắn bừa vào các bạn chỉ vì bị cô bạn gái ruồng bỏ. Trên thế giới này mỗi ngày có hàng trăm triệu các thiếu niên thất tình, nhiều cô cậu có thể làm những chuyện điên rồ. Nhưng chỉ ở nước Mỹ mới có chuyện đem súng đến bắn bừa vào các bạn.

Nguyên nhân sâu xa của cảnh bi thảm này là nền văn hóa bạo động. Trẻ em Mỹ lớn lên trong không khí bạo lực. Không phải chỉ có những phim ảnh và chương trình truyền hình nhiều bạo lực, mà ngay cả các bản tin cũng đầy máu chảy, đầy tội lỗi, vì tường thuật toàn những tội ác đã phạm trong ngày. Quý vị có thể mở bản tin buổi tối trên mấy đài ti vi địa phương mình, và từ đầu đến cuối hầu hết là các vụ ăn cướp cửa tiệm, tấn công ngân hàng, những vụ trong gia đình giết lẫn nhau. Nhiều báo và đài ti vi chuyên khai thác các chuyện về tội ác, không khác gì những tờ báo của công an ở Việt Nam. Ai chịu trách nhiệm khi để cho trẻ em tắm gội ngày này qua ngày khác trong bầu không khí đầy bạo lực đó?

Các cơ quan truyền thông chắc chắn chịu trách nhiệm hàng đầu. Chỉ sau khi vụ hai học sinh dùng súng làm chết 15 mạng trong trường ở Colorado trong tháng Tư, hệ thống truyền hình CBS mới quyết định rút lại không cho chiếu loạt phim truyền mang tên "Falcone" trong mùa Thu năm nay. Tháng trước, CBS đã phải rút phim "Đất hứa" không chiếu vì trong phim này cũng có cảnh bắn nhau trước một trường học, mà cũng là một trường ở Colorado!

Nền văn hóa bạo lực cũng do các nhà quảng cáo nuôi dưỡng. Nước Mỹ là đất tự do, chúng ta không thể kiểm soát hết các sản phẩm văn hóa, hay cấm các nhà sản xuất không được quảng cáo trên các phim bạo lực. Tuy nhiên, theo lối người Mỹ, chúng ta phải tham gia các phong trào chống lại những sản phẩm quảng cáo trong những chương trình ti vi bạo động. Đây là công việc mà mỗi người có thể tự động làm, và nếu có thời giờ thì hô hào những người khác cùng phản đối những công ty bảo trợ các chương trình nhiều bạo lực, từ phim truyện cho tới các bản tin.

Các phụ huynh đóng vai trò quan trọng nhất trong việc giúp con em mình thoát ra khỏi không khí văn hóa bạo động. Cần giúp các em khỏi phải tắm gội trong dòng sông bạo lực tràn lan trên các màn ảnh nhỏ. Giúp các em có những giờ phút giải trí vui tươi cùng bố mẹ, chia sẻ các thú giải trí lành mạnh trong gia đình, đó là một cách lôi các em ra khỏi dòng sông bạo lực từ ti vi tuôn ra.

Nhưng như thế cũng chưa đủ, Chúng ta phải giáo dục các em về đời sống tinh thần. Phải hành trì một cách nghiêm cẩn tín ngưỡng tâm linh của gia đình. Giữ đạo tức là giữ cho các con khỏi bị rơi xuống cho dòng nước bạo lực lôi cuốn. Gia đình sinh hoạt tôn giáo chuyên cần, cha mẹ phải cho các con thấy cuộc đời và mạng sống mỗi người, thấy mỗi sinh vật đều có tính chất tôn nghiêm, đáng quý trọng. Đó là bổn phận của chúng ta.

VĂN HÓA CỦA ÔNG BỘ TRƯỞNG VĂN HÓA

Luật Luật Báo Chí mới được Quốc hội ở Hà Nội sửa đổi. Với đạo luật này thì từ nay các người làm báo ở Việt Nam, vẫn chịu hai tầng kiểm soát đan chéo lẫn nhau, chưa kể một cái vòng kim cô đeo trên đầu lúc nào cũng sẵn sàng thắt lại: sợ bị kiện đòi bồi thường thiệt hại.

Đảng Cộng Sản kiểm soát các báo qua Cơ quan Chủ quản. Bên trên còn có Bộ Văn Hóa Thông Tin. Mỗi người làm báo, mỗi tờ báo biết mình có hai ông chủ: ông chủ quản và ông chủ Bộ Văn Hóa.

Điều luật mới đổi bắt người viết báo phải bồi thường thiệt hại cho các tổ chức và cá nhân khi tin tức đăng lên gây thiệt hại thương mại cho các "đối tượng" đó.

Luật báo chí thế này thì kỳ lạ. Hội Báo chí thế giới cũng phải lên tiếng chỉ trích, chỉ có các nhà báo ở Việt Nam bị bịt miệng không nói được.

Thí dụ bây giờ có tờ báo loan tin thời tiết, cho biết Sở Khí tượng và Thủy văn tiên đoán năm nay mưa thuận gió hòa. Nghe tin đó, ai cũng tin tưởng là mùa màng sẽ tốt, thóc lúa sẽ đầy đủ. Và người ta không lo mua gạo tích trữ, giá gạo sẽ xuống. Tất nhiên, các công ty đang tồn trữ gạo trong kho sẽ bị thiệt hại, và như vậy họ có quyền đòi nhà báo bồi thường thiệt hại?

Đọc thí dụ trên chúng ta tưởng như chuyện nói đùa. Nhưng chính ông Nguyễn Khoa Điềm, bộ trưởng Văn Hóa chính phủ Hà Nội đã đưa ra một thí dụ như vậy. Ông Điềm nói rằng nếu tin tức được mùa ở Đồng bằng sông Cửu Long khiến giá lúa xuống, các nhà buôn ngoại quốc trả giá thấp hơn, các công ty quốc doanh độc quyền thu mua lúa sẽ bị thiệt, và như vậy là nhà báo có lỗi! Người ta tưởng đảng chỉ cấm loan tin xấu, bây giờ ngay cả tin mùa màng tốt cũng đăng lên báo cũng nguy hiểm!

Trên thế giới không có nước nào lại có ông bộ trưởng Văn Hóa có trình độ hiểu biết

ngang tầm với ông Nguyễn Khoa Điềm. Khi thời tiết đẹp, mùa màng hứa hẹn tốt, không nhà buôn ngũ cốc nào trên thế giới phải đợi đọc mấy tờ báo ở Việt Nam rồi mới biết tin. Các nhà buôn còn theo dõi tin thời tiết kỹ hơn các nhà báo nữa. Và nếu báo chí ở Việt Nam không loan tin thì các tờ báo kinh tế khắp nơi họ cũng loan tin, các nhà buôn ngũ cốc có ngủ quên thì lúc thức dậy cũng biết tin!

Người Việt Nam thường gọi chế độ Vô sản chuyên chính là Vô học chuyên chính, đây là một thí dụ điển hình. Người suy nghĩ như vậy mà để cho cầm đầu Văn hóa của cả một nước thì chúng ta biết đảng Cộng sản coi 78 triệu người dân Việt Nam ở trong nước là thứ người gì!

Ông Nguyễn Khoa Điềm đã rút kinh nghiệm của các doanh nghiệp nhà nước chuyên thu mua và xuất cảng gạo. Năm 1997 Indonesia bị hạn hán, cả thế giới đều biết tin, trừ các quan quốc doanh Việt Nam. Hạn hán, nghĩa là mất mùa, thế nào Indonesia cũng thiếu gạo, nhưng các cán bộ xuất cảng gạo ở Việt Nam chẳng quan tâm. Trước vụ mùa năm 1998, các quan quốc doanh Việt Nam lên máy bay đi một vòng ký trước các hợp đồng bán gạo. Đi đến đâu cũng được "bồi dưỡng" phủ phê. Đến ngày phải giao gạo cho người ta mới ngã ngửa ra là giá gạo trên thị trường bây giờ đã cao vọt so với giá lúc ký kết, thiệt hàng trăm triệu đô la.

Nhưng chắc khi làm ra một đạo luật Báo Chí mới, đảng Cộng Sản không nhắm kiểm duyệt trước các tin tức khí tượng. Mục đích của họ là bảo vệ các quan chức lớn.

Mấy năm nay, các nhà báo ở Việt Nam vẫn được phép loan tin về các vụ buôn lậu, tham nhũng, sau khi các tin đó được công an đưa ra. Những cuộc ăn chơi của giám đốc Công ty Vật Tư Quận Ba, Sài Gòn, các chuyến buôn ma túy của nhóm Nguyễn Xuân Trường do công an Hà Nội bảo trợ, cho đến các mánh khóe của Hải quan Sài Gòn, Cần Thơ, Huế giúp nhóm Tân Trường Sanh buôn lậu, các thủ đoạn ăn cắp của Tăng Minh Phụng và các quan chức ngân hàng VietcomBank v.v... au khi các tin đó được công an đưa ra. Nhưng với điều luật báo chí mới này, liệu các ông Vũ Xuân Trường, Tăng Minh Phụng có quyền kiện các báo đòi bồi thường thiệt hại hay không?

Tháng Năm, ông Lê Khả Phiêu mới phóng tay phát động chiến dịch Phê Bình và tự Phê bình. Nhân vật bị tố cáo tham nhũng nhiều nhất trong Bộ Chính trị là ông Phạm Thế Duyệt là người đã vạch ra chương trình ba giai đoạn của chiến dịch này. Ông Lê Khả Phiêu cũng nhấn mạnh rằng phê bình nhưng không được làm mất đoàn kết trong đảng! Chắc chắn các ông trong Bộ Chính trị vẫn đoàn kết với ông Phạm Thế Duyệt, mặc dù dân Hà Nội đã tố cáo đủ chuyện.

Đảng Cộng Sản Việt Nam cẩn thận chỉ cho tự phê tự kiểm trong nội bộ mà thôi. Tòa án không dính vào. Mà báo chí thì chắc chắn chỉ ăn theo nói theo, không được phép ngó vô. Vậy mà sao vẫn thất cổ báo chí thêm, để cho một Hội Báo chí Thế giới phải chê trách?

Ở Mỹ, khi báo chí loan tin xấu về các "nhân vật nổi danh" (public figures), thì ngay cả khi kiểm chứng lại thấy các tin tức đó là sai, nhà báo cũng không bị kết tội nếu chứng tỏ được là khi loan tin họ đã kiểm chứng và tin rằng điều họ loan báo là sự thật. Các "nhân vật nổi danh", từ một tài tử điện ảnh, một ông cảnh sát trưởng cho đến một ông tổng thống chịu sự thiệt thòi như vậy. Vì luật pháp muốn bảo vệ quyền thông tin của công chúng và tự do của nhà báo. Nếu nhà báo đã dùng hết sức để xác nhận một tin, mà nghĩ rằng tin đó có thật, thì được phép loan báo ngay. Nếu chậm, công chúng sẽ chịu thiệt thòi vì tin tức không kịp thời. Nếu sau đó biết là sai, nhà báo sẽ cải chính. Các án lệ về vụ này chỉ áp dụng cho các "khuôn mặt công cộng" mà thôi. Vì các nhà lập pháp và tòa án ở Mỹ cho rằng các nhân vật nổi danh có ảnh hưởng lớn trên xã hội hơn người khác nên phải chịu thiệt thòi hơn người thường.

Khi biết luật báo chí ở Mỹ như thế, chúng ta càng thương xót các người làm báo ở Việt Nam!

ĐỜI TẬP KHÍ CÔNG TỰ DO!

Ai đi du lịch Trung Quốc đều biết mỗi buổi sáng, chiều có hàng trăm nhóm tụ tập ở các công viên, bờ hồ, các bãi đất trống, có khi ngay trên lề đường, để tập thể dục, tập võ, khiêu vũ theo lối cổ truyền hay lối Tây phương. Nổi tiếng nhất trong các buổi tập diễn đó chắc là các môn Thái Cực Quyền, thường gọi là Tai chi. Tuy không nổi tiếng bằng, nhưng đông đúc hơn, là các môn Khí công. Có nhiều trường phái khí công cùng tập bên cạnh nhau. Nhưng từ thập niên 1980 đến nay, phái Pháp Luân Công (Tên chính thức là Pháp Luân Đại Pháp) càng ngày càng nổi lên, vì người sáng lập muốn đi xa hơn việc rèn luyện thân thể, truyền bá một triết lý dựa trên Phật giáo. Các đồ đệ Pháp Luân Công họp nhau chung quanh

cái máy phát thanh băng cát xét nghe bài giảng của Lão Sư Lý Hồng Chí và được một người đã học nhiều hơn chỉ dạy.

Các cuộc tụ họp tập thể dục và luyện võ ngoài trời đó lâu nay vẫn được nhà nước cộng sản cho phép, tuy không ai cấp giấy phép. Họ không nhận là một tôn giáo, tự coi chỉ là một vũ thuật.

Nhưng từ khi ông Lý Hồng Chí nổi tiếng hơn và số đệ tử theo đông hơn thì đảng Cộng Sản Trung Hoa lo có người cạnh tranh với đảng. Ông Lý quê ở thành phố kỹ nghệ Trường Xuân, trong tỉnh Cát Lâm, cách Bắc Kinh 800 cây số phía Đông Bắc. Ông Lý đã theo học nhiều trường phái khí công trong khi làm nhạc sĩ trong ban nhạc cảnh sát Cát Lâm, rồi làm thư ký cho Sở Ngũ cốc. Năm 1992 ông Lý bắt đầu đi giảng lý thuyết Pháp Luân Công của ông tại các sân vận động lớn thuộc các tỉnh miền Đông Bắc Trung Hoa. Lý thuyết này dựa trên Phật, Khổng, Lão giáo tuy danh hiệu Pháp Luân là ngôn ngữ của Phật giáo.

Ảnh hưởng của ông Lý ngày càng cao. các buổi thuyết giảng thu hút nhiều ngàn người mua vé vào nghe. Có lúc ông thâu số tiền tương đương 20 ngàn Mỹ kim một tuần lễ. Khi ông Lý đổi địa chỉ về Bắc Kinh số đệ tử ở khắp nước càng đông hơn. Năm 1996 Lý Hồng Chí xuất bản *Chuyển Pháp Luân* cuốn sách cơ bản của Pháp Luân Công, bán được một triệu cuốn. Ông Lý khoe rằng sách của ông bán chạy hơn cuốn tiểu sử Đặng Tiểu Bình do cô con gái viết. Đảng Cộng Sản Trung Hoa bắt đầu ngăn chặn. Họ cấm cuốn "Chuyển Pháp Luân" và trục xuất ông Lý cùng các đệ tử ra khỏi Hội Nghiên cứu Khí công Toàn quốc. Đảng ra lệnh các nhà xuất bản không được in sách của ông Lý, và công an đến ngăn cản các buổi tập võ của phái Pháp Luân Công. Dưới áp lực của công an, năm 1998 Lý Hồng Chí xin di cư sang Mỹ, hiện ông sống ở New York.

Nhưng phái Pháp Luân Công vẫn tiếp tục phát triển. Tại New York gần đây có một hội nghị mấy ngàn người họp. Một đệ tử đã cúng 35 ngàn Mỹ kim tiền thuê địa điểm trong khách sạn. Tuy ông Lý yêu cầu các đệ tử không được cúng tiền, nhưng sách, băng hình và đĩa laser của môn phái bán rất chạy. Tại Vũ Hán, Trung Quốc, Tháng Mười năm ngoái có hàng chục ngàn đệ tử họp. Họ biểu diễn xếp người đứng thành một hình Pháp luân mầu đỏ với Chữ Vạn mầu vàng. Theo các báo ngoại quốc, hiện có 100 triệu người theo môn phái này trên thế giới, kể cả Đài Loan. Tờ Tự Do Thời báo ở California nói có 70 triệu tín đồ ở lục địa.

Tháng Sáu năm ngoái, một giáo sư thuộc Viện Khoa học, trên đài truyền hình ở Bắc Kinh, phê bình môn phái Pháp Luân Công là mê tín. Hàng ngàn tín đồ đã kéo đến biểu tình phản đối. Vì lúc đó là trước ngày kỷ niệm vụ Thiên An Môn, chính phủ Trung Cộng phải lùi. Đài truyền hình cho chiếu một chương trình có vẻ tích cực về phái này, và người phóng viên phỏng vấn phải nghỉ việc. Tháng trước, một tờ báo cho tuổi trẻ ở Thiên Tân lại phê bình môn phái này là bịp bợm và nguy hiểm, hàng ngàn người biểu tình phản đối. Sau khi cảnh sát bắt một người biểu tình, hàng chục ngàn người kéo đến Trung Nam Hải ngày Chủ Nhật sau đó. Từ 10 năm nay, đây là cuộc tập họp lớn nhất ở Trung Hoa.

Tháng Tư, Tháng Năm là mùa xuân ở Bắc Kinh. Những cuộc biểu tình ở Thiên An Môn 10 năm trước, Ngũ Tứ Vận động bắt đầu ngày 5 Tháng Tư năm 1919, đều trùng hợp với tiết xuân. Cuộc biểu tình của các tín đồ Pháp luân Công xẩy ra cũng vào dịp này. Điều đặc biệt là họ liên lạc với nhau qua Internet, họ có một Web Site riêng. Cho nên chỉ trong một hai ngày đã có hàng chục ngàn người từ nhiều tỉnh kéo về Trung Nam Hải, lọt qua mạng lưới chằng chịt của công an! Đúng là cách mạng tin học!

Ở Trung Hoa lục địa, cũng như ở Bắc Hàn, Cuba, Việt Nam, đảng Cộng Sản muốn đặt tất cả các sinh hoạt đông người dự dưới sự kiểm soát của đảng, dù đó là một hội văn nghệ, thể thao, hay tôn giáo. Họ đã tìm cách kiểm soát các tôn giáo có sẵn bằng việc lập ra các giáo hội hay cho người vào chỉ huy các giáo hội sẵn có. Môn phái Pháp luân sau cùng đã được đảng Cộng Sản công nhận. Đảng Cộng Sản Trung Hoa biết chấp nhận lùi bước, trước diễn biến hòa bình này.

Người Á đông học kinh Dịch từ mấy ngàn năm nay, tất nhiên hiểu thế giới này luôn luôn thay đổi. Thay đổi nhanh bằng đột biến tức là cách mạng gây đổ máu. Nếu thay đổi từng bước một cách hòa bình thì tốt hơn, ai cũng muốn vậy. Nhưng loài người không có cách lựa chọn nào khác ngoài hai con đường là phải thay đổi luôn luôn không ngừng. Việc thay đổi một cách tiệm tiến có thể gọi là Diễn biến hòa bình.

Cho nên chỉ những người thiếu hiểu biết hoặc khăng khăng tự che mắt mình mới chống lại diễn biến hòa bình. Nếu không muốn có diễn biến hòa bình thì muốn có đổ máu hay sao?

THÊM TRÁCH NHIỆM CHO TRƯỜNG HỌC

Một học sinh sáu tuổi hôn trộm một em sáu tuổi khác, có thể coi là "sách nhiễu tình dục hay không?"

Quý vị có thể không để ý đến một tin ngắn trên các báo cho biết Tối Cao Pháp Viện Hoa Kỳ đã phán rằng giới chức các học khu ở Mỹ có thể bị kiện nếu dung dưỡng các hành động sách nhiễu tình dục của các học sinh đối với các học sinh khác.

Phán quyết trên, có giá trị như luật lệ, sẽ được áp dụng và ảnh hưởng tới tất cả các học sinh ở Mỹ, kể từ cấp tiểu học. Người Mỹ bàn cãi sôi nổi về vấn đề này trên báo, trên đài. Những người Việt Nam sống ở Mỹ nghĩ sao?

Tòa án Tối Cao, với 5 phiếu thuận, 4 phiếu chống, đã thay đổi ngược lại bản án của một tòa án ở Atlanta, về vụ bà Aurelia Davis kiện nhà trường và cấp trên của họ là học khu Forsyth ở Georgia là cơ quan quản trị ngôi trường. Bà Davis nói con gái của bà, cô LaShonda Davis đã bị các bạn trai đụng chạm và nói đòi ngủ với cô từ lúc học lớp Năm, năm 1992. Cô LaShonda đã thưa với ban giám đốc nhưng nhà trường không làm gì cả. Sau đó cô không học được như cũ, điểm số bị giảm. Vì vậy bà Davis đã kiện các người chịu trách nhiệm về giáo dục.

Các học sinh con em của chúng ta liệu có thể trở thành nạn nhân của các bạn học, vô tình hay cố ý trêu chọc, có lời nói hay hành động thô lỗ liên quan đến tính dục hay không?

Chúng ta mong rằng chuyện đó không xảy ra, nhưng các tài liệu nghiên cứu khiến ta phải chú ý và theo dõi. Theo một cuộc nghiên cứu thực hiện tại Đại học Michigan thì trong 100 em gái đi học có đến 83 em bị bạn bè chọc phá và làm phiền liên hệ đến tính dục. Trong số các em trai, có đến 60% cũng là nạn nhân. Các con số đó rất đáng lo ngại.

Khi tình trạng chọc ghẹo về tính dục có tính cách phổ biến như vậy, thì tất cả các phụ huynh đều phải quan tâm theo dõi. Vì nếu các nạn nhân cứ im lặng chịu đựng, các em sẽ bị ảnh hưởng về tâm lý và có thể việc học hành cũng bị sa sút, tương lai các em sẽ chịu thiệt thòi.

Liệu phán quyết của Tòa án Tối Cao sẽ có hậu quả nào?

Hậu quả đầu tiên là từ nay các thầy cô giáo và ban giám đốc sẽ phải chú ý đến các lời than phiền hơn. Trong vụ án cô La Shonda Davis người ta biết rằng sau khi cô tố cáo các bạn học chọc ghẹo cô, nhà trường đã không thi hành biện pháp kỷ luật nào cả. Đến khi mẹ cô thưa cảnh sát, một học sinh bị cáo đã thú tội có các hành động và lời nói xúc phạm. Như vậy thì rõ ràng là nhà trường trước đó không tự coi là họ có bổn phận giải quyết những lời than phiền của học sinh. Bản án của Tòa Tối Cao xác định từ nay bổn phận của nhà trường là phải giải quyết các lời than phiền loại đó. Tất cả các phụ huynh nên tạo cơ hội nghe con cháu tâm sự để tìm hiểu một cách khéo léo coi các em có trở thành nạn nhân như vậy hay không, và lập tức khiếu nại với nhà trường nếu các em đã bị xúc phạm, trong đó có thể kể cả những hành vi đồng tính luyến ái.

Một tập tục rất tốt trong nền tư pháp Mỹ là sau mỗi phán quyết của Tòa Tối Cao, phe đa số và phe thiểu số đều đưa ra bản nhận định cho thấy quan điểm họ bất đồng ra sao.

Bốn vị Thẩm phán Tối cao thuộc phe thiểu số, trong đó có Chánh án Tối cao Pháp viện William Rehnquist, đã tỏ ý lo ngại rằng phán quyết của Tòa Tối Cao chứng tỏ chính quyền Tư Pháp Liên bang xâm nhập vào lãnh vực giáo dục thường là phạm vi của Tiểu bang, và phán quyết này sẽ tạo cơ hội cho rất nhiều vụ kiện cáo trong tương lai, có thể làm các trường và các học khu bị khó khăn về tài chánh.

Nhưng bản nhận định của năm vị Thẩm phán đa số do bà Sandra O'Connor viết, đã nhấn mạnh rằng chỉ các hành vi sách nhiễu tính dục được coi là "nghiêm trọng, kéo dài, và có tính chất xúc phạm dưới cái nhìn khách quan" (severe, pervasive, and objectively offensive) khiến các nạn nhân bị trở ngại trong việc hưởng các lợi ích của học vấn, mới thuộc phạm vi của phán quyết này. Ngoài ra, các trường học chỉ bị phạt (cắt ngân khoản trợ cấp của liên bang) nếu họ cố ý làm ngơ trước các lời tố cáo của các học sinh tự coi là nạn nhân.

Trường hợp cô La Shonda là điển hình. Người bạn học đã thú tội với cảnh sát là từng nói muốn ngủ với cô, đã chạm vào ngực và bộ phận sinh dục của cô. Và hành động xúc phạm đó kéo dài mà nhà trường không thi hành kỷ luật.

Bà Norma Cantu, nhân viên cao cấp Bộ Giáo Dục liên bang, chuyên về các vấn đề nhân quyền, nói rằng: "Một em bé sáu tuổi hôn một em sáu tuổi khác, nếu không có chuyện gì hơn nữa xảy ra, thì không thể gọi là sách nhiễu tình dục. Và Tòa Tối Cao đã theo định nghĩa giống như vậy."

Bản án của Tòa Tối Cao đã đặt rõ trách nhiệm của nhà trường, các thầy và cô giáo. Và đó là điều tất cả các phụ huynh học sinh ở Mỹ nên biết và hiểu rõ hơn.●

SUY TƯ TRƯỚC THỀM NĂM 2000

NGUYỄN MINH CẦN

Ngàn năm có một

Là năm kết thúc thế kỷ 20 và thiên niên kỷ thứ hai, đồng thời là năm chuẩn bị cho lịch sử đi vào thế kỷ 21 và thiên niên kỷ thứ ba, năm 2000 mang trong lòng nó một ý nghĩa tâm lý lớn lao đối với loài người. Ngàn năm mới có một năm "bản lề" như vậy! Không phải ai cũng được sống vào cái thời điểm hiếm có đó. Chính vì thế trước thềm năm 2000, mỗi người đều có những suy tư về mình, về gia đình, về dân tộc và đất nước mình. Mỗi người đều thấy lòng háo hức, mong muốn làm được một cái gì đó thật tốt cho mình, cho gia đình, cho dân tộc và đất nước để tất cả những cái thân thiết ấy đều vươn mạnh lên trong thời đại mới với tương lai tươi sáng hơn. Dù muốn hay không, tự nhiên mỗi người đều nhìn lại con đường mình đã qua để ước mơ, hoặc để định hướng cho mình trên con đường sắp tới với hoài vọng tốt đẹp.

Trước thềm năm 2000, trí óc của mỗi người có suy tư đều thấy bận rộn bởi bao câu hỏi, bao điều cật vấn, bao sự cắn rứt, bao nỗi hân hoan... Ta đã làm gì, đã không làm gì, điều gì dở, điều gì hay, đâu là lầm lạc, đâu là tội lỗi, đâu là thành tựu, đâu là công lao... đối với mình, với gia đình, với dân tộc và đất nước?

Huyền bí của chu kỳ

Đó là chưa nói đến ý nghĩa tâm linh của năm 2000. Vì — điều này thật là huyền bí — dường như cứ mỗi một chu kỳ 500 hay 1000 năm, lịch sử thế giới thường được đánh dấu bởi những biến thiên lớn, những bước ngoặt kỳ vĩ, mà cũng có thể cả những đảo lộn, những đổ vỡ đầy kịch tính mà chính con người không hiểu nổi nguồn cơn. Chính vì thế, con người đứng trước thế kỷ và thiên niên kỷ mới với lòng đầy hy vọng, nhưng lại xen lẫn những băn khoăn, thắc mắc, thậm chí lo âu, sợ sệt... Cái gì sẽ xảy đến đây? Bao nhiêu lỗi lầm, bao nhiêu tội ác mà con người đã gieo rắc cho nhau, cho muôn loài, muôn vật... Thế thì họ sẽ gánh chịu nỗi bất hạnh nào đây? Hay là tận cùng thế giới? Mà cũng có thể có những ý nghĩ lạc quan hơn: bao nhiêu công đức, bao nhiêu thành tựu đã đạt được để con người đáng được gọi là "hoa đất" (1). Cái gì sẽ là phần thưởng đây? Một thế giới yên bình, hài hòa, thoải mái đầy hạnh phúc ư? Người với người, người với vật sẽ sống với nhau trong tình thương yêu bất diệt ư? Họ sẽ mãi mãi là bạn ư?

Bao nhiêu hồi hộp, khắc khoải của những con tim, của những khối óc trước thềm thế kỷ mới...

Con người được chắp cánh

Những năm cuối của thế kỷ 20 báo hiệu một kỷ nguyên mới của nền văn minh nhân loại với cuộc cách mạng tin học, với những loại siêu kỹ thuật chưa từng thấy, như trí tuệ nhân tạo, những loại siêu vi tính, với những thành tựu về sinh hóa học, di truyền học... Những thành tựu của nền văn minh điện toán đang phát huy tác dụng mạnh mẽ trong nhiều nước và thúc đẩy quá trình toàn cầu hóa mọi lĩnh vực đời sống của loài người. Đứng trước ngưỡng cửa thế kỷ mới và thiên niên kỷ mới, con người dường như được chắp cánh để bay xa hơn nữa trong những ước mơ táo bạo của

mình. Nhiều điều ngày nay coi là giả tưởng thì rồi đây sẽ dần dần được thực hiện trong tương lai không còn xa lắm.

Thế nhưng, thế giới mà ta đang sống lại phát triển không đồng đều. Một số ít nước ở châu Âu và Bắc Mỹ đã hoàn thành cách mạng công nghiệp từ lâu, được coi là những nước hậu công nghiệp, nay đã bắt tay có kết quả vào cuộc cách mạng tin học, họ đang đi tiên phong trong cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật, họ có nhiều hy vọng nắm ưu thế lâu dài trong nhiều lĩnh vực trên thế giới và có thể áp đảo các nước khác trong cuộc cạnh tranh sinh tồn. Nhiều nước khác đang cố gắng hoàn thành cuộc cách mạng công nghiệp, trong số đó một số nước đã thành công vượt bậc do áp dụng được kỹ thuật tối tân của các nước hậu công nghiệp, những nước này đang có cơ ngoi lên sánh vai cùng các nước tiên tiến. Nhưng còn rất nhiều nước khác ở các châu Á, Phi, Mỹ la-tinh, nơi thì mới bắt đầu công nghiệp hóa, nơi thì còn chưa quả quyết bắt tay vào việc đó, họ vẫn luẩn quẩn trong thời kỳ nông nghiệp. Đó là những nước chậm tiến nhất, có nguy cơ bị tụt hậu mãi mãi trong thế kỷ mới vì không vươn lên được trong cuộc cạnh tranh gay gắt sắp tới. Đáng buồn thay, trong số các nước ấy lại có nước Việt Nam thân yêu của chúng ta!

Những nỗi ưu tư

Cái điều đáng buồn đó bắt buộc mỗi người Việt Nam còn nhiệt huyết trong tim phải nhìn lại và suy tư nhiều về dân tộc và đất nước trên những bước thăng trầm của lịch sử vừa qua.

Điều rất bất hạnh là dân ta đã phải đi theo con đường gian khổ nhất, lâu dài nhất, tốn nhiều xương máu nhất để thoát khỏi chế độ thực dân và giành được nền độc lập của đất nước. Trong lúc đó bao nhiêu quốc gia khác cũng đã từng bị lệ thuộc nước ngoài, nhưng họ đi theo con đường khác hẳn chúng ta, họ giành được độc lập chẳng những sớm hơn, mà lại ít đau đớn hơn, ít tốn xương máu hơn nhiều. Đúng là dân ta đã mất đi nhiều thập niên quý báu, đã tổn thất quá lớn, đã "xuất huyết" quá nhiều so với các nước khác trước khi bắt đầu cuộc chạy đua để sinh tồn trong thế kỷ mới.

Điều phũ phàng nhất là sau bao thập niên đấu tranh cực kỳ gian khổ, với bao nhiêu hy sinh lớn lao để giải phóng dân tộc, những tưởng thoát khỏi vòng nô lệ của nước ngoài rồi, dân ta sẽ được làm chủ thật (2), được làm người tự do, nhưng, oái ăm thay, dân ta lại rơi vào vòng nô lệ của người trong nước, mà "bọn chủ nô" mới này lại chính là những kẻ đã từng vẫy gọi dân ta theo họ làm "cách mạng" giải phóng, còn bây giờ chính những kẻ này nắm lấy quyền lực, thực sự thụ hưởng thành quả "cách mạng" và lại đang tâm tước đoạt quyền tự do dân chủ của dân ta!

Những tổn thất lớn

Không những thế, chúng ta lại mất thêm nhiều năm, thậm chí nhiều thập niên, với nhiều hy sinh và tổn thất lớn lao về người và của vào những thử nghiệm vớ vẩn để "xây dựng thiên đường cộng sản trên trái đất," trong lúc các nước khác vốn cùng hoàn cảnh, cùng trình độ phát triển như nước ta, lại không phải mất thời gian, tiền của, xương máu... vào những điều vớ vẩn đó, giờ đây đã vượt xa nước ta và họ đang có lợi thế hơn ta trong cuộc đấu tranh sinh tồn khi bước vào thế kỷ mới!

Những bước lầm lạc của nước ta, do đảng cộng sản tự xưng là "đỉnh cao của trí tuệ" nắm độc quyền dẫn dắt, chẳng những đã gây ra nhiều thiệt hại như đã nói, mà tổn thất lớn nhất khó lòng lượng định chính là về mặt tinh thần, đạo đức, tâm linh của dân tộc. Chúng ta đang chứng kiến nếp sống tinh thần, đạo đức truyền thống của dân tộc ta bị phá vỡ, lòng yêu nước, yêu dân bị rã rời, thui chột, luân lý, nhân cách bị băng hoại, sự đoàn kết, hợp quần của cộng đồng dân tộc bị nứt rạn, bị tổn thương trầm trọng do chính sách "đấu tranh giai cấp," kỳ thị giai cấp, do cuộc nội chiến kéo dài, do thái độ hận thù, kỳ thị và chính trị bạo tàn, bất bao dung của kẻ cầm quyền đối với bộ phận lớn dân chúng... Bước vào thế kỷ mới với trạng thái tinh thần như thế, hiển nhiên là dân ta khó lòng có được thế mạnh so với các dân tộc khác.

Những nỗi đau lớn

Thật là xót xa biết bao, khi thấy đất nước ta cho đến cuối thế kỷ 20 này vẫn là một trong những xứ sở nghèo đói nhất thế giới (3), vẫn là một trong những nước vô quyền nhất thế giới, vì những quyền tự do sơ đẳng của con người, như tự do bầu cử và ứng cử, tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do lập hội, tự do tín ngưỡng... vẫn còn là ước mơ xa vời, cho đến nay vẫn chỉ nằm trên giấy. Nước ta thực tế đang phải sống dưới một chế độ độc tài vô cùng khắc nghiệt, với nền thống trị độc tôn

của một đảng duy nhất. Nói là của một đảng thì cũng chưa đúng hẳn, vì thực tế đó là nền thống trị độc tôn của một nhúm người trong đảng mà thôi. Chính tập đoàn này, chứ không phải ai khác, đã phản bội lại cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở nước ta, phản bội quảng đại dân chúng Việt Nam đã đổ xương máu, tính mạng, tài sản, khi tham gia cuộc cách mạng đó. Chính tập đoàn thống trị này, chứ không phải ai khác, đã bội ước, khi vứt bỏ những điều hứa hẹn về dân chủ tự do, về quyền con người mà họ đã hào phóng đưa ra khi bắt đầu kêu gọi dân chúng đứng dưới lá cờ đấu tranh của họ. Chính tập đoàn thống trị này, chứ không phải ai khác, đã đưa dân tộc và đất nước ta đến tình trạng khốn khổ, tủi nhục như ngày nay.

Có thể là những điều này mới nghe qua lần đầu, một số người trong đảng cầm quyền thấy khó lọt tai, nhưng đó là sự thật, đó là thực tiễn. Thực tiễn đó chắc chắn sẽ dần dần mở mắt cho nhiều người đã từng chiến đấu dưới lá cờ của đảng cầm quyền hiện nay, sẽ dần dần làm cho nhiều người bừng tỉnh giấc, thấy mình "đâu ngờ"... (4) sau khi đã hy sinh tất cả cho một thiểu số nắm lấy quyền lực và hưởng lợi lộc.

Cái đau xót lớn nhất của dân tộc ta là trước ngưỡng cửa thế kỷ mới, đất nước ta không được chuẩn bị đầy đủ để có thể lao vào cuộc cạnh tranh khốc liệt để sinh tồn trong tương lai. Làm sao dân tộc ta có thể tiến lên được khi còn bị trói buộc trong xiềng xích của chế độ độc tài đảng trị quá lỗi thời? Làm sao đất nước ta có thể phát triển tốt đẹp được khi người dân không có quyền tự do dân chủ? Mà chỉ có dân chủ và tự do mới tạo được điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của đất nước. Cuối thế kỷ trước, thế kỷ 19, chính vì đất nước ta không theo kịp đà tiến hóa chung của nhân loại mà trong suốt thế kỷ 20 này dân ta phải chịu cảnh đau khổ triền miên vì tai họa mất nước, vì tai họa chiến tranh, vì tai họa độc tài đảng trị. Còn cuối thế kỷ này, rõ ràng là dân ta lại chậm chân lần nữa trong lúc nhiều nước tiến lên nhanh chóng, vượt xa nước ta. Mà trong thời đại văn minh ngày nay, bất cứ dân tộc nào chậm tiến đều có nguy cơ bị các dân tộc khác bỏ lùi lại mãi mãi đằng sau trong cuộc đấu tranh sinh tồn.

Bài toán cực khó

Chúng ta biết rõ chế độ độc tài chuyên chế hiện nay là trở lực trên con đường tiến lên của đất nước và dân tộc. Vậy mà bài toán quốc gia đặt ra là: phải làm sao dần dần chuyển hóa một cách hòa bình, không bạo lực chế độ độc tài, cực quyền hiện nay thành chế độ dân chủ đích thực mà không gây ra đổ vỡ, hỗn loạn, trong điều kiện giai cấp cầm quyền vũ trang đến tận răng và đảng cầm quyền độc chiếm toàn bộ quyền lực và huyết mạch trong nước. Quả là một bài toán cực kỳ khó khăn đang đặt ra trước toàn dân tộc khi chuẩn bị bước vào thế kỷ mới.

Không có một sự đồng tâm hiệp lực của toàn dân — trong cũng như ngoài nước — trong cuộc đấu tranh chính trị để chống lại sức ỳ ghê gớm của bộ phận bảo thủ nhất trong đảng và giai cấp cầm quyền hiện nay ở nước ta thì không thể nào giải được bài toán đó. Không huy động được một sức mạnh tổng hợp lớn lao do liên kết được cuộc đấu tranh chống tham nhũng, chống bóc lột, giành quyền lợi hàng ngày của dân chúng với cuộc đấu tranh đòi tự do dân chủ, với cuộc đấu tranh của các đảng viên cấp tiến có lương tâm đang đòi dân chủ hóa đảng và xã hội, với cuộc vận động dân chủ của cộng đồng người Việt hải ngoại, với sự ủng hộ mạnh mẽ của các tổ chức và phong trào dân chủ, nhân quyền trên thế giới thì không tài nào giải nổi bài toán đó.

Cuộc đấu tranh của dân ta đòi hỏi những người dân chủ và của quảng đại dân chúng giác ngộ phải thể hiện lòng yêu nước cao độ, tinh thần dấn thân, sẵn sàng hy sinh, ý chí quyết tâm, kiên trì, nhẫn nại. Cuộc đấu tranh đó phải chĩa mũi nhọn đúng vào nhúm người tối thiểu số rất bảo thủ đang nhân danh đảng, nhân danh nhân dân thao túng toàn bộ quyền lực của đất nước. Vì thế, cần thấy rõ rằng: mọi sự đi chệch mục tiêu, chệch đối tượng đấu tranh và phương thức đấu tranh nói trên đều trực tiếp hay gián tiếp làm lợi cho giai cấp cầm quyền. Những khẩu hiệu cực đoan, những hành động quá khích, những lời lẽ quá trớn... đều có tác dụng ngược, tác hại lớn đến cuộc vận động dân chủ hiện nay.

Kiên trì và khôn khéo

Những người dân chủ trong nước không thể có ảo tưởng chờ đợi sự "giác ngộ" của nhúm người đang thực tế thống trị toàn đảng, toàn xã hội hiện nay. Họ nhận thức rõ ràng: không có đấu tranh với nhúm người này thì không thể nào giành được tự do dân chủ. Mà muốn

giành được tự do dân chủ thì phải trả giá, thậm chí trả giá lớn. Tuy nhiên, để cuộc đấu tranh đó giành được thắng lợi thì nó phải được tiến hành bằng những phương thức thích hợp, ôn hòa, khôn khéo, kiên trì. Cần phải tận dụng mọi khả năng trong nước, ngoài nước mà đẩy lùi tập đoàn thống trị từng bước, dần dần dồn ép tập đoàn đó vào thế phải chuyển đổi. Cần phân hóa hàng ngũ những kẻ cầm quyền, tranh thủ bộ phận có thể biến đổi, cô lập bộ phận bảo thủ, lạc hậu đến mức loại trừ bộ phận đó ra khỏi bộ máy quyền lực. Cần phải tận dụng mọi hình thức đấu tranh hợp hiến, hợp pháp, từ việc thường xuyên và liên tục gửi kiến nghị, đơn từ, yêu cầu, khiếu nại, đòi hỏi... cho đến biểu tình, đình công, bãi khóa, bãi chợ, v.v... Nhưng hết sức tránh những hình thức quá khích mà giai cấp cầm quyền có thể vin cớ buộc tội lật đổ, còn quần chúng thì xa lánh, không chấp nhận. Những người dân chủ trong nước cố mở rộng cuộc "chống đối thầm lặng" muôn hình muôn vẻ để khi thời cơ thuận lợi đến, nó dễ trở thành sức mạnh lớn lao góp phần chuyển hóa chế độ độc tài, cực quyền thành chế độ dân chủ đích thực.

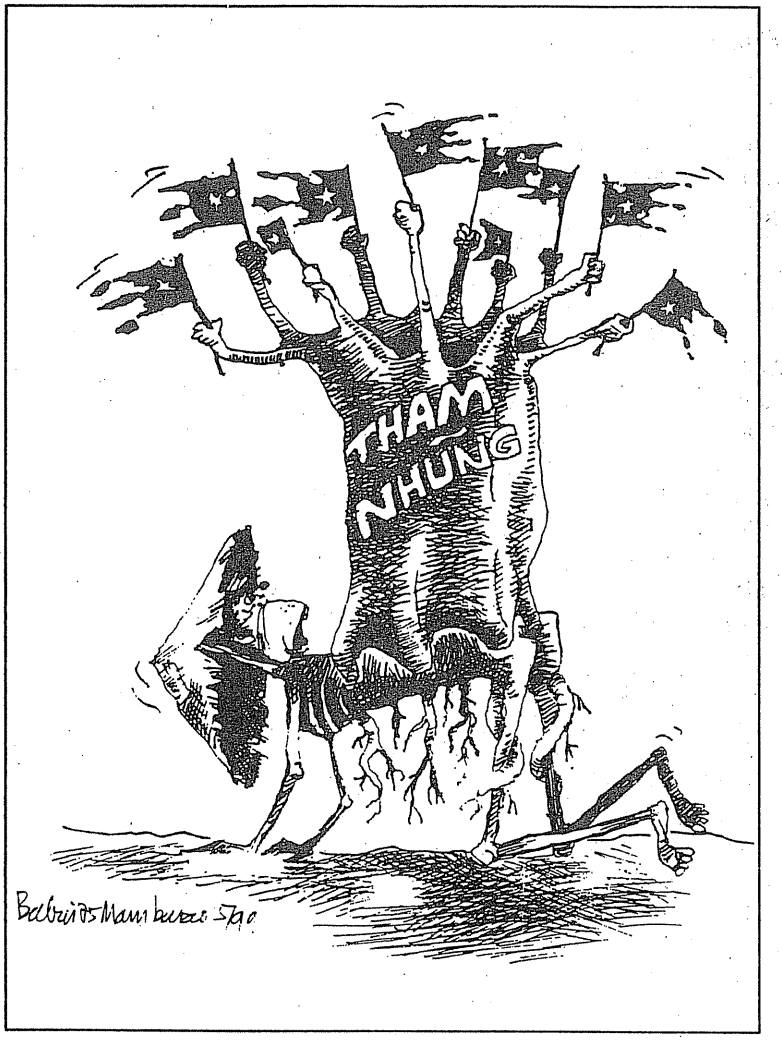

Sự nghiệp quần chúng

Công cuộc dân chủ hóa đất nước không phải chỉ là ý nguyện của trí thức, "sĩ phu," "chí sĩ," càng không phải là "âm mưu" của một thiểu số có đầu óc phiêu lưu, mà là một cuộc vận động của đông đảo dân chúng, là sự nghiệp quần chúng, cuốn hút sự tham gia tích cực của quảng đại dân chúng, của tất cả các tầng lớp nhân dân. Muốn thế, người dân phải hiểu rõ những mục tiêu cụ thể mà họ nhắm tới để nước nhà trở thành một nước dân chủ thực sự.

Thiết tưởng không cần phải bóp óc động não gì ghê gớm, cứ tổng kết lại những đòi hỏi của dân chúng trong nước qua các cuộc đấu tranh đã diễn ra, qua các kiến nghị, đơn từ, khiếu nại, yêu sách, thư từ, do người dân bình thường, công nhân, nông dân (đồng bằng sông Cửu Long, Thái Bình, Nam Định, Xuân Lộc, các tỉnh khu Bốn cũ, v.v...), trí thức, sinh viên, cựu chiến binh, cán bộ viên chức hồi hưu, tín đồ các tôn giáo, các nạn nhân của chế độ... gửi cho đảng và giai cấp cầm quyền, cứ tổng kết lại những bài báo đã đăng hoặc không được đăng chính thức, những diễn văn, thư ngỏ, lời tuyên bố... từ hồi những năm 50 cho đến nay của các trí thức, nhân sĩ trong nước, ở trong đảng cũng như ngoài đảng (4), từ Đào Duy Anh, Nguyễn Mạnh Tường, Phan Khôi, Nguyễn Hữu Đang, Hoàng Minh Chính... cho đến Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế, Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ, Nguyễn Hộ, Tạ Bá Tòng, Nguyễn Văn Trấn, La Văn Lâm,

Lê Giản, Nguyễn Khắc Viện, Chân Tín, Nguyễn Ngọc Lan, Nguyễn Kiến Giang, Nguyễn Đình Huy, Phan Đình Diệu, Hà Sĩ Phu, Lữ Phương, Đỗ Trung Hiếu, Bùi Minh Quốc, Tiêu Dao Bảo Cự, Nguyễn Thanh Giang, Hoàng Tiến, Dương Thu Hương, Trần Độ, Lê Hồng Hà, Vũ Huy Cương, Hoàng Hữu Nhân... thì thấy rất rõ cả một danh mục đầy đủ những đòi hỏi thiết thân mà quảng đại dân chúng Việt Nam mong muốn đạt cho được.

Ý nguyện của dân

Có thể liệt kê những điều đã được nêu ra, thể hiện ý nguyện của dân và mục tiêu cụ thể của cuộc vận động dân chủ trong nước:

1/ đấu tranh chống nạn tham nhũng tràn lan của các cán bộ, quan chức đảng và nhà nước ở mọi cấp; chống phụ thu lạm bổ, chống tệ nạn bòn vét, bóc lột của đám cường hào mới đối với người dân;

2/ đấu tranh chống việc các cơ quan nhà nước hay các cán bộ địa phương cưỡng chiếm ruộng đất của nông dân và những người lao động;

3/ đấu tranh đòi cho người dân, nhất là nông dân được quyền sở hữu ruộng đất, được làm chủ thật sự trên mảnh đất của mình, cũng như sản phẩm do mình làm ra, mà không bị thu mua cưỡng ép, bất công; đấu tranh đòi nhà nước tăng chi ngân sách để xây dựng nông thôn, cải thiện đời sống đói nghèo hiện nay của nông dân;

4/ đấu tranh chống bóc lột, áp bức công nhân, viên chức trong các nhà máy công cũng như tư; đấu tranh đòi nhà nước giải quyết nạn thất nghiệp nặng nề ở thành thị cũng như ở nông thôn và định một chế độ trợ cấp đủ sống cho những người thất nghiệp;

5/ đấu tranh đòi nhà nước chính thức thừa nhận bằng luật pháp tính chất bất khả xâm phạm của quyền tư hữu tài sản của công dân, kể cả đối với các tư liệu sản xuất;

6/ đấu tranh chống đặc quyền đặc lợi của những kẻ cầm quyền, đòi thực hiện công bằng xã hội trong mọi lĩnh vực;

7/ đấu tranh đòi nhà nước thả hết tất cả tù nhân chính trị, tù nhân lương tâm, đòi xét lại các vụ án phi pháp từ trước đến nay, đòi nhà nước minh oan và bồi thường về thiệt hại vật chất, tinh thần cho những người bị oan và gia đình của họ;

8/ đấu tranh đòi nhà nước hủy bỏ nghị định 31/CP vi hiến và phi pháp, đòi giải tỏa tất cả những người bị quản chế vì lý do chính trị, đòi xóa bỏ những luật lệ có nội dung không phù hợp với hiến pháp hiện hành; đấu tranh chống đàn áp, khủng bố những tiếng nói đòi dân chủ, tự do, nhân quyền;

9/ đấu tranh đòi nhà nước thực hiện đầy đủ quyền tự do dân chủ đã ghi trong hiến pháp và tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền và dân quyền mà Việt Nam đã ký kết — tự do tư tưởng, tự do ngôn luận (phát biểu ý kiến mà không bị theo dõi, đàn áp, tù đày), tự do báo chí (bỏ chế độ kiểm duyệt, tư nhân được quyền ra báo, kể cả báo điện tử, báo nói, báo hình...), tự do lập hội, trước hết là lập nghiệp đoàn/công đoàn tự do;

10/ đấu tranh đòi nhà nước quan tâm đúng mức việc phát triển giáo dục, cả về mặt cơ sở vật chất (trường sở, thiết bị, sách giáo khoa...) lẫn chất lượng giáo dục; đòi thực hiện cải cách giáo dục; đòi cải thiện đời sống vật chất của nhà giáo trên khắp mọi miền đất nước;

11/ đấu tranh đòi nhà nước giúp đỡ phát triển mọi ngành văn hóa, nhất là ở các vùng nông thôn, vùng dân tộc ít người, giữ gìn văn hóa truyền thống của các dân tộc; đấu tranh chống sự xâm nhập của những thứ văn hóa bạo lực, khiêu dâm... làm sa đọa thanh thiếu niên;

12/ đấu tranh đòi thực hiện đầy đủ quyền tự do tín ngưỡng, đòi nhà nước không được can thiệp vào công việc tôn giáo, kể cả việc đào tạo tu sĩ, phong bậc giáo phẩm; đòi nhà nước trả lại những tài sản, các cơ sở hành đạo, từ thiện, giáo dục, xuất bản... của các tôn giáo; đòi phải để cho các tổ chức tôn giáo vốn có trước đây được hoạt động trở lại;

13/ đấu tranh đòi thực hiện quyền bình đẳng của mọi công dân trước luật pháp, đòi các cán bộ đảng viên phạm pháp phải bị đưa ra xét xử trước tòa án như mọi công dân khác và chấm dứt mọi sự bao che của đảng đối với loại người phạm pháp ấy bằng lối xử "nội bộ" dấm dúi trong đảng;

14/ đấu tranh đòi được quyền tự do bầu cử, ứng cử vào các cơ quan dân cử và các chức vụ; nhà nước không được vì lý do gì mà hạn chế quyền bầu cử và ứng cử đó của công dân; phải hủy bỏ lối loại người tự ra ứng cử bằng thủ đoạn đưa ra Mặt trận Tổ Quốc xét duyệt;

15/ đấu tranh đòi phân lập rõ ràng giữa các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp; đấu tranh để bảo vệ tính chất độc lập và vô tư của ngành tư pháp; đấu tranh để xây dựng pháp

chế dân chủ và công bằng, xây dựng nhà nước pháp quyền; đấu tranh để không một lớp người đặc biệt nào, không một đảng nào được đứng trên luật pháp;

16/ đấu tranh đòi chấm dứt tình trạng độc tôn của bất cứ một đảng nào trong nền chính trị quốc gia, đòi hủy bỏ điều 4 trong hiến pháp hiện hành, tức là điều quy định vai trò độc tôn của đảng cộng sản trong nhà nước và xã hội;

17/ đấu tranh đòi đảng cộng sản, cũng như bất cứ đảng nào khác, không được lũng đoạn các cơ quan nhà nước, không được sử dụng ngân sách nhà nước do toàn dân đóng thuế để dùng cho đảng của mình, không được sử dụng thì giờ làm việc ở các cơ quan nhà nước vào những hoạt động của đảng;

18/ hoan nghênh các cán bộ đảng viên của đảng cộng sản đấu tranh đòi đổi mới đảng một cách căn bản, đòi gạt bỏ chủ nghĩa Marx-Lenin ra khỏi nền tảng tư tưởng của đảng, từ bỏ nguyên tắc tổ chức tập trung dân chủ, từ bỏ chuyên chính vô sản, từ bỏ "định hướng xã hội chủ nghĩa," để biến đảng cộng sản từ đảng độc tài thành đảng có tính chất dân chủ;

19/ đấu tranh đòi xác lập rõ ràng bằng luật pháp quy chế hoạt động của các đảng, kể cả đảng cộng sản, trong đó cần quy định rõ các cơ quan nhà nước, quân đội, công an, tòa án là những tổ chức của toàn dân, không một đảng nào được phép cài tổ chức của mình trong đó;

20/ đấu tranh đòi tiến tới một cuộc hội nghị bàn tròn gồm tất cả các thành phần, các giới dân chúng, trong nước cũng như ngoài nước, phe cầm quyền cũng như phe đối lập, để cùng nhau tìm một con đường chung đưa đất nước hòa bình tiến triển thành một quốc gia dân chủ đích thực.

Đấy, cuộc vận động dân chủ của nhân dân ta có nội dung cụ thể, rõ ràng, minh bạch như thế. Đó không phải là ý muốn chủ quan của một ai cả, mà đó là nguyện vọng chung của đông đảo dân chúng do chính những người trong nước đưa ra. Với nội dung đó, phe cầm quyền không thể nào buộc tội những người dân chủ đang vổ vũ cho việc đấu tranh để thực hiện những đòi hỏi trên là có âm mưu lật đổ được, vì tất cả những nguyện vọng thiết tha trên đây đều mang rõ tính chất xây dựng, hợp hiến, hợp pháp, hòa bình, bất bạo động. Với những mục tiêu như thế chắc chắn cuộc vận động dân chủ sẽ có sức cuốn hút toàn dân mạnh mẽ và được sự ủng hộ của dư luận quốc tế.

Nuôi dưỡng cái tâm cảm thông

Như đã nói, sự nghiệp dân chủ là sự nghiệp của dân chúng. Ý chí của dân là quyết định. Nếu người dân an phận làm kẻ nô lệ thì muôn đời họ vẫn là nô lệ, trái lại nếu người dân muốn vươn lên làm người tự do thì họ sẽ được làm người tự do và chính họ sẽ tự mình xây dựng nên chế độ dân chủ theo ý của họ.

Nhưng có ý chí vẫn chưa đủ, còn cần có sự hợp quần, cố kết của dân chúng, cần có sự đồng tâm nhất trí của toàn dân nữa. Khốn thay, về mặt này dân ta còn khá nhiều nhược điểm. Do chính sách đấu tranh giai cấp, kỳ thị giai cấp của đảng cộng sản, do cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn kéo dài trong nhiều thập niên, nên trong dân ta còn nhiều hận thù, chia rẽ, mâu thuẫn nặng nề, đặc biệt là giữa miền Bắc - miền Nam, giữa những người gọi là "quốc gia" và những người "cộng sản"... Cố nhiên, xóa nhòa những hận thù, chia rẽ, mâu thuẫn đó không thể nhanh chóng, nhưng nếu ai cũng vì đại nghĩa, vì sự nghiệp cao cả của dân tộc, ai cũng biết dẹp cái riêng, cái cá nhân nhỏ bé của mình để đặt cái chung, đặt quốc gia, dân tộc, đặt đại cuộc lên trên hết, thì những trở ngại trên không phải là không giải quyết được.

Xin mỗi người hãy để những giờ phút tĩnh lặng, lắng lòng suy niệm để hiểu thấu nỗi khổ đau, nhục nhằn của toàn thể đồng bào ta dưới chế độ độc tài đảng trị. Người dân miền Bắc thì cố hiểu rõ nỗi đau xót, tủi hận, mất mát lớn lao của dân chúng miền Nam sau ngày 30 tháng 4 năm 1975. Người dân miền Nam thì, trái lại, cố hiểu rõ nỗi đau xót, mất mát to lớn, cái thân phận "bung xung" khổ nhục của dân chúng miền Bắc từ sau năm 1954. Còn người ngoài đảng, cũng cố hiểu rõ là số đông những người cộng sản cũng chịu nhiều đau khổ dưới sự thống trị của một tập đoàn thiểu số trong đảng. Tất cả đều là nạn nhân đáng thương của chế độ độc tài đảng trị. Hiểu được như thế thì dân ta dễ gần nhau hơn. Xin hãy vứt bỏ cái quan điểm giai cấp bệnh hoạn, cái ý thức hệ Marx-Lenin nguy hại! Xin hãy dập tắt ngọn lửa hận thù giữa những người con cùng một mẹ! Hãy dựa vào thông điệp tuyệt vời của tổ tiên ta đã truyền lại cho các thế hệ dân ta về tình huynh đệ qua huyền thoại Mẹ Âu Cơ sinh ra một trăm con trong cùng một bọc, hãy dựa vào những giá trị chung mà từ xưa đến nay

loài người đều lấy làm mẫu mực là lòng nhân ái, lòng từ bi, để quán tưởng nỗi đau xót, tủi nhục, mất mát của mỗi người dân nước ta — vốn là anh em ruột thịt — trong cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn ác liệt. Hãy cảm thông người binh sĩ miền Bắc, cũng như người binh sĩ miền Nam, khi hai anh em xông vào đánh nhau, dù khác chiến tuyến, nhưng mỗi người đều cùng mang trong lòng ý thức xả thân vì nghĩa vụ bảo vệ cho gia đình, cho đất nước thân yêu của họ. Đây mới thật là đại bi kịch, đại bất hạnh của cả dân tộc! Hãy cảm thông cho cả hai bên, vì trong số các binh sĩ đó có ai ngờ rằng mình đã chiến đấu cho quyền lợi của những lực lượng quốc tế đối nghịch về ý thức hệ.

Suy tưởng như thế, mỗi người sẽ cảm thấy lòng bao dung mở rộng, càng thấy thương yêu người đồng bào, đồng loại của mình và dễ dàng hòa giải hòa hợp dân tộc để cùng bắt tay nhau vì sự nghiệp chung: xây dựng một nước Việt Nam độc lập, dân chủ, tự do, văn minh và giàu mạnh.

Thời gian không chờ đợi

Chẳng còn mấy nỗi nữa, năm 2000 đến gõ cửa từng nhà. Mỗi người Việt Nam lòng tự hỏi lòng: ta phải làm gì đây cho Tổ quốc, cho công cuộc đấu tranh sinh tồn của nước nhà, của gia đình và bản thân?

Người Việt Nam trong và ngoài nước thiết tha với sự nghiệp dân chủ hóa đất nước hãy chung sức chung lòng tìm cách giải bài toán quốc gia trên tinh thần đồng thuận! Không thể chậm được nữa! Thời gian không chờ đợi chúng ta!

16.5.1999

1. Tục ngữ Việt Nam - người ta là hoa đất.

2. Người dân chỉ được đảng cho xơi đến bội thực "bánh vẽ" về "quyền làm chủ tập thể."

3. Báo chí trong nước cho biết, đầu năm 1999, nhiều vùng trong nước có đến 2,3 triệu người bị đói, trong số đó có 1,3 triệu người đói nặng.

4. Người viết mượn mấy chữ này ở đầu đề bài thơ Mẹ Đâu Ngờ của Bùi Minh Quốc, để nói lên tâm trạng của người dân đã hy sinh tất cả vì cách mạng, đến khi cách mạng thắng lợi thì thấy những kẻ gọi là "cách mạng" đã ngồi chễm chệ trên đầu trên cổ mình.

5. Ở ngoài nước, đã có rất nhiều kiến nghị của hàng trăm người, có cả những dự án, cương lĩnh nghiêm túc của nhiều tổ chức, nhưng ở đây chúng tôi xin phép chỉ nói đến những kiến nghị của người trong nước vì chúng tôi nhận thức rằng cuộc đấu tranh để dân chủ hóa đất nước do người dân trong nước đóng vai trò quyết định. Có một số người Việt Nam ở ngoài nước thích phê bình những kiến nghị của người này người kia ở trong nước là chưa dân chủ triệt để, hay thậm chí có ý đồ bảo vệ đảng cầm quyền, v.v... nhưng, như chúng tôi đã phát biểu nhiều lần, trong hoàn cảnh khắc nghiệt của chế độ độc tài hiện nay mà những người trong nước đã dám kiến nghị những điều như thế thì thật là rất can đảm và ta cần quý trọng tấm lòng vì nước, vì dân của họ.●

MuaSáchNào? **www.tuluc.com**

Nhà Sách Tự Lực
Trung Tâm Sách Báo, CD Ca Nhạc, Video

trên Internet
e-mail: buybooks@tuluc.com

Tiệm sách Việt Nam đầu tiên bán trên Internet. Hơn 6,000 văn hóa phẩm chọn lọc. Áp dụng kỹ thuật tối tân nhất, dễ xử dụng, an toàn, cẩm mật. Bảo đảm không thất lạc.
Điện thoại: (714)531-5290. Địa Chỉ: 14318 Brookhurst St., Garden Grove, CA

NGƯỜI VẼ NÚI

KHUYẾT DANH THỊ NGH.

Để nhớ Vị Ý

Trời tối lúc nào không hay. Nguyễn Nhân Trực thắp ngọn bạch lạp lên thư án, thư phòng chan hòa ánh sáng vàng ấm. Tiếng chân người ở ngoài sân bước lên thềm nhà, Nhân Trực đẩy nhẹ cánh cửa và nhận ra Nguyễn Như Thuyết. Hai người vái chào nhau. Vừa bước chân vào nhà Như Thuyết vừa nói:

"Hình như anh sắp đi đâu xa?"

"Tôi định sớm mai, trước khi về quê sẽ tới cáo biệt anh. Chuyến đi không còn là ngao du sơn thủy nữa. Tôi thấy đất Đông Đô khó yên được, trong khi mình không phải là kẻ biết dùng kiếm."

Hai người tới ngồi nơi thư án, đối diện với nhau. Nhân Trực lấy be rượu rót đầy hai chén nâng lên mời:

"Mời anh, tiễn đưa lọ phải trường đình..."

Nhân Trực cười thành tiếng bưng chén uống cạn, Như Thuyết lấy ra trong tay áo cuộn giấy nhỏ:

"Tôi mới soạn xong tờ biểu để sớm mai vào triều dâng vua. Anh thấy đó, việc dời đô chẳng qua chỉ là một bước nữa của Hồ Quý Ly trong mưu đồ chiếm ngôi nhà Trần. Quý Ly làm việc quấy mà mình lại ngồi yên sao? Tôi mang bản thảo tới nhờ anh đọc và chỉ giáo thêm cho."

Giọng Như Thuyết trầm hùng mạch lạc và chứa chan tâm huyết. Nhân Trực đưa hai tay đỡ lấy bản thảo rồi từ từ mở ra đọc, từ chăm chú tới gật gù vẻ tán thưởng, rồi như bị mạch văn của tờ biểu cuốn hút, Nhân Trực đọc thành tiếng:

" ... Nay đất Long Đỗ có núi Tản Viên, có sông Lô Nhĩ, núi cao, sông sâu, đất bằng phẳng rộng rãi. Từ xưa các bậc đế vương mở nền dựng nước, không đời nào không lấy đất ấy làm nơi sâu gốc, bền rễ. Hãy nên noi theo việc trước: khi ấy quân Nguyên bị giết, giặc

Chiêm phải chặt đầu... Xin nghĩ lại điều đó để làm vững vàng cho nhà nước. An Tôn đất đai chật hẹp, hẻo lánh ở nơi đầu non cuối nước, hợp với loạn mà không hợp với trị. Cho dù dựa vào thế hiểm trở thì đời xưa đã có câu: cốt ở đức chứ không cốt ở hiểm..."

Đọc một hơi không nghỉ, Nhân Trực cuốn tờ biểu lại để trên thư án. Nhân Trực nói:

"Ý và văn anh toát ra từ đáy lòng. Thực tôi không có gì để góp thêm. Nhưng tôi hỏi anh: việc xây kinh đô mới, Quý Ly đã bảo các quan: ý ta đã định từ trước các ngươi còn nói gì nữa? Anh dâng biểu phỏng có ích gì? Chưa chừng cái vai anh nó sung sướng không còn phải mang trên mình cái cổ cứng và cái đầu nặng."

Nguyễn Như Thuyết mỉm cười, dốc cạn chén rượu, thở khà giọng bi phẫn:

"Tôi có tiếc gì cái đầu của mình. Khốn nỗi tôi chỉ có cây bút trên tay, giấy trắng trước mặt và cương vị một viên Khu Mật chủ sự nhỏ nhoi nơi triều chính. Dù sao tôi cũng phải dâng biểu này. Tôi tin: Hồ Quý Ly biết rõ nó dối trá, bụng nó không yên đâu. Khi biết có những người cứng cỏi, đứng ở phía lẽ phải, nếu nó không quay lại với chính đạo thì ít ra nó cũng bớt đi không dám phạm vào những tội ác tầy đình. Không lẽ cha con họ Hồ không có lấy một chút lý tính, nếu chưa nói đến lương tâm của mỗi con người?"

Nhuyễn Nhân Trực ngẩng đầu nhìn lên mái nhà rồi nhìn vào búp lửa đỏ trên cây bạch lạp:

"Lúc tôi vẽ bộ tranh Tứ Phụ với sự giúp sức của nhóm thợ vẽ Đông Đô theo lời Thượng Hoàng để ban cho Quý Ly anh đã chẳng không ngừng cổ vũ tôi hãy hết lòng về một việc đáng làm: nhắc nhở và làm sáng tỏ gương người xưa với hy vọng cảm hóa được Quý Ly. Nào Chu Công giúp Thành Vương, nào Hoắc Quang giúp Chiêu Đế, Gia Cát giúp Thục Hậu Chúa, Tô Hiến Thành giúp Lý Cao Tông. Những gương sáng đó, những lời thầy Khổng dạy đâu phải Quý Ly không biết. Có khi còn sâu rộng hơn chúng ta. Hãy coi Quý Ly soạn sách Minh Đạo quốc ngữ để dạy quan gia, làm sách Quốc Ngữ Thi Nghĩa, giải thích Kinh Thi với ý riêng... Như vậy thì không thể bảo Quý Ly không có học hay thiếu thông minh. Xa gì, tấm gương Chu Văn An của Trần triều này còn đó. Kết quả như thế nào? Quý Ly có thay đổi gì không?"

Như Thuyết nhìn thẳng vào mắt Nhân Trực:

"Vậy anh bảo tôi phải làm gì?"

"Tôi chỉ là một anh thợ vẽ, xin anh hiểu cho."

Ngoài trời đêm tối đã sâu. Tiếng con thạch sùng trong thinh lặng. Nhân Trực đứng lên tới chỗ bàn cao cầm chiếc hộp sơn đen tới trước mặt Như Thuyết rồi mở ra. Như Thuyết thấy một thanh gươm cổ để trong bao chạm trổ tinh vi, sắc sảo, cán nạm vàng rực rỡ:

"Đây là một trong những gia bảo vô giá của họ Nguyễn Nhân mà tôi còn giữ được. Thanh gươm đã theo chân Đức Thánh Trần diệt Nguyên Mông vào những năm đầu nhà Trần mới dựng nghiệp. Thân phụ tôi lúc còn sống kể lại: sau khi thắng quân Nguyên, cụ tổ tôi được vua xét công trạng muốn cho làm quan. Nhưng mấy đời ông cha chỉ biết cày sâu cuốc bẫm, cụ chỉ là nông dân, ít học, chân chất cụ chỉ xin được về quê cầy ruộng. Vua rất trọng và khen: không ham vinh hoa phú quý, chọn sống với sở trường của mình. Chỉ làm việc mình biết. Không muốn làm ông quan ngu dốt để gây khổ cho dân. Vua ban thưởng rất hậu. Trong những tặng phẩm vua ban có thanh gươm của Đức Thánh Trần với lời dạy: Con dân Đại Việt ta đánh giặc cứu nước là vì nghĩa, không vì lợi. Hãy cố gắng cày ruộng nuôi con, người nào giỏi đường nào thì theo đường ấy, lúc trưởng thành triều đình sẽ trọng dụng. Ta những mong con cháu nhà ngươi sau này có kẻ cầm được bút, có kẻ cầm được gươm. Cụ tổ vẫn nhớ đinh ninh lời vua dạy, các con cháu cũng ra sức học hành nhưng không ai thành đạt về khoa bảng cũng như về võ nghệ. Đã mấy đời rồi mà không có người biết dùng gươm giỏi. Đến đời tôi, có được đi học, đã liều chõng vào trường thi nhưng vốn quen ngao du với những tay tài tử nên cũng xa đường khoa hoạn. Mỗi khi gặp được cảnh đẹp thì không rời chân, khi đã thấy hoa đẹp thì không rời mắt, uống được rượu ngon không chịu bỏ chén, khi gặp bạn hiền không thể đứng lên mà xa được... Sống đời thanh bình, thanh gươm báu trở thành gươm thờ và như nó được sống đời như mơ ước của cụ tổ: mong cho làng xóm yên vui, đất nước vẹn toàn tự chủ, không có giặc giã để gươm chẳng bao giờ phải rời khỏi vỏ, và biết đâu, tới một lúc nào đó người ta cũng không còn biết đến công dụng của nó mà mang ra dóc mía, chẻ củi... Bây giờ nghĩ lại: sao mình lại không học đánh gươm cho giỏi mà lại quá công kỷ với cây bút vẽ trên tay. Nhưng trễ quá rồi. Sung sướng

thay cho những ai sinh ra và lớn lên vào buổi thái bình. Tài không đi được với trí, tôi biết mình chỉ còn có đường lui về nơi thôn ổ mà đi hết con đường mình đã chọn, vui với cái cày, trò chuyện với núi non cây cỏ... Thời loạn người ta còn đâu được hạnh phúc mà ngắm nhìn một bức tranh, lắng nghe nghe tiếng sáo diều mà thả hồn vào cõi vô biên... Phải thế không anh?"

Giọng Nhân Trực ngậm ngùi, trầm uất. Búp lửa trên ngọn bạch lạp đứng im thẳng như lắng nghe. Nhữ Thuyết đưa mắt nhìn chung quanh: vài tấm tranh đã được gỡ khỏi vách nhưng số họa phẩm còn lại đủ cho bức vách kín đặc. Đa phần Nhân Trực vẽ núi, xen vào đó là những bức thủy mạc có khi chỉ phất phơ vài lá trúc, vài tàu lá chuối, một ngọn cỏ lau. Cũng có ít cụm lan rừng, sen tàn trên hồ thu. Trong tranh Nhân Trực những mảng sáng nhất cũng chỉ là những màu nhẹ. Sao không có những cánh bướm ngũ sắc? sao vắng bóng những đóa hải đường, hoa lựu, hay thược dược chói đỏ? Có chăng chỉ có mặt nước long lanh sáng. Ai đã từng xuôi ngược đường dài có thể nhận ra núi Mã Yên vùng Lạng Sơn, núi Non Nước của cố đô Hoa Lư, rồi Ngũ Lĩnh, Tản Viên, Tam Đảo... Thưởng ngoạn tranh của Nhân Trực là để ngắm núi, chỉ có núi, khe suối, những vùng ao hồ, người ta không thấy biển cả... Núi với bao dáng vẻ khác nhau, với những thời gian khác nhau, núi trong sương, núi buổi sớm mai, núi lúc mặt trời đang ngã bóng... Nhữ Thuyết tự hỏi: trong những ngọn núi kia phải chăng có cả những ngọn Hồng Lĩnh, Ngũ Liệt... mà nhiều người chỉ nghe nói đến chưa bao giờ được nhìn tận mắt, trèo tận ngọn? Hình như cả một quãng đời đã qua, với tuổi trẻ của mình, Nhân Trực đã dành để đi, để thở với núi non trên khắp đất nước cẩm tú. Sau đó ẩn mình nơi họa thất yên tĩnh mà làm cho nó thật hơn, đơn giản nhất nhưng cũng đầy tâm sự. Có lần Nhữ Thuyết hỏi: nhiều non mà sao lại ít nước? Nhân Trực cười: có phải vì tôi chỉ nhìn lên chăng? Núi lúc nào cũng lầm lì, hùng vĩ, kín tiếng, mạnh mẽ đến bạo liệt... Trong khi biển cả thì bao la, thoạt nhìn như hiền hòa nhưng thực là hung hãn, những lớp sóng ngầm lúc nào cũng cuồn cuộn dưới đáy sâu thẳm... Coi lại suốt lượt những tranh còn treo trên vách, khi trở lại thư án, Nhữ Thuyết nói:

"Anh về quê chắc núi rừng ở đó vui mừng lắm. Còn ở đây, giữa chốn đô hội tôi không còn bạn thiết, mất đi một hạnh phúc thỉnh thoảng được đứng trước những bức tranh còn chưa khô nét mực..."

Giọng tràn đầy tâm sự, Nhân Trực thấy nôn nao khó nói thành lời: đâu phải dễ có tri kỷ trong một đời người. Nhân Trực cầm lấy tay Nhữ Thuyết:

"Có lẽ anh cũng nên sửa soạn để một lúc nào đó trở về nhà. Kẻ cầm quyền xưa cũng như nay bao giờ cũng chỉ dùng người biết nghe lời và trung thành. Còn với những người khác thì hoặc chặt đầu, hoặc đẩy đi xa cho khuất mắt... Cái chức Khu Mật Chủ Sự của anh đâu phải không thể thay thế. Ngay cả vào những thời minh quân trị vì đâu phải kẻ sỹ yêu nước nào cũng được trọng dụng?"

Mãi khuya hai người mới chia tay nhau. Nhữ Thuyết hiểu rằng có thể chẳng bao giờ còn gặp lại Nhân Trực.

Trời chưa sáng rõ mặt người Nhân Trực đã trở dậy lòng bồi hồi nghĩ tới lúc phải xa Đông Đô, nơi mình đã sống với những ngày tháng khó quên. Nhân Trực cho người nhà mang hành lý lên đường đi trước còn mình lặng lẽ đi thăm một vài người thân quen, sự thăm viếng thực ra chỉ là cái cớ để cho Nhân Trực được thơ thẩn trên những con đường từng đi lại nhiều lần, nhìn những hàng cây những mái nhà thân quen. Từ thời nhà Lý dời đô ra Thăng Long, trước đó nữa khi hình thành một nước Đại Việt, Thăng Long đã là nơi tụ hội những tinh hoa, những nối kết giao thương của cả vùng châu thổ. Bao con người đã bước ra khỏi lũy tre xanh, vượt đường xa chọn nơi này để sống, để thi thố tài năng, để làm cho Đông Đô một nơi khác hẳn những vùng khác, nhưng ở đó có cả những gì đặc trưng của cả một đất nước... Trở về nơi thôn ổ, xa khuất kinh đô, đó chỉ là lựa chọn không thể nào khác của một tình thế, một cảnh huống. Ở nơi núi đồi hẻo lánh đâu còn có thể gặp gỡ với những tay tài tử tứ xứ? Đâu còn dịp để dự những buổi bình văn? Còn đâu cơ hội bè bạn đàm đạo về những áng văn thơ vừa xuất hiện? Nhưng chẳng thể khác, cuối ngày Nhân Trực xuống thuyền xuôi về nam bắt đầu những ngày mới của cuộc sống...

*

Chiều đang xuống nhanh, một người khách bước vào sân. Nhân Trực ra hiên cất tiếng chào. Người khách lạ bước tới nói:

"Tôi ghé lại để báo cho ông biết: ngày mai

không nên vào núi. Có vua đi săn."

"Lệnh quan cấm vào núi?"

"Phải, sớm mai vua quan đi săn ở thung lũng Đại Liệt, phía nam Ngàn Hống, hành cung đã hạ ở dưới phủ ly."

Nhân Trực mời khách vào nhà:

"Ông ở đây mà sao tôi không được gặp bao giờ?"

Người khách cười thành tiếng:

"Ông cả ngày ở trong núi còn thấy ai nữa. Nhưng tôi thấy ông. Nhà tôi ở dưới gần Chợ Suối vẫn thường vào núi lấy củi, hái rau. Nhưng sao ông lại bỏ Đông Đô sầm uất đông vui mà về nơi hẻo lánh buồn tẻ thế này?"

Nhân Trực mỉm cười không biết phải trả lời sao với người cùng quê đầy vẻ chất phác. Người khách như không hề chờ đợi câu trả lời:

"Quê mình xa kinh đô, đất đai khô cằn chỉ toàn núi với rừng, người nào đã đi thường thường mất tăm. Kẻ làm quan, người đi buôn khi nào giàu có, có chức vị mới về thăm quê. Sự trở về như một giải thích lý do ra đi chứ không bao giờ về để sống lại với mảnh đất xưa... Thế mà ông thì bỏ kinh đô mà về đây sống là thế nào?"

Người khách nói một cách lơ đãng khi tỏ vẻ lạ với khung cảnh nơi nhà Nhân Trực, căn nhà không rộng chỉ có tranh và sách. Ngồi xuống trường kỷ, người khách nói:

"Ông vẽ những bức tranh này?"

"Dạ phải."

Người khách vừa ngồi xuống đã đứng ngay lên tới gần những bức tranh ngắm nghía đầy thích thú ngạc nhiên, có lúc lấy ngón tay trỏ chạm nhẹ vào mặt tranh một cách cẩn trọng. Tới gần tấm tranh lớn treo giữa vách, người khách lúc tới gần, lúc lùi xa như cố gắng để được nhìn cho hết bức tranh:

"Tôi thấy rõ: ông vẽ núi Ngàn Hống đây mà. Khéo quá. Cầm kỳ thi họa đâu phải ai cũng có được."

Nhân Trực mời khách ngồi rồi rót trà mời. Người khách nhìn chủ nhân nói:

"Ông làm quan tới đâu rồi?"

Nhân Trực mỉm cười:

"Tôi không có làm quan."

"Không làm quan? Có chữ lại sống ở kinh đô mà không làm quan thì lấy gì để ăn mà vẽ tranh?"

Nhân Trực cười thành tiếng sảng khoái trước những suy nghĩ đơn giản của khách. Nhân Trực nói:

"Tôi sống bằng nghề vẽ tranh."

Người khách im lặng một lúc rồi gật gù như vừa hiểu ra:

"Vẽ giỏi cũng được làm quan chứ đâu không?"

"Làm gì có quan vẽ?"

"Tôi thấy vua muốn cho ai làm quan chẳng được, còn có cả hoạn quan đấy thôi. Thế thì ông chưa biết đấy, tôi mới nghe chiếu vua ở vùng tôi triệu những người biết vẽ vào triều, giỏi sẽ được phong quan tước. Nghe đâu vua đang tìm người vẽ chân dung Thái Thượng Hoàng để sau này thờ trong Thái miếu. Khắp thiên hạ thợ vẽ đang kéo về kinh đô trổ tài. Sao ông lại không đi? Nhất nghệ tinh nhất thân vinh. Tài vẽ như ông phải làm quan to."

Nhân Trực cười lớn:

"Nhưng tôi chỉ biết vẽ núi thôi, không biết vẽ người."

"Vẽ cảnh để treo ở cung vua, nơi nhà quan, nghề này ở kinh đô ăn được. Ở nơi thôn ổ vẽ

ĐÀO PHÚ CƯỜNG

CHÙA XƯA VÀ MẸ

Nhớ xưa theo mẹ lên chùa
Cây đa chùa cũ bây giờ còn thương
Đã đi trăm vạn nẻo đường
Vẫn bâng khuâng tưởng nét thường chùa xưa:
Mấy trăm năm trải nắng mưa
Mái xanh rêu phủ, sân thưa bóng người.

Mẹ dâng Phật đóa sen tươi
Sáng mùa xuân ấy năm mươi năm rồi
Chùa xưa và mẹ đâu rồi?
Thinh không lãng đãng mây trời phiêu du...

Xuân 1999

để chơi thì được. Nhà tranh vách đất thấp bé làm gì có chỗ để treo tranh. Chung quanh, xa gần toàn những núi non, cỏ cây, hoa lá, sông hồ, chim bay bướm lượn... cứ dừng chân lại trước mắt đã là một bức tranh sinh động - khách quay lại nhìn bức tranh vẽ núi - khéo thật, đúng là núi ở Ngàn Hống, nhưng chỉ là xác núi thôi. Tôi đã từng thấy Ngàn Hống như thế này, nhưng tôi còn thấy những Ngàn Hống khác. Núi trong mưa khác núi buổi hoàng hôn. Núi trong mây khác núi khi chiều xuống với mặt trời đỏ nơi chân trời... Cảnh vật biến đổi từng khoảng khắc. Tranh này dành cho những người không được thấy núi, không được sống gần núi, không có lúc nào ngẩng mặt lên và chỉ có thể mơ tưởng, nghĩ tới núi... Tôi nói thế có phải không?"

Uống cạn chén nước, người khách đứng lên:

"Tôi còn thấy trong tranh ông có nhiều màu lạ. Những màu này ông lấy ở đâu ra?"

Nhân Trực ngạc nhiên thích thú:

"Màu của lá cây, của rễ cây, những củ dại trong rừng biết bao nhiêu mà kể. Trời đất cho ta tất cả, thứ gì cũng có, chỉ có điều là chúng ta có biết dùng nó hay không."

"Thật là tuyệt, tiếc là chưa có dịp trò chuyện với ông. Nhà xa, trời tối, tôi xin kiếu để khi khác."

Khách bước ra khỏi nhà, tới giữa sân, trời còn ửng đỏ ở phía sau. Người khách cao giọng đọc:

"Xuất môn kiến Nam Sơn
Dẫn lĩnh ý vô hạn
Tú sắc nan vi hành
...
Bài thơ ấy của Lý Bạch chắc ông biết?"

Nhân Trực giật mình nhìn người khách.

"Từ hồi nhỏ tôi đã từng nghe ông nội tôi ngâm nhiều bài thơ Đường và giảng cho tôi nghe, nhờ thế nay còn nhớ lõm bõm..."

Người khách cười lớn:

"Ông nhớ nhá, ngày mai chớ vào trong núi. Cha con họ Hồ đã chẳng lo gì cho dân mà còn làm khổ dân với trò vui chơi săn bắn. Thực chẳng thể hiểu được - khách ngừng lại một chút - Bao giờ ông trở lại Đông Đô?"

Người khách vừa nói vừa bước đi. Nhân Trực thấy tất cả những câu hỏi của khách như không bao giờ chờ đợi câu trả lời. Câu hỏi chỉ để cho người nghe, không phải cho người hỏi. Hỏi mà như không hỏi gì cả. Nhân Trực tiễn khách ra tới tận cổng, trong chốc lát bóng người khách đã lẩn vào trong bóng chiều... Nhân Trực trở vào nhà và nhớ tới bao nhiêu sự việc đã xảy ra từ ngày rời Đông Đô. Bao nhiêu người đã phải chết trên con đường ngăn cản cha con họ Hồ tiếm ngôi? Nguyễn Nhữ Thuyết đã bị bãi chức, trấn Thanh Hoa đã trở thành Thanh Đô, Quý Ly đã bức vua Thuận Tông phải xuất gia thờ Đạo giáo và tới sống ở Đạm Thủy. Quý Ly ra lệnh cho Nguyễn Cẩn: vua không chết thì ngươi phải chết. Vua bị đổ thuốc độc, bị bỏ đói rồi bị thắt cổ cho tới chết. Thái tử Án, cháu ngoại của Quý Ly được đưa lên ngôi lúc mới ba tuổi. Tháng ba năm Canh Thìn, Quý Ly truất bỏ cháu ngoại tự lên ngôi vua, đặt tên nước là Đại Ngu. Một năm sau, theo gương các vua nhà Trần truyền ngôi cho con thứ là Hán Thương và mình thì giữ vai Thái Thượng Hoàng nắm giữ quyền bính...

Những sự việc ngổn ngang xô đuổi nhau trong trí nhớ Nhân Trực. Đã qua một triều đại, thêm một triều đại nữa bắt đầu, nhưng nhà Hồ làm sao có thể tồn tại lâu dài? Vua quan nhà Hồ sẽ tới đây săn bắn vào ngày mai, nghĩ tới cảnh lính tráng tiền hô hậu ủng giáo mác nghênh ngang, ngựa và chó săn náo động cả một vùng núi non yên tĩnh làm Nhân Trực bực bội trong lòng.

Qua một đêm khó ngủ sớm hôm sau Nhân Trực rời nhà đi ngược lên phía bắc Ngàn Hống, lánh xa vùng săn bắn.

Khi Nhân Trực trở về, dấu vết của cuộc săn bắn còn để lại trên những hàng cây bên đường, những bãi cỏ bị dẫm đạp, những mặt đường bị đào bới bởi vó ngựa và chân người. Ngay nơi cửa nhà Nhân Trực, hình như nhiều người đã tụ tập nơi đây. Thấy Nhân Trực về, người lão bộc nói:

"Đức vua đã vào nhà ta..."

Nhân Trực ngạc nhiên. Người lão bộc nói tiếp:

"Khi đi săn về, nhà vua ghé lại đây nghỉ chân, nhà vua vào nhà thấy nhiều sách vở, trên vách treo đầy tranh thì hỏi về chủ nhân. Chúng con nói ông đi vắng. Xem chừng nhà vua rất thích tranh ông vẽ nên sau đó lấy đi tấm tranh lớn trong nhà. Vị quan theo hầu nói với con: đáng lẽ phải có sự đồng ý của ông, nhưng ông đi vắng, vua sẽ phái quan triều đình tới để ban thưởng và triệu ông vào kinh... chúng con ở nhà không biết phải làm sao..."

Nhân Trực nói vài lời cho lão bộc và người nhà yên tâm rồi bảo lui... Nhân Trực buồn bực nhìn lên khoảng trống trên vách, nơi bức tranh

lớn vẽ núi đã bị lấy đi. Triệu vào kinh, nghĩ tới điều đó làm Nhân Trực lo âu.

Vừa tờ mờ sáng hôm sau Nhân Trực đã nghe thấy tiếng người ngựa vang lên trước cửa nhà. Lúc sau người lão bộc vào thưa:

"Có quan cung phụng của triều đình là Định Công tới."

Nhân Trực sai mở cửa đón nào nhà. Nhân Trực ngồi im lặng lúc lâu rồi mới xuống nhà thay áo. đội khăn bước ra. Viên quan nhà Hồ thấy chủ nhân vội vái chào:

"Tôi phụng mệnh vua tới đây trước hết là có chút lễ mọn, sau là đón tiên sinh vào triều, xe đã sẵn, Đức Vua đang trông đợi tiên sinh."

Nhân Trực vái chào rồi mời Định Công ngồi:

"Đa tạ Định Công đường xá xa xôi mà tới đây. Kẻ áo vải nơi hẻm núi này thực không dám nhận lễ vật của triều đình. Nhờ Định Công về tâu lại với triều đình: kẻ hèn này đâu có công trạng gì với triều đình để nhận ban thưởng. Tôi cũng không có tài gì để phò vua giúp nước. Đời sống nơi thôn ổ, rau muối đã quen, xin triều đình tha cho kẻ ở núi này."

Định Công lễ phép nói:

"Đức vua qua đây được thấy nét bút kỳ tài của tiên sinh thì lấy làm vui sướng. Bức tranh núi của tiên sinh là một tuyệt tác để dâng lên Thái Thượng Hoàng. Quả không sai. Thái Thượng Hoàng coi tranh tỏ ra rất mực ngưỡng mộ. Đức Vua mừng tỡ khi nhận ra tiên sinh còn là người đã góp tay vẽ bộ tranh Tứ Phụ năm xưa... Vì vậy Đức Vua triệu vào triều là muốn tiên sinh sẽ dốc lòng thực hiện một bức chân dung Thái Thượng Hoàng..."

Nhân Trực cúi người thưa:

"E rằng đức vua đã chọn sai người."

Định Công nói tiếp:

"Chẳng là từ ngày vâng lệnh vua cha lên ngôi báu, Đứa Vua đã cho gọi họa sĩ trong cả nước về kinh để vẽ chân dung Thái Thượng Hoàng, nhưng cho đến nay vẫn chưa chọn được bức náo vừa ý Thái Thượng Hoàng, trong khi vàng bạc đã đổ ra không biết bao nhiêu mà kể. Đức Vua rất buồn lòng. Sau khi được thấy nét bút của tiên sinh, Đức Vua bảo: chắc chỉ có tiên sinh là đủ tài để thực hiện điều đó. Vậy tiên sinh có thể làm thất vọng nỗi mong ước của Đức Vua được hay sao?"

Nhân Trực vái một vái rồi nói:

"Kẻ tiện dân đâu dám thế, nhưng..."

Nhân Trực ngừng lại bưng nước mời Định Công. Bao nhiêu ý nghĩ ngổn ngang trong tâm trí:

"Thưa với Định Công thế này: trên đời ai không mong có được cơ hội ngồi nơi triều chính. Nhất nữa lại được nhà vua để mắt mà vời tới. Nhưng với tôi, quả điều này quá đường đột. Tôi xin thượng quan trở lại triều thưa giúp tôi: cho tôi ít ngày để thu xếp việc nhà rồi sẽ tới nơi cửa khuyết mà nghe lệnh."

Sau bao nhiêu khẩn khoản, nhắc lại lệnh vua của Định Công, Nhân Trực vẫn nhất mực không chịu lên xe về triều. Định Công thấy ý của Nhân Trực cũng có điều đúng, ép cũng không được nên đành đưa quân lính trở về. Dọc đường, ngang qua phủ Nga Lạc, viên phủ quan Vũ Đắc Nhất thấy không có Nguyễn Nhân Trực thì ngạc nhiên hỏi:

"Nguyễn Nhân Trực đâu?"

Định Công kể lại mọi sự việc. Vũ Đắc Nhất nói:

"Không xong rồi, nếu Nguyễn Nhân Trực trốn đi thì sao?"

"Vậy phải làm thế nào?"

"Ông còn nhớ: Nhân Trực bỏ Đông Đô về đây hẳn là có ý không phục đương triều, trước kia ông ta đã từng vẽ bộ tranh Tứ Phụ, có phải là để dạy Thái Thượng Hoàng ngày nay phải trung thành với nhà Trần không? Một người đã lựa chọn như vậy làm sao có thể tới nơi cửa khuyết mà nghe lệnh?"

"Đức Vua giao cho chúng ta đi triệu hiền tài chứ đâu có bảo đi bắt ông ta?"

"Đúng, nhưng nếu Nguyễn Nhân Trực không đến, hoặc trốn đi, chúng ta có phải chịu trách nhiệm không? Cái chức quan phủ của tôi liệu có còn không? Ngay tối nay ta cho quân lính tới ép hẳn lên xe, nếu chống cự thì cho quân trói lại đưa về kinh, thế là xong. Chống lại lệnh vua mà không bị bắt hay sao?"

Định Công không tán thành, ông nói:

"Để tôi về tâu vua đã."

Trở lại hành cung, quan cung phụng của triều đình tâu với Hán Thương về việc Nguyễn Nhân Trực. Hán Thương nói:

"Hãy đợi ít ngày, nếu ông ấy chưa đến thì ta sẽ đi triệu một lần nữa cũng chưa muộn."

Sau lần Hán Thương dâng bức tranh, một hôm Quý Ly nói với Hán Thương:

"Núi rừng của đất Ngàn Hống đó. Đất nước ta đẹp như thế mà có mấy ai ghi được trên giấy, gửi vào trong thơ văn để cho mọi người nức lòng về những gì chúng ta có mà giữ gìn..."

Cha con họ Hồ đứng trước bức tranh cùng

nhau trao đổi, người nói thế này, người nói thế khác, người thích chỗ này, người thích chỗ khác với bao nhiêu chi tiết, những mảng màu... Bức tranh với nét bút mạnh mẽ khác thường, màu sắc biến ảo linh động. Nhìn vào tranh Quý Ly như thấy hiện ra cả một vùng rừng núi trùng điệp của vùng Thanh Đô hiểm trở. Đã từng được coi những tranh của Phương Bắc, với cả một lịch sử lâu đài và rực rỡ của hội họa Hán Tộc, nhưng cùng với đề tài rừng núi thì những bức họa ấy không thể so được với bức tranh vẽ núi của người nước Nam. Nước Nam đâu có thiếu những tay cự phách. Với bức tranh của Nhân Trực, thoáng nhìn nét vẽ trong tranh được thực hiện như đơn giản, đại thể, như nét phóng của một tay thư pháp, nhưng khi nhìn kỹ thấy không thiếu những chi tiết tinh tế, chuẩn xác. Độ đậm nhạt tưởng như không có, nhưng chính ra đã chuyển hóa một cách cực kỳ nhuần nhuyễn. Không có màu nóng, độ đậm nhạt khác nhau của màu lục đi với màu đen và nâu đã làm cho khung cảnh trong tranh rộng và sâu thẳm... Có những bàn tay bắt được của trời thật sao? Nhưng vì lẽ gì kẻ ấy lại không chịu ở dưới trướng của ta? Tại ta tiếm ngôi của nhà Trần ư? Những câu hỏi đến với Hồ Quý Ly.

Xem tranh Nhân Trực rồi nghĩ tới những kẻ tự cho mình là họa sỹ đang có mặt nơi cung điện, Quý Ly thấy ngao ngán. Quý Ly nghĩ tới mấy bức chân dung trong bọn họ vẽ mình. Sao thế? Nét vẽ có thể lộ ra cả sự bợ đỡ su nịnh sao? Quý Ly thấy những bức chân dung ấy không phải là chân dung mình. Một kẻ khác nào đó có vài ba nét tương tự. Vì là Thái Thượng Hoàng nên mặt mày phải phương phi, cân quắc? Phải là mắt rồng, mũi lân... nghĩa là tất cả những gì người thường không có. Đó là chân dung của nhiều người góp lại. Những nét tự nhiên riêng biệt đều bị loại bỏ. Chư đủ, họ còn tạo ra chung quanh toàn những rồng phượng... Cây bút vẽ trên tay họ chỉ còn là sự mưu lợi, cũng giống như những kẻ cầm bút viết văn làm thơ, làm phú chỉ để ca tụng, tâng bốc kẻ thịnh thời, quyền thế.

Nghĩ tới Nhân Trực lui về nơi hẻm núi, sống đời ẩn dật, Quý Ly thấy buồn bực trong lòng nhưng lại thầm cảm phục. Sao một người như thế lại không trông thấy cái suy tàn của nhà Trần? Với thái ấp nông nô, nhà Trần ở cuối dòng chỉ còn là bất công, bóc lột, trì trệ. Như thế sao còn có thể vận dụng nhân dân nếu một khi phải đương đầu với giặc Bắc. Nhân Trực sao không thấy chính sách của ta trong đó con đường đau đớn phải vượt qua cho mai hậu có thể sống yên bình và ngẩng mặt lên.

Khi quan quân đã rút đi, bao nhiêu phân vân đến với Nhân Trực. Làm sao để không phải rời khỏi Ngàn Hống? Nhân Trực cũng không biết phải làm sao. Có điều chắc chắn rằng: bọn vua quan nhà Hồ sẽ không thể để cho mình yên thân. Với quyền sinh sát trong tay họ không cho phép ai chống lại, hoặc không tuân lệnh. Họ chưa mạnh tay chẳng qua họ tìm cách thuyết dụ để dùng. Vậy điều gì phải đến. Mình phải làm gì? Trốn đi? Nhưng trốn đi đâu? Không lẽ phải chọn cái chết? Điều mà có khi người ta phải chọn lựa... Buồn bực, Nhân Trực mang rượu ra uống. Sinh ư nghệ tử ư nghệ. Có phải người xưa đã bảo thế? Từ bộ tranh Tứ Phụ năm xưa... những bức tranh đã đưa đẩy theo một con đường không thể lường trước được, đó có phải là con đường của định mệnh? U minh mấy cõi? Ta sẽ chẳng bao giờ còn cầm tới bút vẽ? Sao lại thế? Không vẽ, đời sống của mình là gì?

Nhân Trực uống hết be rượu này sang be rượu khác, uống mãi cho tới say không còn đứng lên được. Cử bôi tiêu sầu, sầu cánh sầu. Truy đao đoạn thủy, thủy cánh lưu... Ta không muốn phải nhìn thấy mặt cha con họ Hồ. Ta không bao giờ cầm bút vẽ cha con nó để được sống... Nhân Trực la lên trong đêm vắng. Cố gắng vùng đứng lên, vô tình gạt tay lên mặt bàn, be rượu rơi xuống đất vỡ tan tành. Tiếng kêu của thân sành vang lên khô sắc. Nhân Trực quờ tay trên nền nhà, cầm được một mảnh vỡ trên tay, không nghĩ ngợi gì, Nhân Trực chọc vào đôi mắt mình rồi lịm đi...

Nghe tiếng vỡ, người lão bộc chạy lên thấy Nhân Trực nằm bất tỉnh trên nền nhà, máy chảy ràn rụa trên mặt thì kinh hãi... Mọi người đưa Nhân Trực lên giường, chạy đi gọi thầy thuốc về cứu chữa. Nhân Trực nằm im trên giường như thế hơn bảy ngày trời với cơn say.

Khi tỉnh dậy, Nhân Trực cố gắng đứng lên nhưng người như nhão ra không sao chống chân lên được, cố rướn mắt nhìn nhưng chỉ thấy một màu đen thăm thẳm. Nhân Trực cố gắng nhớ lại: những chén rượu đầy kế tiếp nhau không dứt, tiếng ai la trong đêm vang vọng, tiếng vỡ khô sắc, và rồi lịm dần đi... Ta đã mù. Không còn phải nhìn thấy một ai nữa...●

(Còn tiếp)

SỰ BIẾN ĐỔI KHÁI NIỆM "QUÂN TỬ - TIỂU NHÂN" TỪ THỜI TIÊN TẦN ĐẾN HẬU HÁN

PHẠM NGỌC KHÔI
(Montreal)

Trong Nam Phong tạp chí xuất bản thời tiền chiến, Phạm Quỳnh có lần viết bài so sánh những điểm tương đồng về "Quân tử" của Đông phương và "L'honnête homme" của Pháp. Theo ông thì mẫu người tốt lý tưởng của Đông Á và Pháp giống nhau từ căn bản: công minh chính trực, tôn trọng các giá trị luân lý... Khuynh hướng của Phạm Quỳnh là muốn dung hòa văn hóa Đông Tây, trái ngược với quan điểm của Kipling cho rằng Đông Tây không bao giờ gặp nhau.

Khái niệm về quân tử của Phạm Quỳnh là khái niệm Khổng giáo quen thuộc đối với chúng ta, vì Việt Nam chịu ảnh hưởng sâu đậm của văn hóa Trung Hoa. Tuy nhiên, điều chúng ta cần biết là ý nghĩa nguyên thủy của *quân tử* và *tiểu nhân* thời tiên Tần (trước Thế kỷ thứ ba trước Công Nguyên) không giống với quan điểm QUÂN TỬ - TIỂU NHÂN của Nho giáo. Điểm này quan trọng đối với những người nghiên cứu cổ văn Trung Hoa, vì nếu không phân biệt thì chắc chắn sẽ diễn giải sai lầm không nhiều thì ít.

Quân Tử 君子

Chữ *quân* nguyên thủy viết là hoặc , có nghĩa là vua hoặc lãnh tụ. Hình vẽ 𠂤 tượng trưng cho bàn tay cầm một vật thẳng (chẳng hạn như vương trượng) để chỉ huy, và 𠙵 là miệng để ra lệnh. Còn *tử* 子 nghĩa là con, nhưng cũng là một từ để gọi những người đáng tôn trọng (Cơ tử, Khổng tử, Trang tử...). Như vậy, *quân tử* không có nghĩa là "con vua" mà là để chỉ giới quân vương, hoặc giai cấp cai trị (ruling class, ruling elite). Ở đây có một sự trùng hợp lý thú giữa tiếng Trung Hoa và tiếng Do Thái cổ: trong tiếng Hebrew, *sons of prophets* không phải là "con các nhà tiên tri" mà có nghĩa là "giới tiên tri."

Trong thời nhà Chu (1142 - 247 trước Công Nguyên) chữ *quân* dần dần được dùng một cách rộng rãi, thành một từ để gọi người mà mình tôn kính (a title of respect) áp dụng cho cả phái nam và phái nữ. *Quân tử* vẫn còn mang nghĩa căn bản, nhưng bắt đầu có nhiều nghĩa mới. Chúng ta hãy xem vài thí dụ trong Kinh Thi theo lời chú giải của Chu Hi:

- *Quân tử vạn niên phúc lộc nghi chi* 君子萬年福綠宜之: quân tử nghĩa là vua, đúng như nghĩa nguyên thủy.
- *Quân tử lạc tứ, vạn bang chi bình* 君子樂胥萬邦之平: quân tử nghĩa là chưa hầu, vẫn theo nghĩa nguyên thủy.
- *Vị kiến quân tử, ngã tâm xung xung* 未見君子我心沖沖: quân tử nghĩa là chồng (nghĩa mới).
- *Quân tử hữu tửu* 君子有酒 Quân tử nghĩa là chủ nhà (nghĩa mới).
- *Lạc chỉ quân tử* 樂只君子 Quân tử nghĩa là khách (nghĩa mới).

Tới cuối đời Chu, còn gọi là thời Chiến Quốc (Warring States), *quân tử* có thể dùng để chỉ bất cứ người nào có nghĩa khí và biết tôn trọng luân lý, không cần phải thuộc giới quân vương (a person whose virtue entitles him to a high moral position no matter what his social status). Ý nghĩa này đã rất gần với quan điểm quân tử của Khổng giáo. Khi Nho học được đề cao và phát triển mạnh mẽ từ Hán Vũ Đế trở về sau, *quân tử* trở thành một mẫu người lý

tưởng xứng đáng là môn đồ Khổng Mạnh, biết sống theo đạo Trung Dung, biết *cách vật trí tri chính tâm thành ý,* và biết *tu thân tề gia trị quốc bình thiên hạ*. Chúng ta sẽ trở lại bàn thêm ý nghĩa này sau khi tìm hiểu về *tiểu nhân*, từ đối lập với *quân tử* ở bất cứ thời đại nào trong văn hóa Trung Hoa.

Tiểu nhân 小人

Trong mấy ngàn năm qua ý nghĩa của hai chữ *tiểu* (nhỏ) và *nhân* (người) không hề thay đổi, nhưng ý nghĩa của *tiểu nhân* đã biến đổi theo sự thay đổi ý nghĩa của *quân tử*. Khi QUÂN TỬ còn mang nghĩa nguyên thủy là *giới quân vương*, TIỂU NHÂN chỉ mang một ý nghĩa là *thường dân*. Chúng ta hãy xem một thí dụ trong Kinh Thư, đoạn Chu Công kể về Tổ Giáp là một trong những nhà vua tài giỏi siêng năng làm cho nước giàu dân mạnh.

其在祖甲不義惟王舊爲小人作其即位爰知小人之依

Kỳ tại Tổ Giáp, bất nghĩa duy dương, cựu vi tiểu nhân, tác kỳ tức vị, viên tri tiểu nhân chi y...
(Như Tổ Giáp, không có nghĩa mà làm vua: khi xưa ông chỉ là "tiểu nhân." Đến khi lên ngôi, nhờ vậy ông hiểu biết "tiểu nhân" cần nương tựa vào đâu...)

Khi dịch đoạn trên sang tiếng Anh, học giả James Legge đã hiểu đúng chữ "tiểu nhân" chỉ có nghĩa là "thường dân" (the inferior people), và từ này không có ám chỉ điều gì xấu (without any implication of unworthiness). Tuy nhiên, ông tỏ ra bối rối không hiểu tại sao một vị vua anh minh như Tổ Giáp mà lại làm vua một cách "bất nghĩa." Do đó ông cố tình dịch sai là HE WOULD NOT UNRIGHTEOUSLY BECOME EMPEROR (*phi bất nghĩa duy vương*) để cho câu trên không mâu thuẫn với tư cách của Tổ Giáp.

Sự thực là cả hai từ *bất nghĩa* và *tiểu nhân* đều mang ý nghĩa khác với quan điểm Nho giáo. Khi đọc tiểu sử Tổ Giáp, chúng ta sẽ hiểu tại sao ông lại *bất nghĩa duy vương*. Ông là hoàng tử con vua Vũ Đinh, nhưng không phải là Thái tử. Vua Vũ Đinh biết Tổ Giáp có tài hơn Thái tử Tổ Canh, muốn lập ông làm đích nhưng ông từ chối. Tổ Canh lên ngôi không có tài trị quốc, chỉ trị vì bảy năm (1265-58 trước Công Nguyên), sau đó Tổ Giáp lên ngôi làm vua 33 năm, trong thời gian đó nhà Thương được thịnh trị. Lịch sử không nói rõ tại sao Tổ Giáp kế vị Tổ Canh, nhưng rõ ràng ông không lên ngôi một cách chính thống. Đó là lý do tại sao Chu Công nói Tổ Giáp "không có nghĩa mà làm vua." Nếu James Legge hiểu đúng, ông không cần dịch sai như trên mà chỉ cần dịch là HE UNRIGHTFULLY BECAME KING cộng thêm chú thích "because he was not a crown prince" là đủ.

Trong Kinh Dịch, từ *quân tử* và *tiểu nhân* cũng được dùng theo nghĩa nguyên thủy là *giới quân vương* và *thường dân*. Chúng ta hãy xem vài thí dụ:

(1) Hào Sơ Lục, quẻ Quán:

Đồng quán, tiểu nhân vô cữu, quân tử lận (quan sát như trẻ con, tiểu nhân không có lỗi, quân tử thì đáng trách). Quẻ Quán nói về quan sát chính trị, làm thường dân thì quan sát ngây thơ cũng không có hại gì, nhưng người làm chính sách (policy-makers) mà quan sát như trẻ con thì không thể tha thứ được.

(2) Hào Lục Ngũ, quẻ Giải:

Quân tử duy hữu giải, cát, hữu phu vu tiểu nhân (quân tử chú tâm giải quyết, tốt, có niềm tin vào tiểu nhân). Khi bậc quân vương giải quyết các vấn đề quốc gia, phải giữ niềm tin vào ý dân. Đây là một lời khuyên xác đáng, đã được Hưng Đạo Vương áp dụng để chống lại đoàn quân bách chiến bách thắng của Hốt Tất Liệt.

Trong cả hai trường hợp trên, nếu chúng ta hiểu *quân tử* và *tiểu nhân* theo ý nghĩa Nho giáo (như rất nhiều nhà chú giải Kinh Dịch đã lầm lẫn) thì không khỏi có chỗ khập khiễng. Ngay cả ông Nguyễn Hiến Lê là một học giả có tư cách cũng mắc phải sai lầm này. Vì ông hiểu *tiểu nhân* nghĩa xấu, ông không thể giải thích tại sao trong quẻ Giải quân tử lại "tin vào tiểu nhân" và do đó diễn giải hoàn toàn sai lạc với mạch văn: *Người quân tử phải giải tán bọn tiểu nhân đi thì mới tốt, cứ xem bọn tiểu nhân có lui đi không thì mới biết chắc được mình có quân tử hay không (??).*

Xin lưu ý bạn đọc là hai thí dụ trên trích dẫn từ Hào Từ thuộc về Kinh Dịch nguyên thủy của Văn Vương và Chu Công, chứ không phải từ Thập Dực của Nho giáo mà các nhà Nho Trung Quốc đã tự tiện ghép vào Kinh Dịch và coi như là Chính Kinh. Trong phần Đại Tượng Truyện của Thập Dực, quan điểm về *quân tử* của Nho giáo được trình bày thường xuyên, nhưng phần lớn tầm thường và không liên quan đến các đề tài của Kinh Dịch nguyên thủy. Thí dụ như quẻ Nhu nói về sự chờ đợi thời cơ (Nhu có nghĩa là đợi) thì Đại Tượng Truyện viết: *Vân thướng ư thiên, Nhu, quân tử*

dĩ ẩm thực yến lạc (Mây bay trên trời, Nhu, quân tử ăn uống tiệc vui). Chỉ vì câu chú giải sai lạc này được ghép vào Kinh Dịch, chữ Nhu tự nhiên có thêm một nghĩa *đạo ăn uống*! Khi Wilhelm/Baynes dịch Kinh Dịch sang tiếng Đức và tiếng Anh, quẻ Nhu được dịch là Waiting hoặc Nourishment. Độc giả Tây phương không hiểu nguyên nhân, chắc cũng hơi ngạc nhiên vì hai đề tài như vậy làm sao ghép chung được! Có thể họ nghĩ rằng người Trung Hoa... tham ăn, trong lúc chờ thời cũng phải lo ăn nhậu trước đã!

Khi Nguyễn Hiến Lê viết cuốn Kinh Dịch Đạo Của Người Quân Tử, ông chỉ chú giải phần Thoán Từ và Hào Từ của Kinh Dịch nguyên thủy và loại bỏ hẳn Đại Tượng Truyện (mặc dù câu nào trong phần này cũng nói về "quân tử"). Điều này chứng tỏ ông cũng nhận ra sự vô giá trị của các lời chú giải này. Nhưng vì tế nhị không muốn đụng chạm đến các nhà Dịch họ thủ cựu, ông chỉ viết "Tóm lại, Tượng Truyện tuy cũng giúp ta hiểu thêm được Thoán Từ và Hào Từ, nhưng ít thôi." (trang 52).

Sau khi *quân tử* trở thành mẫu người lý tưởng của Nho giáo, thì *tiểu nhân* không còn mang ý nghĩa *thường dân* mà biến thành người nhỏ mọn đáng chê trách, thích kết bè kết đảng nhưng hay cãi vã tranh giành nhau (quân tử hòa nhi bất đồng, tiểu nhân đồng nhi bất hòa), thiếu tín nghĩa và tham danh lợi (quân tử vị nghĩa, tiểu nhân vị lợi). Tất cả những cá tính tốt đều thuộc về quân tử, tất cả những gì nhỏ mọn tầm thường là thuộc về tiểu nhân.

Không cần phân tích dài dòng, chúng ta cũng có thể thấy ngay quan điểm Quân Tử đối lập với Tiểu Nhân của Nho giáo là sự phân biệt trắng đen đơn giản, bỏ qua nhiều màu xám ở giữa cho nên ít có giá trị thực tế. Tuy nhiên, lý tưởng "người quân tử" vẫn còn thu hút đối với kẻ sĩ Đông phương, và là một cái gì đó hoàn thiện để giới trí thức hướng đến. Cùng lúc đó, những điểm xấu của "tiểu nhân" là để chúng ta cảnh tỉnh và tự xét mình, tránh được những cái đó càng nhiều càng hay.

Kết luận

Nghĩa nguyên thủy của quân tử là GIỚI QUÂN VƯƠNG, GIỚI LÃNH ĐẠO, còn nghĩa nguyên thủy của tiểu nhân là THƯỜNG DÂN. Các nghĩa này được áp dụng trong Kinh Thi, Kinh Thư, và Kinh Dịch (không kể phần Thập Dực của Hán Nho thêm vào). Theo thời gian, cả hai từ quân tử và tiểu nhân đều có nghĩa mới theo quan điểm Nho giáo, đồng thời các nghĩa nguyên thủy dần dần bị lãng quên. Tuy nhiên, khi nghiên cứu cổ văn Trung Hoa thời Tiên Tần, chúng ta cần tránh áp dụng các ý nghĩa chỉ có sau đời nhà Hán để cho việc chú giải được chính xác và trung thực hơn.

Thư mục tham khảo

- The Chinese Classic (*Shoo King, She King, I Ching, Great Learning*), James Legge.
- *Kinh Thi* (nhiều ấn bản).
- *Kinh Dịch* (nhiều tác giả VN: Ngô Tất Tố, Phan Bội Châu, Nguyễn Uyển Diễm, Nguyễn Duy Cần, Nguyễn Hiến Lê...)
- *The I Ching or Book of Changes*, Richard Wilhelm.
- *Encyclopedia of the Chinese Language* (Taipei), Từ Hải, Từ Nguyên.

NGHỆ THUẬT VIẾT VĂN VÀ ĐỌC VĂN
của Giáo Sư Nhà văn VŨ KÝ

Nhà xuất bản Nguồn Sống, Hoa Kỳ.
(Giám Đốc Hòa Thượng Thích Giác Lượng)

In lần thứ 5. Sách dày hơn 800 trang.
Hoàn toàn sửa chữa và bổ túc. In đẹp. Mạ vàng.
Giá 35 Mỹ kim + cước phí.

TRANG NHẬT KÝ

HÀ KỲ LAM

Tặng Võ Đình Tuyết như đã hứa

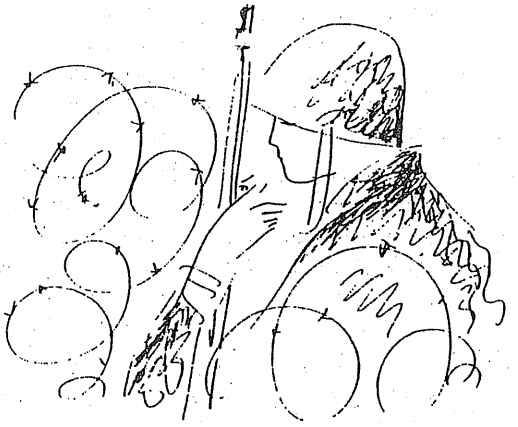

Cuốn sổ tay nhỏ vừa bằng cỡ túi áo trên, với một lỗ đạn dùi xuyên suốt gần gáy, bìa cứng màu xanh nhạt đã sờn nhiều chỗ, góc các trang bên trong bị xoắn lên. Trang trong của tờ bìa dán một tấm ảnh trắng đen nhỏ xíu, bằng khổ hình căn cước. Điều may mắn khá mỉa mai là ảnh còn nguyên vẹn, không bị đạn cày nát - còn chủ nó thì sao? Người trong ảnh khoác áo lễ phục trắng kiểu cổ bẻ, để lộ chiếc áo bên trong cũng màu trắng, và một chiếc cà vạt đen, đầu đội mũ kết trắng. Không đoán nổi tuổi tác, chỉ có thể nói người ấy không thể tới bốn mươi, mặc dù khuông mặt xương xương. Cũng không thể nói lính gì, và cấp bậc gì. Không thấy ghi tên họ trong cuốn sổ.

Chủ nhân của cuốn sổ tay dường như thích ghi lại những sự việc, những niềm riêng tây. Có vẻ như một nhu cầu cần bộc bạch trên giấy cho chính mình đọc. Những điều ghi chép phần lớn liên quan đến cuộc sống trong rừng, không nói gì về quê hương, gia đình đương sự ngoài Bắc, ngoại trừ mấy hàng nhật ký cuối cùng viết trong ngày của đêm đụng trận - nhóm ngày tháng ghi ở đầu giòng cho Quang biết như thế.

Mở đầu, cuốn nhật ký viết:

"Trên đường Trường Sơn ngày 29 tháng 8 năm 1968.

Mấy hôm nay cứ lên cơn sốt mãi, nhưng cứ gắng bám theo đơn vị không dám khai bệnh. Nếu nằm lại trạm xá điều trị, đơn vị sẽ bỏ lại, và phải chờ để bổ sung vào một đoàn khác ngoài Bắc vào. Ra đi từ quê nhà có anh có em, nương tựa, đỡ đần nhau, nếu phải sung vào một đơn vị lạ thì buồn quá!

Cách khoảng gần một tháng, những giòng nhật ký tiếp tục:

Ngày 20 tháng 9 năm 1968.

"Thời tiết đây khác quá, chiều nào cũng mưa rả rích."

Với giòng chữ này có lẽ chủ nhân của cuốn nhật ký đã đặt chân lên vùng "Tây Nguyên" - tên họ gọi vùng Cao Nguyên - và là ma mới chưa quen nước quen cái vùng này, vì nếu không thì anh ta đã biết mùa mưa của Cao Nguyên kéo dài từ tháng năm đến tháng mười, trùng với mùa mưa miền hạ lưu sông Đồng Nai. Rồi lướt qua các trang ghi những sinh hoạt nội bộ đơn vị như học chính trị, đi lãnh gạo, thuốc men, nghỉ dưỡng quân, tắm giặt

v.v., Quang lại chú ý tới mấy giòng vắn tắt nhưng khá đặc biệt:

"Ngày 30 tháng 11 năm 1968.

Sáng nay tắm dưới suối lên thấy cuốn sổ đặt sai vị trí cũ. Thế là không tốt, có ai xem lén nhật ký rồi."

Rồi kế tiếp, có lẽ cùng trong ngày đó vì không thấy ghi ngày tháng, tác giả buông một câu nghe như cung đàn lạc điệu, "Cái tình của người thủ trưởng thật quí hóa."

Ngày 17 tháng 12 năm 1968.

Trong lúc đang điều nghiên và vẽ lại vị trí đóng quân cũ của Mỹ trên đồi, đói quá, nom thấy một hộp thịt mình đã mở ra chén hết. Ăn xong thì đã đến giờ phải về. Thế là không hoàn thành nhiệm vụ. Cũng chỉ tại cái hộp thịt!

Quang thấy mấy hàng nhật ký trên vừa ngộ nghĩnh vừa có một giá trị nào đó. Đây là chi tiết đầu tiên từ nãy giờ giúp anh biết tác giả là một trinh sát viên. Rồi người đọc lại nhảy bỏ một số trang không hay ho lắm. Đầu giòng một trang mới, với nhóm ngày tháng mới, người đọc thấy:

"Ngày 10 tháng 4 năm 1969.

Đêm nay đi kích đường 14. Chiếc L 19 cứ bay rà rà trên đầu, loa cứ lãi nhãi 'chiêu hồi, chiêu hồi.' Mẹ kiếp, ông hồi cho mấy quả bây giờ."

Quang vẫn dõi theo những trang nhật ký chảy miên man, không chủ định, không tuần tự, như những con đường mòn ngoằn ngoèo của núi rừng Trường Sơn. Anh bỗng khựng lại, như một người đi rừng bỗng dừng bước vì con đường mòn đột ngột chấm dứt, và rừng cây um tùm chắn lối:

"Ngày 15 tháng 7 năm 1969.

Cả tháng nay không ghi nhật ký. Giờ này không biết Hoàng hay Thúy Ái đã ra đời. Nhớ đêm cuối cùng trước khi đi B, Thu đã tìm đến nơi đơn vị tập trung. Một người bạn cho mình biết cô ấy cần gặp mình. Mình đã trốn trại, trèo rào ra gặp vợ. Mình biết như thế là không đúng, là mềm yếu. Thu báo tin đã có thai. Hai vợ chồng đã bàn bạc với nhau, nếu là con trai thì đặt tên Hoàng, gái thì là Thúy Ái."

Và con đường Trường Sơn ngoằn ngoèo trong tâm tư của chủ nhân cuốn sổ tay đến đây bị nghẽn lối. Một phần ba cuốn sổ còn lại là những trang giấy trắng sẽ vĩnh viễn không còn nhận được một chữ nào của chủ nó nữa...

*

Quang bước vào trung tâm hành quân một lần nữa để nhìn mớ chiến lợi phẩm mà toán phục kích đêm qua vừa mang về căn cứ lúc nãy. Tất cả gồm có ba chiếc ba lô, hai khẩu tiểu liên AK 47, mấy quả đạn B 40, mấy quả lựu đạn chày. Anh nhìn thật lâu mớ đồ vật đó, vẻ mặt thoáng nét đăm chiêu. Nhưng thật ra, nếu ai tinh ý có thể thấy anh không nhìn toàn thể đống chiến lợi phẩm, anh chỉ nhìn chăm chú một món đồ, chiếc ba lô có một lỗ đạn xuyên từ hông này sang hông kia, hay nói cho chính xác, từ hông bên phải sang hông bên trái, một điều sơ đẳng nhất mà người lính chiến nào cũng nói được khi nhìn lỗ bên phải nhỏ bằng đầu đũa, và lỗ bên kia lớn bằng cái nút phéng chai bia. Anh lại nhấc cái của đáng tội kia lên, xem xét tứ phía rồi đặt lại chỗ cũ. "Không có lấy một vết máu," anh khẽ nói với chính mình. Hai chiếc ba lô còn lại thì lành lặn nhưng bê bết máu.

Ba lô lủng như thế thì viên đạn đã đi song song với thân người, chứ không thể cắt một đường thẳng góc với thân thể anh ta. Quang thấy dễ chịu. Nhưng anh bỗng khựng lại: Tại sao lại vứt ba lô lại? Anh ta bị trúng đạn ở chỗ khác trên thân thể chăng. Có thể đạn trúng ngực, trúng vào đầu, hay trúng vào chân làm gãy xương. Quang thích nghĩ đến điều sau cùng: vâng, chắc đồng đội lại dìu anh ta đi; vứt ba lô để bôn tẩu cho nhẹ nhàng. Và chiếc ba lô không nhất thiết phải vấy máu.

Quang ôn lại những chi tiết cuộc đụng độ mà tiểu đội trưởng Thanh đã báo cáo với anh. "Như đại úy đã căn dặn: ở hoàn cảnh phục kích đêm không thể thấy được chiều dài của mục tiêu, nên cách tốt nhất là đánh khúc đuôi, và tôi đã làm như thế, nổ súng ngay khi cái bóng đen nhờ nhờ sau cùng di chuyển qua trước mặt một đoạn. Tôi phải đợi một đoạn, để chắc ăn đoàn người đã dứt. Chúng chỉ vào khoảng một trung đội. Thành phần đi trước bắn trả dữ dội. Tôi cho tiểu đội dạt ra xa con đường mòn, đổ dốc xuống bờ suối, bố trí thành hình cánh cung, hướng về phía vừa chạm địch, và "trụ" qua đêm. Chúng tiếp tục bắn cầm chừng về phía chúng tôi. Rồi hỏa lực bỗng rộ lên, mưa đạn xối xả bay ngang đầu chúng tôi cả mấy phút. Chúng tôi biết đối phương đang bắn phủ đầu để kéo xác và di tản thương binh... Tờ mờ sáng, tiểu đội bò đến gần con đường, quan sát chẳng thấy động tĩnh gì cả. Rải rác trên đường là mớ vũ khí, ba lô, đạn dược như thế. Có điều vết máu chạy dài khoảng vài trăm thước về hướng Tây, lên các đồi cao, rồi mất dấu..."

Tất cả chỉ có thế, không giúp gì cho giả thuyết của anh. Đôi lần Quang định gọi trung sĩ Thanh lên để hỏi xem hắn có biết loạt đạn đầu tiên của mình - cũng là hiệu lệnh cho tiểu đội khai hỏa - có trúng vào "cái bóng đen nhờ nhờ" đi sau cùng đó không. Rồi anh quyết định không nên làm thế. Chẳng rọi được tia sáng nào vào điều muốn biết, cho dù biết chắc bóng đen kia trúng đạn, và lại có thể gây thắc mắc cho thuộc cấp.

Quang không lạ gì với hiện tượng viết nhật ký trong hàng ngũ cán binh miền Bắc tại chiến trường miền Nam. Anh cũng biết được vì sao có hiện tượng kia, qua các câu chuyện với tù binh và hồi chánh viên. Cần thổ lộ để giải tỏa, nhưng chỉ dám trút nỗi niềm vào giấy thôi. Cứ mỗi lần chiến lợi phẩm thu được có cả ba lô thì những thứ đó luôn luôn được anh "chiếu cố" trước tiên, vì ngoài mục đích tìm những tài liệu của đối phương, anh còn có cái thú là đọc những gì riêng tư thầm kín được ký thác trong những cuốn sổ tay nho nhỏ. Đối với Quang chiếc ba lô là gia tài của người lính ở mặt trận, chứ không phải khẩu súng. Chiếc ba lô nói nhiều về chủ nhân của nó. Anh đã đọc khá nhiều nhật ký lấy từ trong các ba lô đã vượt cả nghìn cây số đường Trường Sơn.

Nhưng lần này lạ quá, những hàng chữ sau cùng trong cuốn nhật ký của một kẻ đối phương bỗng làm bận tâm viên sĩ quan từng dày dạn chiến trận, từng được chiến tranh dạy cho cái nguyên lý của nó. Quang có một bức ảnh nhòa nhạt của một người lính Bắc Việt, nhưng không biết danh tính. Và anh lại biết tên một người phụ nữ ngoài Bắc nhưng không biết mặt. Một đôi vợ chồng kẻ Bắc người Nam. Họ vừa có một đứa con, chắc lên vài tháng. Những gì còn lại về họ, Quang không sao biết được. Anh chỉ biết phó thác tất cả cho sự an bài của số mệnh. Chị Thu, tôi muốn gửi đến chị một ước mong, mà xét cho cùng nó phi lý không kém những điều phi lý vẫn đầy dẫy trong mọi cuộc chiến tranh, là mong rằng anh ấy chỉ bị thương xoàng để nhận được thư chị báo tin cháu Hoàng hay cháu Thúy Ái đã ra đời, và để còn có cơ may sống sót qua cuộc chiến này, dù bên nào thắng.

Ngày 26-1-1999

HỒ THÀNH ĐỨC

MÁU CHẢY VỀ TIM

Chợt thấy em về trong giấc mơ
Vàng son buổi trước lỗi câu thề
Ai đem khăn trắng treo đồi tím!
Cây nhớ nhung buồn, Hoa nhớ Hương.

Trời khoanh một mảnh tình tan vỡ
Đất cũng cúi đầu rỉ vết thương
Ta biết rồi đây em sẽ thấy!
Mối tình oan trái đóng vào đinh
Giọt máu nào trên cây thánh giá!
Nhỏ vào đời tím nỗi oan khiên
Ta như chim bay hoài thấm mệt
Bỏ giáo đường mòn mỏi đức tin
Em như dòng sông trôi chảy mãi
Bỏ cuộc tình rã cánh uyên ương
Từ buổi đó có cây nến lạ
Thắp giữa trời mười ngón đau thương!
Từ buổi đó dòng sông yên lặng
Chảy hững hờ khắp nẻo quê hương.

Từ đó ta đi em ở lại
Núi sông buồn cây cỏ hoang vu
Ta ở đây đất khách quê người
Nghe chim hót đau từng khúc ruột
Nghe kinh khuya thở cuộc đời buồn!
Ước gì có cánh tay ngàn dặm
Níu tình em qua Thái Bình Dương
Ta cũng muốn trải dài cơn mộng
Để lỗi lầm về với ăn năn
Để trăng thanh trở lại đêm rằm
Để sáng dậy nghe chim ca hát
Để tình anh gặp lại đời em!

Xin hãy nhổ cây đinh oan trái
Giọt máu nào không chảy về tim!?

29 tháng Sáu 1996
(Những bài thơ nhớ nhà)

NGƯỜI VIỆT TÊN MỸ: VẤN ĐỀ CẦN SUY NGHĨ

NGUYỄN ĐỨC MAI

Tên gọi, khởi đầu quan trọng của cả một đời người: Từ thời xa xưa các bậc cha mẹ thuộc trong hầu hết các nhóm ngôn ngữ khác nhau đều chọn tên đặt cho con mình bằng cách căn cứ vào các biến cố xảy ra khi đứa bé ra đời, các đặc điểm ngoại hình của đứa bé, hoặc những đức hạnh hoặc những thành đạt mà cha mẹ ước mong con mình có được khi lớn lên sau này. Theo phong tục Việt Nam, cha mẹ đặt cho con hai tên gọi khác nhau: tên gọi ở nhà thường là bằng ngôn ngữ nói - chữ Nôm - để dùng trong nhà. Các tên gọi này mang tính chất đơn giản, khiêm tốn, và trong nhiều trường hợp cố tình dùng những tên rất xấu, dơ dáy để bảo vệ con mình khỏi bị thần linh bắt đi. Ngược lại, cái tên thứ hai, thường rất đẹp, là tên chữ - chữ Nho - dùng trong giấy tờ khai sinh và gia phả.

Những tên gọi Việt Nam

Tên đặt Việt Nam chúng ta có rất nhiều và tên nghe rất hay, rất đẹp, lại mang nhiều ý nghĩa. Dĩ nhiên đây là tên chữ, tên trong giấy khai sinh, tên dùng khi đi học, chứ không phải tên thường gọi ở nhà. Những người xưa có tục đặt tên gọi cho con những tên thật xấu, vì sợ ông bà bắt đi, nhất là những trẻ khấu khỉnh mà cha mẹ thường sợ khó nuôi. Con trai thường hay bị gọi ở nhà bằng những cái tên như thằng Cu, thằng Cược, thằng Đực. Con gái lại phải lãnh những cái tên như Thúi, Bẹp, Bướm.

a. Nguồn tên gọi bằng chữ Nôm - khẩu ngữ

1. Ngoại hình : Bé, Lớn, Cao ,Lùn, Lé, Trọc, Ngắn, Dài, Nận...
2. Tánh tình : Thương, Dại, Ngơ, Ngáo...
3. Tên loài vật : Trâu, Nghé, Bê, Bò, Méo, Mực, Tôm, Cá, Gà...
4. Tên cây cỏ: Hành, Hẹ, Cam, Quýt, Bưởi, Bòng, Ổi, Mít, Xoài, Cam, Chanh, Ớt...
5. Sông hồ: Ao, Đầm, Lạch...

Và rất nhiều nguồn khác nữa.

b. Nguồn tên tự - chữ Nho :

Nói chung, các tên tự Việt Nam được các bậc cha mẹ thời trước lấy từ các chữ dùng trong Tứ Thư, Ngũ Kinh của Khổng Giáo, thường là:

1. Tam Tài: Thiên, Địa, Nhân.
2. Tứ Đại: Địa, Thủy ,Hỏa, Phong
3. Ngũ Hành: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ
4. Tam Cương: Quân, Sư, Phụ
5. Ngũ Thường: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín.
6. Tứ Đức: Công, Dung, Ngôn, Hạnh.
7. Tam Tòng: Phụ, Phu, Tử.
8. Tứ Quí: Xuân, Hạ, Thu, Đông.
9. Tứ Linh: Long, Lân, Quy, Phụng.
10. Thiên Can: Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi.
11. Địa Chi: Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý.
12. Tam Đa: Phước, Lộc, Thọ.
13. Đức hạnh: Trung, Dũng, Can, Cường, Tiết, Đảm...
14. Cây cỏ hoa: Mai, Lan, Cúc, Trúc, Hạnh, Liễu, Đào...

Tên chữ Việt Nam có thể chia thành ba loại: tên dành riêng cho con trai, tên dành riêng cho con gái, và tên dùng chung cho cả hai phái tính:

a) Tên dành riêng cho con trai:

Những tên sau đây đặc biệt dành riêng cho con trai, gần như không bao giờ thấy dùng cho con gái, trừ một vài trường hợp rất hiếm hoi: Trong Ngũ Thường thì thấy có Nhân, Lễ, Trí,

Tín. Tên lấy từ Tứ Đức thì có: Công, Ngôn. Tứ Linh thì có Long, Lân, Qui. Tam Cương thì có : Thiên, Nhân. Tứ quý : Hạ. Ngoài ra có những chữ chỉ phẩm tính con trai như : Hùng, Dũng, Cang, Cường, Mưu, Lược, Đảm. Sơn, Hà, Xã, Tắc. Sung. Mãn, Quan, Quán, Quý. Thành, Trụ, Hoại. Tuấn, Kiệt , Hào, Trung, Tiết, Phú, Qúy, Hiển, Đạt, Thông, Đỉnh, Ngộ, Tiết, Tháo, Can, Cường.

b) Những tên chỉ dành cho con gái :

Tuyết, Cúc, Diễm, Lệ, Hằng... ít được dùng cho con trai.

c) Những tên dùng chung cho cả hai phái tính :

Qui, Phụng, Phượng, Xuân, Thu. Đông, Mai, Lan, Cúc, Trúc, Trung, Hiếu, Nghĩa, Vinh, Hoa, Hà, Minh.

Tên tiếng Việt và tên ngoại quốc: những rắc rối bắt đầu

Tên Việt, tên Pháp:

Một trong những lý do tôi chú trọng nhiều đến cái tên gọi có lẽ vì trong đời tôi đã gặp nhiều chuyện vui buồn có liên quan đến tên gọi của con người. Cũng như tất cả mọi đứa trẻ Việt Nam khác khi sinh ra, cha tôi đặt cho tôi tên chữ là Mai. Nhưng vì tôi là con út, cho nên tên tôi được gọi ở nhà là thằng... Út. Đây là cái tên rất dễ thương, nói lên quyết tâm của các bậc cha mẹ trong việc thôi sinh con đẻ cái. Trong nhiều gia đình Việt Nam thời trước, không thiếu gì các trường hợp có thêm các tên Út em, và thậm chí Út Chót, chỉ vì "tai nạn" xảy ra sau quyết định "đình chiến" đó thôi. Dầu sao, trong trường hợp của cha mẹ tôi, tôi là Út thật, Út duy nhất. Có điều khổ cho tôi, là trong một lúc rãnh rỗi, cha tôi phát hiện ra trong gia phả mấy đời trước đã có vị tiền bối mang tên Út này rồi. Chuyện đặt tên con trùng với tên của tổ tiên là chuyện tối kỵ, cho nên cha tôi vội vàng đổi tên tôi từ Út thành ra là... Ốt! Tôi đã phải đổ nhiều nước mắt vì cái tên gọi này mãi cho đến năm 1945, khi tôi bắt đầu vào lớp Năm trường Tiểu học Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên miền Trung nước Việt, để được gọi tên chữ là Mai. Người ta gọi tôi một cách châm chọc chẳng những bằng cái tên gọi quái đản... Ót, mà còn độc ác hơn cho tôi một cái tên rất Tây là Ormand Sisme, kỳ thật đọc ra thành ót-măng xít-mơ, nói ngược thành... "ăn mót xơ mít!"

Tháng 4/1975, miền Nam sụp đổ. Chúng tôi công chức, đảng phái, được lùa vào Làng Cô Nhi tại Long Thành để bắt đầu chặng đường dài "học tập cải tạo." Sau sáu tháng, lần đầu tiên, "trại viên" - tức là tù nhân chúng tôi được thăm nuôi.

Buổi sáng hôm ấy chúng tôi tập trung trước sân trại để nghe gọi tên ra gặp thân nhân từ Sài Gòn lên thăm. Tên nghe một cán bộ Công an đọc trên hệ thống phóng thanh:

"Anh nào có thân nhân tên là Hé Nè Ne?"

Tất cả chúng tôi ngạc nhiên khi nghe cái tên rất lạ lùng này, và trong đám đông tù chúng tôi, cũng không thấy có ai lên tiếng trả lời. Anh cán bộ công an, lập lại nhiều lần, tiếng gần như thét lên trên máy, vẫn không có ai trả lời. Cũng phải mất gần năm phút, trường hợp này mới được giải quyết. Hoá ra trong số tù, có một công chức nọ có vợ mang quốc tịch Pháp có tên Pháp là Hélène mà thay vì đọc theo tiếng Pháp là "ê-len," anh chàng cán bộ này không biết tiếng Pháp đã đành, lại đọc bừa theo tiếng Việt giọng Nam Định thành ra không phải là "hé lè ne," mà còn tệ hơn thành ra "hé nè ne," do đó không ai đoán nổi cái tên gốc ngoại quốc là gì.

Trước cũng như sau 1975, do nhiều thay đổi về thời cuộc, có nhiều người từ Pháp mang tên Louis về tham gia chính phủ. Họ là người Việt mang quốc tịch Pháp và tên Pháp, mà tham gia chính phủ Việt Nam thì coi không ổn, cho nên phải đổi tên Louis thành hoặc là Lê Ủy, hoặc Lữ Y.

Tên Việt - tên Mỹ:

Trước 1975, vấn đề tên Việt tên Mỹ cũng đã có những rắc rối tuy là vặt vãnh và không mang tính quan trọng phổ cập như bây giờ. Năm 1960, giáo sư Jerry Allan Rose, Giáo sư từ New York City College có bằng Cử Nhân Văn Chương Đại Học Sorbonne, đến dạy sinh viên chúng tôi ở Đại học Văn Khoa Huế về môn Văn chương Mỹ. Từ địa vị giáo sư, Jerry trở thành bạn thân thiết của tôi. Khi chúng tôi sinh con trai đầu lòng năm 1962, Jerry nhất định bắt con trai tôi phải mang tên anh ấy. Tôi rất thương bạn, nhưng con trai mình là người Việt Nam thì làm sao mà đặt tên Jerry cho nó được. Cuối cùng tôi phải chọn giải pháp đặt tên con trai đầu là Lê-Duy và cho Jerry biết là tên đó lúc gọi lên mang âm hưởng của Jerry. Bạn tôi rất vui mừng cho đến ngày tử nạn máy bay Hàng Không Việt Nam tại Quảng Ngãi cùng với Bộ Trưởng Canh Nông Nguyễn Tất Ứng năm 1965 khi đi công tác trong thời gian làm Cố Vấn USAID cạnh Thủ Tướng Phan

Huy Quát. Tôi có ba đứa con mang tên Lê-Duy, Anh-Lân và Diễm Hồng cho ăn khớp với tên của bạn : Jerry Allan Rose.

Nơi suối vàng chắc Jerry bạn tôi hả dạ vì tình bạn sắt son, nhưng con trai tôi hiện đang ở Mỹ thì hơi khổ vì cái tên Lê-Duy, bởi vì các bạn Mỹ cùng sở làm đọc "LEDUY" thành "Li-Đui," nghe theo nghĩa tiếng Việt không ổn tí nào cả vì cháu vẫn còn đủ cả hai mắt!

Khi quan đội Mỹ bắt đầu chương trình rút quân khỏi Việt Nam, một số binh sĩ phải bỏ lại đằng sau những người vợ Việt Nam gặp nhau trong thời kỳ đóng quân. Năm 1972, thầy Nguyễn Hữu Thứ, Hội Thẩm Tòa Thượng Thẩm Huế, Chủ Tịch Thanh Thương Hội Huế, giới thiệu tôi làm Thông dịch viên Hữu Thệ (tiếng Pháp gọi là interprète assermenté, một loại court-certified interpreter hiện tại trong hệ thống Tòa Án của Mỹ) tại Toà Sơ Thẩm Huế, mục đích chính là để giúp thông dịch trong các phiên toà đồng thời dịch ra Anh ngữ và công chứng các văn kiện trong hồ sơ của các sinh viên xin du học ở các nước nói tiếng Anh.

Một hôm tôi được một khách hàng nhờ dịch - không phải là hồ sơ du học, mà là một thư cá nhân gửi cho người chồng Mỹ. Bức thư phụ nữ này đọc nhờ một người hàng xóm viết hộ bằng tiếng Việt, bắt đầu bằng câu: "Anh Tham thân mến." Nội dung thư cần chuyển sang Anh ngữ thì đơn giản không có gì rắc rối ngoài chuyện muốn bắt liên lạc với chồng để báo tin về hai mẹ con và để được giúp đỡ. Cả phụ nữ này lẫn người viết thư hộ đều không biết tiếng Anh. Thế thì làm sao chuyển tên "Tham" này ra đúng tên tiếng Anh. Cũng phải mất cả mười phút mới phát hiện ra đây chính là :

My dear Tom! - phát âm giọng Mỹ miền Trung Tây một trăm phần trăm!

Việt Nam những lần thay tên đổi họ

Qua những biến động lịch sử, lắm lúc để tranh hậu hoạn của những tranh chấp chính trị, nhiều giòng họ đã phải thay đổi họ. Nhưng người Việt Nam vốn quý mến gốc gác của tổ tiên, đâu phải thay tên đổi họ, ai cũng muốn gìn giữ lại được phần nào hay phần ấy gốc gác chính của mình. Như có đề cập đến trong *Thế Kỷ 21*, trường hợp rất cảm động của họ Bùi đổi ra họ Trần. Khi buộc phải bỏ họ Bùi tại sao không chọn họ nào khác mà chọn họ Trần? Như bài báo có đề cập đến theo lời kể của một người trong gia tộc, khi chiết tự thì thấy chữ Bùi = Phi + Y. Phi y có nghĩa là không áo, mà không áo có nghĩa là ở trần. Đó là cách dùng họ Trần để nhớ họ Bùi vậy.

Giòng họ của nhạc phụ tôi vốn là họ Đặng gốc ở Thanh Hoá. Về sau phải đổi sang họ Nguyễn để tránh tai vạ nhưng để chữ lót là Đăng (bỏ dấu nặng) để nhớ tới họ Đặng nguyên thủy. Cháu nội của nhạc phụ tôi bây giờ ở Houston, Texas có tên Mỹ là Dan Nguyen cũng là một thí dụ khác để nhớ lại gốc gác họ Đặng.

Một lần thay đổi tên khác trên khắp miền

HOÀNG XUÂN SƠN

TRƯỜNG GIANG

(Cho Nhược Mai - Bích Ty)

Ra về mắt nổ con ngươi
tàn thơ một dúm lửa cời âm hao
sóng trừng đêm mỵ khóc gào
thương ôi cánh liễu gốc đào mận xưa
hóa vàng đâu giữa ban trưa
chồm lên bạch nhật tóc vừa chớm thu
tín hương một giải mây mù
âu ơ giọt tửu trên thù tạc đau
người về lạnh lắm xưa sau
ngồi lâu cũng mỏi tơ sầu vết thương
trả trao huyết nhục vô thường
miếng da thơ tịnh niềm xương cốt gầy
ra về nhớ tội bàn tay
khắc cầm mấy ngón xuôi ngày tịch liêu
chừ mưa dầm khúc nhạc chiều
nghe hồn ướt sũng tình xiêu lạc còn
hát thầm cung bậc chon von
thôi mơ khép lại vuông tròn tử sinh.

Mạnh thu, Mậu Dần

Nam mà mọi người rất ưa thích là lúc bắt đầu chương trình lập chứng thư thế vì khai sinh những năm sau 1954 sau ngày Thủ Tướng Ngô Đình Diệm về chấp chính. Đây là dịp để mọi người có quyền lựa chọn những cái tên mình ưa thích được chính thức gọi trên giấy tờ cũng như trong sinh hoạt hằng ngày.

Tên gọi trên quê hương mới

Là những người Việt Nam sinh sống trên đất Mỹ, dù muốn dù không, khi đã chọn nơi đây làm quê hương, thì ai cũng quan tâm tới việc tìm một tên mới cho thích hợp với quê hương mới. Dĩ nhiên có nhiều người vẫn giữ nguyên tên Việt Nam của mình, tuy không thể nào tránh khỏi chuyện bỏ dấu và đảo ngược tên họ. Dầu sao thì cũng phải chọn một tên gọi cho tiện việc sinh hoạt hằng ngày với những người thuộc các dân tộc khác, nhưng cùng nói chung tiếng Mỹ là sinh ngữ dùng hằng trong giao tiếp và công việc làm ăn.

Việc bất tiện khi tên Việt Nam phải bỏ dấu và đảo ngược họ tên. Tiếng Anh không có dấu như tiếng Việt, nên nếu giữ tên Việt Nam thì phải bỏ dấu. Ngoài ra trật tự họ tên phải đảo ngược cho đúng với trật tự tên họ trong tiếng Anh. Chữ lót thường viết tắt (initial) hoặc bỏ hẳn .Điều này dẫn đến những chuyện bất tiện, tức cười và có khi đâm ra rất tục tĩu. Thử tưởng tượng các tên rất thông dụng và rất hay sau đây trong tiếng Việt khi phải bỏ dấu và đảo ngược họ tên như nhiều người hiện nay đang xử dụng: Tô Đình Cự, Tô Thị Vũ, Tô Đình Các...

Thậm chí khi chọn một tên gọi là tiếng Mỹ rồi, mà khi ghép với họ Việt Nam cũng gây ra lắm trường hợp cười ra nước mắt. Đây là chuyện có thật về tên của một người bạn tôi ở trong trại tù Thanh Cẩm thuộc huyện Cẩm Thủy tỉnh Thanh Hoá. Đó là anh Vũ Bình. Đúng ra anh là Võ Bình. Nhưng trong tù chúng tôi hay gọi đùa là vỏ chai. Sang Mỹ anh lấy chữ Bob tên Mỹ thay cho Bình, thay họ Võ thành Vũ. Người sĩ quan biệt kích viễn thám một thời ngang dọc này bây giờ được các bạn gọi là... Mr. Bob Vu!!

Một số tên khác cũng rất đẹp và thông dụng trong tiếng Việt, nhưng khi phát âm ra tiếng Mỹ thì dễ gây ra ngộ nhận và làm liên tưởng đến nghĩa của từ tương tự trong tiếng Mỹ không được đẹp, lắm khi lại thuộc các chữ cấm kỵ (taboo). Các tên như Dung, Dụng, Dũng, Phúc, Phước, Phác, Phát có dạng viết hoặc phát âm tương tự như dung, fuck, fark v.v. Một chuyện trùng hợp khá ly kỳ xảy ra tại Tiểu Khu Thừa Thiên. Trong một buổi họp chung giữa các sĩ quan và hạ sĩ quan của cả hai bên Việt- Mỹ, Thiếu Tá Mỹ Dumas giới thiệu người sĩ quan phiên dịch, Trung Úy Nguyễn Phước Du với các bạn Mỹ. Phía Mỹ cười phá lên khi nghe phát âm Nguyễn Phước Du theo tiếng Mỹ. Trung Úy Nguyễn Phước Du lấy làm giận bèn giới thiệu Thiếu Tá Dumas với phía Việt Nam và phát âm theo kiểu tiếng Huế. Phía Việt Nam cũng cười bò lăn ra, mà các bạn đồng minh Mỹ chẳng hiểu mô tê chi cả. Người viết chắc độc giả đoán được rồi nên xin phép được miễn giải thích thêm, vì nghe... tục lắm !

Một số trường hợp tức cười khác do gây ngộ nhận giữa hai ngôn ngữ Việt và Mỹ: Ngô Thanh Kiều thành ra Ngo Thanh Kieu đọc là "No, thank you," Ngô Đồng thành ra Dong Ngo đọc là "Don't know." Trong cả hai trường hợp đều đã xảy ra ngộ nhận khi được hỏi tên :

"What's your name?" Trả lời: "No, thank you." (Ngo Thanh Kieu)

"What's your name?" Trả lời: "Don't know." (Dong Ngo)

Những người Mỹ gốc Việt (Vietnamese Americans) nên chọn tên mới như thế nào?

Đối với người lớn tuổi :

Nhiều người lớn tuổi giữ nguyên tên họ Việt Nam, chỉ có không bỏ dấu và viết đảo ngược tên trước, họ sau cho phù hợp theo kiểu Mỹ để tránh ngộ nhận mà thôi . Có nhiều người không vào quốc tịch Mỹ vì thấy không cần thiết, trừ những người bắt buộc phải có quốc tịch Mỹ để được hưởng các quyền lợi về trợ cấp.

Điều chắc chắn nhất là không ai bỏ họ Việt Nam của mình cả. Và cũng là điều rất may mắn là trong tất cả các họ của Việt Nam, không có họ nào viết không dấu theo kiểu tiếng Anh mà tạo ra hiểu lầm không đẹp cả: Dinh, Le, Ly ,Tran, Nguyen...

Trong trường hợp có tên Việt Nam gây ra hiểu lầm như đã trình bày ở đoạn 5, thì lúc vào quốc tịch nên chọn một tên Mỹ và vẫn giữ tên Việt Nam làm tên lót dưới dạng viết tắt (middle initial). Thí dụ: Ông Nguyễn Văn Cự sẽ có tên Mỹ là Mr.Henry C. Nguyen; Phan Văn Phúc sẽ là Mr. Peter P. Phan. Những tên chọn như thế này đẹp cả đôi đường Việt-Mỹ, vì tên Mỹ trông rất đẹp và người Việt Nam với

nhau thì bao giờ cũng chỉ biết và gọi nhau bằng tên Việt Nam cũ mà thôi... anh Cự, bác Phúc nghe rất thâm tình so với anh Henry, bác Peter nghe nó nửa nạc, nửa mỡ, kỳ kỳ làm sao ấy.

Đối với các bạn thanh niên

Đối với các bạn trẻ thì tên họ rất quan trọng. Một cái tên đẹp, dễ gọi và nhất là không gây ngộ nhận hay ấn tượng xấu là một điểm quan trọng đóng góp vào thành công trong cuộc sống. Cho nên khác với trường hợp của những người lớn tuổi nêu trên, các bạn trẻ phải còn cho mình cả tên Mỹ lẫn tên Việt Nam mới để dùng trong giấy tờ cũng như sinh hoạt hằng ngày. Tên Việt Nam sử dụng làm tên lót viết nguyên chữ, chứ không viết tắt và sẽ dùng như tên chính trong giao tiếp với cọng đồng người Việt. Thí dụ : Nguyễn Văn Quang sẽ là Anthony Quang Nguyen, chẳng hạn. Lỡ có về Việt Nam thăm bà ngoại, thì bà còn gọi được thằng Quang cháu bà, chứ bà làm sao phát âm nổi Anthony để mà kêu cháu một cách trìu mến?

Tên của các bạn trẻ lại còn rất quan trọng trên các bản sơ yếu lý lịch (resume) và các cuộc phỏng vấn (interview) kiếm việc làm mà ở Mỹ ai cũng phải trải qua cả.

Đối với trẻ sơ sinh

Đối với những người sinh con cần phải chọn tên để đặt cho con ngay từ đầu. Với kỹ thuật y khoa hiện đại, các bậc cha mẹ có thể biết trước đứa bé là trai hay gái ngay từ khi còn trong bụng mẹ, cho nên có rất nhiều thời gian để chuẩn bị chọn cho con mình một cái tên thật xứng hợp vì biết nó đóng vai trò rất quan trọng cho tương lai đứa bé sau này. Trong tiếng Mỹ, khi bạn chọn một tên để đặt cho em bé mới sinh, cũng như trong tiếng Việt và hầu hết các nền văn hoá khác, bạn trao cho em bé ba thứ quà tặng: nhân dạng, di sản văn hoá và tiềm năng của em bé. Món quà thứ nhất đơn giản chỉ là tên để mà gọi, để phân biệt người này với người khác. Chắc bạn cũng nhiều lần bực bội khi người khác không gọi mình bằng tên, mà chỉ gọi trổng bằng những câu như: "Hey, you!" hoặc, "Hey, guy!" "Hey, my friend," hoặc khinh bạc hơn "Hey, amigo!" Những tên gọi này thường không có nội dung hay ý nghĩa bao hàm đặc biệt gì cả.

Nhưng khi bạn lựa một tên gọi mà phản ánh được gốc gác gia đình, chủng tộc hay xứ sở quê hương của mình, hoặc các giá trị văn hoá gốc của mình, thì bạn đã trao cho em bé một món quà mang tính chất di sản văn hoá.

Món quà thứ ba là tiềm năng của em bé. Bạn trao món quà thứ ba này khi bạn chọn một tên đặt mang nội dung ý nghĩa về những gì mà bạn mong về sau khi lớn lên, em bé sẽ thành đạt được. Tên bạn chọn lựa biểu đạt niềm hi vọng đó vào tương lai em bé.

Trong tiếng Mỹ có chừng 10 ngàn tên gọi khác nhau. Người viết bài này mong muốn những người Việt Nam sinh sống trên đất Mỹ chọn một tên Mỹ phản ánh được tên gốc Việt Nam dùng song song để gọi trong gia đình, dùng với người thân còn ở lại Việt Nam, và luôn nhắc nhở đến các truyền thống và di sản văn hoá lâu đời của dân tộc Việt. Mong có một dịp khác sẽ đề cập đến vấn đề này một cách chi tiết hơn.●

Sunnyvale, California 1997

BÙI DUY THUYẾT

KỶ NIỆM

Kỷ niệm tròn thế kỷ
Hạnh phúc đong thật đầy
Khổ đau cũng chồng chất
Không rượu nồng mà say.

Khoảng không gian huyền hoặc
Bản luân vũ lạnh lùng
Kiếp người trong gang tấc
Sao hận thù chất chồng?

Bao kiếp người vô tội
Hóa kiếp như về nhà
Mong hành tinh chuyển đổi
Hiện thực như nở hoa!

Thời gian trôi mệt mỏi
Ta như hạt bụi tròn
Loài người say rong ruổi
Mang gì về cõi không?

BẠN BÈ

LÊ MINH HÀ

(Tiếp theo kỳ trước)

Người đàn bà đã bảo cô bé mười sáu tuổi rồi tình duyên sẽ lật đật. Rút cục thành vậy thật. Biết bao nhiêu lần trở về từ một cuộc hẹn hò Thảo lại chán nản hiểu rằng mình chỉ ao ước được nghe lời tỏ tình từ người con trai ấy, người bạn học cũ, Quang. Quang đã không đùa đùa về chuyện ấy lúc chia tay, nhưng lúc đó mặt Quang bừng sáng, mắt nhìn nghiêm trang lạ kỳ: "Thảo hứa chờ Quang về rồi nhé!" "Nhưng Thảo vẫn có thể đi ăn chè với một ai chứ?" "Nếu không thì tốt hơn!" Sơn thân nhất với Quang chen vào: "Yên tâm vững bước mà đi. Thảo sẽ chỉ đi ăn chè với tao cho đến lúc mày về!" Cứ như trong một trò chơi trốn tìm. Sau này Thảo đã buồn rầu tiếc mình cứ hay đùa cợt như thế. Nếu không, thì chị có thể tin rằng Quang đã tỏ tình theo cách của Quang. Hoặc nếu không, chị đã không phải giữ lời thề của người ở lại. Như thế chị sẽ dễ dàng hơn biết bao mỗi bận đến nhà Quang. Ra trường, bạn bè thưa thớt dần, chỉ còn chị và Hương và Việt đều đặn đến nhà Quang ngày giỗ bạn. Như những người bạn cũ.

Nhưng bố mẹ Quang và chị gái Quang nhìn chị biết ơn và xót thương. Không biết nhà Quang hiểu thế nào về tình bạn giữa hai đứa mà khi đi tìm mộ Quang bà mẹ lại cho cô con gái đến nhà tìm Thảo. Lúc đó chị đang nghỉ ôn thi tốt nghiệp. Còn có năm tuần. Mẹ suốt ngày chăm bẵm cô con gái cưng sắp thành bác sỹ sững sờ ngồi phịch xuống ghế khi Thảo xin đi chơi xa. "Con về Phát Diệm với mấy đứa cùng lớp. Vẫn mang theo sách học mà mẹ. Cái Sâm nó cào khan cào vã mãi. Nghe bảo ở đó có khu nhà thờ đá trắng đẹp tuyệt vời..."

Tàu dập dình dập dình. Ngang Ninh Bình mấy bà buôn chuyến hò hét "đóng cửa sổ đóng cửa sổ ngay lại khéo vỡ đầu giờ." Đá trẻ trâu ném lên thình thình. Bến xe miền Tây. Chiều Tây Ninh nắng. Mẹ Quang rưới rượu vào cái tiểu sành bà khư khư ôm suốt chuyến đi.Thảo bàng hoàng trong khi con mắt nghề nghiệp nhoay nhoáy ghi nhận: hộp sọ, răng, xương đốt ngón chân, xương đốt ngón tay, xương bả vai... "Đấy không phải là Quang! Không phải là Quang! Không phải Quang!" Chị Quang giục đốt hương. Gió vật vã. Đồng trống. Trời xanh. Bó hương bốc lửa đùng đùng. Chị Quang thì thào thằng Quang về. "Không phải Quang! Không phải mình thắp hương cho Quang". Nước mắt Thảo ròng ròng. "Mình thắp hương cho mình."

*

... Nữ bác sỹ về nhà vào lúc xế chiều. Bó hoa huệ bọc trong lá dong gác gượng nhẹ trên thành giỏ xe. Có hai đứa con trai con gái đang nói cười rộn rã trước cửa phòng chị. Đứa con gái mừng rỡ: "Cô đã về. Chúng cháu chờ cô mãi. Mẹ cháu bảo đến làm bún chả mừng sinh nhật cô. Chiều muộn mẹ cháu mới đến được cô ạ. May cháu thông minh chuẩn bị tất tật ở nhà. Cô mở cửa cháu bê vào. Có cô này. Chú Việt này. Mẹ Hương cháu này. Mẹ cháu bảo chỉ bạn thân phổ thông với nhau thôi..."

Đứa con gái liến thoắng trong khi thằng con trai cẩn thận dựng xe khệ nệ bê hai cái làn nhựa đỏ chóe đặt lên bàn. Cậu trai cười bao dung trong khi cô bạn mở máy còn nhanh hơn trước: "Bún đây cô nhé. Cháu tầm đúng bún con bừa. Nước chấm trong lọ này. Chả trong xoong này. Rau sống rửa rồi. Đu đủ lúc nãy cháu mới mua được. Cô chịu khó gọt ngâm hộ cháu cho ngấm. Không là cô lại phải nghe mẹ cháu ca bài con gái con đứa đoảng thay cháu đấy... Dạ... Cháu đi luôn cô ạ. Chiều chúng cháu học thêm toán. Nhất định phải đỗ đại

học chứ cô. Có thế thì mới có quyền hy vọng những năm năm nữa."

Hai đứa con trai con gái nhìn nhau đồng lõa rồi nghiêm trang: "Chúng cháu chúc cô sinh nhật lần thứ..." và bối rối dừng phắt lại. "Lần thứ bốn mốt" - Nữ bác sỹ mỉm cười đón lời - "Được rồi! Thôi hai đ "Chính mình. Tuổi ấy. Bảy tám chín tám. Hai mươi năm rồi. Sao trong lồng ngực vẫn như có trái tim mười sáu tuổi?" Chị cắm cả bó hoa huệ còn nguyên lá dong bọc ngoài vào xô nước đặt ở góc phòng, lê tới giường, nằm vật xuống, ngủ lịm đi. Trong giấc ngủ, nữ bác sỹ vẫn nhận biết được tất cả.

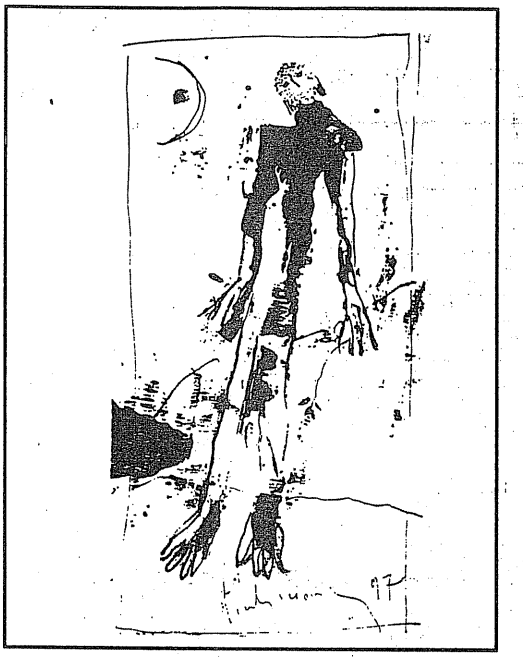

Tiếng một con ve kim chói lói xa xa gần gần trên vòm sấu. Tiếng lũ trẻ reo dưới phố. Bà hàng xóm mắng con luộc rau không mở vung để rau bị vàng. Mùi giấy đốt khen khét. Mùi chả nướng thơm ngột ngạt trong căn phòng đóng kín cửa sổ. Từng lúc, từng lúc, hoa huệ lại phất qua một mùi thơm thanh khiết, mong manh...

Nữ bác sỹ mở mắt khi nắng cuối chiều xuyên qua khe cửa sổ vào giường, rọi thẳng gáy chị. Người chị đẫm mồ hôi. Trong một thoáng chị không hiểu gì cả. Mùi chả nướng. Mùi hoa huệ. Mùi giấy đốt. Những âm thanh thực dường như nhỏ hơn lúc nghe trong mơ. Tiếng gõ cửa khắc khoải. Hương. Hương xì ke ngày xưa giờ nom thật mợ. Nhìn bạn, nữ bác sỹ nhận ra thời gian đã trôi đi như thế nào. Phải đổ ngay chậu gio giấy đốt mấy hôm trước. "Không cần giữ làm gì phải không Quang. Người ta chỉ giữ kỷ vật khi sợ sẽ quên..."

Ý nghĩ ấy lại đến với chị khi chị nhìn cô bạn có thâm niên chơi với nhau hơn hai mươi năm cẩn trọng cắt từng nhành huệ cắm vào cái lọ sứ trắng muốt. Hai mươi năm rồi Hương không còn thắc mắc vì sao chị mua huệ cho ngày sinh. Hai mươi năm rồi Hương chung với chị nỗi nhớ người bạn mãi mãi mười chín tuổi.

Lúc chị xách cái chậu còn vương muội tro quay vào nhà, cô bạn đang loay hoay sửa nhành huệ bị nghiêng trong lọ hoa vừa đặt lên bàn thờ. Một tấm ván. Một bát hương tàn vun cao hơn thành. Không một bức ảnh. Hương không quay lại. Hình như Hương nói gì.

"Gì cơ? Thủ thiết! Mày hỏi gì buồn cười vậy. Tao với Quang vô tư. Y như mày. Là bạn. Y như với mày."

"Cơ quan tao mới về một ông. Thảo này, tại chức thôi nhưng biết người biết việc lắm..."

... Con bé nhà mày đến đây lúc chiều. Đi với một thằng cu trông rất được. Hương này, nó đủ khôn để hiểu chuyện trong nhà rồi. Ông tại chức của mày... thôi để phần mày.

Hai người bạn gái nhìn nhau cười rũ. Nữ bác sỹ đưa tay nhấn công tắc đèn. Ánh sáng bừng lên, xô bóng chiều nhập nhoạng ra ngoài khung cửa. Ký ức như một cuốn phim được quay nhanh. Những người đàn ông chị đã gần gũi khi được sự đồng ý của hai cơ thể như dân y nhà chị vẫn hay đùa. Những người bạn gái giờ chồng già con lớn chắc là đã quên bẵng chị. Và Quang. Môi cười nhếch một bên vừa cởi mở vừa giễu cợt. Những bông ngọc lan trắng lấp lánh trong tàn lá xanh cứ mỡ đi sau trận mưa rào. Và Quang. Tiếng kèn Ôboa như tiếng vọng thẳm sâu, thanh thản, da diết. Giọt nắng chầm chậm chuyển trên vai đột nhiên nhảy nhót trên mái tóc khi Quang nghiêng người bên chiếc Ôboa chiều bế giảng năm học phổ thông cuối cùng... Đột nhiên nữ bác sỹ nhận ra ý nghĩ lạc đi đâu đâu. "Giá mà Hương quên ngày sinh của mình!" Chị lắc đầu: "Con bé năm nay thi đại học rồi. Mười bảy rồi đấy nhỉ? Tháng sau à?"

Nữ bác sỹ nhớ tới thân hình dẹp lép và cái đầu trọc lóc của cô bé đang phải thở máy trong phòng cấp cứu. Nhớ tiếng làm ràm của cậu thợ chữa đồng hồ ở Ái Mộ Gia Lâm vào viện mấy hôm trước vì uống thuốc trừ sâu, nhớ cái bụng ỗng nước của cậu sinh viên bị đè ra rửa ruột sáng nay, ngỡ ngàng: "Sao bọn trẻ bây giờ thích tự tử thế không biết!"

11.1998

RỪNG

NGUYỄN HÒA TRƯỚC

Mãi khi nhìn thấy con lộ chạy ngoằn ngoèo giữa hàng thông dẫn tuốt xuống một lòng chảo rậm rì mà ở vị trí đang đứng chỉ có thể chạm mắt với các tầng xanh gối đầu phía dưới, còn về chi tiết thì hoàn toàn không khai mở được gì, Trúc mới tin rằng mình đã đi lạc. Bờ dốc nhỏ dẫn anh sang bên này quen thuộc quá; cả các nhánh của nó cũng chẳng xa lạ gì với anh. Thế mà chỉ trong thoáng mắt, không gian xuất hiện khác hẳn. Xa tít phía bên kia, hai đỉnh nhọn của rặng Lâm Viên đã mất hẳn màu tím trường cửu. Màu của núi bây giờ là màu bạc pha tro, giống hệt màu của đất sau khi lớp cây trên đó bị thiêu xoăn trong những vụ đốt rừng làm rẫy của các sắc dân thiểu số cao nguyên. Đường viền từ lưng đổ lài xuống hai bên thì vẫn tươi mướt như thể vừa tắm xong. Trúc nhấc cánh tay trái lên, vén tay áo, ngó xuống. 12 giờ. Đúng ngọ. Bóng anh mấp mé tranh giành chỗ với hai bàn chân. Nắng đầy. Chưa bao giờ núi rừng no nắng như hôm nay tính từ lúc mùa mưa khởi sự cách đây non hai tháng. Cảnh vật hoàn toàn xa lạ. Anh ngài ngại. Chiếc bóng của anh nhỏ bé quá, đến độ chỉ bằng một cộng chổi lá của ngàn thông ngun ngút chung quanh. Thiên nhiên như đang nuốt gọn anh vào. Nhưng mặt khác, vẻ tĩnh mịch chập chờn của rừng già lúc giữa ngày có vẻ gì ấm áp, huyền ảo lạ thường. Nó giảm nhẹ ngay mối băn khoăn trong lòng. Mà ngay lúc lo âu vì lạc lối, anh vẫn khó phủ nhận sức thu hút kỳ diệu của thiên nhiên. Cảm giác này giống hệt với cảm giác lúc anh còn ở trong tù, ngày ngày vào rừng chặt gỗ. Có thể nói không lần nào mà anh không bị lạc. Anh tự hỏi phải chăng vì khả năng nhận diện địa hình địa vật của mình quá kém hay rừng rú với anh có sức mê hoặc nào đó khó hiểu lắm mà cứ hễ đặt chân lên lãnh thổ của nó là anh như mất kiểm soát phương vị và bước

chân mình. Một lời gọi mời khong tiếng như luồng nước cuốn anh trôi về hướng đã định. Anh khó làm được gì khác hơn là buông theo. Rừng chứa anh, nhận anh như một thành phần của nó; chỉ có cái anh tự biết chẳng bao giờ mình có thể tự biến ra làm một đọt cây để cùng xẻ hít khí trời, vẫn ý thức được rằng mình chỉ đang là kẻ đi tìm; và cái mà mình đang muốn nhoài vào lòng kia chưa thể là vòng tay hằng mong đợi. Rừng núi khoan dung như mẹ, mở rộng, vẫy chào. Còn anh thì ngượng ngùng, gượng gạo sao ấy. Lòng anh còn xao động quá vì tiếng đời tiếng người nên khó thể hư vô hóa tâm tư để hòa trọn với thiên nhiên. Anh tự thấy mình như gian lận, không sòng phẳng với nó. Cánh tay rừng êm ái với lớp lớp thảm lá mịn màng thật chung tình mà cũng thật khoan thứ kiên nhẫn chờ thân anh ngả xuống, song anh chưa thể lắng lòng tận hưởng cảm giác thanh bình do rừng núi hiến dâng. Lời gọi của rừng vẫn không là lời gọi của một người. Giọng của rừng lúc nào cũng thoang thoảng, đơn nhịp; còn giọng của người ấy thì biến chuyển thanh thoát đến ngàn trăm cung bậc có khi chỉ trong một câu nói, một điệu cười.

Âm xạc xào bỗng nghe trong vòm lá. Trúc ngẩng lên. Một chú sóc vàng nâu từ lưng chừng bọng cây bỗng vọt lên tít cao. Nắng đuổi theo, nhưng bị chận lại nửa chừng. Đám lá ngay chỗ ấy chợt óng ngời lên trong vài tích tắc, rồi trở thẫm lại sắc cũ. Dễ đã đến hơn nửa giờ từ lúc anh đi dọ đường. Có lẽ Bích đang nóng lòng lo bấn lên rồi. Nghĩ đến Bích, anh đâm sốt ruột lây. Phải tìm cách trở lại chỗ cũ. Trúc không quên khi mới xuất phát, theo phương cách đi rừng mà những bài học ở quân trường đến nay còn mang mang trong trí nhớ, anh đã chọn một gốc thông to nhất làm điểm chuẩn. Góc thông nằm ngược hướng với mặt trời. Mới năm phút trước, anh còn nhận diện nó ở vị trí 11 giờ. Lúc này thì không thấy đâu nữa. Mà anh vẫn còn giữ phương thẳng góc với mặt trời chứ chưa thay đổi. Quái thật. Nỗi bứt rứt mọc gai châm chích. Anh rảo bước lên tận cuối dốc lài, nhìn xuống. Dưới kia là lòng chảo đậm đặc. Tuyền cây và đá. Không lối dành cho người. Lần đầu tiên anh đặt chân đến khu vực này. Trước mặt là lũng xanh. Hai bên là dốc núi chớn chở đan lóng phên. Lối duy nhất lưu thông được là lối mà anh vừa bước đến. Phải quay lại thôi.

Càng đi Trúc càng thấy lạc nhiều hơn. Những đoạn đường khuất khúc vừa vượt qua hoàn toàn giống nhau cho anh cảm tưởng mình đang xoay tròn. Điểm vừa mới xuất hiện bây giờ cũng mất dấu. Mặt trời hơi chếch về trái. Bên phải là bóng anh. Anh cứ bước cầu may. Rừng và rừng. Hướng nào rồi cũng vậy thôi. Đến một lúc anh chợt mất bình tĩnh. Thế này thì biết bao giờ mới tìm được ngõ ra? Còn Bích nữa. Một mình trong rừng vắng, cô ấy sẽ hoảng hốt thế nào? Nỗi lo lắng tăng cao. Anh quên cả bản thân, mà chỉ còn nghĩ đến Bích. Không làm chủ nữa được mối âu lo đã biến thành sợ sệt bắt đầu quặn lên, Trúc vụt chạy về phía mặt trời, vừa chạy vừa gọi tên cô bạn. Gió lạnh và nắng nóng ùa qua hai lỗ tai rát rạt như cát rẩy. Một giây thẳng thốt nào đó, Trúc tưởng chừng như nghe Bích gọi tên mình. Tiếng kêu không đánh vào đá núi mà bị bạt ngay bởi đà anh chạy. Anh đứng phắt lại, dáo dác nhìn. Chỉ có tiếng gió gọi nhau luồn qua đám chổi thông ra chiều nhạo báng. Anh lấy lại hướng và tiếp tục chạy. Tên Bích như trăm ngàn mũi tên búng tua khắp phía. Chỉ là những điểm thoát vào chân không. Hơi thở của Trúc đã nghe nặng và u u trong màng tai. Rừng chạy cuồng lao về phía anh. Cây cối như tróc cả gốc vùn vụt băng theo. Chân anh như cùng đạp đất bay lên, nhẹ hững. Hai lực chuyển di theo chiều đối nghịch với tốc độ chóng mặt. Trúc kinh hoàng thấy khoảng cách như bị hút trọn vào mình. Rừng cây trong mắt anh nở ra mỗi lúc một dầy bện. Bên tai anh bây giờ không là gió vút nữa. Thay vào đó là nhịp dội thình thịch của quả tim nghe kinh động như thể anh đang tiến gần một thác nước. Cây rừng trong chớp mắt đã nhân lên thành hai thành ba, đan vòng cung, quây anh ở giữa. Anh lọt tõm vào, nhồi múa trong vòng vi của chúng. Hơi thở nghẽn lại và ánh trời tắt liệm. Trúc bơi giữa một bể bọt và cảmgiác bắt đầu bị tráng đều bởi một lớp nhựa vô thức sền sệt. Bích gọi bên tai, rền như tiếng tù và lách trong tiếng sấm. Anh há miệng, nhưng câu trả lời đã sặc sụa khói lũng chương đềnh lên.

*

"Anh Trúc! Tỉnh dậy đi! Anh Trúc!"

Có cái gì đập vào vai, sau đó là một chuỗi lay lắc. Rừng cây loãng ra, và mặt trời chiếu lên mặt. Quả bóng vàng rực nổ bung thành trăm sắc. Trúc nhắm vội đôi con ngươi vừa mới dãn nở. Trán bỗng mát rợi với giọng nói thân quen mà dù có bỏ quên đi thính giác, anh

vẫn cảm rung rõ ràng:

"Hay quá! Anh đã tỉnh rồi. Gớm! Mơ mà cứ dẫy đùng đùng như đánh vật với ai đấy không bằng!"

Nụ cười làm sáng chiếc răng hàm góc hay chiếc răng đã làm nụ cười sáng lên rồi hìn hảnh người con gái hiện ra rạng rỡ. Vẽ trong anh là hai con mắt đen hơn màu thông khi ngủ trên chiếc võng đêm, rồi đường viền trái xoan gầy của gương mặt, nhọn của chiếc cằm, phẩy của bờ mũi; tất cả tuần tự lắng hình, tách bạch. Thoáng ưu tư chỉ sót lại như vệt mây cuối cùng lúc tia nắng đầu tiên ló dạng. Bích nhỏ bé trong xương thịt, nhưng bóng của nàng thì lại trùm kín cả một góc rừng. Trúc đưa bàn tay lên che ngang trán. Nét cười nàng choãi ngang tựa một sợi sương. Bích hỏi tiếp:

"Anh có nghe em vừa nói gì không? Sao cứ ngơ ngác như vẫn còn đang nằm mộng thế?"

Trúc nhìn Bích, nói mà như nói với chính mình:

"Mình lại thấy 'nó'!"

Bích không hiểu:

"'Nó!' Anh nói 'nó' là gì?"

"Rừng."

"Rừng?"

"Phải. Rừng. Nhân vật mà anh vẫn kể cho em nghe. Nó đeo đuổi anh trong rất nhiều giấc mơ, Bích ạ. Không phải chỉ những lúc anh cô đơn, mà cả ngay những lúc bên em, những lúc mà anh cảm thấy rất hạnh phúc, rừng vẫn không quên anh phút nào."

"Em nghĩ, chính anh mới không thể quên những gì đã trải qua, cho dù đoạn thờigian ấy gộp chung lại chỉ bằng một góc trong 'chiếc khuôn đời của anh,' theo cách ví von mà anh thường nói với em."

"Chẳng phải thế đâu. Bích chớ sắp xếp chung một chỗ các câu anh nói với em vào nhiều thời điểm khác nhau. Phải, dầu khoảng thời gian ấy chỉ là một phần nhỏ trong quãng đời anh sống tính đến hôm nay, nhưng dấu ấn của nó thì lại quá khủng khiếp để đôi khi nào đấy hất bóng xám che mờ cả những gì tươi tắn, thơm tho, lạc quan nhất. Có thể em đúng, hiểu dưới khía cạnh nào đấy: anh không thể quên được nó! Nhưng cái 'nó' mà anh vừa mộng thấy là rừng. Cùng danh xưng, nhưng cái 'nó' này có nhiều mặt rất tích cực. Dầu sao anh cũng xin lỗi đã khiến em buồn, thắc thỏm, bất an, ngay cả những buổi sáng như buổi sáng hôm nay, những buổi sáng mà lý ra em có quyền thắm mởn như bao chùm lá thông chung quanh, rộn sắc như tiếng chim reo trong màn bướm vỗ; và anh chỉ có quyền nhìn ngắm, chiêm ngưỡng, kính cẩn biết ơn nguồn hạnh phúc đã chọn trao vào tay anh."

"Em hiểu tâm trạng của anh, và nghĩ rằng có thể chia xẻ ít nhiều với anh về điều đó. Em hy vọng tình yêu mà em đặt vào anh, tuy muộn màng, nhưng cũng có thể giúp anh xoay hướng nhìn ra ngoại giới phần nào."

"Anh cảm ơn em, không phải bởi những gì em nói, mà vì những gì em cảm và sống với. Nhưng Bích này, rất nhiều lần anh biết mình hoàn toàn dứt lìa được quá khứ, tâm tư buông lơi, trả thời gian lại cho hiện tại một hiện tại no nê bằng sự hiện diện của em. Những lần ấy anh không gợn lòng chút nào với Ngọc, với các trại tù, với bất cứ ai và cái gì khác ngoài em và sự gần gũi của chúng mình. Thế thì tại sao giữa cơn đọng lắng ngất ngây như vậy mà một cơn mê lại có thể hình thành đẩy anh trở lùi vào thế giới kỷ niệm mà anh thực sự đang quên? Hãy ngừng bàn về Ngọc càng giải thích và cải chính nhiều chỉ càng khiến em buộc tội anh là tránh né, nguỵ biện mà chỉ đề cập đến thiên nhiên thôi. Bích ơi, tuy rừng núi với ta luôn là một câu đố đầy đe dọa, nhưng với riêng anh, đằng sau nỗi đe dọa ấy, rừng núi còn là mối khích lệ và đùm bọc. Tuy hàng bao tháng trời không ngớt gặp khốn khó vì lạc dấu, anh vẫn không mất đi chút nào nỗi đam mê mỗi buổi sáng được bỏ lại sau lưng trại tù ngột ngạt ngước mặt hân hoan trở vào địa giới lồng lộng của nó. Phải, đúng là một cuộc trở về, Bích ạ, trở về với chiếc nôi cội nguồn ấp ủ ta những phút giây đầu đời. Nếu trong tình yêu, con người dăm lúc đánh mất chính mình thì với rừng núi, hầu như bao giờ anh cũng lạc mất chính anh. Anh nói, song không muốn chút nào so sánh tình yêu mà anh có cùng em với nỗi miên man mà anh gửi cho núi rừng. Anh khó tưởng tượng được tại sao giữa lúc chúng mình đang bàn chuyện gì đó trong không khí tuyệt vời buổi sáng nay mà anh lại thiếp đi được nhỉ? Đêm qua là một trong những đêm hiếm hoi anh ngon giấc. Anh đâu thiếu ngủ như bao buổi sáng khác trước đây? Yếu tố đắp bù, trong trường hợp này, quả khó đứng vững."

"Thể xác anh thì không, nhưng tinh thần anh thì ngược lại. Có điều anh không tự biết đấy thôi. Anh suy tư nhiều quá. Đã đành trong nội giới, ta tìm lại được chính mình; nhưng nếu chỉ biết có nội giới thì em e rằng cái tôi

mà mình tìm lại được kia cũng chỉ là một cái tôi khập khễnh, thiếu sinh khí, lạc lõng và rất dễ sinh ngạo mạn, lệch lạc. Ngoại giới hiểu như thế, đóng vai trò đối trọng. Nó cân bằng tâm trí và dịu hóa dung nhan mình. Đi tìm xuất xứ cho thái độ và nhãn quan kia của anh cũng như của rất nhiều người khác, dễ thấy ngay là do chiến tranh. Anh à! Có cuộc chiến nào mà chẳng phi lý, phi nhân? Có mất mát nào mà chẳng làm ta ngỡ ngàng, chấp chới, nhất là khi mất mát ấy do chính đối tượng mà ta cứ ngỡ cũng ở bình diện con người như ta gây nên? Thất bại của chúng ta không do thiếu thốn phương tiện vật chất, mà do sai lầm từ căn bản trong việc nhận chân và đánh giá đối phương. Chúng ta đã bị huyễn hóa giữa đối tượng và chủ thể, hay đúng hơn, đã đồng hóa mình với đối tượng, đã đặt gán nhân tính từ mình lên đối tượng. Chúng ta quá nhân đạo, bước vào cuộc chiến mà vẫn đeo theo trọn vẹn trái tim từ ái. Tính cách thê thảm trong thất bại về phía chúng ta ở chỗ, ta ít cay cú vì dã tính dã tâm của kẻ thù, mà cay cú nhiều nhất vì sự khoan nhượng không đáng và không nên có của chính chúng ta với kẻ thù trong giai đoạn sống còn đó. Ta tự trách và căm thù chính sự bị lường gạt của chúng ta. Lý do thứ hai cắt nghĩa cho thái độ thoái thân kia của anh là Ngọc. Bóng hình của chị ấy vẫn còn bít nghẽn lắm mọi kẽ em lách len vào. Em không ghen với Ngọc lấy tư cách gì mà em ghen với chị ấy cơ chứ? Nhưng em chỉ muốn anh hiểu và chớ quên điều anh nói với em rằng sức khỏe và vận số của mỗi cá nhân hoàn toàn bị chi phối bởi sức khỏe và vận số của đất nước, quê hương; và nỗi khổ đau nhục nhằn của mỗi một con người như thế có là gì so với nỗi khổ đau nhục nhằn đang thốc tháo dội lên dân tộc, đồng bào? Chắc hẳn anh cũng đồng ý với em, dầu sao chúng mình vẫn còn là những cá nhân may mắn? Nói như thế không với mục đích tự anủi hay tự đánh lừa, mà chỉ nhằm nhận thực rằng chúng mình sống sót. Và cuộc sống thì bao giờ cũng quý giá, đặc biệt là cuộc sống đã từng kinh qua mấy tầng cái chết. Cuộc sống những người còn lại hôm nay đã được tôi luyện qua lửa địa ngục. Nó sáng láng. Nó tinh khôi. Nó nguyên vẹn. Mất mát của từng trường hợp người càng tỏ lộ tính chất toàn vẹn của cuộc sống, của ý sống. Vậy thì chẳng lý gì mà ta lại bào mòn nó đi vì vùng đen quá khứ."

TRẦN YÊN HÒA

MƯA

Một chiều buồn, Cali, mưa đổ
Bỗng nhớ em, nát ruột, bầm gan.
Mưa trút nước, như lòng ta, đất lở.
Đời hắt hiu, từ độ, lang thang.

Hiển hiện đó những ngày cùng tháng
Những mùa trăng cố xứ chập chùng
Những hoảng hốt vây quanh hồn lạnh
Những hoang đường mù tối mông lung.

Ta trở lại trái tim buồn lạc nhịp
Nồng nàn em hơi ấm của người
Chút máu loãng cũng vô cùng tội nghiệp
Một bài thơ vừa chảy giữa đời vui.

Mưa và nắng, của vô cùng trời đất
Của Cali, đêm xuống, lạnh vô cùng
Lạnh như thuở cuộc tình ta bỗng mất
Giữa nhân gian đêm mù tối mịt mùng.

Nhạc hay Họa, hay điêu tàn, mộng mị??
Kiếp phù sinh như sương tụ trên cành
Thơ hay Phú giữa lòng ta, kẻ sĩ
Cũng phù du, hư ảo, mong manh.

Anh nhớ em, có thêm mưa, nhớ quá
Suốt đời anh, còn lại, là mưa
Đem trang trải cùng người, nơi xứ lạ
Như câu hò, ghi một dấu tình xưa.

Giọng Bích trầm đều khoan thai trôi trên cùng nấc thang cung bậc. Trúc nghe mà cảm nhận sau lớp thịt da mà từng thanh âm đang xuất mở chờn vờn kia tiếng cựa mình của con tim. Con tim của Bích và của chính anh. Trúc nhìn xuống điểm tiếp giáp của hai vạt chéo áo của Bích, dưới đó cư ngụ một cơ quan duy trì sự sống, mường tượng thấy cả giòng máu từ lồng ngực người yêu đang dào dạt chảy qua cơ thể mình. Bất giác anh nghe nóng rang cả người. Hạnh phúc thì đã hẳn. Nhưng pha trộn trong đó là một thứ cảm giác gì khác nữa. Có lẽ là sự xấu hổ cho chính anh, và nỗi bất nhẫn cho Bích.

Từ tư thế suy tư, hàng thông trước mặt bỗng vần rung hàng chổi lá. Gió về lại. Đó là ở dưới này. Trên cao, mặt trời nằm mỏi trong mây. Vai Trúc hơi nặng, và nhột. Bích vừa xong thế nằm và đang gối đầu lên cánh tay anh. Mái tóc cùng lời nói chảy thành dòng suối ôn nhu:

"Cho em xin lỗi vì cái tính nói nhiều vừa qua. Nhưng anh ơi, làm sao em đành tâm cho được khi ở bên em mà tia nhìn của anh như gởi tận đâu đâu. Em yêu anh, yêu con người anh, và yêu cả những gì anh chất kín trong đầu, đầu chúng với em chỉ toàn ẩn số. Nhưng điều này lắm khi vẫn không giúp em tránh khỏi ý nghĩ mình hoàn toàn đứng ngoài vòng sinh hoạt và phóng rọi của tâm tư anh, rằng mình là thừa thãi, hoặc hơn thế, là chướng ngại của anh."

Trúc nghiêng nửa phải, choàng tay qua ôm lấy nửa thân người Bích. Anh cúi thật sát, nói thầm với những lọn tơ vừa được gội sáng nay của người con gái:

"Không. Chính anh mới là người cần xin lỗi. Xin lỗi vì đã nhận quá nhiều từ em mà chẳng đáp trả lại được mấy. Xin lỗi vì đã mang bóng mê bất an về phủ lên ánh ngày tin yêu của chúng mình. Anh còn phải cảm ơn em, cảm ơn em nhiều nữa cơ, vì em đã nói hết hộ anh những gì mà anh muốn nói với chính mình, nhưng bởi lý do này hay lý do khác, anh chưa, hoặc chưa dám thực hiện, hay chỉ thực hiện nửa vời. Bọn anh mang tiếng là nam nhi, là chiến sĩ, nhưng thật ra trong một vài khía cạnh nào đấy so với phái nữ các em còn kém kiên quyết và thiếu đởm lược hơn nhiều. Em nói đúng, suy tư lắm nhiều khi chỉ dẫn ta vào ngõ cụt thay vì đưa ta đến giải pháp. Suy tư là tiền đề của lối thoát, nhưng cũng chính là phá đề của nó vậy. Thôi, chúng mình không bàn luận suông nữa. Giây phút này vô vàn giá trị, ta hãy hưởng cho trọn vẹn. Anh đưa Bích vào sâu trong bản của sắc dân Coho bên kia thung lũng tìm mua giò lan nào thật đẹp, để làm gì, Bích đoán được không nào?"

Người con gái quay lại. Hai đầu mũi chạm vào nhau. Trúc thấy nhớt ướt nơi chót mũi mình. Mùi mồ hôi quyện lấy mùi nắng mùi phấn mùi hơi thở từ nàng lan sang với câu thắc mắc:

"Để làm gì à? Em chịu thôi! Anh mà hỏi thì chỉ có trời mới đáp được."

Trúc dùng sóng mũi của mình ẩy gương mặt nàng lên:

"Thế thì em còn dãng trí hơn anh nữa đấy. Để làm gì ư? Em chẳng nhớ thứ Bảy này là sinh nhựt của em sao?"

"Ồ! Em quên khuấy đi mất thật! Bích reo lên, bổng bột trẻ con. Mà anh phải mua cho em giò lan màu tím cơ. Hoa là của em, nhưng màu là của anh. Như thế anh không thể nào chỉ yêu màu tím mà không đồng thời chăm chút đến hoa. Đồng ý? Sẽ chẳng thể có thứ sắc màu lơ lửng và không buộc phải bám víu vào một nội dung nào trong thực tế này đâu, người tình triết học của em ơi!"

Trúc cười, đứng dậy vừa đủ tầm, tay phải vươn ra kéo Bích lên, giữ nàng lại giây lát trong vị thế chưa được vững lắm, ngắm thật sâu vào hai hộc ảnh của mình lồng đối xứng trong hai tủ mắt đen của Bích thay cho lời đáp. Bích nhướn người chút về phía Trúc cho thế đứng hoàn hảo, cong hai khuỷu, dùng hai bàn tay vuốt sơ lại mái tóc. Hai bóng nhường nhau. Trúc nhìn người yêu, lòng khẽ se lại. Bích hồn nhiên quá, ngây thơ quá. Đó là khía cạnh khác trong chân dung của nàng ngoài khuôn mặt chững chạc, chín chắn đến như lạnh lùng thường nhật. Giữa hai, khuôn mặt nào mới là đích thực? Anh chùng lòng khi cảm giác bất nhẫn lóe lên. Mình có lừa dối cô ấy không nhỉ? Và mình có xứng đáng với tình yêu của Bích chăng? Anh thấy khó mà xác định được tư tưởng và tình cảm của mình. Thôi, mặc nó! Hiện tại tràn trề buổi sáng nay dành riêng hai người. Ít nhất không nên làm nàng mất vui trong lúc này. Và cả anh nữa.

Nắng theo hai người xuống con dốc thoai thoải quanh một khúc đồi thông non. Rừng im tiếng. Gió đã ngủ trưa. Vũ trụ bao la đang thiếp trong giấc phi thời gian. Bản thượng chờ đợi sau dãy đồi thứ hai.

*

Tin chiến sự từ đáng thất vọng đến bi đát liên tiếp bay về tấp mặt hàng ngày trên trang báo bắt đầu gieo hoang mang trong lòng người thành phố. Một số vị chỉ huy cao cấp thay phiên nháo nhào rút chạy bằng mọi phương tiện khả thể, trút trách nhiệm và hiểm nguy lên vai thuộc cấp. Các tỉnh trọng yếu lần lượt bỏ ngỏ theo cái chiến dịch "di tản chiến thuật", phơi phới toang hoát chào mời địch vào tiếp thu. Chiến thắng dễ dàng quá đến kẻ nhận lãnh cũng phải ngỡ ngàng. Tiếng súng không chỉ rền rĩ ngoài trận tiền mà đã bắt đầu gây địa chấn trong không gian bên kia con sông là chướng ngại nhỏ nhoi cuối cùng cho quân địch. Các nút chận bảo vệ thủ đô Sài Gòn đều bị bứng rễ, vì lý do này hoặc lý do khác, phô trần trụi một thành phố phập phồng trong nỗi chết, với sinh hoạt khô ương thu hẹp 24 giờ của ngày lại phân nửa là quãng thời gian không giới nghiêm từ rạng tối tới rạng sáng. Rồi một đêm, giấc ngủ người Sài Gòn bị đâm toát hung tợn bằng từng loạt đạn nghe thật lạ, thật chói tai rít bổng trời, há hốc mồm lết kéo âm thanh kỳ dị tru tréo tóe tung làm thương tật cả một khoảng trời thơm đặc sao; những loạt đạn như bắn đi từ địa ngục, nóng dẫy hờn căm. Nhà dân bị pháo kích. Thân người Sài Gòn đã gục xuống, cả toàn vẹn lẫn vụn nát, ngay trong ngôi nhà êm ấm của chính mình, trước cặp mắt trợn trừng rách khóe chứng kiến của thân nhân. Chiến tranh đã lên tiếng ngay trái tim của một chế độ, nơi mà ai cũng nghĩ là muôn đời thanh bình yên ả. Dân Sài Gòn sợ sệt, hoảng hốt. Tên kẻ thù với hai âm không cần đọc lên đã đủ gào gừ như bản án chết. Mà thật ra nó còn khủng khiếp vạn lần hơn cái chết. Nó cưa xẻ thịt da và đầu óc con người thành phố bằng nhịp chậm đầy tự tin. Chẳng ai nghĩ rằng biến cố ấy lại có thể xảy ra. Người ta có thể tin vào bất cứ điều gì ngay cả ngày tận thế trừ diễn tiến trước mặt. Nồi nước sôi chắc cũng không nháo nhào bằng lòng người lúc ấy. Rồi đạn địch từng đêm chúi mũi vào thành phố. Hình thái bẩn thỉu và kém mã thượng nhất của chiến tranh đã bị trưng dụng. Cứu cánh đã biện minh cho phương tiện. Tiếng rú thùhằn của kẻ gây chiến vỡ bùng trong sức tàn phá của hỏa tiễn rền rung vào lúc bắt đầu ngày như một nhắn nhủ đầy dọa nạt: từ nay, Sài Gòn sẽ hết hẳn bình minh rộn rã. Thay vào đó là bóng đêm và khủng bố! Khủng bố ngay trên đầu người dân suốt cuộc đời chỉ biết lam lũ làm ăn và mọi hoạt động chính trị chỉ đóng vai những sinh hoạt bên lề. Sự đổ vỡ cùng cái chết lộ mặt lúc bình minh phơi trần theo nó tính cách tương phản và bi thảm cực cùng của chiến tranh. Cuộc chiến không công bằng ngay từ bản chất. Ranh giới chiến tranh đã bị kẻ địch đơn phương xóa bỏ. Thành phố dân cư, với họ, bây giờ cũng là chiến tuyến. Người Sài Gòn, nếu phải là chiến sĩ thì cũng chỉ là những chiến sĩ khiên cưỡng, không trang bị, không chiến thuật chiến lược; những chiến sĩ mà ngay cả tên gọi của phe gây hấn cũng chẳng dám đọc lên hay nghĩ đến bởi chưng nó đồng nghĩa với ác mộng và là biểu tượng của bạo lực tởm lợm. Trong chiến tranh, với phía bên kia, tất cả những gì, những ai thuộc về đối phương cũng đều có tội và do đó, đáng hủy diệt. Người Sài Gòn lắc lay giữa hai mốc thời gian: ban ngày không bình tâm trong công việc, còn đêm về cũng chẳng chút hứng lòng với nghỉ ngơi. Trạng thái lửng lơ khắc khoải treo thần kinh con người lên sợi dây mỏng manh của nó. Chiến tranh vũ khí đã chuyển sang chiến tranh cân não, như một trò cút bắt và một phía hoàn toàn không biết được dáng hình cùng nơi trốn nấp của phía bên kia. Thành phố ngơ ngác. Người ta ít trao nhau bằng lời, bởi lời nói ra sẽ kèm theo nước mắt. Đó là điều mà người Sài Gòn không muốn. Họ tỉnh táo trong bới bời. Người ta không cần nhìn vào gương soi nhân dạng của mình, vì sẽ bắt gặp nó trong dung mạo những người chung quanh.

Chiến tranh đã đồng nhất hóa được bản sắc của một thành phố đa diện. Trước cái chết hay đúng hơn, nỗi hãi hùng sắt se của cái chết các giai tầng xã hội cùng mang tính chất và dáng dấp như nhau. Nỗi kinh hoàng gieo rắc cố ý bởi đội quân đến từ rừng rú đã hoàn tất không gặp mảy may sức chống cự sứ mạng của học thuyết mà họ vẫn rêu rao.

*

Trúc đón Ngọc trước cổng trường trong thế ngồi một chân gác trên bàn đạp chiếc Honda còn chân kia chống nghiêng xuống mặt đường giữ thăng bằng. Một tay Ngọc cầm cặp, tay kia chốc chốc lại vẫy trả nhóm Sinh Viên đang đứng dọc hành lang lớp. Nhìn thấy anh, Ngọc cười tươi và rảo bước lại. Anh cười trả, sửa thế ngồi. Ngọc đặt cặp vào chiếc giỏ sắt trước xe, rồi vòng ra yên sau vén áo ngồi lên. Trúc nhập vào dòng lưu thông hối hả và hỗn độn. Cánh tay Ngọc ôm anh chặt hơn bình thường.

Nàng áp má vào một bên vai anh. Giọng nàng ấm sau gáy:

"Hôm nay Sinh Viên bỏ lớp nhiều quá anh ạ. Ghế bàn nhiều hơn học trò. Ngay cả các anh chị nổi tiếng là chăm cũng vắng mặt. Số đến lớp hầu như cho có, chứ em thấy họ có nghe, có ghi chép gì đâu? Giữa buổi, em đặt ra hết câu hỏi này đến câu hỏi khác nhằm gây thích thú và tạo sự tập trung cho họ, nhưng chẳng ai đáp được lấy một phần. Nét mặt họ ngơ ngác thế nào. Em không tưởng tượng được đó là những Sinh Viên năng động và hiếu học đáng yêu thường ngày. Họ hoàn toàn biến thành những con người khác: già nua, lạc lõng, bất định. Nhìn họ mà tội nghiệp sao ấy!"

"Ngọn gió man rợ của chiến tranh sắp sửa xô bạt cửa trường, Ngọc có nghĩ thế không? Với nhịp độ không phải đi, không phải chạy, mà là như bay này, có thể sớm mai thức dậy, chúng mình đã chạm mặt với nó rồi, ở đây, trong lòng hậu phương, nơi thành phố, giữa thủ đô, ngay trước học đường. Danh từ "văn minh" khi ấy hoặc chỉ còn trên sách vở hoặc trong trí tưởng những con người Sài Gòn chúng ta."

"Đơn vị của anh ra sao? Anh vẫn ngày ngày lên tận Biên Hòa trình diện đấy chứ?"

"Thì vẫn. Và vẫn đợi lệnh. Thật ra, từ buổi bình minh ngày đầu tháng Tư, khi Đà Lạt đã bị bỏ lại phía sau, lửa đỏ và thông xanh ngời trong tròng mắt, trên những đoạn đèo dị tản, với bọn anh, đơn vị nào rồi cũng sẽ như một mái lều trú tạm. Đời quân nhân không chọn lựa đơn vị. Bình thường, điều này nếu đã đúng thì, trong tình thế chông chênh như hiện giờ, nó lại càng đúng biết bao. Thành phố trữ tình là thế. Rơi vào tay thù, dầu không bị xéo dày theo nghĩa đen của danh từ, nhưng chỉ với sự có mặt và hơi thở của họ, Đà Lạt đã bị nhiễm độc sặc sụa lên rồi. Còn Sài Gòn này của em nữa. Số phận của nó chừng khó tươi tắn hơn chút nào. À, Ngọc này, chiều nay em có giờ ở Kinh Thương chứ?"

"Vâng. Anh đón em nơi quán nước đầu bến xe Sài Gòn Đà Lạt khoảng sáu giờ, nhé!"

*

"Ô kìa, Ngọc. Sao em lại đến giờ này? Sáng nay không có giờ à? Em vào đây!"

Ngọc vẫn ngồi trên xe. Cặp sách vẫn nằm trong giỏ trước. Nàng cười nhưng khuôn mặt chẳng sáng lên là mấy:

"Em mới ghé qua trường. Chỉ lèo tèo vài ba Sinh Viên. Mọi lớp khác cũng chẳng khá hơn. Giáo sư Khoa trưởng hội ý với thầy cô dăm phút rồi bảo Sinh Viên ra về. Chờ lệnh! Y như anh. Anh sửa soạn nhanh rồi đi Thủ Đức với em."

"Thủ Đức? Bây giờ?"

"Vâng. Anh không muốn?"

"Không phải. Chỉ hơi ngạc nhiên thôi. Mọi lần, anh thấy em căng thẳng lắm mà. Sao hôm nay lại thoải mái thế nhỉ?"

"Em sợ rồi chúng mình sẽ khó có dịp thăm lại nơi mà hai đứa... gì nhỉ? Anh còn nhớ không?"

"Tỏ tình với nhau?"

"Kể ra anh chẳng đến nỗi. Khá lắm! 'Cô giáo' có lời khen."

*

"Anh cho em ra trụ sở USAID chút. Em cần đưa ít giấy tờ cho mẹ. Rồi lúc về, cho em ghé qua Nha Ngân Khố, anh nhé!"

"Em làm gì ở đó anh muốn hỏi ở Nha Ngân Khố ấy?"

"Mẹ bảo em ra đấy nhờ người quen đổi cho chút đôla. Anh không biết gì hết ư? Giá đôla đã tăng nhanh từ mấy hôm rồi. Sáng nay một đôla đổi được gần 10.000 đồng Việt Nam. Mẹ nói vài hôm nữa giá còn lên cao."

"Thì đã sao? Gia đình em dự định gì mà lo đổi đôla? Đi Mỹ à?"

"Em chưa muốn nói với anh chuyện này vội. Nhưng anh đã hỏi thì em xin thưa là, có lẽ. Trong sở làm của mẹ, giới nhân viên Việt Nam mình xôn xao lắm. Vấn đề di tản được bàn tán sôi nổi. Nhiều người đã chuẩnbị từ mấy hôm: bán đất bán rẻ những gì có thể bán được, gom góp đổi cả sang đôla. Em không biết gì về chính trị. Nhưng trước tình thế rối ren hiện giờ như anh biết đó, đặc biệt trước đối tượng gần gũi em nhất là giới Sinh Viên giới vốn gắn bó với học đường nhất đã bắt đầu lơ là với việc học, em mơ hồ cảm thấy một biến cố không hay sắp xảy ra. Tuy nhiên, chưa có gì chắc chắn cả, anh ạ. Mọi điều em cho anh biết đều căn cứ trên những tin tức mà mẹ ghi nhận ở sở làm về nhà kể lại."

"Còn bố thì sao?"

"Bố thì bình tĩnh hơn, bảo cứ chờ. Bố có vẻ kém tin tưởng vào sự can thiệp của Hoa Kỳ."

"Về mặt nào?"

"Về việc giữ chỗ trên máy bay cho tất cả gia đình các nhân viên Việt Nam."

(Còn tiếp)

CHỦ TRƯƠNG XÓA BỎ THÀNH TÍCH VIỆT NAM CỘNG HÒA CỦA HÀ NỘI

TRẦN ANH TUẤN

Sau khi đọc một số sách về lịch sử và văn hóa xuất bản tại Hà Nội mấy năm gần đây, chúng tôi nhận thấy có một điểm nhất quán trong tất cả các sách ấy — dù đề tài hay phạm vi rất khác nhau. Đó là việc các tác giả Hà Nội đã không đề cập gì đến thời VNCH.

Sau đây là vài thí dụ.

Về lịch sử:

Lịch Sử Việt Nam 1954-1965 (1) là một sử phẩm của Viện Sử Học Hà Nội.

Trong Lời Giới Thiệu, Viện Sử Học Hà Nội đã trịnh trọng đánh giá sử phẩm này là một công trình, nguyên văn, *trình bầy một cách có hệ thống và tương đối toàn diện lịch sử Việt Nam giai đoạn 1954-1965*... (2)

Thực tế, trong quyển sách này, các tác giả đã trình bầy lịch sử của một nửa nước mà thôi. Đó là những chi tiết về miền Bắc Việt Nam, nhấn mạnh những thành tựu dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản về các phương diện kinh tế, xã hội, quốc phòng, văn hóa, giáo dục, và ngoại giao.

Phần miền Nam trong quyển *Lịch Sử Việt Nam 1954-1965* chỉ là những chi tiết về cuộc chiến tranh chống Đế Quốc Mỹ (sic) dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ Chính Trị Đảng Cộng Sản Việt Nam tại Hà Nội.

Cả một hệ thống chính quyền trên nửa nước trong 10 năm, và cả đời sống phong phú và phức tạp của 17 triệu người Việt đã không hề được ghi trong quyển sách. Thế thì gọi là *Lịch Sử Việt Nam* thế nào được, hỡi các sử gia của Hà Nội?

Về khoa cử:

Các Nhà Khoa Bảng Việt Nam 1075-1919 (3) là một tổng hợp danh sách và tiểu sử các nho sĩ trúng tuyển các kỳ đại khoa (tiến sĩ) kể từ khoa thi đầu tiên 1075 dưới thời Lý Nhân Tông đến khoa thi Hội cuối cùng năm 1919 thời Khải Định (4). Bảng tổng kết này ghi được 183 kỳ thi tiến sĩ và tương đương, với 47 Trạng Nguyên, 48 Bảng Nhãn, 75 Thám Hoa, 597 Nhị Giáp, 1799 Tam Giáp và 266 Phó Bảng, tổng cộng 2898 vị đại khoa (kể cả 66 vị không xác định được hàng Giáp) trong 10 thế kỷ lịch sử khoa cử Việt Nam.

Đây là loại sách tham khảo, trình độ dự bị đại học. Điểm quý nhất của sách là đã hiến cho độc giả một số chi tiết về tất cả những sản phẩm trực tiếp và cao cấp nhất của nền nho học Việt Nam.

Điều đáng tiếc là các tác giả của tác phẩm này đã phân biệt đối xử với vị đại khoa sống tại VNCH. Đó là cụ nghè Giác. Cụ Nguyễn Sĩ Giác người làng Kim Lũ, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông. Cụ đỗ Đệ Tam Giáp Đồng Tiến Sĩ xuất thân khoa Canh Tuất niên hiệu Duy Tân thứ 4 (1910), lúc mới 23 tuổi. Cụ di cư vào Nam sau 1954 và giảng dậy Hán Văn tại trường Đại Học Sư Phạm và Đại Học Văn Khoa Sài Gòn cho mãi đến năm 1964 cụ mới thôi việc dạy học vì lý do sức khỏe. Cụ còn dịch nhiều tác phẩm cổ học Việt Nam như các sách của Quốc Sử Quán triều Nguyễn. Nhưng tác giả của quyển *Các Nhà Khoa Bảng Việt Nam 1075-1919* đã không hề phổ biến một chữ nào về hành trạng của cụ, vị tiến sĩ Hán Học cuối cùng của Việt Nam trong hậu bán thế kỷ XX này! Ngay đến tên của cụ cũng bị họ viết sai thành Nguyễn Sĩ Cốc (sđd, trang 932)!

Về bưu chính:

Danh Mục Tem Bưu Chính Việt Nam 1945-1996 (5) là một quyển tổng mục liệt kê các loại tem được phát hành ở Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1996.

Tổng mục bao gồm rất nhiều dòng tem:

1) Tem Đông Dương in đè các chữ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa phát hành tại Hà Nội trong các năm 1945-46, khi Việt Minh nắm chính quyền.

2) Tem Việt Minh phát hành để sử dụng trong các vùng Việt Minh kiểm soát trong các năm 1946 1953.

3) Tem Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa sử dụng tại Bắc Việt từ năm 1954 đến 1976.

4) Tem Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam sử dụng trên toàn cõi Việt Nam từ sau khi nước nhà thống nhất, tháng 7 năm 1976.

5) Đặc biệt, tổng mục cũng liệt kê tem Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam Việt Nam, *vốn là những mẫu tem in trước để sử dụng tại Miền Nam nếu chiếm được miền này hồi Mậu Thân 1968* (6).

Tem MTDTGPMNVN như thế không có giá trị bưu chính, nhưng vẫn được liệt kê trong *Danh Mục Tem Bưu Chính Việt Nam 1945-1996*. Thế mà tổng mục này đã triệt để loại bỏ dòng tem Việt Nam thời Bảo Đại và Việt Nam Cộng Hòa vốn gồm những mẫu tem thực sự có giá trị bưu chính trên toàn cõi (tem Bảo Đại, 1951-1954) hoặc trên một nửa nước (tem VNCH, 1955-1975.)

Những bằng chứng trên đây cho thấy việc không đề cập đến sinh hoạt cùng thành quả của 17 triệu dân Việt tại VNCH chính là một chính sách nhất quán của nhà cầm quyền cao cấp Hà Nội, chỉ thị xuống các thuộc cấp trong ngành văn hóa. Sau khi chiếm được cả nước năm 1975, nhà cầm quyền Hà Nội đã chẳng gọi quân VNCH là ngụy quân, chính quyền VNCH là ngụy quyền, đó sao?! Vì thế, chính sách xóa bỏ dấu tích VNCH là một điều dễ hiểu.

Nhưng chính sách ấy có khoa học không lại là một chuyện khác, chưa nói đến vấn đề lương tâm chức nghiệp và sự lương thiện tri thức của người nghiên cứu!

Tháng 1 năm 1999

Chú thích:

(1) CAO VĂN LƯỢNG chủ biên, Hà Nội, nxb Viện Sử Học tái bản, 1996, 392 tr.

(2) Sđd, trang 5-6.

(3) NGÔ ĐỨC THỌ chủ biên, Hà Nội, nxb Văn Học, 1993, 1027 tr.

(4) Sau kỳ thi Hội 1919 này, mãi đến niên khóa 1972-73 Văn Khoa Việt Nam mới lại mở các kỳ thi tiến sĩ gọi là Tiến Sĩ Chuyên Khoa cho các môn Việt Văn, Anh Văn, Pháp Văn, Sử, Địa, Triết... Nhưng việc tái lập kỳ thi Tiến Sĩ thời Việt Nam Cộng Hòa không được suôn sẻ ngay từ đầu. Trong niên khóa đầu tiên, môn Sử có sáu thí sinh dự thi nhưng chỉ có hai thí sinh được trúng tuyển. Sau khi kết quả được công bố, bốn thí sinh bị rớt đã phản đối mạnh mẽ trên báo chí thời ấy, và giáo sư chánh chủ khảo Nguyễn Thế Anh đã nhận được Thư Kết Án Tử Hình với một viên đạn. Rồi biến cố 30/4 xảy ra, và chương trình Tiến Sĩ của Văn Khoa Việt Nam bị bãi bỏ. Cho nên một tác giả trong quyển *Trần Lục* xuất bản năm 1996 đưa ra lời khoe khoang rằng ông ta, nguyên văn, *khôi nguyên kỳ thi Tiến Sĩ tại Đại Học Văn Khoa Sài Gòn năm 1970* (trang 395) thì thật qúa khoa đại! Giá ông ta viết đỗ năm 1973 hay 1974 thì chắc chẳng ai nhận ra chỗ gian dối! Vả lại, với hệ thống tổ chức Tiến Sĩ Chuyên Khoa cho nhiều môn thì làm gì còn khôi nguyên nữa mà mơ màng?!

(5) NGUYỄN NGỌC VỸ chủ biên, Hà Nội, nxb Công Ty Tem Việt Nam, 1997, 432 tr.

(6) Xem thêm bài: MAI VĂN RIÊNG, Về Bộ Tem Mặt Trận trong quyển *Có Một Trận Tuyến Thầm Lặng*, Hà Nội, nxb Chính Trị Quốc Gia, 1995, tr. 153-157.

Ngoài việc in tem trước để sử dụng nếu chiếm được miền Nam, Hà Nội còn in cả giấy bạc MTDTGPMNVN nữa.

DONGNAI PHARMACY

HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT

9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683

(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM: PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

YÊU NGƯỜI TÌNH PHỤ

NGUYỄN TẤN HƯNG

Sau một ngày âm u vần vũ, bầu trời bỗng trở nên trong sáng hiền hòa. Cái nắng ban trưa dìu dịu của một ngày chớm đông vẫn làm cho vạn vật, muôn loài luôn cảm thấy thoải mái, dễ chịu. Màu xanh thẫm của núi rừng dọc theo duyên hải như tươi mát hơn, màu thiên thanh của da trời như óng ả hơn, màu trắng bạc của sóng biển như lấp lánh hơn. Tất cả tưởng như muốn san sẻ niềm vui, trao đổi tâm tình cùng người lính biển đang sắp sửa cặp bến sau những ngày dài bồng bềnh, lênh đênh.

Tàu đang bọc theo hòn Miếu đi lên, mon men tìm đường vào hải cảng. Không mấy chốc cảnh phố thị sẽ hiện ra. Thay cho các đảo hoang họa hoằng xuất hiện bên phải và núi non thường xuyên trùng điệp của rặng Trường Sơn nằm bên tay trái. Trước tiên, vẫn phải là Cầu Đá với Hải Học Viện và Dinh Bảo Đại uy nghi cổ kính nằm trên sườn đồi cao. Kế đến Chutt, xóm nhà lá mà phần lớn là nhà sàn cất tuốt ra ngoài khơi, làm như cả xóm được mọc lên từ biển, với những trụ chống khẳng khiu như hàng trăm cây tăm xỉa răng chung lại. Rồi, tiếp theo, khuôn viên của trung tâm huấn luyện Hải Quân, vừa ngạo nghễ vừa nên thơ trông ra đại dương. Từ nơi đó, bọn Tần, hơn hai năm đã rèn luyện ôn tập, cho một thời là sinh viên sĩ quan. Và cũng nơi đó, bọn Tần, ngày nay sẽ ủi bãi đi bờ với vai trò người sĩ quan thực thụ.

Đây là lần đầu tiên Tần trở lại thành phố thân yêu này kể từ ngày mãn khóa, tốt nghiệp, ra trường. Bỏ lại sau lưng biết bao kỷ niệm của tuổi hoa niên, chập chững bước vào đời lính. Với bạn bè, với người thương. Với những lần thi cử, với những buổi rong chơi. Với những ngày tù tội, với những tháng mồ côi... Giờ sẽ ra sao? Tất cả còn đó hay đã đổi thay? Kể cả lòng người! Tình trạng quay về bến cũ này như đặt chàng vào trạng thái nửa buồn nửa vui! Buồn vì chàng vẫn thích những nơi xa lạ chưa từng ghé qua, những bến mới chưa từng đặt chân tới lần nào. Chẳng hạn như Huế, Đà Nẵng, Phan Thiết, Phan Rang, Năm Căn, Côn Sơn, Rạch Giá, Phú Quốc v.v...

những địa danh quen thuộc mà bọn lính tàu thường tới lui, xuôi ngược. Còn vui là, biết đâu, trong cảnh cũ lại gặp người xưa!

Ngoại trừ những mối tình keo sơn gắn bó, những mối tình ngắn hạn qua đi thì, theo truyền thống Hải quân, bố sẽ bàn giao lại cho con (tức khóa đàn anh bàn giao lại cho khóa đàn em) những gì mình dày công xây dựng được. Hoặc cho cháu, nếu mình xui xẻo bị tuyệt tự, không có con nối dõi tông đường (trường hợp khóa đàn anh nhiều hơn khóa đàn em). Tần có con nhưng kể như không có cháu, vì con của chàng đã ra trường trước cha. Vi phạm kỷ luật. Ấy, cũng đỡ bận tâm. Cho Tần khỏi mang tiếng làm cha "tối nước," đã chẳng có một người tình hời hợt qua đường để bàn giao lại cho con. Tuy vậy, lẽ dĩ nhiên chàng vẫn thầm mong cho nó "sáng nước" hơn mình trên đường binh nghiệp, *con hơn cha là nhà có phước* mà lị!

Người xưa của Tần? Lại là con bé Hiền của một thời yêu dấu? Người đã làm chàng buông bỏ hết, không có thêm một mối tình nào khác ở xứ Thùy Dương! Và cũng chính là người đã lẳng lặng quay lưng bỏ chàng đi lấy chồng trước ngày chàng ra trường vài ba tháng. Cho dù bị gả ép đi nữa. Nhưng giờ đây, trong lòng chàng vẫn còn đọng lại biết bao câu hỏi không có câu trả lời! Tỉ dụ như giờ này có nên ra phố, ghé lại nhà chị Diệu không? Và hỏi thăm về Hiền? Rồi xa hơn, có thể tìm gặp Hiền? Mà gặp để làm gì? Bất giác, Tần buông tiếng thở dài!

Chẳng biết Thành và Thắng, hai thằng bạn thân của mình, đã có lần nào trở lại Nha Trang chưa, Tần thầm hỏi. Có lẽ chưa, chàng đoán vậy! Một thằng đi HQ 09, tuần dương hạm Kỳ Hòa, đang nằm trong danh sách biệt phái dài hạn cho bộ tư lệnh Vùng I Duyên Hải. Chắc chắn Thành sẽ có dịp trôi nổi ở các bến bờ Tiên Sa, Sơn Chà, Sao Mai. Còn một thằng thì đi HQ 06, tuần dương hạm Vân Đồn, chuyên yểm trợ các đoàn công voa chở vật liệu cùng nhu yếu phẩm lên Nam Vang. Hiển nhiên Thắng sẽ có dịp lang thang ở các xóm làng Tân Châu, Hồng Ngự, Châu Đốc. Lâu rồi chàng cũng chẳng được tin hay nhận thư từ của hai thằng nối khố từ quân trường...

Tiếng còi nhiệm sở vận chuyển bỗng kêu vang và con tàu đang từ từ quay ngang, chuẩn bị ủi bãi, cắm mũi vào bờ. Tần coi sân trước, bây giờ chỉ tạm đứng ngó cho có chừng thôi. Vì nhiệm vụ của sân trước, trong lúc ủi bãi, là hai sợi dây mũi bự tổ chảng. Cũng chẳng cần phải quăng dây nhỏ để kéo dây lớn như lúc cặp cầu. Đợi khi nào mũi tàu cắn bãi, tàu nằm im không nhúc nhích, cho nhân viên mang dây lòi tói tròng vào các trụ bít và giữ dây căng là xong. Những trụ bít làm bằng mấy cây thông lớn chụm lại, đóng sâu xuống lòng cát. Hai cái neo trước không được sử dụng cũng nằm im trong ổ neo.

Mấy tên ở sân giữa càng sướng hơn nữa, không có chuyện gì làm. Không có chuyền dây chéo, dây ngang. Hoặc thả những trái độn bằng vỏ xe hơi khi tàu va vào thành cầu, chân cầu. Chỉ có sân sau là bận rộn với cái neo to tổ bố. Sợi dây cáp cũng không nhỏ, cỡ bằng cườm tay, phải giữ cho thật căng để lái tàu khỏi dạt vì gió, nước. Và còn dùng để phụ vào sức máy, hai máy lùi*full*, khi tàu tháo bãi nữa.

Nói chung, khi học thì học đủ thứ nhưng khi thi hành thì từng phần, từng thời điểm. Nhiệm vụ ai người nấy lo khi đã được phân công. Thủy thủ nào quăng dây, thủy thủ nào kéo dây, thủy thủ nào giữ dây... Hạ sĩ nào coi máy neo, hạ sĩ nào đánh bật chốt an toàn cho neo rơi xuống, hạ sĩ nào mang máy vô tuyến liên lạc đài chỉ huy... Trung sĩ nào chia cắt nhân viên và kiểm phần lập lệnh xuất phát từ sân thượng... Đại khái như vậy, để rồi sau cùng, thiếu úy nào trông coi tổng quát toàn sân và nghiệm biết lúc nào thì thi hành lệnh. Tất cả tuần tự diễn ra một cách máy móc. Tất cả đều tùy thuộc vào một người, hạm trưởng. Hạm trưởng là người ra lệnh và hạm trưởng cũng hoàn toàn chịu trách nhiệm về những hậu quả sẽ phải xảy đến do các lệnh của mình ban ra. Trong từng nhiệm sở. Nhiệm sở vận chuyển, nhiệm sở hải hành, nhiệm sở phòng tai cứu hỏa, nhiệm sở yểm trợ hải pháo, nhiệm sở tác chiến, nhiệm sở cứu người... Ngay cả nhiệm sở đào thoát, bỏ tàu mà hầu như bất cứ người lính biển nào cũng đều không muốn nghĩ tới. Nhất là hạm trưởng, sống chết với con tàu theo truyền thống cao đẹp của Hải quân...

Cửa *ram*, cửa đổ bộ, từ từ hạ xuống sau khi hai cánh cửa kín nước mở ra, "há mồm." Tất cả mọi người trên tàu đều nôn nóng lên bờ, xếp hàng dài ngoằn ngoèo trong hầm chiến xa, HQ 406, hải vận hạm Hậu Giang. Giữa những kết đạn đại bác, súng cối chồng chất lên nhau, giữa những bao tải gạo đầy ắp, sắp lớp cao hơn đỉnh đầu. Tất cả phải chờ. Vì người đầu tiên rời tàu phải là hạm trưởng. Có phần

ngược lại so với khi tách bến, thông thường hạm trưởng lại là người cuối cùng lên tàu. Anh thủy thủ gác "hạm kiều" đã nai nịch sẵn sàng kể cả vai mang khẩu *carbine*, đang đứng ở một bên cửa *ram*. Để chào tay khi hạm trưởng hay sĩ quan bước qua. Quan liêu có khác phải không? Nhưng truyền thống là truyền thống! Và cần phải biết thế nào là "gìn vàng giữ ngọc" cho khỏi phai mờ!

Hạm trưởng đã được xe *jeep* tới đón đi rồi, do bạn bè cùng khóa hoặc là nhân viên, sứ giả của tư lệnh Vùng II Duyên Hải, tức trại Tây Kết. Kể ra cũng có cái oai phong của nó mà một ngày nào, hy vọng là không xa lắm, Tần sẽ được hưởng cái vinh hạnh kia. Chàng cười thầm với ước mơ nhỏ nhoi của mình. Các sĩ quan đàn anh cũng đã lục tục kéo nhau đi, nhanh chân lẹ cẳng thiệt.

Riêng phần Tần thì sao? Chàng không trực ngày hôm nay thì cũng phải chưng diện, đi bờ, sắm sửa với người ta chớ? Tối thiểu gì cũng xuống Chutt ăn phở hay ra phố xem phim ở rạp Tân Tân như thuở nào? Hoặc ghé lại quân trường thăm khu sinh viên sĩ quan, câu lạc bộ, phạn xá? Nhìn các con nai tơ trong vòng thành trường lớp, đóng khung trong khuôn viên học đường sẽ kính nể, thèm thuồng địa vị của chàng qua bộ quân phục ủi hồ thẳng thớm cùng đôi ga-lông sáng ngời. Chàng đã qua rồi cái cảm giác tuy rất là trẻ con nhưng không kém phần yêu đời đó nên chàng biết!

Với bao dự tính phải làm, vậy mà rốt cuộc Tần lại phóng lên xe lam, chuồn một mình ra phố. Mà lạ quá, chàng cảm thấy dường như thiếu thiếu một cái gì. À, đúng rồi, trong lòng chàng không còn cái nao nao lo sợ như ngày nào của thời thụ huấn. Khi chàng nhảy rào, trốn trại đi chơi đêm. Đi thăm bồ. Đi thăm người yêu. Cho một bữa ăn tối hay một buổi *ciné*. Có vòng tay ấm áp, có môi hôn mặn nồng. Chắc chắn sẽ không bao giờ tìm lại được, vì *chẳng ai tắm hai lần trên cùng một dòng sông!*

Thì ra Nha Trang vẫn vậy. Vẫn là thành phố của lính mới, chưa ra trường. Khắp đó đây nhan nhãn những bộ đồ tiểu lễ trắng của Hải quân, những bộ ka-ki vàng của Không quân, Đồng Đế... Xen lẫn cùng những lính cũ, từng xông pha nơi trận tuyến, với những bộ *treillis* màu xanh cứt ngựa của Bộ Binh, những cánh áo rằn ri của Biệt Động Quân, Nhảy Dù, Thủy Quân Lục Chiến... và thỉnh thoảng có những bộ đồ bay, áo dính liền quần của phi công... Không phải chỉ thấy trên đường Độc Lập, Trần Quý Cáp thôi, mà ngay nơi này, khu chợ Xóm Mới, cũng có năm bảy chàng len lỏi tới lui. Ô hay, hôm nay đúng là ngày thứ bảy, ngày bắt đầu cho một cuối tuần "dập dìu lính chiến, giai nhân" đấy mà...

Căn nhà quen thuộc của vợ chồng chị Diệu anh Thiện đã hiện ra dưới mắt Tần. Cảnh cũ xem chừng cũng chẳng có gì thay đổi. Họa chăng là nước sơn mặt tiền có phần sáng sủa hơn, vách ván sơn màu trắng ngà thay vì màu vàng như quét vôi của những căn nhà gạch. Chàng tần ngần không biết có nên ghé vào thăm hay không vì trông vắng vẻ, im lìm. Có lẽ không ai ở nhà, chàng nhủ thầm, nhưng vẫn gõ cửa cầu may...

"Ồ, anh Tần..."

Chàng rất đỗi ngạc nhiên vì người mở cửa không phải là chị Diệu hay mấy đứa cháu mà là Hiền. Trong cánh áo len màu hồng nhạt, quần đen và "xí xọn" trùm khăn mỏ quạ kín đầu. Sao lại thế này? Hiền đã có chồng và hẳn đã ra riêng từ lâu rồi mà, chàng tự hỏi. Chẳng lẽ cơm không lành canh không ngọt? Nhìn cánh cửa khép hờ, Tần dò xét:

"Em vẫn ở với chị Diệu à? Anh vào nhà có được không?"

Hơi lúng túng, Hiền đỡ lời:

"Ừa, anh vô đi kẻo gió..."

Xem trong cách đối xử, hình như Hiền đã cố tình giữ khoảng cách, Tần cảm thấy vậy. Mình từng là người yêu của nhau mà, sau bao ngày vắng bóng nhớ thương, lúc gặp lại nhau phải mừng rỡ, ôm chầm lấy nhau chớ sao dè dặt, bước thụt lùi? Ậy bây giờ "người ta" là gái đã có chồng mà, chàng tự nhắc nhở!

"Mời anh ngồi..."

Trời đất, định làm mặt lạ, xem chàng như người dưng nước lã đây, Tần than thầm. Nhớ lại một đêm nào, dạo Hiền và chàng tha thiết yêu nhau, nguyện sống chết có nhau, dẫu có giận hờn đi nữa cũng đâu có màn lạnh lùng, tẻ nhạt như vầy. Vừa khép cửa là đã chẳng ai nhường ai, ôm nhau hôn ngấu nghiến và rồi lần hồi làm tình làm tội đủ điều. Tuy nhiên, cũng như ngày nào thôi, chàng bao giờ cũng phải chiều theo ý của "người đẹp." Không làm gì khác hơn được, chàng đành ngồi xuống ghế và e dè, rụt rè chẳng biết phải mở đầu câu chuyện như thế nào cho ra vẻ thân thiện hơn, quen thuộc hơn. May quá, sau khi ngồi vào ghế đối diện, Hiền đã lên tiếng trước:

"Mình xa nhau cũng gần cả năm hơn rồi anh hả? Anh đi tàu mới tới phải không? Hay là đã ghé qua Nha Trang nhiều lần rồi mà không rảnh để lên đây thăm em?"

Mèn ơi, ít ra cũng phải vậy chớ, phải có tình có nghĩa với nhau một chút chớ! Chỉ cần nghe lại tiếng... em ngọt ngào quá sức, Tần tưởng chừng như mình đang sống lại thuở xa xưa với những trách hờn yêu dấu. Cầm lòng chẳng đậu, chàng nói thật lòng mình:

"Đây là lần đầu tiên anh ghé lại Nha Trang sau ngày rời trường, và người trước tiên anh nghĩ tới, tìm tới ở nơi này vẫn là em. Bằng không thì giờ này có lẽ anh đã lang thang ngoài phố với bạn bè..."

Hiền cắt ngang:

"Em tưởng anh đã quên em luôn rồi đó!"

"Em nói vừa phải thôi..."

Tần thở dài rồi nhìn vào nhà trong thắc mắc:

"À, tại sao em lại ở đây? Một mình? Còn chị Diệu và các cháu đâu?"

Hiền cười tươi:

"Tụi em có nhà riêng mà, ở dưới phố Độc Lập gần Ty Thông Tin anh à! Nhưng em mới sanh nên anh Khiêm đưa em về đây cho có chị có em, và luôn thể, nhờ chị Diệu săn sóc mẹ con em cho tiện..."

Tần có hơi giựt mình, ngờ ngợ khi nghe Hiền nhắc đến chồng! Khiêm? Cái gì... Khiêm? Quả là chàng mới nghe lần đầu! Chàng giả lả:

"Hèn chi nghe mùi dầu khuynh diệp nực nồng! Anh có hơi ngạc nhiên khi thấy em trùm khăn và nước da mét mét, nhưng anh chỉ đoán là em bị bệnh mới bớt thôi chớ đâu dè em sanh. Lâu mau rồi và trai hay gái vậy em?"

Hiền hồn nhiên, hớn hở:

"Gái! Được hai tháng hơn rồi! Anh muốn nhìn mặt nó không? Vào đây..."

Úi chà, con của ai mà bắt mình nhìn mặt! Ác vừa vừa thôi chớ em,

HOÀNG PHỐ

MÙA XUÂN Ở CALIFORNIA

Tháng ba mùa xuân
thoảng hương trên đường phố

em mặc váy satanh
áo thêu màu hoa tím
ngực núi đồi thơm
chân đi hài xanh
bước trên sân cỏ

trên đôi vai em
khăn choàng mây phất phơ đùa gió
tóc cài một chút nắng nhẹ
vẽ trên môi son màu ngói đỏ

Em thở hơi mưa
cơn mưa bụi trong lòng phố xá
gọi những con chim sẻ
về đâu đó trên hàng hiên thuở nọ

Em thức giấc cùng thành phố
những buổi sáng không còn trăn trở
rửa vội đôi mắt quầng thâm
bằng những giọt sương trên lá

Hồn em ấm áp như thời tiết
vùng thung lũng San Gabriel bảy mươi độ
mang một chút mang mang
từ những cánh chim biển
lang thang qua những vùng biển nhiệt đới thuở nhỏ

Em bận rộn ngược xuôi lòng xa lộ
những cú điện thoại di động hối hả
những chuyến bay mùa xuân hạ giá
những đôi mắt cay vì khói, đỏ
những chương trình điện toán vội vã
đang chạy đua cùng kỹ thuật vào một kỷ nguyên mới lạ

Em nhẹ nhàng như buổi trưa bên thành cầu
lòng biển sóng sánh xanh như muôn thuở
một bài báo viết về mùa xuân
như một lời ngỏ
thành phố vừa nhói đau sau một thách đố
với những cơn biểu tình phẫn nộ

Buổi chiều em ngái ngủ trên xa lộ
hoàng hôn thở nhẹ
thấp thoáng đàn chim én bay qua thành phố
Prominade vẳng tiếng kèn du mục trên hè phố
cơn mưa bụi ngày lập xuân tuổi nhỏ
Giấc mơ hai mươi năm bỗng dưng trăn trở.

Lập Xuân 99

Tần trách thầm trong bụng! Ý chàng lưỡng lự, nửa muốn đi nửa muốn không. Nhưng mà, có lẽ đàn bà nhạy cảm hơn nên nàng thấy ngay là chàng đang do dự, lại càng hối thêm:

"Vào đây, anh theo em vào đây... Hổng có ai ở nhà hết trơn á..."

Ý da, sao có vụ... "hổng có ai ở nhà hết trơn á" như thế này? Định "bắt cóc" chàng lần nữa hay sao đây? Tuy nghĩ vậy nhưng trong lòng chàng cảm thấy bạo dạn hơn, chàng lót tót đi theo nàng.

Hiền bật đèn ở buồng trong và trước mắt Tần bây giờ đã gợi lên hình ảnh cái "phòng ngủ của hai vợ chồng hờ năm xưa" đây mà vì hầu như chẳng có gì thay đổi hết. Ôi, biết bao nhiêu kỷ niệm đang đội mồ sống dậy trong lòng chàng. Kể cả những kỷ niệm gối chăn mà một hôm nào chàng đã lặn lội tới đây trong một chiều thanh vắng. Bất giác chàng bước đến tựa sát bên nàng, đang đứng gần chiếc nôi con kê trong góc phòng. Rồi như không kềm giữ được nữa, chàng choàng tay ôm nàng xiết nhẹ một bên hông. Cả hai yên lặng nhìn con bé hồng hào, đỏ hỏn vành môi đang nằm ngủ ngon lành trong tấm chăn bông trắng nõn. Chàng buột miệng khen:

"Con bé dễ thương quá hả? Có cái mũi cao và cái miệng nho nhỏ giống em ghê đi nghe! À, mà em đặt cho nó tên gì?"

Ngước mắt nhìn Tần và ngần ngừ một lúc, Hiền đáp:

"Em đề nghị và anh Khiêm đặt cho nó tên Hương. Phạm Thị Thanh Hương..."

Hương? Tần có nghe lầm không? Chẳng cần nói ra nhưng chàng cũng biết là nàng muốn giữ lại một vết tích nào đó cho cuộc tình không đoạn kết, vì chữ lót của chàng là Hương, Nguyễn Hương Tần nếu muốn biết rõ hơn. Liệu anh chàng Khiêm, chồng nàng, sẽ nghĩ thế nào nếu tình cờ khám phá ra cái ẩn ý rất thâm tình này? Thì ra Hiền vẫn còn với chàng trên một cõi riêng xa vời, diệu vợi nào đó! Trong ngỡ ngàng chàng ôm nàng chặt hơn thay tiếng cám ơn, bầu sữa nóng căng phồng chạm nhẹ vào ngực chàng...

Song, bỗng dưng Hiền có phản ứng, nhè nhẹ gỡ tay Tần ra và nới lỏng vòng ôm như một lời nhắc khéo. Lại hững hờ, lại xô đẩy? Hay nàng muốn cả hai dừng lại nơi đây vì nàng đã có chồng, muốn thủ tiết cùng chồng cho đôi đàng đều trọn vẹn tình nghĩa? Thật ra, trong thâm tâm, chính chàng cũng chẳng muốn đi xa hơn nữa. Chẳng muốn để lại một "vết nhơ" nào trên trang tình sử tuyệt vời kia, tuy nay đã sang chương, chỉ vì một cám dỗ không đâu. Với ý nghĩ phải tôn trọng người đàn bà đã có chồng xui chàng rút tay về và thốt ra câu đánh trống lãng:

"Thôi mình trở ra phòng khách đi em, Lỡ con bé thức giấc quấy rầy thì phiền em lắm đó..."

Trong tình huống này có lẽ Hiền cũng rất mong Tần nói lên câu nói như vậy! Bởi phận gái luôn luôn dễ mềm yếu trước ánh mắt dịu dàng tha thiết, những cử chỉ trìu mến yêu thương, cho nên mặc dầu hơi tiếc rẻ cái giây phút êm đềm đầm ấm bên nhau, nàng cũng biểu đồng tình:

"Ừa, mình ra ngoài phòng ngoài ngồi nói chuyện. Chị Diệu, anh Thiện và hai thằng nhóc chắc cũng sắp về đến nơi rồi. À quên, anh uống gì không? Hay để em làm cho anh một ly cam tươi như hồi xưa anh thích. Vườn cam của má năm nay cây nào cũng cho trái sai oằn..."

Câu nói của Hiền đã gợi lại cho Tần một kỷ niệm khó quên, một hình ảnh thân thương chưa phai nhòa trong ký ức. Một căn nhà nhỏ, lợp lá và vách tre đan, lẩn khuất dưới tàn cây cao bóng cả bên bờ sông Cái. Chàng buột miệng:

"Em nhắc đến vườn cây trái của má làm anh nhớ lại chuyến đi có một không hai của bọn anh trong dịp Tết năm nào! Em còn nhớ Thành và Thắng chớ? Em biết lúc về tụi nó nói sao không? Tụi nó bảo nếu anh vì mê em mà bị Việt Cộng bắn sẻ, chết bỏ xác trên Thành thì cũng không oan ức gì, chỉ tội cho tụi nó chỉ vì nể bạn mà chết một cách tức tưởi thì chắc là không nhắm mắt được..."

Hiền "xí" một cái thật dài:

"Anh nói vậy mấy đứa bạn em, con Thúy con Thảo mà nghe được là tụi nó không hài lòng đó nghe. Chớ không phải anh Thành anh Thắng cũng theo ve vãn hai đứa nó hay sao? Tất cả đều quen nhau cùng một lúc trong ngày lễ gắn *alpha* của mấy anh mà..."

Sợ Hiền hiểu lầm thêm, Tần vội giải bày:

"Thì ai chẳng biết vậy, nhưng tình nghĩa giữa hai cặp đó không sâu đậm như giữa hai đứa mình, em đồng ý không? Mà thôi, bỏ qua chuyện đó đi! Má vẫn mạnh hả em? Và có còn tráng bánh tráng như hồi xưa không?"

"Cám ơn anh, má em vẫn mạnh. Có điều má già yếu rồi nên không buôn bán gì hết. Chỉ chăm sóc vườn tược, cây trái thôi. Vả lại, hai

vợ chồng tụi em bảo bọc và lo lắng cho má cũng như hai thằng em em cũng không đến nỗi nào thiếu thốn, chật vật..."

Tần lấy làm lạ khi nghe Hiền phân trần mấy chữ... "hai vợ chồng tụi em" khi chàng, tuy dạo đó chưa biết tên nhưng đã gặp chồng nàng một lần, trong đêm dạ vũ ra trường tốt nghiệp của khóa. Người đàn ông đứng tuổi kia, tức là Khiêm như chàng vừa nghe Hiền nói, lại bị ghép với Hiền làm em chàng trong hai chữ... "tụi em," mới nghe qua có vẻ không ổn chút nào hết. Nhưng với câu nói này, thì quả đúng như tiếng đồn, Hiền lấy chồng giàu, chủ hãng xuất nhập cảng. Thôi thì nếu không vẹn chữ tình thì cũng tròn chữ hiếu, chàng mừng thầm cho nàng...

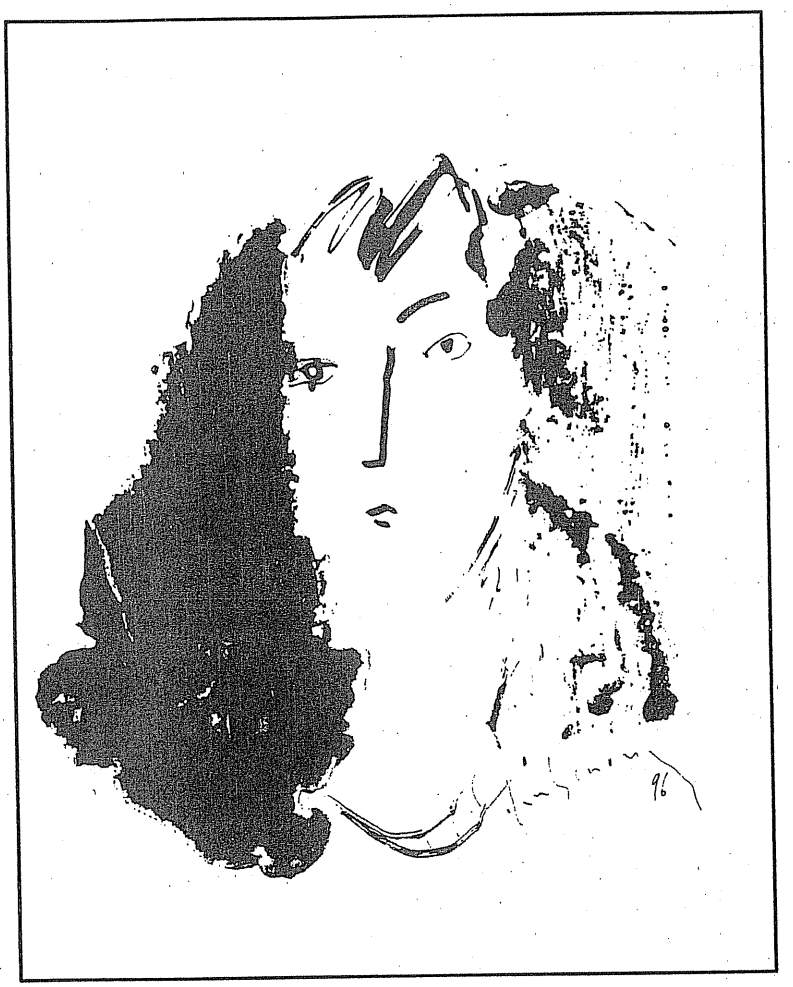

Tần định nói thêm là chàng những mong có ngày nào đó về lại Thành, trước thăm má Hiền, sau là nhìn xem cảnh vật, dòng sông đã thay đổi ra sao, nhưng bỗng có tiếng gõ cửa bên ngoài. Và có tiếng láo nháo của trẻ con. Hiền đứng dậy, vừa đi vừa nói:

"Chắc chị Diệu về tới..."

Cánh cửa xịch mở, Tần vội vàng đứng dậy:

"Dạ, chào chị Diệu, chị mạnh giỏi."

"Ủa, Tần mới đến hả? Lâu dữ quá nghe! Chào cậu Tần đi con, bộ không nhận ra cậu sao?"

"Ồ, hai cháu ngoan quá! Đi chơi với má có vui không?"

Tần trầm trồ khen khi hai đứa nhỏ cúi đầu, Hiền xen vào:

"Còn anh hai đâu chị?"

"Ảnh ghé lại đằng nhà in Bác Ái, chắc tối tới mới về. Ngồi chơi đi Tần. Nè, nếu không chê thì ở lại dùng cơm với tụi chị..."

Tần không dám nghĩ câu mời mọc kia là câu đuổi khéo vì tánh chị Diệu thật thà và mến thương chàng như em. Như em rể tương lai thì đúng hơn. Có điều là cuộc tình tan vỡ và bây giờ chàng trở thành... em rể hụt. Và vì là em rể hụt cho nên, rất có thể chị sẽ có câu hỏi lớn trong đầu, rằng thì là chàng đến đây với mục đích gì một khi Hiền đã yên bề gia thất. Mặc dầu chủ tâm của chàng chỉ là đến đây để thăm chị thôi, việc gặp lại Hiền là tình cờ duyên may đưa đẩy chớ chẳng phải cố tình sắp đặt trước, nhưng đâu làm sao cấm chị không nghĩ đến những gì "trên Bộc trong dâu" đâu. Ư, ở lại đây thêm giây phút nào càng thấy bất tiện thêm giây phút nấy, cho nên sẵn dịp này chàng cũng nên lựa lời kiếu từ luôn:

"Dạ, chắc em phải đi ngay bây giờ chị. Có mấy đứa bạn đang đợi em ngoài phố..."

Chẳng biết chị Diệu có cảm thấy áy náy không khi Tần chào từ biệt, chị lại tỉnh thiệt, lịch sự thêm một lần nữa:

"Còn sớm mà. Hay là ở nán lại đây ngồi nói chuyện với Hiền cho có bạn. Chị xuống nhà dưới nghe..."

Lỡ leo lên lưng cọp rồi nên Tần không đắn

đo, do dự:

"Thôi để dịp khác đi chị. Tàu em còn qua lại Nha Trang hà rầm mà. Chỉ sợ mấy anh bạn phiền hà vì nãy giờ tách bầy cũng khá lâu. Thôi em đi, chị ở lại mạnh giỏi, Hiền mạnh giỏi..."

Hiền tiễn Tần ra cửa trong im lặng, chị Diệu nói với theo:

"Hứa là phải nhớ đó nghen Tần."

"Dạ..."

Lại một cuộc chia tay không hẹn trước! Và có cuộc chia tay nào mà không gây vương vấn trong lòng với biết bao nhiêu hình bóng thân thương, ẩn hiện xa gần. Chỉ tiếc rằng cuộc hội ngộ có hơi ngắn ngủi vì giữa Hiền và chàng còn biết bao nhiêu điều cần tâm sự. Không riêng gì chàng mà cả Hiền nữa có thể, chàng đoán mò như vậy, đã chưa kịp nói ra những gì mình muốn nói. Trời xui đất khiến thế nào mà chị Diệu lại về nhà sớm như vậy để kẻ ở người đi sau dăm ba câu nói hời hợt hững hờ. Chân rảo bước trên đường mà lòng chàng như ngây như dại.

Mãi đến bây giờ chàng mới chợt nhớ ra là Hiền vẫn đẹp một cách thùy mị, duyên dáng như thuở nào. Tuy nước da có màu tái tái nhưng khuôn mặt trái soan đó, đôi mắt long lanh đó, đôi môi mọng đỏ như son đó vẫn như xưa mà trong nỗi mừng vui, rộn ràng chàng đã quên đi một lời khen nồng nàn, tha thiết. Quả là thiếu tế nhị. Những bài học "đắc nhân tâm" mình đã bỏ đi nơi đâu, Tần lẳng lặng cười thầm.

Còn chị Diệu nữa, đã biết hai đứa đang ở trong tình trạng trái ngang mà mở miệng mời ở lại ăn cơm mới khổ. *Ăn sao cho được mà mời, dù thương cho lắm cũng vợ người ta thôi*, thì làm sao mà chàng không "nhổ neo, tách bến" sớm đây chớ? Đành phải đánh một vòng lên khu Ty Thông Tin, xem như trung tâm thành phố, tìm cái gì ăn qua loa, bậy bạ cho xong. Hoặc giả lội ra bờ biển tấp vô mấy cái *Bar* mang số, từ số 1 đến số 5, nhậu một chầu cho đã. Nhưng cả hai thứ, chỉ một mình "đơn thân độc mã" thì lấy gì làm vui. Tần bâng khuâng nghĩ ngợi!

Chẳng mấy chốc đã gặp đường Quang Trung. Phố xá xem có phần tấp nập, ồn ào hơn nhiều. Có một vài bộ đồ trắng tiểu lễ Hải quân xuất hiện cách xa xa trước mặt chàng. Cùng những người tình, những em gái hậu phương, lẽ dĩ nhiên. Thôi, hãy lánh mặt cho bọn đàn em khỏi phải chào tay, khỏi phải lo lắng không biết chàng là sĩ quan của Trung Tâm Huấn Luyện, của trại Tây Kết, hay của chiến hạm. Với ý nghĩ vụn vặt đó, chàng thẳng hướng đi luôn về phía Phan Chu Trinh, cũng nên lắm, vì thêm một lý do nữa là để bọn nó khỏi cho rằng chàng "tối nước," đã mang lấy thân đường đường là một sĩ quan hải quân mà giữa phố phường hoa lệ lại không có được một bóng hồng cùng nhau sóng bước...

Một cơn gió thổi qua lao xao cành lá. Từng chiếc, từng chiếc... lá vàng rơi lả tả trên mặt đường. Một chiếc lá bàng lớn rớt ngay trước mặt. Bóng nắng chiều le lói xuyên qua kẽ lá thân cây, tung tăng nhảy múa trên lối đi. Chàng ước gì phải có Hiền bên cạnh, dung dăng dung dẻ như ngày nào. Chẳng biết nàng nghĩ sao một khi đã phụ tình nhau, chớ riêng chàng thì dường như chàng vẫn còn yêu nàng rất nhiều thì phải? Trong xa vắng, mơ hồ của thương mến vô vàn, chàng nảy ý tìm lời ghi lại cảm xúc của mình qua mấy vần thơ:

Thà em ngày ấy... đừng yêu anh
Chớ yêu rồi phụ, phụ sao đành
Nửa đường gãy gánh, sầu xa cách
Thao thứ c tìm em suố t nă m canh... ...
Bực quá, vì sao tôi vẫn yêu...
Yêu người tình phụ đã một chiều
Ôm cầm cuốn gói sang thuyền khác
Quên cả nguồn cơn đã chắt chiu

Những bước chân không chủ đích đã đưa chàng lần đến công viên Yến Phi, một thời là chỗ hẹn cho cả bọn Thành, Thắng và Tần cùng với bên phe nữ, Thúy, Thảo và Hiền. Cảnh xưa còn đó mà người xưa thì đã về nơi đâu? Họa chăng chỉ nghe tiếng trả lời của những con sóng rì rào từ bãi xa vọng lại! Chẳng màng để tâm đến những cặp tình nhân đang chìm đắng trong cõi riêng tư, Tần mon men lại chiếc băng đá trống, móc giấy bao thuốc ghi lại bài thơ... *yêu người tình phụ* cho khỏi quên.

Rất có thể chàng sẽ trở về tàu để ăn... cơm tàu, nếu không gặp bạn bè hay người quen. Bên tai chàng như cứ nghe tiếng mời mọc, dụ dỗ của anh chàng thủy thủ chiêu đãi viên trong *carré* sĩ quan mỗi lần chàng đi chơi về trễ, không đúng giờ cơm:

"Sao, thiếu úy đói bụng chưa để thằng em dọn cơm cho thiếu úy ăn. Bữa nay nhà bếp có nấu món canh chua cá bống mú, gà xào xả ớt... ngon lắm..."

Ừa, ngon thì có ngon đó, nhưng hỡi ôi, lúc nếm mùi vào mới hay mình vỡ lẽ món... cơm tàu...

CĂN PHÒNG CỦA PATRICIA

TÔN NỮ THU NGA

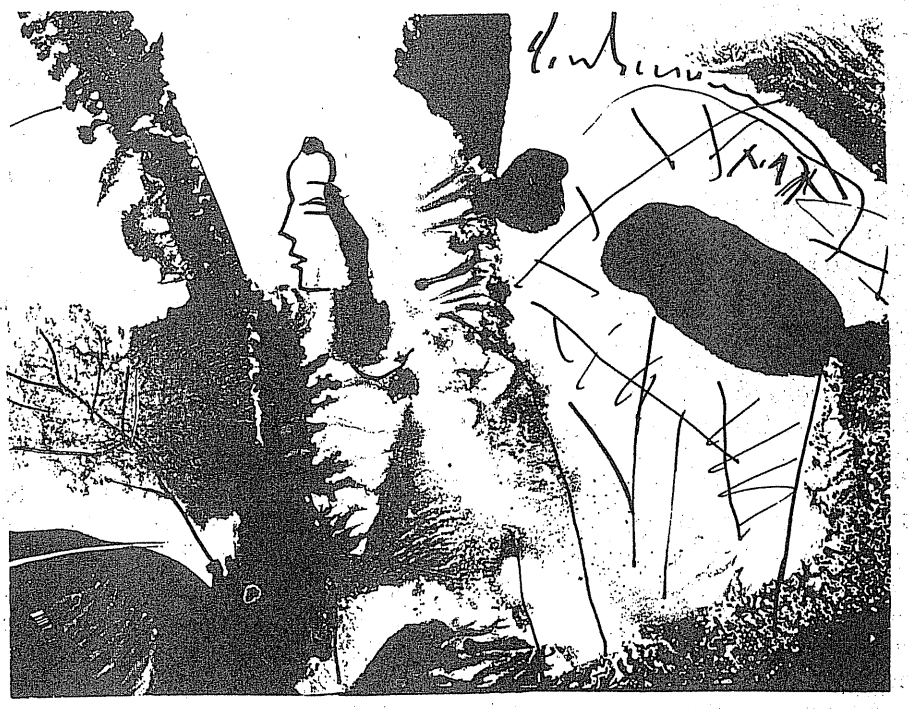

Từ ngày chúng tôi khám phá rằng Patricia bị nhiễm độc, chúng tôi phải đưa em vào nằm trong một căn phòng riêng biệt. Căn phòng này trước kia gọi là nursery 2, nay được mọi người quen miệng gọi là căn phòng của Patricia.

Patricia là một đứa bé của cặp song sinh Parra. Trong phòng điều dưỡng cho các em bé thiếu tháng này: bác sĩ, y tá, chuyên viên hô hấp trị liệu, gồm một nhóm người nho nhỏ, đếm được trên mấy đầu ngón tay. Vì thế không khí nơi làm việc này cũng giống như không khí của một gia đình. Mà đã cho rằng đây là một gia đình thì lúc nào cũng có nhiều bi, hài kịch.

Mẹ của Patricia và Priscilla là một người thiếu phụ trẻ, gốc Mễ, căn bản giáo dục tối thiểu. Trong những ngày hè nóng nực, dù đang còn trong giai đoạn dưỡng sanh, mỗi lần đi thăm con, nàng diện những bộ vía cũn cỡn làm mấy cô y tá nhướng mày, liếc mắt. Có cô còn làm bộ quan tâm hỏi han:

"Cô không sợ lạnh sao hả?"

Marabella thuong ngay ngô lắc đầu hoặc nhún vai, đôi khi khoanh chéo hai cánh tay, xoa xoa bờ vai như tuồng dọ dẫm những giác quan để cho chúng tôi biết thật là đích xác ý kiến của nàng, dù chẳng ai thật sự quan tâm!

Đôi lúc nàng vừa ra khỏi phòng, có mấy bà điều dưỡng hỏi nhau:

"Sao hôm nay nó chỉ mặc mỗi cái áo nịt ngực mà đi đường?"

Tôi ghẹo họ:

"Mấy bà này lỗi thời quá, không biết gì về thời trang cả, cô Madonna mặc áo kiểu này trình diễn cho cả thế giới xem từ lâu rồi; cô Marabella nuôi con bằng sữa mẹ, ăn mặc kiểu này rất là tiện.

Câu nói của tôi làm các bà cười khúc khích. Pam, người y tá trưởng, nhìn tôi:

"Sao mà bất cứ chuyện gì cô cũng kiếm ra lời giải thích lạc quan được, riêng tôi, tôi không thích nghe lũ trẻ khóc lóc vì đói nên thấy kiểu áo cô Marabella mặc cũng tiện lắm.

"Tôi thấy kiểu áo đó thật là đẹp vì nó không che mất mấy cái tattoo hai bên vai và cái hoa hồng trên ngực.

Anh Phi, người chuyên viên hô hấp, vừa bước từ phòng sanh ra, nghe nửa mẩu đối thoại, cười hí hí:

"Tui chưa thấy cái hoa hồng rõ ràng nên bữa sau phải coi lại cho kỹ!"

Cô thư ký Sheena nguýt anh ta một cái sắc sảo như vết cắt scapel:

"Tôi mách vợ anh ngay bây giờ!"

Anh Phi giả bộ sợ hãi khúm núm làm Sheena cười ngất nghẻo.

Hai cô bé sanh đôi này được chúng tôi nuôi dưỡng từ lúc lọt lòng mẹ, mỗi bé chỉ nặng cân hơn sáu trăm gram. Priscilla ra đời sớm hơn Patricia hai phút, nặng hơn Patricia chừng bốn mươi gram. Chừng vài phút sau khi chào đời, tôi và anh Phi đã vội vàng đặt ống thở vào khí quản của hai cô bé để tiếp liệu dưỡng khí, trợ giúp cho những lá phổi còn non nớt. Một hài nhi chỉ sống nhờ máy thở, sự sống của bé phần lớn tùy thuộc vào sự khéo léo, đảm đang và trí thông minh của nhiều nhân viên Y tế mà quan trọng nhất là vai trò của những chuyên viên hô hấp trị liệu. Những chuyên viên này được huấn luyện đặc biệt để có thể đương đầu với tất cả mọi trường hợp khẩn cấp khi hài nhi bị sanh thiếu tháng. Nếu hài nhi không có khả năng tự hô hấp, sau khi đặt ống thở vào khí quản bệnh nhân, người chuyên viên này phải biết đọc hình quang tuyến để quyết định chính xác vị trí của ống; sau đó họ phải quan sát sự giãn nở cuả hai lá phổi để ước lượng áp suất khí bơm vào cho đầy đủ. Từng giây, từng phút tùy theo bệnh trạng của đứa bé, người chuyên viên này lúc nào cũng phải chăm chú, theo dõi từng dữ kiện nhỏ để giữ đứa hài nhi trong cõi sinh tồn.

Với tất cả những nỗ lực của chúng tôi, Priscilla tiếp tục lớn lên như cây cỏ mùa xuân. Cô bé tròn trịa hẳn, da nâu bánh mật, tóc đen mấy sợi loe hoe. Hôm nọ, cần chuyền cái kim vào tỉnh mạch trên màng tang để tiếp thuốc, cô y tá cạo một nhúm tóc cuả Priscilla, bỏ trong cái bao nylon nhỏ xíu, dán vào một tấm thiệp đề chữ- My first hair cut- Khi Marabella cầm tấm thiệp đọc, cô xuýt xoa quý hoá, cất kỹ như một bảo vật. Vì Priscilla đã mạnh, không cần máy thở nữa, cô chỉ cần một đường dây dưỡng khí nhỏ nên Marabella được ẳm con, tập cho bú và được các cô y tá dạy cách tắm rửa cho con. Marabella tỏ ra sung sướng lắm khi được làm các công việc tỉ mỉ ấy . Tay cô nhẹ nhàng cẩn thận, đôi mắt nhung tròn dưới hàng mi đen chăm chú quan sát học hỏi. Pamela cười sung sướng bảo chúng tôi:

"Marabella sẻ trở thành một người mẹ tốt."

Donna nhún vai:

"Chưa biết được, bây giờ hai đứa bé còn đây, mẹ nó chưa bị mất ngủ, chưa bị hai đứa con kêu khóc đòi ăn một lần..

Pamela nhìn bạn:

"Sao bồ bi quan dữ thế, biết bao người có con sinh đôi sinh ba, họ cũng đảm đang được..."

Donna lắc đầu:

"Tôi đã từng săn sóc Patricia, tôi không nhiều lạc quan như bạn."

Mỗi ngày đến sở, tôi thường chọn phần săn sóc Patricia trong căn phòng riêng biệt, chung quanh bao bọc bằng kính. Không được may mắn như Priscilla, Patricia rất yếu đuối và bệnh hoạn. Mới đầu, bé bị nhiễm trùng trong máu, tiếp đến là nhiễm trùng khí quản. Hai lá phổi bé đầy nghẹt đàm giải, chúng tôi phải dùng máy, thường xuyên hút đàm cho bé qua ngả ống thở. Mỗi lần cần làm như vậy, chúng tôi buộc phải tăng dưỡng khí cao hơn để đỡ biến chứng. Lúc làm việc này, chúng tôi rất cẩn thận vì hài nhi có thể đứng tim, ngưng thở hoặc có thể bị ra máu vì thương tích trong phổi. Một hôm tôi vừa đến sở, nghe ca đêm báo cáo rằng Patricia không được khoẻ, đọc quang tuyến phổi tôi thấy lá phổi bên phải bị lép phần trên. Cùng cô y tá, tôi vội vàng đổi vị trí thân thể cuả bé để phần phổi này được thông khí dễ hơn. Mặc dầu chúng tôi đã cố gắng phòng ngừa những hiểm họa dùm cô bé, có nhiều lần những biến chứng đến một cách thật đột ngột làm chúng tôi toát mồ hôi, sợ điếng cả người. Tuy đã nhiều lần chết đi sống lại, Patricia thoát cơn hiểm hôm ấy với một ống thoát khí đâm vào giữa hai xương sườn

trên phần ngực bên phải để rút bớt không khí ra khỏi màng phổi; phần khí dư này ngăn chận sự giản nở của phần trên lá phổi. Trong mấy giờ đồng hồ túc trực bên em, mỗi khi em bị biến chứng, tôi thường cảm thấy mình bị già thêm mấy tuổi.

Dù vậy, Patricia tiếp tục lên cân, đôi má em trở nên phúng phính dể thương, em đã cân nặng gần một kí. Em không còn gầy guộc mong manh nữa. Tôi thường so sánh các em bé thiếu tháng như những con chim vừa mới nở: ốm o, bé nhỏ, xương xẩu, da mỏng tanh như giấy lộ ra những đường gân máu, hai tai trông mỏng như hai cái nấm mèo. Tóc em thưa thớt loe hoe như mấy cái lông vũ ướt, có em sinh quá sớm, đôi mắt còn nhắm nghiền như mấy con chó con. Vui mừng thay, Patricia đã vượt qua những ngày đầu khốn khó ấy .

Ngày lễ Lao động năm nay, một nhóm nhiếp ảnh gia của hội ảnh nghệ thuật Việt Nam rủ tôi đi Yosemite chụp ảnh. Nhiếp ảnh là một nỗi đam mê kéo dài trong đời tôi, lâu lâu tôi lại phải ra đi một lần, đến với thiên nhiên, nghe tiếng lá rơi, chim hót, suối thầm thì; nhìn trăng lên , sao mọc, mặt trời hồng để cảm đội ơn đời đã cho mình những ngày khỏe mạnh và vui sống. Sau mỗi chuyến đi, tôi trở về, sẵn sàng cúi mình trên những lồng kính ấm áp chứa đựng những đứa bé yếu ớt, sẵn sàng lắng nghe những hơi thở nhẹ, tiếng tim đập mong manh, sẵn sàng dang đôi tay mình để đón nhận những hình hài bé bỏng, thâm tím vừa bị đẩy ra khỏi lòng mẹ ấm êm vào cuộc đời giá lạnh. Tôi sẵn sàng cho những phút giây mà quả tim mình dường như lạnh buốt, đôi tay mình run rẩy xúc động, mở rộng chào đón những thân thể gầy guộc với hơi thở nhẹ như tơ.

"Good morning Mike! How is everything?"

"Chà, mới đi chơi về vui quá hả? Ngồi xuống đây để tôi bàn giao công việc."

Tôi nhìn Mike, người bạn Mỹ đen khổng lồ nhưng tánh tình anh dịu dàng còn hơn con gái. Anh ta rất nhẫn nại, không như tôi, tánh bồng bột và nhanh nhẩu đoảng.

"Patricia got a trach!"

"What?"

Giữ bàn tay lớn của anh trên vai tôi, không cho tôi nhảy ra khỏi ghế, anh tiếp tục:

"Lúc tối, ống thở bị nghẽn, Patricia không đủ không khí, tôi bắt buộc phải rút ra, nào ngờ khí quản bị hẹp qúa , không bỏ ống khác vào được nên tôi phải chuyền hơi bằng tay qua mặt nạ mấy tiếng đồng hồ trong lúc các bác sĩ làm thử nhưng không được, cuối cùng phải gọi bác sĩ giải phẫu. Bây giờ bé đang ngủ, còn ảnh hưởng thuốc mê, chắc sẽ cần thuốc an thần và trị đau trong thời gian tới."

Tôi lẳng lặng gật đầu, đứng dậy, bước vào căn phòng của Patricia, nhìn thân hình nhỏ bé của em dưới mấy cái ống thở, dây chuyền máu... Da mặt em xanh xao dưới ánh đèn ống nhạt, tiếng máy thở đều đều, tiếng maý đo nhịp tim bép bép... Susie, người điều dưỡng chăm chú viết hồ sơ báo cáo.

Tôi nhìn Mike:

"Tôi lo ngại cho Patricia quá!"

Mike gục gặt cái đầu tóc loăn xoăn:

"Tôi cũng lo lắm chứ, Patricia còn hơi nhỏ, nhưng chỉ có cách này mới cứu bé được."

Trong sự thinh lặng tiếp nối, từ đáy tim chúng tôi tự dằn vặt mình bằng những câu hỏi bâng quơ mà không bao giờ tìm được ra câu trả lời đích xác.

Trach viết tắc từ chữ Tracheostomy. Trach tube là một ống nhựa cong, lớn nhỏ tuỳ theo bệnh nhân. Ống nhựa này được nối vào khí quản bằng cách giải phẫu để loại bỏ một miếng sụn nhỏ của vòng khí quản. Qua đường hô hấp mới, chúng tôi gắn em vào máy thở. Ngày đêm bất tận, chuyên viên hô hấp có nhiệm vụ giữ cho máy này chạy một cách toàn hảo vì máy chính là buồng phổi mới của em.

Patricia đã được hơn ba tháng, bé tiếp tục nhiễm độc hết vi trùng này qua vi khuẩn nọ, bao nhiêu thuốc men dồn dập, thế mà bé đã cân nặng gần bốn ký. Đôi má phúng phính như búp bê, cái cằm thêm béo phì có ngấn. Hằng ngày tôi nhìn em vất vả từng hơi thở, cố gắng tìm một phương thức mới để giúp hai lá phổi bệnh hoạn của em phát triển một cách hữu hiệu. Đôi khi rảnh rỗi, tôi bế em trên tay, hát nho nhỏ những câu hát tôi nhớ lỏm bỏm qua các phim vẽ nhi đồng, có lúc Susie hỏi tôi : bài hát đó từ đâu ra vậy? Tôi mới chợt nhớ rằng mình đang ca bản nhạc trống cơm hoặc đang ngâm nga bản Cánh hồng Trung Quốc.

Anh Phi nghe tôi hát, cho tôi biết rằng bản Cánh hồng Trung Quốc được dùng trong phim Mulan. Không biết vì tôi hát du dương hoặc quá dở, chỉ vài phút sau Patricia đã yên lặng nhắm mắt nghỉ ngơi.

Susie và Toni là hai người nữ y tá thường lãnh nhiệm vụ săn sóc Patricia. Không phải là y tá nào cũng chịu đựng được bệnh nhân nhỏ xíu nhưng thật là trầm trọng khó khăn ấy. Có

ngày Susie hoặc Toni nghỉ làm, cô khác vào thay thế, mặt mày cô nào cũng sưng sỉa khó chịu, than vãn, ưu phiền và đương nhiên những ngày ấy cũng là những ngày khó khăn nhất cho Patricia. Bé thường bị tim chậm và những cơn hen suyễn nổi dậy bất ngờ năm lần bảy lượt một ngày. Tôi lẩn quẩn túc trực bên em, cho em thở thuốc, canh chừng các máy móc quanh em, hát nho nhỏ cho em nghe những bài ca vụn vặt trong trí óc hao mòn của mình.

Toni tự xưng là bà ngoại, Toni mua sắm cho Patricia những mảnh áo xinh xắn. Những điều Toni làm vượt ra khỏi nhiệm vụ cuả một nữ điều dưỡng, vì tình thương cho những đứa bé bất hạnh này phát xuất từ trái tim bà. Toni có một người con gái, cô mất đi trong tuổi thanh xuân vì bệnh Aid, từ đó, Toni đem tình mẫu tử của mình đi san sẻ cho những kẻ bất hạnh của trần gian. Patricia đang được làm đứa cháu cưng mà Toni không bao giờ có.

Susie trở lại sở làm vào thứ hai, mặt mày rạng rỡ, môi chúm chím cười, đôi mắt như đại dương long lanh màu nắng. Sau vài lần bắt gặp cô mơ màng tủm tỉm cười trong căn phòng ảm đạm của Patricia, tôi không nhịn được sự tò mò nên dừng lại bên khung cửa. Khoanh tay trước ngực, dùng một giọng nói chắc ăn như bắp, tôi điều tra:

"Kể cho tôi nghe cuộc hẹn cuối tuần của cô với bác sĩ Steine. Chắc là tình tứ lắm nên nảy giờ tôi thấy cô cười tủm tỉm mãi."

Susie giật mình, đôi mắt mở thật lớn nhìn tôi, cô đớn đác ngó quanh sợ có người nghe được câu tôi nói, cô để ngón tay trên môi ra dấu cho tôi im lặng, ngoắc tay kêu tôi vào phòng.

"Sao cô biết tôi có hẹn với Jimmy?"

Thật ra tôi nào có biết cô ta hẹn hò với ai nhưng vì tuần trước, bác sĩ Steine giải phẫu cho Patricia ngay trong phòng, có Susie và tôi phụ tá. Sau mấy cái mặt nạ che hết cả mặt mũi, không biết vì đôi mắt đại dương hay cái giọng nói nhỏ nhẹ của Susie mà anh chàng bác sĩ này đã trở lại đây đến mấy lần, viện cớ để thăm bệnh nhân nhưng đặc biệt là nói chuyện vẩn vơ thật lâu với cô y tá. Sau khi Steine rời phòng, Susie để bàn tay lên tim, bàn tay kia lên trán làm bộ choáng váng, xuýt xoa:

"He is sooo... cute!"

Quan sát tình cảnh hai nhân vật trên, tôi nói chận đầu Susie, nào ngờ hai người có hẹn nhau thật sự.

Làm bộ quan trọng, tôi nghiêm nghị bảo Susie:

"Tôi có nhiều kinh nghiệm sống hơn cô, và khiếu quan sát cuả tôi rất giỏi nên chuyện gì xảy ra chung quanh tôi cũng biết cả."

Susie thán phục nhìn tôi, cô thì thầm:

"Cô đừng cho ai biết nghe, mấy mụ ngoài kia nhiều chuyện lắm, dù sao mới hẹn nhau có một lần, chưa có gì đáng kể cả."

VÕ ĐÌNH TUYẾT

LÂU LẮM RỒI NHỚ LẠI THƠ CAO TẦN

Có chiếc lưng cong rơi xuống bóng chiều
Có đời mẹ già ở đây quạnh hiu
Có tôi và em mảnh tình xa xứ
Có biết bao ngày rồi cũng buồn thiu

Từ lòng bỏ đi ở ngoài sông biển
Từ chỗ phôi pha quạnh vắng bao điều
Từ chỗ tình người mong manh nắng lụa
Từ chỗ đi, về, ngày tháng cô liêu.

Có tiếng chân bước êm về phố cũ
Có tiếng đời gõ nhịp xuống mưa khuya
Có sầu rớt phiến tranh nghèo trĩu nặng
Như niềm đau sương chờ nắng hanh về.

Từ uẩn khuất ngày ta đi lưu lạc
Như Cao Tần múa gậy tuyết bâng quơ
Lên núi cao đi tìm thanh kiếm gãy
Vạch đá ngồi vẽ lại cảnh bơ vơ.

Hatfield, Pa, 1999

Rồi không nhịn nổi, cô cười khúc khích, lấy bàn tay che miệng thì thào:

"Anh ta thật là lịch sự và dễ thương chịu không nổi, ảnh hôn tôi bên má lúc chào tạm biệt, tôi mong gặp anh ta lại, lần sau, lần sau..."

Susie ngập ngừng, đỏ hồng đôi má, đưa ngón tay lên môi, hôn một cái thật kêu, nhìn tôi cô lém lỉnh:

"Lần sau tôi sẽ gởi nụ hôn này cho anh ấy và nói rằng do Patricia gởi."

Tôi lắc đầu, nhìn gương mặt rạng rỡ của cô, thoáng bồi hồi nhớ lại thời tuổi trẻ cuả mình với trái tim ngập tràn hoa mộng, tôi mỉm cười:

"Chúc cho cô nhiều may mắn."

Cầm bàn tay nhỏ cuả Patricia trong tay, Susie nhìn tôi:

"A, nói về sự may mắn thì Patricia cũng rất là may mắn vì sáng hôm nay Marabella gọi cho biết rằng cô ta bắt đầu đi học lại."

"Tốt quá, cô ta học nghề gì?"

"Marabella học nghề điều dưỡng vì sau mấy tháng ra vào nơi đây cô ta cảm thấy rất thích những công việc này."

"Với hai đứa con sanh đôi, làm sao mà cô ta có thì giờ đi học?"

"Bà ngoại cuả Patricia và Priscilla vừa đến tuổi hưu trí, bà còn khoẻ lắm, ở nhà cũng buồn nên tình nguyện giữ cháu cho con gái đi học, vả lại, chưa chắc Patricia được về nhà!"

Tôi nhíu mày thắc mắc. Susie giải thích:

"Patricia có thể phải ở một nơi chuyên môn săn sóc những đứa trẻ đang cần sự chăm sóc đặt biệt, tôi nghe các cô cán sự xã hội đang tìm chỗ."

Dù hiểu tất cả những tình trạng khốn khó cuả Patricia, nhưng tôi cũng xót xa trong dạ. Bé như một cây hoa èo uột hằng ngày tôi vun tưới, nhổ cỏ, bắt sâu hy vọng một ngày đơm chồi nảy lộc mà ngày ấy chỉ là một ảo ảnh mơ hồ.

Tôi trở lại California sau hai năm xa cách. Hai năm tôi miệt mài trên các nẻo đường Á châu, làm hướng dẫn viên để đào tạo một nhóm chuyên viên hô hấp mới cho những quốc gia còn chậm tiến. Sau khi mãn hợp đồng và cũng đã thấm mệt, tôi về lại California. Ngày vào thăm sở, những người bạn thân xúm xít quanh tôi chuyện trò ríu rít . Anh Phi, tóc bạc thêm một chút, cái bụng hơi tròn. Thấy tôi nhìn, anh cười hí hí như ngày xưa, vỗ bụng:

"Tôi đang phát tướng... À để tôi dẫn bà lên NICU cho tụi bạn ngạc nhiên."

"Trên ấy có thay đổi gì không?"

"Chả có gì, chỉ thêm vài cái máy mới, bà đã dùng mấy tuần trước khi bà đi Bangkok."

"Phải máy Drager, baby log không? Tôi nhớ hồi đó tôi phải đổi máy để cứu Patricia..."

Anh Phi ấn mật số, mở cửa phòng. Bước vào trong, tôi liếc nhìn vào căn phòng tối mà một thời chúng tôi gọi là căn phòng của Patricia. Anh Phi nhìn tôi:

"Patricia bị sốt rất nặng vài ngày sau khi bà rời Cali, não bộ bị hư, xương lại bị mục các bác sĩ bàn với Marabella là nên để Patricia được yên ổn trước khi chết nên chúng tôi chỉ cho thuốc mà không bơm tim khi tim em ngừng đập."

Tôi im lặng gật đầu, nghĩ đến đôi mắt lờ đờ tội nghiệp cuả Patricia những ngày em lên cơn sốt nặng, nghĩ đến những tấm khăn ướt Susie đắp đầy cái thân thể nhỏ bé cuả em, những giọt nước rỉ rả chảy ướt cánh tay tôi khi tôi nâng niu vỗ về em từng hơi thở... lạnh lẽo như giọt lệ trên khóe mắt.

Giọng anh Phi xa vắng:

"Tuần trước Marabella có gởi thiệp báo tin cô đã tốt nghiệp chương trình nursing. Susie muốn đi dự lễ ra trường nên dời ngày đi Hawaii trăng mật cho đến hôm sau."

"Susie lấy ai vậy?"

"Trời, bà còn giả bộ hỏi! Nó nói là bà biết chuyện nó với ông Steine từ lâu rồi mà bà đâu có cho ai hay."

"Chuyện tình xứ Mỹ này có gì là chắc chắn đâu mà bàn tán cho mệt. Điều làm tôi thích nhất là Marabella đã học hành xong, một điều không ai ngờ được."

Anh Phi bước đến bàn giấy, cầm đưa tôi một tấm ảnh: Marabella cười tươi như hoa trong mũ áo ra trường, tay ẳm một em bé gái, khuôn mặt bầu bĩnh, đôi mắt đen tròn long lanh, má hồng khoẻ mạnh, giống y hệt Patricia nhưng đây là Priscilla, chị song sanh của Patricia.

Từ bóng tối trong căn phòng cuả Patricia, tôi hình dung được nụ cười rạng rỡ cuả Marabella trong một tương lai mới, Susie và Jimmy trong ánh nắng Hạ uy Di với niềm hạnh phúc mới. Toni, như một bà tiên hiền dịu cúi mình gieo rắt tình thương trên một hình hài bé bỏng trong lồng kính. Riêng tôi, một ngày nào đó, căn phòng của Patricia chỉ còn trong trí tưởng như một khởi đầu cho những hành trình của Toni, Susie và Marabella.

QUẬN CAM

Trình diễn vở kịch Nửa Đời Hương Phấn

Vào buổi chiều ngày Chủ nhật 9 tháng Năm 1999, Kịch Đoàn Hải Ngoại đã trình diễn vở Nửa Đời Hương Phấn tại rạp La Mirada, thành phố La Mirada, Nam California. Vở kịch được dàn dựng bởi nhà đạo diễn Quốc Thái, với Mai Phương, Lâm Hùng thủ vai chính, cùng các diễn viên Ngọc Nuôi, Việt Hùng, Ngọc Phu, Mai Lan, Thu Ba, Vũ Thái Bình, Bảo Hiền, Lê Tín, Thành Lễ, Thanh Tùng. Phần nhạc bối cảnh do Hoàng Ân phụ trách.

Nửa Đời Hương Phấn vốn là một vở cải lương của Hà Triều Hoa Phượng từng nổi tiếng trên sân khấu miền Nam Việt Nam trước 1975, nay được Mai Phương (diễn viên nữ chính của vở) chuyển thể qua thoại kịch. Tuy cùng là vở diễn trên sân khấu, ca kịch và thoại kịch không cùng bản chất (khác nhau từ cấu trúc của vở, đến đối thoại, cách thể hiện...) do đó chuyển thể không phải là một việc đơn giản, đôi khi đó gần như là một việc làm mới hoàn toàn. Tuồng cải lương thì lê thê, một người sắp chết phải ca đủ sáu câu mới từ từ gục xuống, trong khi kịch nói, lời thoại phải súc tích và chính xác, kết hợp chặt chẽ với động tác để thể hiện sự hợp lý, gần với đời sống thực. Sự khác nhau ấy đòi hỏi người chuyển thể phải có khả năng cả về sân khấu lẫn văn học. Mai Phương chứng tỏ đã chắc tay khi chuyển Nửa Đời Hương Phấn thành vở kịch nghiêm chỉnh, không chút dấu vết "tuồng." Phần đầu của vở đã được Mai Phương đổi mới hoàn toàn khi tô đậm mối tình của Hương và Tùng: không làm nổi lên sự thiết tha của tình yêu ấy thì không lý giải được một cách hợp lý những bi kịch đi tiếp vào những hồi sau. Người xem nếu một khi nhận thấy một điểm gì không hợp lý trong câu chuyện thì sự thưởng thức sẽ bị trục trặc, Mai Phương, với trực giác của một diễn viên kinh nghiệm, đã kịp thời hoàn chỉnh để diễn biến của câu chuyện sát thực hơn về mặt tâm lý cũng như đời sống. Ngoài ra vì nhu cầu đề cao vai trò của người mẹ để thích hợp với ngày Mother's Day (ngày mà vở kịch được mang ra trình diễn), người chuyển thể đã không ngần ngại thêm vài tiểu đoạn nói lên tình của bà mẹ của Hương khi cô bị người cha đuổi đi, hoặc khi người yêu ngỏ ý muốn cưới mình, Hương đã lấy chiếc áo dài trắng ra mặc, chiếc áo mà mẹ đã cho mình từ những ngày còn trong trắng. Sự thêm thắt ấy tô đậm tình mẫu tử, không những không làm hại mà còn làm đậm đà thêm cho ý nghĩa nhân sinh cho câu chuyện: một cô gái làm điếm có thể khiến người cha nổi lôi đình đuổi đi khỏi nhà, nhưng người mẹ vẫn thương, vẫn vỗ về, an ủi với tấm tình bất tuyệt của mình. Mother's Day chỉ là sự tình cờ, trong khi tình mẹ con đã thêm được một luồng ánh sáng tích cực vào câu chuyện vốn đầy những yếu tố đen tối của xã hội, luôn luôn chực đẩy con người vào chốn lầm than.

Về lời thoại, tuy không còn dấu vết "tuồng" nhưng nhiều chỗ vẫn chưa thật sự gọn ghẽ do một số ý và ngôn từ lặp đi lặp lại nhiều lần. Câu nói cần chính xác và gọn hơn nữa để tính chất kịch được nổi bật, vì kịch tính vốn là một cái gì rất sắc sảo không thích hợp với sự rườm rà.

Về dàn dựng, phông cảnh tạo dựng nên tâm cảnh của người xem, để từ đó mới đi trọn vẹn vào các biến cố của vở với cảnh trên phông làm nền cho các diễn biến. Trừ màn cuối cùng, các màn trước phông cảnh không mấy thích hợp, nhất là cảnh trong nhà một Tú Bà của Sài Gòn cách đây bốn năm chục năm mà lại có một tủ sách đồ sộ và nhìn ra một tòa lâu đài giống như... bên Tây! Rõ ràng là phông cảnh vay mượn, không những không gây ấn tượng thích hợp trong tâm lý người xem mà trái lại còn tạo ra những cảm giác chông chênh lệch lạc. Nhưng màn cuối ở cảnh chùa thì chính phông cảnh đã đóng vai trò rất tích cực, và đã cùng với diễn xuất giúp cho vở kịch thoát ra một chân trời mới. Đó là cảnh thật của Việt Nam, mái chùa ngói đỏ, mấy hàng cau vươn cao phía sau, chuẩn bị chu đáo cho sự xuất hiện của một cô Hương đi tu để tìm lối thoát cho cảnh đời oan trái. Cảnh như thế, truyện như thế thì hoàn toàn hòa hợp, hợp cho logic của câu chuyện, hợp với tâm thức truyền

thống của Việt Nam có lẽ bắt nguồn từ những sự tích như Quan Âm Thị Kính xa xưa. Khi dàn dựng một vở kịch, chọn lựa và thực hiện phông cảnh là việc rất quan trọng, và trong vở Nửa Đời Hương Phấn trình diễn lần này những ưu điểm và khuyết điểm đều có dịp lộ rõ.

Một cảnh trong Nửa Đời Hương Phấn

Một Mai Phương hơi gầy và hơi mệt mỏi rất thích hợp với vai cô gái giang hồ bị dằn vặt với quá nhiều khổ đau. Đó không phải là điều cố tình. Suốt một tháng trời cô phải lo tập dợt và cùng mọi người xây dựng vở kịch, cùng lúc vẫn phải lo cho business của mình, không ngày nào cô được ngủ quá năm tiếng đồng hồ. Dù mệt mỏi, Mai Phương trên sân khấu vẫn luôn luôn diễn xuất một cách thông minh, nhập vào vai trò trọn vẹn, linh hoạt. Chỉ tiếc trong quãng nửa đời cô sống với hương phấn, những giây phút hạnh phúc quá ít oi, còn lại lúc nào cũng đầy oan trái nên tài năng đa dạng của Mai Phương chỉ được khai thác trong các cảnh huống bi lụy liên tiếp nhau. Và cũng liên tiếp nhau, cô khiến khán giả rơi nước mắt. Khuynh hướng tự nhiên của người đời là cười hơn là khóc, phương cách để làm cho người khác cười cũng nhiều và dễ dàng hơn là gây khóc. Diễn xuất để làm động tâm, làm cho thổn thức, mũi lòng kẻ khác đòi hỏi một tài năng cao độ. Ở màn chót, lúc gặp lại mẹ, em và người yêu cũ ở sân chùa, Hương (Mai Phương) trong bộ nâu sồng rõ ràng vẫn còn dằn vặt với rất nhiều sóng gió trong lòng, nhưng quyết định lúc chót mời mọi người ra về để quay vào chùa, ánh sáng dần tắt hết chỉ còn một spotlight trên khuôn mặt kẻ tu hành, cùng lúc vang lên hồi chuông tiếng mõ, chỉ đến lúc đó người ta mới tìm thấy một chút thanh thản trên gương mặt của người đàn bà nhiều khổ đau ấy. Có thể nói đó là một hình ảnh đẹp nhất trong vở kịch, và là một phút xuất thần của Mai Phương: từ sóng gió đã tìm ra sự tĩnh tại, từ khổ đau đã bắt đầu thấy bình an. Diễn được vẻ mặt ấy, Mai Phương như Thúy Kiều lúc thoát kiếp đoạn trường.

Các vai trò khác, Việt Hùng và Ngọc Nuôi hai nghệ sĩ lão thành nghĩa đen lẫn nghĩa bóng đã khiến người ta nhớ đến các bậc cha mẹ ở xứ quê Việt Nam, người cha đạo lý một cách cứng nhắc, người mẹ thương con vô bờ dù cho nó có lỗi lầm đến thế nào.

Đặc biệt Mai Lan trong vở này diễn rất hay trong vai cô gái quê ngây thơ rồi sau đó trong vai vợ mới cưới của Tùng, biểu lộ một bản chất không đổi của một người con gái thiết tha với tình cảm — tình đối với người yêu, với cha mẹ, với chị, với chồng — nhưng lúc nào cũng thiệt thà nhân hậu. Nếu tác giả kịch bản tạo hai nhân vật chị em này dựa trên hình ảnh Thúy Kiều và Thúy Vân thì Mai Lan đã thể hiện được tính cách rất là Thúy Vân trong cung cách của cô.

Quốc Tuấn trong vai sở khanh dụ dỗ con gái nhà lành vào đường tội lỗi, Thu Ba ngúng nguẩy, Ngọc Phu điềm đạm, mỗi người một vẻ đều mang đến khán giả nhiều thích thú riêng trong diễn xuất già dặn của mình.

*

Từ Lôi Vũ qua Đoạn Tuyệt, đến Sân Khấu Về Khuya, và bây giờ Nửa Đời Hương Phấn, trong bốn năm năm qua sân khấu Việt Nam hải ngoại đã có những bước đi như thế nào? Nếu xét về kịch bản thì ngành kịch đang đi tìm

một thể loại sao cho phù hợp với đông đảo khán giả. Từ khó đến dễ, từ hàn lâm đến đời thường. Từ những vấn đề gợi các suy ngẫm sâu xa đến những giọt nước mắt cảm thương rơi lã chã. Nửa Đời Hương Phấn là loại tuồng cải lương "xã hội" đưa ra những cạm bẫy của cuộc sống thành thị đối với các cô con gái quê, và tô đậm tính chất éo le của tình ái. Đó có thể là những chuyện đánh động lòng người trong một thời điểm, cũng có thể là thói đời của bất cứ thời nào, tùy theo kịch bản có đưa được những việc của một thời thành những giá trị vĩnh viễn hay không. Nếu dựa vào kết quả buổi diễn thì đây là một vở kịch thành công: hơn một ngàn ghế của rạp La Mirada đã không còn một chỗ trống. Vở kịch đã mang lại nỗi thương cảm thực sự của khán giả về cuộc đời éo le của một người con gái. Và cũng có bóng dáng của bà mẹ để đáp ứng cho một tình cảm thời trang là ngày Mother's Day. Những cực nhọc, khó khăn mà Quốc Thái, Mai Phương và toàn thể anh chị em trong Kịch Đoàn Hải Ngoại đã cùng nhau đương đầu trong suốt thời gian dựng kịch đã được một đền bù xứng đáng.

Nhưng Nửa Đời Hương Phấn là một vở kịch quá bi lụy. Có thể nói những tình cảm tiêu cực về cuộc đời trải dài suốt vở, với bao nhiêu nỗi bạc phận dồn cả cho một kẻ hồng nhan. Loại "tình cảm xã hội" sướt mướt này một thời đã được ưa chuộng bởi đông đảo quần chúng mê cải lương của miền Nam, bây giờ một phần ba thế kỷ sau, mang dựng thành kịch cho người Việt ở hải ngoại xem thì giá trị có vẻ nằm ở chỗ gợi lại hoài niệm, sống với vang bóng, hơn là đi tìm một giá trị vững chắc cho một kịch nghệ đích thực. Sự bi lụy tự nó không phải là cái dở, nhưng giá trị của nỗi đau không phải chính là nỗi đau đó mà là các suy ngẫm về nó. Nửa Đời Hương Phấn đã làm được việc trình bày nỗi đau, nhưng phần tiếp theo thì còn thiếu. Nước mắt khán giả đã đổ rất nhiều, nhưng chỉ chảy ra chứ không chảy ngược vào để thấm tận tâm can.

Ngành kịch của người Việt hải ngoại rõ ràng đang có những bước phát triển tích cực. Những người trong nghề đang thao thức xây dựng, quần chúng đã bắt đầu đến với sân khấu kịch ngày một đông đảo hơn. Vấn đề kịch bản lại trở thành chuyện đáng quan tâm. Có nhà viết kịch nào hiện nay đang làm việc để cống hiến kịch bản nóng hổi hơi thở của đời sống bây giờ cho nghệ sĩ và khán giả không? Trong tình hình còn phôi thai này, mơ ước ấy có vẻ xa xôi. Thế thì bổn cũ soạn lại vậy, bổn cũ của ta xem ra cũng phong phú lắm. Vấn đề còn lại là sự chọn lựa tác phẩm để dàn dựng, sao cho dù chúng xuất hiện từ một thời điểm xa xôi nhưng giá trị vẫn còn vững chắc qua thử thách của thời gian.

Thăm thư viện Đông Nam Á tại Đại Học UCI

Giới trẻ cùng với một số đại diện đoàn thể văn hóa giáo dục, nhà văn, nhà báo, truyền hình Việt Nam đã đến Thư viện của trường Đại Học UCI vào sáng ngày thứ Bẩy 24 tháng Tư năm 1999 tham dự một cuộc triển lãm mang tên là Documenting The Southeast Asian Refugee Experience ngay trong thư viện của trường Đại Học UCI. Cuộc triển lãm này được tổ chức trong tuần lễ cuối tháng Tư, với sự hướng dẫn của bà Anne Frank, người phụ trách đặc biệt Văn khố Đông Nam Á. Bà Anne Frank cho biết cuộc triển lãm năm nay nhằm tiếp tục xây dựng lợi ích cho cộng đồng, đó cũng là những nỗ lực hỗ trợ tích cực cho thư viện. Bà đã giới thiệu và giảng giải qua những hình ảnh và tài liệu được triển lãm trong tủ kính ở ngay tiền sảnh của Thư Viện UCI như đồng bạc Đông Dương, tiền Bảo Đại..., nhưng chính những hình ảnh, tài liệu và sách báo nói đến những ngày cuối cùng trước 30 tháng Tư năm 1975 đã thu hút rất đông người xem. Tờ báo đầu tiên ở Hoa Kỳ loan tin tướng Minh đầu hàng Việt Cộng, những hình ảnh hãi hùng của các thuyền nhân và các trại tỵ nạn v.v... đã làm cho mọi người bồi hồi.

Tiếp theo bà Anne Frank đã hướng dẫn khách tham dự đến thăm thư viện đặc biệt của Đông Nam Á trong một phòng riêng nhỏ với khá nhiều sách báo bằng tiếng Anh, tiếng Việt, tiếng Hmong, tiếng Campuchia và tiếng Lào, nhưng phần nhiều nhất cũng là sách báo Việt Nam. Nhiều sách báo ngày nay khá hiếm như cuốn Việt Nam Văn Học Sử Cương của Đào Duy Anh, sách của Phạm Quỳnh, tạp chí Bách Khoa hoặc sách của các tác giả thời VNCH như Yêu, Sống của Chu Tử, Tôi Nhìn Tôi Trên Vách của Túy Hồng... đã được tìm thấy tại đây.

Đặc biệt có cả những hình ảnh của Việt Nam thời thập niên 1930 do một số người Hoa Kỳ đi du lịch gởi tặng. Trên kệ sách cũng có khá nhiều tạp chí văn học Việt Nam hải ngoại như Văn Học, Hợp Lưu, Thế Kỷ 21, cùng với tạp chí của một số tôn giáo Việt Nam. Một số

ảnh nghệ thuật Việt Nam và bích chương tiêu biểu của một vài chương trình văn nghệ cũng được sưu tầm và lưu trữ tại đây.

Trong số khách đến với cuộc triển lãm của Thư Viện UCI có cả nhóm thuộc Trung Tâm Văn Hóa Nguyễn Bá Học mới thành lập và đang xây dựng cơ sở về văn hóa giáo dục. Đặc biệt TT Nguyễn Bá Học đang nghiên cứu tổ chức một thư viện và văn khố Việt Nam tại vùng Nam California và nghĩ rằng công tác này khá to lớn cần sự hỗ trợ của nhiều người và nhiều giới.

Giới thiệu tác phẩm mới: Chồng Con của Song Thuận-Ngọc Loan

Khoảng 200 đại diện các hội đoàn, đoàn thể, văn nghệ sĩ và thân hữu đã tham dự buổi ra mắt tác phẩm mới *Chồng Con<D của hai nhà văn Song Thuận & Ngọc Loan do Hội Ái Hữu Gia Long tổ chức tại Hội Quán Lạc Hồng vào chiều ngày Chủ Nhật Mồng Hai tháng Năm 1999.*

Luật sư Nguyễn Trọng Nho trong phần giới thiệu tác giả đã cho biết hai tác giả Nguyễn Song Thuận và Lê Ngọc Loan là vợ chồng và là bạn thân của cộng đồng cũng như của ông từ nhiều năm nay. Ông Nho nói tiểu sử của hai tác giả trôi nổi từ miền Bắc vào Miền Nam và từ Miền Nam sang đến Hoa Kỳ.

Nhà văn Bích Huyền giới thiệu tác phẩm Chồng Con gồm 20 truyện ngắn. Qua tác phẩm, người đọc có thể nhìn thấy hình ảnh mái ấm gia đình của Loan Thuận. Bằng lời văn kể chuyện dí dỏm, hai tác giả đã diễn tả tâm tư tình cảm một cách tự nhiên, thân mật: từ những cuộc hẹn hò của thuở ban đầu của hai người đến những biến động của thời cuộc, từ việc người chồng đi vào tù cải tạo đến cảnh vượt biên và đoàn tụ tại Hoa kỳ với hai bàn tay trắng... Qua bao sóng gió thăng trầm của cuộc đời từ Việt Nam cho đến Hoa kỳ, hai tác giả giờ đây có thể buông lơi tay chèo theo giòng đời êm ả. Thời gian có thể tàn phá nhiều thứ nhưng không thể làm nhạt nhòa tình yêu thương thể hiện trong tác phẩm Chồng Con.

Trong buổi ra mắt còn có phụ diễn văn nghệ do một số nghệ sĩ như Mai Khanh, La Sương Sương, Trần Việt Nam, Kim Dung... cùng một số thân hữu trình diễn.●

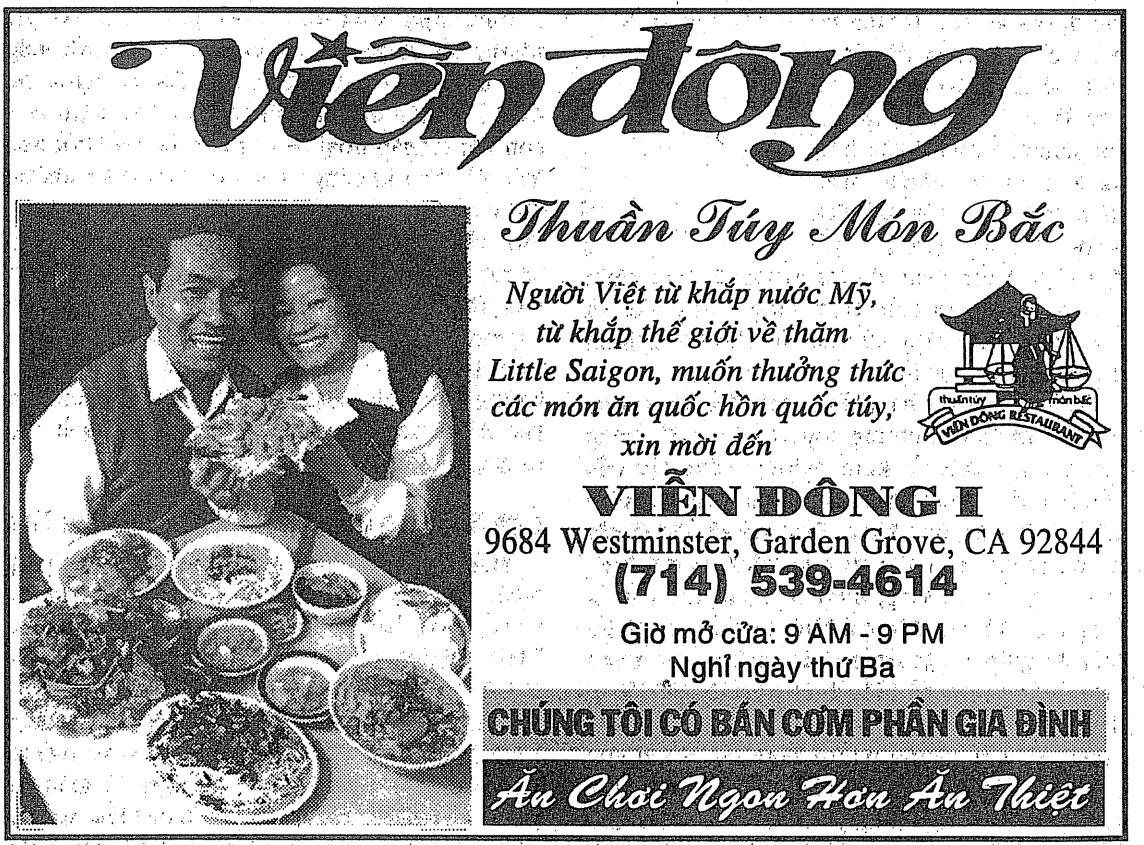

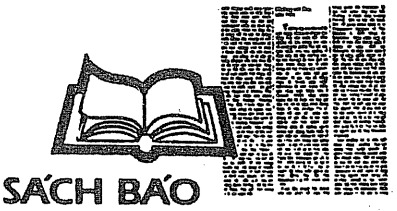

PHẠM XUÂN ĐÀI

Viết và Đọc

tiểu luận văn học của **Trần Hữu Thục**, Văn Học xuất bản, 272 trang, giá US$13.00. Liên lạc: Văn Học, P.O. Box 1359, Garden Grove, CA 92842, USA; tel: (714) 894-8535. Hoặc tổng phát hành Văn Nghệ, P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683, USA; tel: (714) 527-5761.

Trần Huy Thục là tên thực của nhà văn Trần Doãn Nho. Sau một thời gian dài sáng tác truyện ngắn, truyện dài, ký..., ông suy nghĩ, tìm hiểu về chính cái thế giới sáng tác đó và kẻ thụ hưởng nó mà viết ra quyển tiểu luận *Viết và Đọc* này. Viết và đọc là hai hành động cao cấp của con người văn hóa, đã xảy ra từ nhiều ngàn năm trước và tồn tại đến ngày nay, tuy gần gũi với đời sống hàng ngày nhưng trong đó vẫn chứa biết bao điều ẩn dấu, tiềm tàng. Càng viết và đọc, con người càng có nhu cầu tìm hiểu chính cái sự viết và đọc ấy.

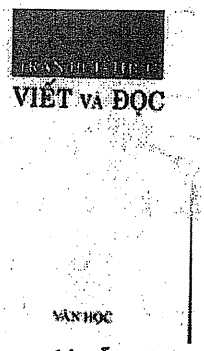

Sách chia làm ba phần: viết, đọc và phỏng vấn. Phần đầu là những suy ngẫm về việc sáng tác, tác giả viết về kinh nghiệm sáng tác của chính mình đồng thời tham khảo nhiều sách vở lý luận văn học khác. Độc giả sẽ gặp ở đây nhiều lý giải sâu sắc về quá trình thành hình một áng văn chương, hiểu rõ thêm thế nào là sáng tác. Đối với độc giả bình thường, các hiểu biết đó giúp họ thưởng thức sách vở trọn vẹn hơn, giống như kẻ hiểu biết nhạc lý thì lỗ tai đón nhận bản nhạc sẽ khác hơn là kẻ dốt nhạc; đối với những người sáng tác thì những phân tích mổ xẻ trong phần "Viết" này gần giống như những trang giáo khoa về nghề của họ, họ sẽ được chia sẻ kinh nghiệm một cách hữu ích.

Phần đọc gồm những nhận thức cá nhân của tác giả khi đọc tác phẩm của một số tác giả khác, ví dụ Hàn Ốc (thi nhân đời Đường), Võ Phiến, Bùi Giáng... Kinh nghiệm đọc của một người đối với người khác cũng thú vị và ích lợi, nhất là khi trình bày được nhiều điểm độc đáo nơi tác phẩm và tác giả mà mình đọc. Giới thiệu một Hàn Ốc cách đây hơn một ngàn năm với những câu thơ tả sự ức chế tình cảm và tính dục nơi người đàn bà, hoặc nhìn Bùi Giáng như là một nhân vật "hư cấu" giữa đời, thì thực sự đã đem lại cho người đọc các khám phá mới mẻ và độc đáo, và độc giả sẽ biết ơn cái thiện chí chia xẻ đó của người viết.

Hai nhà văn Võ Phiến và Nguyễn Mộng Giác đã trả lời tác giả trong phần phỏng vấn ở cuối sách, cũng vẫn trong đề tài tìm hiểu sáng tác, đã góp thêm một số kinh nghiệm và hiểu biết khác của những cây bút già dặn. Giải thích của Võ Phiến về thái độ phải có của nhà văn là thiết tha với cuộc sống, và thế nào là thiết tha với cuộc sống, với những ví dụ lấy từ cuốn Anna Karénine của L.Tolstoi là một đoạn tuyệt hay, bổ túc hữu hiệu cho chủ đề của cuốn sách.

Nếu nhà xuất bản chịu khó rà soát lại những lỗi chính tả và trình bày câu đánh máy cho đúng quy cách thì người đọc sẽ được dễ chịu hơn khi đọc tác phẩm. Cái khó chịu con con khi cứ gặp hoài những chữ sai dấu hỏi ngã hay lối chừa khoảng cách trong câu văn không đúng có làm cản trở sự đọc và thưởng thức, vì tạo nên cảm tưởng thiếu sự chăm sóc, tôn trọng. Lại thêm tên một nữ tác giả được trích dẫn nhiều lần là Thụy **Khuê** thì suốt cuốn sách cứ một mực viết là Thụy **Khê**, cho thấy quả việc kiểm soát bản thảo trước khi đem in không được kỹ lưỡng lắm. Mà đã là sách văn học thì về phương diện này thiết nghĩ phải đâu ra đấy, phải nên rất, rất kỹ lưỡng.

Lịch Sử Vùng Cao qua Vũ Man Tạp Lục Thư

khảo dịch sử học của **Nguyễn Đức Cung**, Nhật Lệ xuất bản, 427 trang, giá US$18.00, ngoài Hoa Kỳ $20.00. Liên lạc với tác giả: 7410 Malverne Avenue, Philadelphia, PA 19151, USA. Tel: (215) 878-3724.

Ông Nguyễn Đức Cung là cựu sinh viên Viện Hán Học, tốt nghiệp Cao học về ngành Sử tại viện Đại học Huế, đã từng là giáo sư trung học, sĩ quan QLVNCH, dân biểu, và sau 1975 đã đi tù cộng sản 13 năm. Từ trước 1975

ông đã dịch và xuất bản Đại Nam Liệt Truyện Tiền Biên, và đã khởi công nghiên cứu và dịch phần lớn cuốn Vũ Man Tạp Lục Thư, mà sau khi ra nước ngoài ông đã hoàn tất các phần còn lại để xuất bản lần này.

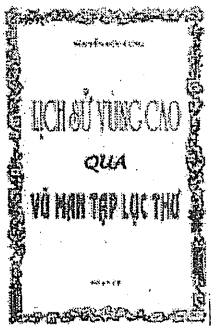

Tác giả cuốn Vũ Man Tạp Lục Thư viết bằng chữ Hán là Nguyễn Tấn, một vị quan dưới triều Tự Đức, người Quảng Ngãi, đã có công đánh dẹp yên các cuộc nổi loạn của người Thượng vùng núi Quảng Ngãi. Các sắc dân Thượng ở vùng cao nguyên phía tây tỉnh Quảng Ngãi vốn là một vấn đề làm bận tâm cho nhiều chính quyền Việt Nam kể từ khi dân Việt nam tiến vào chiếm giữ vùng này. Họ hay dựa vào địa thế hiểm trở của địa bàn sinh sống mà chống đối, không chịu thần phục nộp thuế cho triều đình, đôi khi còn tiến xuống cướp bóc những vùng người kinh cư ngụ. Dưới triều Tự Đức, Nguyễn Tấn là vị quan thành công nhất trong việc bình định các sắc dân Thượng tại đây, và sau khi thành công hoàn toàn, ông đã viết cuốn Vũ Man Tạp Lục Thư tả lại các phương pháp quân sự ông đã dùng để chiến thắng, đồng thời cũng nghiên cứu phong tục, tập quán, tín ngưỡng, bản tính, đến y phục, trang sức, nhà cửa của các sắc dân này. Về địa dư, ông đã mô tả rõ ràng từng vùng với đầy đủ chi tiết như núi đồi, sông suối, khí hậu, lộ trình, khoảng cách... Ông quả là một nhà bình định giỏi, biết phối hợp các mặt quân sự, chính trị, kinh tế, xã hội để thu phục các sắc dân sống tản mác trong rừng núi về một mối.

Cuốn *Lịch sử vùng cao...* của Nguyễn Đức Cung gồm ba phần: Phần thứ nhất là nghiên cứu của tác giả về "Vùng cao trong lịch sử xứ Quảng" gồm các mục tìm hiểu người Thượng ở Quảng Ngãi, lược sử công cuộc bình định vùng thượng du Quảng Ngãi, và giới thiệu và lược phê Vũ Man Tạp Lục Thư. Phần hai là bản dịch Vũ Man Tạp Lục Thư, kể cả các bài tựa của chính tác giả từ bản gốc, và các bài tựa của Hoàng Cao Khải, Trương Quang Đản và Cao Xuân Dục trong bản in về sau. Phần ba là các tư liệu phụ lục, trong đó có bản chụp nguyên tác Hán văn của Vũ Man Tạp Lục Thư cùng một số đồ bản và hình ảnh.

Việc bất phục tòng của các sắc dân Thượng tại vùng núi Quảng Ngãi đối với chính quyền Việt Nam gần như là một việc kinh niên. Các triều đại trước đã khổ công bình định, đến thời kỳ Việt Minh khoảng năm 1950, giữa cuộc kháng chiến chống Pháp, tại địa bàn này lại nổi lên một cuộc dấy loạn của "Mọi Sơn Hà," giết tất cả cán bộ và thường dân người kinh đang sống trong vùng, rồi đến thời VNCH lại có vấn đề Fulro. Thành ra việc dịch thuật và nghiên cứu về dân vùng này cho đến ngày nay vẫn còn hơi hướng của một nhu cầu thời sự, dù là loại thời sự tiềm ẩn. Công trình khảo cứu và dịch thuật rất nghiêm túc và công phu của ông Nguyễn Đức Cung chắc sẽ giúp ích nhiều, không những chỉ đơn thuần là việc phục hồi và giới thiệu một cuốn sách xưa, mà còn giúp tìm hiểu các sắc dân ấy trong thời hiện đại nữa.

Cơn Giông Ngày Về

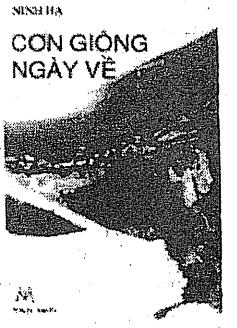

tập truyện của **Ninh Hạ**, Văn Mới xuất bản, Văn Nghệ tổng phát hành, 144 trang, giá US$10.00; ngoài nước Mỹ thêm $2.00. Liên lạc: Văn Mới, 1528 S. La Cienega Blvd. Los Angeles CA 90035, USA. Tel: (310) 559-0413.

Ninh Hạ là một tác giả quen thuộc với bạn đọc *Thế Kỷ 21*, ngay cả cái tên sách *Cơn Giông Ngày Về* cũng không lạ, vì đó là nhan đề của một truyện ngắn xuất hiện trên tạp chí này cách đây khoảng một năm. Ông tên thật là Nguyễn Đức Tâm, sinh năm 1939 tại Huế, đã theo học Đại học Khoa học ở Huế rồi Sài Gòn, và khoa Báo Chí tại Đại học Vạn Hạnh, Sài Gòn. Hiện định cư tại Chicago (Illinois), Ninh Hạ đi dạy học và làm Khải đạo (Counselor) tại Evanston Township High School, hoạt động trong Hội Người Việt Illinois, đồng thời là Trưởng ban Biên tập bình luận đài phát thanh W.W.M.R. (Windy City Weekly Magazine Radio).

Một con người bận rộn như thế mà vẫn viết truyện đều đều thì rõ ràng ông mê văn chương lắm. Truyện của ông ghi lại những mảnh dĩ vãng điển hình của cuộc chiến chống Cộng trước đây, những cảnh oái ăm của những ngày sau 1975, tình trạng chia rẽ của người Việt Nam... Lớp người cầm bút trung niên hiện nay quả là những người chứng kiến và tham dự rất nhiều biến cố và thay đổi lớn lao của đất nước,

tự thấy mình có trách nhiệm phải ghi lại, hoặc bằng hồi ký, hoặc bằng văn chương. Rất nhiều chuyện viết về trại cải tạo là những hồi tưởng kinh nghiệm của chính các tác giả. Ninh Hạ đang góp phần vào kho tài liệu cần phải để lại cho lớp sau ấy bằng các truyện ngắn của mình.

Nhưng truyện của ông không chỉ nói về quá khứ, trong đời sống hiện tại của người Việt hải ngoại ông không ngần ngại khai thác đề tài có lẽ nhức nhối nhất, là vấn đề chia rẽ, trong các tổ chức cộng đồng lúc nào và ở đâu cũng chia nhiều phe. Tác giả không cường điệu và làm trầm trọng vấn đề mà chỉ miêu tả một cách thoải mái, đôi lúc còn hơi dí dỏm, như đó là một thói tật cố hữu, cần nêu lên vậy thôi. Có lẽ trong lãnh vực văn chương đây là đề tài rất ít tác giả đề cập đến, và Ninh Hạ chứng tỏ rất quan tâm, đã có những quan sát và nhận xét khá tinh vi. Nhiều nhà văn nổi tiếng thế giới đã viết sách đả kích các thói tật không hay của dân tộc mình, tác phẩm của họ tuy có gây bực mình cho một số người nhưng đã thực sự góp phần sửa đổi tính tình, phong hóa cho đất nước họ. Không biết đề tài này rồi có tiếp tục gây cảm hứng và sự thôi thúc cho ngòi bút Ninh Hạ không?

Mây Mù Thế Kỷ

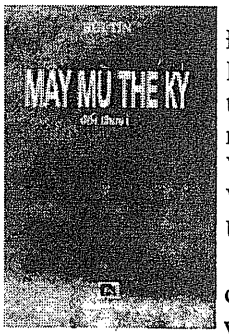

đối thoại của **Bùi Tín**, Đa Nguyên xuất bản, Văn Nghệ tổng phát hành, 338 trang, giá US$18.00, ngoài nước Mỹ $20.00. Liên lạc: Văn Nghệ, P.O. Box 2301 Westminster CA 92683 USA. Tel: (714) 527-5761.

Đúng ra đây là một cuốn sách trả lời phỏng vấn hơn là đối thoại. Những người đặt câu hỏi là các cựu chiến binh Việt Nam, Hoa Kỳ, Úc, Pháp... về cuộc chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương 1945-1975 và tình hình hiện tại của Việt Nam. Với vai trò và tuổi tác của mình, cựu Đại tá Quân đội NDVN Bùi Tín có nhiều hiểu biết về các cuộc chiến tranh ấy, và trình bày nhiều khía cạnh có lẽ mới lạ đối với thế giới bên ngoài. Câu hỏi đặt ra có nhiều loại, không nêu tên người hỏi, được sắp xếp làm hai phần: phần I, nhìn lại cuộc chiến tranh Việt Nam, câu hỏi do các cựu chiến binh Việt Nam, Hoa Kỳ, Úc, Pháp đặt ra; phần II, các vấn đề của hiện tại, câu hỏi do một số cựu chiến binh của QĐND và QLVNCH đặt ra. Về cuộc chiến tranh, các câu hỏi nhằm tìm hiểu cách nhìn, cách giải quyết cuộc chiến, và một số vấn đề cùng nhân sự trách nhiệm của phía CSVN. Phần này có tính cách lịch sử, được giải đáp với một hiểu biết khá tinh tường của một quân nhân tham gia từ đầu cuộc, tính từ 1946. Phần hai, là những vấn đề của người Việt Nam hôm nay, trong nước cũng như ngoài nước, từ các nhận xét về cộng đồng người Việt hải ngoại đến việc sử dụng lá cờ, từ việc đánh giá sự "đổi mới" trong nước đến nhận định về tương lai của đảng CS Việt Nam... Với cương vị của ông Bùi Tín hiện tại, một số vấn đề đặt ra khá gai góc cho ông, nhưng ông đã bình tĩnh, không tránh né, đề cập cặn kẽ từng việc với một cái nhìn khá trong sáng và hợp lý. Đạt được điều này là do ông có một tầm hiểu biết và nhận thức rộng, nhưng quan trọng hơn cả có lẽ là do cái tâm rất thành thật của ông đối với vận mệnh của người dân và đất nước Việt Nam.

Nhan đề cuốn sách, *Mây Mù Thế Kỷ*, là để ám chỉ chủ nghĩa Cộng sản, ví nó như một đám mây mù ám ảnh nhân loại suốt thế kỷ 20. Nhiều mảnh trời rộng lớn trên thế giới ngày nay đã trở nên quang rạng vì mây đã tan, nhưng riêng Việt Nam rủi thay bầu trời hãy còn u ám. Những ý kiến về nhiều vấn đề khác nhau của ông Bùi Tín trong cuốn sách này vừa giúp tìm hiểu rõ thêm về đám mây đó, vừa giúp tìm cách xua tan nó đi.

Một Đóa Sen Hồng

CD nhạc của **Trọng Nghĩa và Mộng Lan**, do chính các tác giả thực hiện và sản xuất. Liên lạc: Trọng Nghĩa & Mộng Lan, P.O. Box 832 Artesia CA 90702 USA. Tel: (714) 901-5946.

Cặp vợ chồng nghệ sĩ Trọng Nghĩa và Mộng Lan đã mang tài năng và đạo tâm của mình để sáng tác và trình diễn những nhạc phẩm Phật giáo vào đĩa CD để ra mắt mừng lễ Phật Đản năm nay. Mười bài, sáu bài do Mộng Lan, bốn bài do Trọng Nghĩa, phổ thơ của Ngô Hưng, Thái Tú Hạp, Huệ Thu, Tuệ Nga, Huyền Không, Trụ Vũ và Thanh Trí Cao, tất cả đều do hai người hát lấy với phần hòa âm do nhạc sĩ Đức Khánh soạn. Các bài thơ đều cảm hứng từ Phật giáo, có thể là tình cảm thân thương

và mộc mạc của một người đi xa nhớ về ngôi chùa làng của mình, hoặc những khám phá tự thân về nỗi vô thường của cuộc đời, hoặc trạng thái của một kẻ lên chùa *Tôi quỳ trước mặt trang kinh, Thấy tâm ẩn hiện, thấy mình phiêu phiêu*. Nhạc đạo là một thế giới riêng, không giống như "nhạc đời" ai cũng có thể chia sẻ được. Người hát nhạc đạo mà không có đạo tâm thì làm sao diễn đạt ý tình trong đó? Trọng Nghĩa và Mộng Lan có cái may mắn là mình tự trình bày lấy nhạc phẩm của mình, nên trong đĩa nhạc này chúng ta có thể cảm nhận được những nét chân thành nhất từ nét nhạc đến lời hát, điều mà không phải ai làm CD cũng có thể thực hiện được.

Đảnh Lễ Mười Phương và Thiền Trà

hai CD ca nhạc của **Võ Tá Hân**, Eastern Music - Singapore sản xuất. Liên lạc: No 1 Shenton Way, #09-05, Singapore 068803; tel: (65)226-2798. Hoặc: P.O. Box 420843, San Diego, CA 92124 - USA; tel: (619) 538-1165.

Cả hai CD đều là ca khúc do Võ Tá Hân viết. *Đảnh Lễ Mười Phương* là một đĩa nhạc đặc biệt, được ghi chú là Nhạc lễ Phật giáo, gồm các "ca khúc" tác giả phổ nhạc từ những bài kinh, bài chú như Niệm Hương, Cúng Hương Tán Phật, Kỳ Nguyện, Quán Tưởng, Đảnh Lễ, Sám Hối Phát Nguyện v.v... do các giọng ca Bảo Yến, Bích Hồng, Trung Hậu, Ngọc Quỳnh, Quốc Dũng và Kim Tuấn trình bày. Phổ nhạc, hòa âm và trình bày rất lạ và rất khéo, khi nghe vẫn thỏa mãn về phương diện du dương, hòa điệu của âm thanh mà vẫn biết là mình đang nghe một bài kinh. Xét cho cùng thì một bài kinh nghe tụng ở chùa cũng là một bài nhạc với âm thanh lên bổng xuống trầm và tiếng chuông tiếng mõ đệm giữ nhịp. Nay chỉ cần cách điệu lên một chút, đàn trống thế chuông mõ, dòng nhạc lên xuống phong phú hơn để diễn tả lời kinh, nhưng rõ ràng tác giả đã tạo nên được một thế giới âm thanh mới, rất mới trong lễ nhạc Phật. Các bài kinh được đàn hát chuyên chở bỗng như có một tác động mới vào tâm thức người nghe, chẳng hạn như bài Chú Vãng Sanh, một nét nhạc lạ, thôi thúc, gây một âm hưởng thâm trầm. Phổ nhạc kinh: một sáng kiến thật mới mẻ, nhưng điều quan trọng là Võ Tá Hân đã đưa kinh Phật vào một cách diễn đạt khác với tụng niệm, vừa làm thỏa mãn cảm quan vừa đưa trực tiếp nội dung của kinh vào lòng người nghe.

Thiền Trà là tên CD gồm mười ca khúc phổ tám bài thơ của Thích Nhất Hạnh và hai bài thơ của Thích Quảng Thanh, do Thùy Dung, Trung Hậu, Bảo Yến, Bích Hồng, Ngọc Quỳnh, Quốc Dũng, Kim Tuấn trình bày.

Tình Yêu Trong Tiếng Thơ

CD ngâm thơ của **Bích Ty** và **Hà Phương** do Bích Ty thực hiện. Không ghi giá bán. Liên lạc: Bích Ty Productions, 9718 S. 93rd Ave. Tulsa, OK 74133, USA; tel: (918) 250-4844. Hoặc: Ca Dao Productions, 10161 Bolsa Ave. # 104A Westminster, CA 92683, USA; tel: (714) 775-0425.

Với nhan đề như trên, dĩ nhiên các bài thơ trong CD này là những bài thơ tình, mà của những tác giả hầu hết đã nổi tiếng từ lâu: Lưu Trọng Lư, Đinh Hùng, Nguyên Sa, Cung Trầm Tưởng, Du Tử Lê, Thái Tú Hạp... Một bài thơ hay khi được diễn ngâm với một giọng có khả năng diễn cảm cao, đàn sáo đệm có nghệ thuật, có lẽ là nhu cầu cho những người yêu thơ ngày nay. Đọc thơ tình bằng mắt, hoặc tự ngâm nga lấy, nhiều khi không đủ để thưởng thức trọn vẹn cái hay. Vai trò người trình diễn vẫn rất cần trong lãnh vực thơ, nhất là trong thời đại mà phương tiện nghe đã thành quá phổ biến như ngày nay. Đến văn xuôi cục mịch như thế mà người ta còn làm băng làm đĩa để thưởng thức, huống hồ là thơ, tự nó đã đầy nhạc tính, và có thể quyện lấy tiếng nhạc tự nhiên như nước với sữa. Hai giọng ngâm Bích Ty và Hà Phương, một nữ một nam, là những giọng ngâm hay, có kỹ thuật và có hồn. Việt Nam lại có nhiều lối ngâm thơ phong phú, mỗi loại gây một âm hưởng riêng, cả hai nghệ sĩ diễn ngâm đều nắm vững để khai thác trong các bài trình diễn của mình, lại được tiếng sáo của Ngọc Nôi, tiếng dương cầm của Nguyễn Hiền, đàn tranh của Bích Thuận, đàn bầu của Thái Lâm réo rắt nâng đỡ, làm cho tiếng thơ càng thêm phong phú.●

Quý vị và các bạn yêu Thơ
xin hãy tìm mua

Băng thơ BÍCH TY 3

với chủ đề

"Tình Yêu Trong Tiếng Thơ"

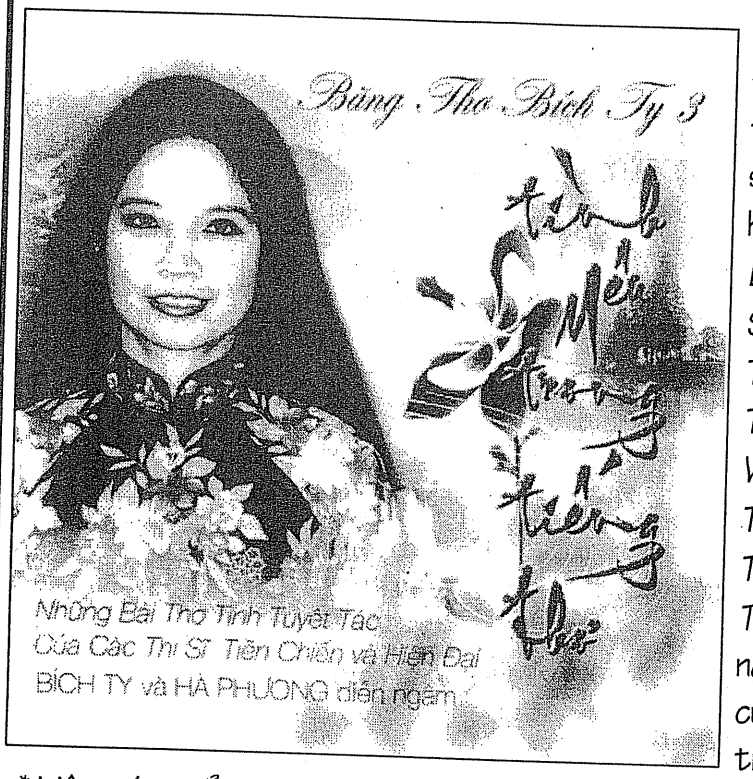

* Một sự kết hợp và tuyển chọn những bài thơ tình lãng mạn của các thi sĩ nổi tiếng tiền chiến và hiện đại: Đinh Hùng, Lưu Trọng Lư, Nguyên Sa, Nhất Tuấn, Cung Trầm Tưởng, Nguyễn Tất Nhiên, Nguyễn Vĩnh Châu, Du Tử Lê, Thái Tú Hạp, Trần Thiện Hiệp, Dạ Sỹ, Thái Thụy Vy... qua giọng ngâm thật truyền cảm của Nữ Nghệ Sĩ **Bích Ty** và trầm ấm của **Hà Phương.**

* Một tác phẩm văn nghệ rất **"Thơ"**, đặt nặng về nghệ thuật, tốn nhiều công trình nghiên cứu và biên soạn với sự cộng tác về tài nghệ âm nhạc của Nhạc Sĩ **Nguyễn Hiền** và tiếng sáo độc đáo **Ngọc Nôi.**

* Trình bày trang nhã, dễ thương. Là món quà đầy ý nghĩa để gửi tặng bạn hữu và những người thân yêu.

* Một tác phẩm văn nghệ đầy tính chất nghệ thuật để thưởng thức và lưu trữ làm tài liệu.

ĐẠI DIỆN PHÁT HÀNH
CA DAO *Production*
10161 Bolsa Ave., #104A,
Westminster, CA 92683
Tel. & Fax: (714) 775-0425

THƯ TỪ LIÊN LẠC:
BÍCH TY *Production*
9718 S. 93 Rd. E. Ave.
Tulsa, OK. 74133
Tel. & Fax: (918) 250-4844

CẦN CÓ CĂN BẢN ANH VĂN VỮNG CHẮC ĐỂ

THÀNH ĐẠT Ý MUỐN

TRAU GIỒI ANH NGỮ NHANH NHẤT BẰNG PHƯƠNG PHÁP TÂN TIẾN

MODERN ENGLISH

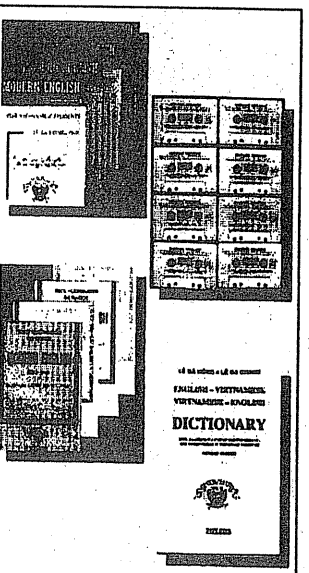

Kinh nghiệm hơn 40 năm của giáo sư Lê Bá Kông đã được tập trung để soạn bộ sách Modern English. Bộ sách rất giá trị này đã được các nhà chuyên môn ngữ học Việt và ngoại quốc khen ngợi. Bộ gồm 4 cuốn giáo khoa từ sơ cấp đến hoàn bị, 4 cuốn hướng dẫn để tự học, và 8 cassettes C-90, giọng cô Ruth Ascher, xướng ngôn viên New York, hướng dẫn phát âm điêu luyện, hơn hẳn những phương pháp khác. Phần văn phạm và cú pháp căn bản vững vàng, hợp với người Việt, được giảng giải cặn kẽ, mạch lạc, dễ hiểu và đầy đủ. Các bài tập nhằm vừa áp dụng những điểm mới học, vừa ôn lại thường xuyên những điều đã học. Bài vở nhằm giúp học viên vui học.

Sau đây là một số thư từ, khen ngợi cũng như tâm sự, chúng tôi đã nhận được trong những năm qua. Ý nguyện của giáo sư Lê Bá Kông là tiếp tục phục vụ đồng bào đồng hương.

Chúng tôi nhận thấy sách này học dễ hơn các thứ sách khác, nó dễ là vì phù hợp với trình độ của chúng tôi và lối phiên âm nó dễ theo giọng người Việt của mình. - TVD

Những chữ mà Thầy dậy chúng tôi thuở nhỏ, theo thời gian tàn tạ, chúng tôi gần như quên hết. Trí nhớ của chúng tôi lúc này như tỉnh như mơ ... nhận được sách của Thầy quý báu sẽ cho chúng tôi hồi sinh và có thêm nghị lực để sống nơi quê hương mới. - NQ

Rất hay và hữu ích cho việc học tiếng Anh và đa số các bài học đều chọn lọc và có giá trị rất cao ... Con cũng đã giới thiệu bộ sách giáo khoa của Thầy với một số bạn bè ở đây để họ có cơ hội học hỏi và nâng cao trình độ ngoại ngữ. - LTNS

Sự đóng góp không nhỏ vào gia tài văn học của nước nhà, sự đào tạo của quí giáo sư cho thế hệ trẻ Việt Nam trong những thập niên qua đã làm cho mọi người Việt Nam trong nước dù kẹt dưới chế độ gông cùm Cộng sản Việt Nam hay di tản khắp năm châu hiện nay thật rất ngưỡng mộ. - NHT

Những ngày trong lao tù cải tạo chữ nghĩa bay theo mây theo gió, hay nói một cách khác "đã trả lại Thầy" ... Cơ trời run rủi, đến được đất Mỹ, nhưng không nói được tiếng Mỹ, thật buồn cho thân phận ... Thấy có bộ sách học Anh văn Modern English của Thầy, vui mừng hết sức vì như vậy có cơ hội và điều kiện dễ dàng để học lại Anh văn. Coi như đã đạt thành ước nguyện. - TCT

Các cháu đang học bộ Modern English. Rất có triển vọng tiến bộ nhiều . - NTĐ

Bộ sách này mà anh gửi về bên nhà, thì giúp ích rất nhiều cho những ai muốn học Anh ngữ. Cộng đồng Việt Nam ở Mỹ thật là may mắn có ông thầy như anh để hướng dẫn thật là quý hóa vô cùng. - PMC

Đối với tôi, những công trình của giáo sư cống hiến cho dân tộc rất to lớn. Tôi là một phần tử được hưởng những kết quả tuyệt vời của giáo sư đã dày công và cần mẫn sáng tác. - NNC

Vấn đề học Anh ngữ đối với tôi thật khó khăn vì tuổi đã lớn rồi, học ít nhớ. Hơn nữa thì lo làm để kiếm sống vất vả lắm ... Nhưng điều buồn là sống ở xứ người mà không biết nói tiếng người, nghe được người ta nói nhiều lúc thấy xấu hổ. - NU

Bộ sách của Thầy sẽ thay Thầy để tiếp tục chỉ dạy cho em và chắc chắn kết quả sẽ hoàn toàn mỹ mãn như ý muốn. - TCT

Một lần nữa chúng tôi xin chân thành cảm tạ giáo sư. Giáo sư đã tốn nhiều công lao soạn bộ sách Modern English thật vĩ đại, thật vô cùng cần thiết không những cho lớp trẻ mà cho cả lớp già như chúng tôi, cho những ai muốn học Anh văn thật căn bản . - NĐB

Giá cho toàn bộ **Modern English** là **US$99.**

Giá đặc biệt khi mua chung bộ **Modern English** và bộ **TỰ ĐIỂN ANH-VIỆT & VIỆT-ANH**, loại mới, hơn 900 trang, chữ lớn, đặc biệt có 2 lối phiên âm Quốc Tế và Ziên Hồng (phát âm tiếng Anh theo vần Quốc ngữ ta), bìa bọc plastic, là **US$120.**

Canada xin thêm 10%, các nước khác xin thêm 20% cho cước phí.

Zieleks Company Inc.
(Ban Tu Thư Ziên Hồng)
2109 Kilkenny Dr. - Dept. TK
Pearland, TX 77581, USA
(281) 481-3783
Xin gửi check hay money order
Có nhận credit card

VANCO FOODS
SUPERMARKET
10932 WESTMINSTER AVE.,
GARDEN GROVE, CA 92843
Tel: (714) 530-2999

VANCO FOODS
SUPERMARKET
16042 MAGNOLIA AVENUE
FOUNTAIN VALLEY, CA 92708
Tel: (714) 843-1818
Fax: (714) 843-1816

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET
9822 BOLSA AVE., WESTMINSTER, CA 92683
Tel: (714) 531-7272

CHƯƠNG TRÌNH CHÌA KHÓA VÀNG TIẾT KIỆM
YOUR GOLDEN KEY TO SAVINGS

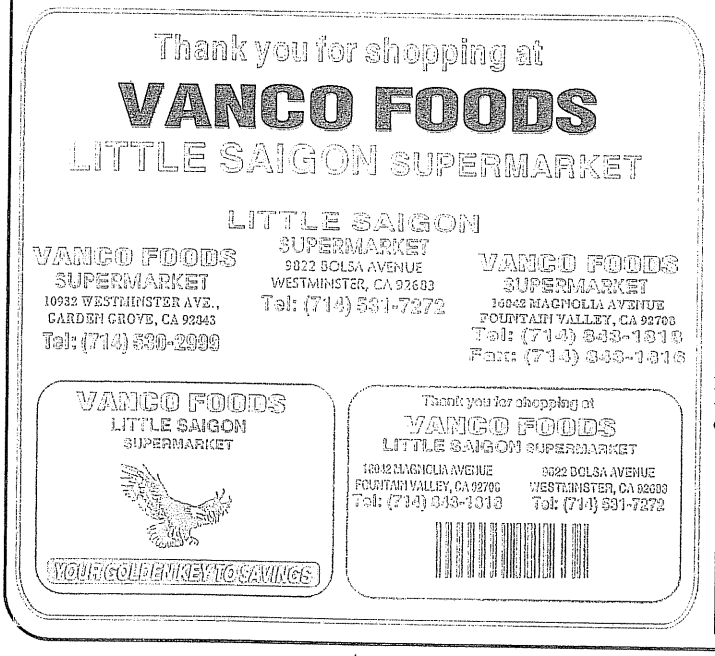

Quyền lợi của quý khách với Chìa Khóa Vàng:

* Được mua các mặt hàng với giá thật đặc biệt chỉ dành riêng cho người có thẻ.
* Được tham dự mọi cuộc xổ số do công ty thường xuyên tổ chức với nhiều giải thưởng giá trị.
* Được giảm giá khi đi ăn tại các nhà hàng AA Buffet thuộc công ty.
* Được giảm giá khi mua thức ăn tại các tiệm Thuy's Food To Go.
* Được giảm giá khi mua Cellular Phone hay Beeper tại các tiệm PageTek.

Xin mời quý khách ghé đến các chợ Vanco Foods và Little Saigon để điền đơn tham dự chương trình tiết kiệm rất hấp dẫn này.

HÀNG TRĂM MẶT HÀNG SALE ĐẶC BIỆT DÀNH CHO QUÝ KHÁCH ĐƯỢC NIÊM YẾT TẠI CÁC CHỢ LITTLE SAIGON, VANCO FOODS GARDEN GROVE VÀ FOUNTAIN VALLEY.

Trong Khu Chợ có:

PAGETEK EXPRESS
Tel: (714) 843-0440
Bán, sửa chữa, mở đường dây các loại Cellular Phone và Pager với giá thật đặc biệt.

THUY'S FOOD TO GO
9092 Edinger Ave., Fountain Valley, CA 92708.
Tel: (714) 843-9926.
Bán bánh mì thịt, cà phê và hàng trăm món ăn chay, mặn. **ĐẶC BIỆT:** Trong thời gian khai trương mua $5.00 tặng $1.00.

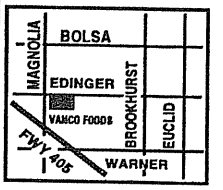

BÁN LẺ RẺ NHƯ BÁN SỈ

PRESORTED
STANDARD
U.S. POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

24 HOURS

BAIL BONDS SERVICE

ANY BAIL

TOLL FREE 1-888-499-BAIL (2245)

ANY JAIL

Lic# BAIC20895

ĐÓNG TIỀN RA TÙ

IMMIGRATION BONDS

Tuấn V. Hồ

- Our agent Will Come To You
- Easy Credit Available (O.A.C.)
- Agent On Duty 24 Hrs.
- Freedom Is Just A Phone Call Away
- Immediate Jail Release Assistance
- Lowest Rates 8%

- Có Nhân Viên Chúng Tôi Đến Gặp Quý Vị
- Thế Chân Dễ Dãi
- Chúng Tôi Có Nhân Viên Trực 24/24
- Tự Do chỉ Trong Chốc Lát Qua Đường Dây Điện Thoại
- Có Luật Sư Chuyên Lo Ra Tù Gấp

Vanessa

VISA MasterCard

1227 W. 17th St, Suite#200
Santa Ana, CA 92706
(714) 899- 6858

18546 Sherman Way.,Suite #105
Reseda, CA 91335
(818) 757- 0222

Ấn Phí: Năm Mỹ Kim